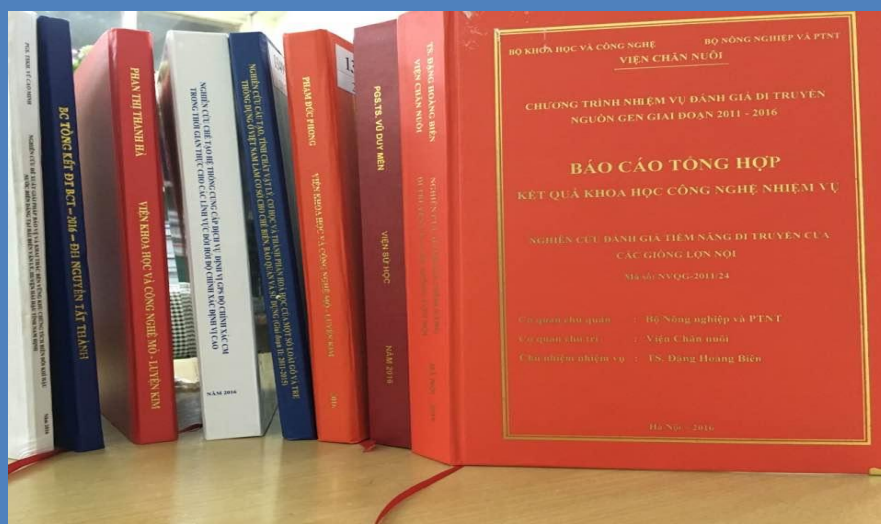


# THÔNG BÁO

## KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 11 (2023)



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ  
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA  
National Agency for Science and Technology Information

**THÔNG BÁO**  
**KẾT QUẢ THỰC HIỆN**  
**NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**  
**(Định kỳ 01 số/tháng)**

**BAN BIÊN TẬP**

*Trưởng ban:* THS. VŨ ANH TUẤN  
*Phó Trưởng ban:* ThS. Võ Thị Thu Hà  
*Ủy viên thư ký:* ThS. Nguyễn Thị Thưa  
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu  
CN. Nguyễn Thu Hà

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	2
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	10
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	236

## LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”***.

Xuất bản phẩm ***“Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ”*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 01 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

**CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

***Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội***

**ĐT: (024) 3934-9116- Fax: (024) 3934-9127- E-mail: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)**

**Website: <http://www.vista.gov.vn/>**

## GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

❶
❷
❸
❹

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước/ ThS. Lê Nguyễn Bông, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuấn; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hương - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

❺
❻
❼
❽
❾

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyên đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ———❿

Số hồ sơ lưu: 19779

❶	Mã biểu ghi trong CSDL
❷	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
❸	Tên nhiệm vụ
❹	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
❺	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
❻	Cấp nhiệm vụ
❼	Nơi viết báo cáo
❽	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
❾	Năm viết báo cáo
❿	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP  
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

<b>1. Khoa học tự nhiên .....</b>	<b>10</b>
10101. Toán học cơ bản.....	11
10102. Toán học ứng dụng .....	13
10199. Toán học và thống kê khác .....	17
10202. Khoa học thông tin.....	18
10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học.....	18
10303. Vật lý hạt và trường .....	18
10305. Vật lý plasma và chất lỏng.....	20
10306. Quang học .....	21
10309. Khoa học vũ trụ.....	22
10399. Khoa học vật lý khác .....	23
10401. Hoá hữu cơ.....	23
10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân).....	24
10501. Địa chất học .....	24
10505. Địa hóa học .....	25
10508. Trắc địa học và bản đồ học .....	26
10509. Các khoa học môi trường.....	26
10511. Khí hậu học.....	27
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước.....	28
10607. Nấm học.....	30
10611. Thực vật học .....	30
10612. Động vật học.....	31
10613. Sinh học biển và nước ngọt .....	31
10614. Sinh thái học .....	32
10615. Đa dạng sinh học.....	32
10616. Công nghệ sinh học.....	33
<b>2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....</b>	<b>33</b>
20102. Kỹ thuật xây dựng.....	37

20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị .....	45
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải.....	47
20105. Kỹ thuật thuỷ lợi .....	49
20106. Kỹ thuật địa chất công trình.....	51
20201. Kỹ thuật điện và điện tử.....	52
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.....	53
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông.....	55
20205. Viễn thông.....	57
20206. Phần cứng và kiến trúc máy tính .....	59
20207. Cơ điện tử; hệ vi cơ điện tử (MEMS),.....	60
20302. Chế tạo máy nói chung .....	60
20304. Chế tạo máy động lực .....	61
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp .....	61
20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông .....	62
20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ.....	64
20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thuỷ .....	64
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng .....	64
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân.....	65
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm) .....	66
20403. Kỹ thuật hoá dược.....	68
20404. Kỹ thuật hoá vô cơ.....	70
20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ.....	72
20506. Luyện các chất bán dẫn.....	73
20507. Vật liệu xây dựng.....	73
20509. Vật liệu kim loại .....	85
20510. Gốm.....	85
20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ .....	85
20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)	86
20513. Gỗ, giấy, bột giấy.....	89
20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp .....	89

20515. Vật liệu tiên tiến.....	90
20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác; .....	91
20601. Kỹ thuật và thiết bị y học.....	92
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật .....	92
20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt).....	97
20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí.....	98
20706. Kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển.....	98
20708. Kỹ thuật bờ biển.....	99
20799. Kỹ thuật môi trường khác .....	100
20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học. ....	101
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất) .....	101
21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209) .....	102
21099. Công nghệ nano khác.....	103
21101. Kỹ thuật thực phẩm.....	103
21102. Kỹ thuật đồ uống.....	104
21199. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống khác .....	105
299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác .....	106
<b>3. Khoa học y, dược.....</b>	<b>106</b>
30202. Sản khoa và phụ khoa .....	108
30203. Nhi khoa.....	109
30210. Chấn thương, Chỉnh hình.....	110
30212. Y học hạt nhân và phóng xạ; chụp ảnh y học .....	110
30219. Tiêu hoá và gan mật học .....	111
30220. Niệu học và thận học .....	111
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư.....	111
30224. Tâm thần học .....	113
30228. Y học tổng hợp và nội khoa.....	113
30308. Bệnh truyền nhiễm.....	114

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc.....	115
30404. Hoá dược học .....	116
30405. Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất học (bao gồm cả độc chất học lâm sàng).....	117
30499. Dược học khác .....	117
30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (dược phẩm trên cơ sở gen).....	117
<b>4. Khoa học nông nghiệp .....</b>	<b>118</b>
40101. Nông hoá.....	133
40102. Thổ nhưỡng học.....	133
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm .....	134
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....	137
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc.....	143
40106. Bảo vệ thực vật .....	148
40107. Bảo quản và chế biến nông sản.....	150
40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác.....	151
40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi .....	155
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi .....	157
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi .....	158
40205. Bảo vệ động vật nuôi .....	159
40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác .....	160
40402. Tài nguyên rừng.....	160
40403. Quản lý và bảo vệ rừng.....	162
40405. Giống cây rừng .....	163
40407. Bảo quản và chế biến lâm sản.....	163
40501. Sinh lý và dinh dưỡng thủy sản .....	164
40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản .....	164
40503. Bệnh học thủy sản.....	167
40504. Nuôi trồng thủy sản.....	168
40507. Bảo quản và chế biến thủy sản .....	172



40599. Khoa học công nghệ thuỷ sản khác .....	172
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi; .....	173
40602. Các công nghệ tế bào trong nông nghiệp .....	174
499. Khoa học nông nghiệp khác .....	175
<b>5. Khoa học xã hội .....</b>	<b>176</b>
50101. Tâm lý học nói chung .....	183
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh .....	183
50202. Kinh doanh và quản lý .....	187
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác .....	192
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.....	195
50302. Giáo dục chuyên biệt .....	199
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác .....	200
50401. Xã hội học nói chung .....	202
50402. Nhân khẩu học .....	203
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	204
50499. Xã hội học khác .....	208
50501. Luật học .....	208
50599. Các vấn đề pháp luật khác .....	213
50601. Khoa học chính trị.....	214
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	217
50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị .....	217
50699. Khoa học chính trị khác .....	219
50702. Địa lý kinh tế và văn hoá .....	220
50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị .....	221
50799. Địa lý kinh tế và xã hội khác .....	225
50802. Thông tin học .....	226
50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội.....	227
599. Khoa học xã hội khác.....	227
<b>6. Khoa học nhân văn.....</b>	<b>228</b>
60102. Lịch sử thế giới; Lịch sử từng nước, từng vùng; từng khu vực.....	229

60206. Nghiên cứu văn học từng dân tộc, từng nước, khu vực khác .....	230
60301. Triết học .....	230
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ.....	231
60305. Nghiên cứu tôn giáo.....	232
60399. Các vấn đề của triết học và tôn giáo khác .....	235
699. Khoa học nhân văn khác.....	235

## THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

### 1. Khoa học tự nhiên

88336. 11-2023 **Đánh giá trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long/** PGS, TS. Quan Minh Nhật; ThS. Võ Thị Ánh Nguyệt; TS. Trương Quốc Định; PGS, TS. Huỳnh Trường Huy; PGS, TS. Nguyễn Tuấn Kiệt; TS. Ngô Anh Tuấn; TS. Trương Quốc Bảo; TS. Bùi Thị Kim Thanh; ThS. Lê Kim Thanh; KS. Vũ Thanh Tâm; KS. Lưu Văn Lợi - Vĩnh Long - Trường Đại Học Cần Thơ, 2023; 05/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được trình độ và năng lực công nghệ sản xuất của các doanh nghiệp ngành chế biến – chế tạo, đồng thời có định hướng cũng như những giải pháp phù hợp nâng cao trình độ công nghệ cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực nghiên cứu trên địa bàn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI004.2023-0000280

89392. 11-2023 **Nhân rộng mô hình nuôi tôm sú (*Penaeus monodon*) quảng canh cải tiến hai giai đoạn kết hợp cá đối mục (*Mugil cephalus*) trên địa bàn huyện Năm Căn./** Ths. Nguyễn Nghi Lễ; Ks. Trần Bích Tú; Ks. Hồ Tân Lập; Ks. Mai Thanh Phong; Ks. Nguyễn Thị Nhớ - Phòng Nông

ng nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Năm Căn - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Năm Căn, 2023; 11/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả dự án đã góp phần tạo ra sự đa dạng về đối tượng và loại hình nuôi, cải thiện được những diện tích nuôi tôm kém hiệu quả giảm tác động xấu của nghề nuôi đối với môi trường, mang lại sản phẩm hàng hóa tốt phong phú, nhằm chủ động phục vụ tốt cho nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, phát triển nghề nuôi một cách hiệu quả và bền vững. Góp phần giải quyết việc làm cho lực lượng lao động và lao động nhàn rỗi ở địa phương một cách thiết thực và hiệu quả, cũng như thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhà và đồng thời đóng góp tích cực vào tiêu chí về thu nhập trong quá trình thực hiện nông thôn mới ngày nay ở địa phương.

Số hồ sơ lưu: CMU-2023-012

89394. 11-2023 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển một số mô hình phi nông nghiệp theo chuỗi liên kết sản xuất góp phần giải quyết việc làm cho phụ nữ nông thôn tỉnh Cà Mau./** Ths. Lê Khánh Linh, Ths. Trần Thị Kiều Yên; Cn. Nguyễn Thị Ngọc Thúy; Ths. Trần Kim Thúy; Ths. Nguyễn Chánh Nhân; Ths. Trần Thị Tùng; Ths. Nguyễn Thị Khả Uyên; Ts. Lê Nhị Bảo Ngọc; Ths.

Nguyễn Thị Thanh Hương. - Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Cà Mau - Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Cà Mau, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiện trạng sản xuất của một số mô hình sản xuất phi nông nghiệp (mô hình làng nghề truyền thống và mô hình sản xuất mới) của nông thôn tỉnh Cà Mau đang hoạt động. Đề xuất những mô hình phi nông nghiệp (mô hình làng nghề truyền thống và mô hình sản xuất mới) hoạt động theo chuỗi liên kết, có hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội tại tỉnh Cà Mau. Đề xuất giải pháp phát triển một số mô hình phi nông nghiệp theo chuỗi liên kết sản xuất nhằm nâng cao đời sống, nâng cao cơ hội tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, giải quyết việc làm, vấn đề an sinh xã hội cho lao động nông thôn tại tỉnh Cà Mau

Số hồ sơ lưu: CMU-2023-013

89412. 11-2023 **Chuyển giao công nghệ sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo làm nguyên liệu để sản xuất các loại sản phẩm có ích cho người tiêu dùng/** Ks. Huỳnh Thị Ngọc Diễm; Ks. Trịnh Minh Quang; Ks. Trần Thị Như Ý - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng tỉnh Cà Mau - Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Cà Mau, 2023; 02/2022 - 05/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo thành công góp phần đa dạng hoá đối tượng nuôi, tạo ra sản phẩm có chất lượng phục vụ cho tiêu thụ

trong tỉnh và ngoài tỉnh. Mở ra hướng đi mới cho phát triển nghề nuôi trồng nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Hiệu quả về kinh tế của dự án là không lớn, tuy nhiên Trung tâm làm chủ được quy trình sản xuất trồng nấm Đông trùng hạ thảo với năng suất, chất lượng cao.

Số hồ sơ lưu: CMU-2023-014-TH

### 10101. Toán học cơ bản

87842. 11-2023 **Thuật toán cho bài toán tối ưu tổ hợp và các vấn đề có liên quan/** TS. Nguyễn Trung Kiên, TS. Nguyễn Thư Hương; TS. Nguyễn Thanh Hùng; TS. Phạm Thị Vui; TS. Lê Phương Thảo - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tính chất nghiệm của các bài toán tối ưu tổ hợp bao gồm bài toán tối ưu với hàm  $k$ max (lấy giá trị lớn thứ  $k$ ), các dạng khác nhau của bài toán xếp ba lô (knapsack problem), bài toán vị trí với  $p$  vị trí mới. Từ đó, rút ra được điều kiện tối ưu cho từng bài toán. Trong bài toán tối ưu tổ hợp ngược, ta cố gắng thay đổi các tham số với sai khác nhỏ nhất ứng với hàm mục tiêu sao cho nghiệm được xác định trước thỏa mãn điều kiện tối ưu ứng với tham số mới. Vì vậy, việc nghiên cứu tính chất của các hàm mục tiêu, hay còn gọi là hàm chi phí, là chìa khóa để giải quyết bài toán tối ưu tổ hợp ngược. Nghiên cứu các giải thuật thường gặp của bài toán tối ưu tổ hợp như giải thuật tham lam, giải

thuật phân đôi, quy hoạch động... nhằm áp dụng giải quyết một số bài toán đã nêu trong thời gian đa thức. Nghiên cứu các bài toán kinh điển thuộc lớp NP-đầy đủ để có thể đưa một bài toán tối ưu tổ hợp về một bài toán trong lớp này. Từ đó, ta có thể chứng minh được tính chất NP-khó của một số mô hình đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 22295

**87873. 11-2023 Các thuật toán giải bài toán cân bằng hai cấp và ứng dụng/** PGS. TS. Phạm Ngọc Anh, TS. Nguyễn Đức Hiền; TS. Trần Văn Thắng; ThS. Trần Thị Hoàng Anh; ThS. Hoàng Thị Cẩm Thạch; TS. Nguyễn Kiều Linh - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu một số phương pháp giải bài toán cân bằng hai cấp và một số dạng đặc biệt của nó như bài toán bất đẳng thức biến phân trên tập nghiệm của bài toán cân bằng và ứng dụng mở rộng cho một số lớp bài toán cân bằng trên tập nghiệm của bất đẳng thức biến phân. Đòi thời giải bài toán cân bằng trên tập nghiệm bài toán bất đẳng thức biến phân. Đề xuất ứng dụng cho dạng đối ngẫu của lớp các bài toán cân bằng hai cấp. Tính toán ứng dụng vào các mô hình cân bằng Nash, mô hình định tuyến tối ưu mạng truyền thông và một số mô hình khác.

Số hồ sơ lưu: 22282

**87878. 11-2023 Hình học của ánh xạ đa thức và một số vấn đề liên quan/** TS. Đinh Sĩ Tiệp, TS. Hồ

Minh Toàn; PGS. TS. Nguyễn Tất Thắng - Hà Nội - Viện Toán học, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu một số tính chất hình học và tô pô của các ánh xạ đa thức. Thiết lập dạng toàn cục của bất đẳng thức Lojasiewicz về so sánh cấp tăng của cặp đa thức thuận tiện và không suy biến tại vô hạn với giả thiết tập không điểm của hàm thứ nhất chứa trong tập không điểm hàm thứ hai. Chỉ ra ảnh của tập lời đóng qua ánh xạ tuyến tính đủ tổng quát vẫn là tập đóng. Đưa ra một lớp tập nửa đại số không bị chặn mà có thể biểu diễn đa thức dương (ma trận đa thức xác định dương) và bị chặn trên các tập đó. Nghiên cứu bài toán Moment chặt chẽ. Phát triển các quả biểu diễn đa thức dương cho ma trận đa thức xác định dương.

Số hồ sơ lưu: 22240

**87888. 11-2023 Phương trình đạo hàm riêng trong không gian phức nhiều biến/** PGS. TS. Trần Vũ Khanh, TS. Trần Duy Hiến; TS. Đâu Thế Phiệt; KTV. Võ Thị Thuỳ Trang - Hà Nội - Trường Đại học Tân Tạo, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tính chính quy hoá của nghiệm của phương trình đạo hàm riêng trong không gian phức nhiều biến như bài toán D-bar, bài toán D-bar-Neumann, phương trình Kohn-Laplace với các loại dữ liệu cho trước khác nhau và trên các miền hình học khác nhau. Ngoài ra, cũng ứng dụng tính chính quy

hoá của nghiệm vào lý thuyết toán tử như ước lượng toán tử Toeplitz và các bài toán về học máy trong tài chính.

Số hồ sơ lưu: 22233

89219. 11-2023 **Phương trình đạo hàm riêng kiểu Choquard và Kirchhoff/** TS. Lê Phương, ThS. Huỳnh Nhật Vỹ - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật, 2023; 10/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu về sự tồn tại, không tồn tại và tính duy nhất nghiệm của phương trình đạo hàm riêng elliptic kiểu Choquard và Kirchhoff. Đây là các phương trình elliptic phi địa phương quan trọng trong lý thuyết và ứng dụng của phương trình đạo hàm riêng và thu hút được sự quan tâm lớn của cộng đồng nghiên cứu toán trong những năm gần đây

Số hồ sơ lưu: 22777

### 10102. Toán học ứng dụng

87800. 11-2023 **Liên thông phẳng và ứng dụng trong số học và lý thuyết biểu diễn/** GS.TS. Phùng Hồ Hải, TS. Nguyễn Đại Dương; TS. Nguyễn Lương Thái Bình; ThS. Phạm Thanh Tâm - Hà Nội - Viện Toán học, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cấu trúc của các nhóm cơ bản vi phân cho các lược đồ trơn không xạ ảnh trên một vành DVR. Nghiên cứu một số tính chất của nhóm cơ bản Nori cho lược đồ riêng trên một vành các Witt-véc tơ. Nghiên cứu một số tính chất của các

đại số Hopf trên một vành DVR và phép nâng đại số Hopf từ trường đặc số dương lên vành các Witt-vector của trường đó. Nghiên cứu tương ứng giữa các phân thớ với liên thông phẳng và các phân thớ Higgs trên các lược đồ chiều một trên một vành CDVR. Chứng minh công thức Jacobi-Trudi cho các đặc trưng của siêu đại số Lie tuyến tính tổng và tìm sự giải thích cho công thức theo nghĩa của giải BGG.

Số hồ sơ lưu: 22384

87874. 11-2023 **Đối đồng điều Galois trong đại số và lý thuyết số và một số vấn đề liên quan/** PGS. TS. Nguyễn Duy Tân, PGS.TS. Đoàn Trung Cường; TS. Nguyễn Xuân Thọ; ThS. Nguyễn Thị Trà - Hà Nội - Viện Toán học, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đối đồng điều Galois của trường và của nhóm đại số và một số vấn đề liên quan trong đại số và lý thuyết số. Nghiên cứu đối đồng điều Galois của trường: tính chất triệt tiêu của tích Massey và tính Koszul, cũng như áp dụng vào nghiên cứu nhóm Galois tuyệt đối và vào lý thuyết Galois. Nghiên cứu đối đồng điều Galois của nhóm lũy đơn trên trường không hoàn thiện và ứng dụng. Nghiên cứu lọc Zassenhaus và một số lọc khác của nhóm nói chung và nhóm Galois tuyệt đối nói riêng và một số vấn đề liên quan. Nghiên cứu phương trình Diophantine, nguyên lý địa phương toàn cục, cản trở Brauer-Manin. Nghiên cứu một số bất biến số của một trường/đại số

như u-bất biến, chỉ số Pythagoras và liên hệ với tính triệt tiêu của số Betti phân bậc của đa tạp xạ ảnh.

Số hồ sơ lưu: 22260

87881. 11-2023 **Lý thuyết rẽ nhánh ngẫu nhiên và ứng dụng/** PGS. TS. Đoàn Thái Sơn, GS.TSKH. Nguyễn Đình Công; TS. Cán Văn Hảo; TS. Hoàng Thế Tuấn; TS. Phạm Thế Anh; ThS. Lê Viết Cường - Hà Nội - Viện Toán học, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển lý thuyết định tính cho hệ động lực ngẫu nhiên (tức là hệ phụ thuộc thời gian hoặc có các tác động ngẫu nhiên) theo các hướng nghiên cứu mới dựa trên các nền tảng có sẵn. Thách thức lớn nhất trong việc nghiên cứu các hiện tượng trong hệ động lực ngẫu nhiên là việc hiểu cặn kẽ theo quan điểm toán học các dạng điều động lực rất phức tạp. Phát triển các kỹ thuật trong lý thuyết định tính hệ động lực ngẫu nhiên bao gồm các vấn đề về lý thuyết tuyến tính, lý thuyết ổn định, lý thuyết dạng chuẩn tắc và lý thuyết rẽ nhánh & ứng dụng.

Số hồ sơ lưu: 22238

87882. 11-2023 **Kéo dài thời gian hoạt động của mạng Internet vạn vật sử dụng các thuật toán lấy cảm hứng từ tự nhiên/** PGS. TS. Huỳnh Thị Thanh Bình, PGS.TS. Lê Trọng Vĩnh; TS. Nguyễn Phi Lê; PGS.TS. Nguyễn Bình Minh; TS. Nguyễn Khánh Phương; PGS.TS. Bùi Thu Lâm; TS. Nguyễn Thị Tâm; ThS. Trần Thị Hương - Hà Nội -

Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các thuật toán lấy cảm hứng từ tự nhiên và khả năng ứng dụng lớp giải thuật này để giải các bài toán tối ưu hoá năng lượng trong mạng (IoT). Mô hình hoá các bài toán tối ưu hoá năng lượng, kéo dài thời gian sống của mạng IoT với nhiều mục tiêu khác nhau. Đề xuất các thuật toán lấy cảm hứng từ tự nhiên để giải các bài toán tối ưu hoá năng lượng, kéo dài thời gian sống cho các mạng IoT đã được mô hình hoá. Thực nghiệm, phân tích, đánh giá hiệu quả của các thuật toán đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 22271

87885. 11-2023 **Một số bài toán chọn lọc về hệ điều khiển và áp dụng/** PGS. TS. Đinh Công Hương, TS. Nguyễn Hữu Sáu; TS. Mai Việt Thuận; ThS. Đào Thị Hải Yến; Nguyễn Thị Như Ý - Bình Định - Trường Đại học Quy Nhơn, 2023; 10/2020 - 02/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất phương pháp mới để thiết kế các bộ phận quan sát hàm trạng thái cho một số lớp hệ điều khiển bậc nguyên hoặc bậc phân thứ, có trễ, chịu tác động của nhiễu véc tơ đầu ra. Đề xuất một số cơ chế kích hoạt sự kiện và một số phương pháp mới dựa trên các cơ chế này để thiết kế các bộ quan sát hàm trạng thái cho một số lớp hệ điều khiển chịu tác động của nhiễu. Đồng thời thiết lập các thuật toán tính toán tối ưu với độ phức tạp tính toán thấp và

hiệu quả đánh giá cao tương ứng với bài toán quan sát hàm trạng thái. Nghiên cứu đề xuất một số phương pháp mới để thiết kế các khoảng quan sát cho các hàm trạng thái của một số lớp hệ động lực không chắc chắn với bậc nguyên hoặc bậc phân thứ, chịu tác động của các yếu tố trễ thời gian, yếu tố nhiễu từ bên ngoài và các tấn công tàng hình trên các cảm biến.

Số hồ sơ lưu: 22222

87902. 11-2023 **Một số tính chất của ánh xạ nửa đại số và ứng dụng/ GS. TS. Phạm Tiến Sơn, TS. Bùi Văn Định; TS. Đặng Văn Đoạt; TS. Bùi Nguyễn Thảo Nguyên; ThS. Phạm Phú Phát; ThS. Hoàng Phi Dũng; ThS. Nguyễn Cảnh Hùng - Lâm Đồng - Trường Đại học Đà Lạt, 2023; 04/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu một số tính chất (giải tích, hình học) của ánh xạ nửa đại số. Bên cạnh đó, đề tài cũng thiết lập các kết quả mới trong tối ưu nửa đại số. Tìm hiểu một số tính chất của các ánh xạ của nửa đại số. Từ đó áp dụng vào nghiên cứu các bài toán tối ưu nửa đại số. Nghiên cứu bất đẳng thức Lojasiewicz. Nghiên cứu tính đóng của tập nửa đại số. Thiết lập một số kết quả trong tối ưu nửa đại số; Nghiên cứu bài toán bù và bất đẳng thức biến phân với dữ liệu nửa đại số.

Số hồ sơ lưu: 22218

87903. 11-2023 **Một số vấn đề định tính đối với lớp phương trình tiến hóa không địa phương/ PGS.**

TS. Trần Đình Kế, TS. Đỗ Lâm; TS. Nguyễn Văn Đắc; TS. Nguyễn Như Quân - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2023; 10/2020 - 10/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm các điều kiện đảm bảo tính giải được toàn cục và tính chính quy của nghiệm; Tìm điều kiện cho tính ổn định nghiệm; Chứng minh sự hội tụ của nghiệm về điểm cân bằng dưới các điều kiện phù hợp; Nghiên cứu sự tồn tại của các lớp nghiệm đặc biệt như nghiệm phân rã và nghiệm tiệm cận tuần hoàn. Nghiên cứu tính giải được toàn cục và tính chính quy của nghiệm của bài toán Cauchy ứng với lớp phương trình tiến hóa không địa phương.

Số hồ sơ lưu: 22229

87922. 11-2023 **Tối ưu hóa hình học đồng thời của kết cấu tế bào theo hướng in 3D sử dụng các thành phần hình học thích nghi/ TS. Hoàng Văn Nam, GS.TS. Nguyễn Xuân Hùng; TS. Vũ Văn Tuyên - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Mô hình hóa các thành phần hình học thích nghi dưới dạng các tham số hình học. Các tham số hình học này được chiếu lên một hệ lưới phân tử cố định để xác định mật độ phần tử hữu dụng cho việc nội suy các đặc tính của vật liệu. Sử dụng phương pháp số FEM để phân tích kết cấu và thuật toán tối ưu để tối ưu hóa hình học đồng thời của kết cấu tế bào bằng cách tối ưu hóa bộ các tham số hình học. Đề xuất áp dụng để thiết kế các kết cấu tế bào, trong



đó cho phép điều khiển các kích thước lớn nhất, kích thước nhỏ nhất, và kích thước đồng nhất.

Số hồ sơ lưu: 22268

87923. 11-2023 **Phát triển mô hình số sử dụng phương trình Boussinesq mô phỏng sóng tràn qua đê mái nghiêng/ TS. Vũ Văn Nghi, TS. Bùi Thị Thùy Duyên ; ThS. Trịnh Thanh Kiên; ThS. Huỳnh Thanh Thư; GS.TS. Lee Changhoon - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Phát triển mô hình số sử dụng phương trình Boussinesq mô phỏng sóng tràn trường 1 và 2 lớp rộng; Phát triển mô hình số sử dụng phương trình Boussinesq mô phỏng sóng tràn qua đê chắn sóng mái nghiêng trong không gian 2 chiều. Phát triển mô hình số sử dụng phương trình Boussinesq mô phỏng sóng tràn qua đê chắn sóng mái nghiêng trong không gian 3 chiều. Sóng tràn qua đê chắn sóng rộng và sóng tràn trên đê rộng đã được nghiên cứu và mô phỏng . Hai dạng đê rộng được sử dụng trong các nghiên cứu này đang được xây dựng phổ biến ở vùng biển Tây Nam nước ta, đó là đê bằng hàng rào tre và đê bằng 2 hàng cọc bê tông đổ đá học vào giữa . Kết quả mô phỏng bằng các mô hình số trong các nghiên cứu này được so sánh với các kết quả thí nghiệm mô hình vật lý của các tác giả trong nước cũng như mô hình số khác như mô hình SWASH.

Số hồ sơ lưu: 22286

89023. 11-2023 **Nghiên cứu động lực học phi tuyến và ứng dụng trong một số lĩnh vực của cơ kỹ thuật/ TS. Dương Thế Hùng, PGS. TS. Nguyễn Văn Dư; GS. TS. Nguyễn Tiến Khiêm; GS. TS. Trần Văn Liên; PGS. TS. Ngô Như Khoa; TS. Đặng Văn Hiếu - Hà Nội - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Phát triển, hoàn thiện thiết kế, phân tích động lực học phi tuyến ở mô hình tiên định hoặc ngẫu nhiên trong các mô hình cơ học rung động va đập. Phân tích động lực học, cơ chế ứng xử của cơ hệ trong các điều kiện khác nhau ở dạng các bài toán tiên định hoặc ngẫu nhiên. Xác định các giải pháp hữu ích hơn, nâng cao hiệu quả với ứng dụng công nghiệp, nâng cao độ chính xác của chuyển động cho các ứng dụng cơ y sinh.

Số hồ sơ lưu: 22689

89060. 11-2023 **Xấp xỉ tín hiệu với số chiều rất lớn có đầu vào ngẫu nhiên và mạng neuron sâu/ GS. TS. Đinh Dũng, TS. Mai Xuân Thảo; TS. Vũ Công Bằng; TS. Nguyễn Văn Kiên; ThS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Bùi Khắc Thiện - Hà Nội - Viện Công nghệ Thông tin, 2023; 10/2020 - 10/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu các bài toán xấp xỉ tín hiệu với số chiều  $d$  rất lớn hoặc vô hạn có đầu vào ngẫu nhiên bằng các thuật toán khôi phục từ giá trị lấy mẫu trên lưới thưa và các thuật

toán mạng neuron sâu, đặc biệt nhấn mạnh đến việc nghiên cứu độ phức tạp tính toán, tính xử lý được và sự phụ thuộc vài số chiều  $d$  trong bài toán. Nghiên cứu xấp xỉ tuyến tính trên lưới thưa các quá trình trong tự nhiên, kinh tế và kỹ thuật được mô hình hóa bằng phương trình đạo hàm riêng có tác động hoặc đầu vào phụ thuộc tham số ngẫu nhiên có số biên rất lớn hoặc vô hạn. Nghiên cứu xây dựng mạng neuron sâu để xấp xỉ các tín hiệu có độ trơn hỗn hợp và độ trơn đẳng hướng sai với sai số được đánh giá trên chuẩn max và chuẩn năng lượng, xấp xỉ phương trình đạo hàm riêng ngẫu nhiên phụ thuộc vào tham số bằng mạng neuron sau ReLU.

Số hồ sơ lưu: 22696

89090. 11-2023 **Nghiên cứu các thuật toán tách xung neutron/gamma cho các đầu dò nhấp nháy lỏng EJ -301/ TS.** Nguyễn Ngọc Anh, PGS.TS. Nguyễn Xuân Hải ; PGS.TS. Phạm Đình Khang; TS. Phan Văn Chuân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu hạt nhân , 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu ảnh hưởng của kích thước tinh thể nhấp nháy lên hiệu suất ghi và khả năng phân biệt dạng xung neutron/gamma cho các đầu dò nhấp nháy EJ-301. Nghiên cứu đánh giá một cách hệ thống các phương pháp nhận dạng xung neutron/gamma tiên tiến hiện nay cho các đầu dò nhấp nháy EJ-301. Nghiên cứu nâng cao khả năng nhận dạng xung xung neutron/gamma

(gồm phát triển tối ưu các phương pháp phân biệt dạng xung hiện có, hoặc phát triển phương pháp phân biệt dạng xung mới nếu cần thiết) cho các đầu dò nhấp nháy EJ-301 ở vùng năng lượng thấp.

Số hồ sơ lưu: 22709

### 10199. Toán học và thống kê khác

88342. 11-2023 **Nghiên cứu, xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh Trung học cơ sở trên địa bàn thành phố Việt Trì./ ThS.** Lê Công Luận, CN.Nguyễn Mạnh Sơn ; ThS.Nguyễn Ngọc Sơn; ThS. Đặng Trần Minh; ThS.Nguyễn Thị Thanh Minh; ThS.Trần Quang Bình; ThS.Trần Ngọc Sơn; ThS.Phạm Đức Chiểu; CN.Nguyễn Thu Trà ; CN.Quách Thị Thu Thanh - Phú Thọ - Phòng Giáo dục và đào tạo, 2022; 03/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn liên quan tới đề tài. Điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng kiểm tra, đánh giá phẩm chất, năng lực học sinh cấp THCS trên địa bàn thành phố Việt Trì giai đoạn 2018 - 2021. Nghiên cứu, xây dựng hệ thống ngân hàng câu hỏi kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh THCS trên địa bàn thành phố Việt Trì. Tổ chức thực nghiệm, đánh giá hiệu quả, hoàn thiện hệ thống ngân hàng câu hỏi và phần mềm quản lý sử dụng hệ thống ngân hàng câu hỏi kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng

lực học sinh THCS trên địa bàn thành phố Việt Trì.

Số hồ sơ lưu: PTO - 2023 - 04

### **10202. Khoa học thông tin**

89203. 11-2023 **Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, bảo vệ rừng tại xã Đạ Sar và xã Đạ Nhim, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng/** ThS. Trần Quốc Tuấn, KS. Bùi Hưng; CN. Lê Văn Quyền; ThS. Lê Xuân Thảo; CN. Nguyễn Thanh Phong - Lạc Dương, Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ Lâm Đồng, 2023; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, bảo vệ rừng tại xã Đạ Sar và xã Đạ Nhim, huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng Hệ thống camera phục vụ công tác quản lý bảo vệ rừng, theo dõi các cửa ngõ ra vào rừng xã Đạ Sar và xã Đạ Nhim. Hệ thống phần mềm theo dõi quản lý Đào tạo, tập huấn chuyển giao công nghệ vận hành hệ thống

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-022

### **10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học**

87909. 11-2023 **Kết nối nhiệt động lực học không cân bằng và biểu diễn Hamilton trong nghiên cứu vận hành tối ưu các hệ thống động có một hoặc nhiều pha/** PGS.TS. Hoàng Ngọc Hà; PGS.TS. Lê Thị Kim Phụng; TS. Phan Thị Thanh Hồng; ThS. Lê Phụng Quyên; ThS. Nguyễn Chí Thuần -

Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển các tính chất nhiệt động lực học của hệ thống mở nhằm xây dựng cách tiếp cận mới có thể sử dụng được trong khuôn khổ của lý thuyết hệ thống động lực và điều khiển và biểu diễn Hamilton. Kết quả nghiên cứu đề xuất các mô hình điều khiển nâng cao với ứng dụng trong vận hành tối ưu hệ nhiệt động lực học mở và hệ vật lý khác. Nghiên cứu các kết nối tương minh giữa nhiệt động lực học không cân bằng với bài toán mô hình hóa Hamilton và điều khiển tối ưu thông qua các đối tượng nghiên cứu cụ thể; Phân tích ứng xử động lực của hệ thống mở dùng phương pháp hình học của nhiệt động lực học thông qua công cụ toán học như biểu diễn Hamilton, phép biến đổi Legendre và cấu trúc tiếp xúc. Trên cơ sở đó, ảnh hưởng của nhiệt độ và thăng giáng nhiệt lên tính năng và sự ổn định của hệ thống được chỉ ra.

Số hồ sơ lưu: 22255

### **10303. Vật lý hạt và trường**

87866. 11-2023 **Tích Phân Feynman 1-vòng lặp trong không gian bất kỳ và ứng dụng vào các hiện tượng luận của Vật Lý Higgs tại máy gia tốc tương lai/** TS. Phan Hồng Khiêm, TS. Nguyễn Chí Linh; TS. Võ Quốc Phong; Trần Trí Dũng - Hà Nội - Trường Đại học Duy Tân, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tính toán chi tiết các tích phân Feynman 1-vòng lặp trong không gian d bất kỳ. Các cấu hình tổng quát của xung lượng ngoài và khối lượng hạt truyền trong giản đồ là thực và phức được tính toán chi tiết. Bổ chính giản đồ Feynman 1-vòng lặp cho các quá trình phân rã H-Z photon, cặp fermion với photon trong mô hình chuẩn và sau mô hình chuẩn hạt cơ bản. Mô phỏng các quá trình sinh Higgs và nghiên cứu chuyển pha điện yếu trong các mô hình sau mô hình chuẩn với bổ chính tích phân Feynman 1-vòng lặp.

Số hồ sơ lưu: 22258

87896. 11-2023 **Biểu diễn của nhóm tuyến tính tổng quát và Đồng cấu chuyển Singer/** Gs. TS. Nguyễn Hữu Việt Hưng, TS. Đỗ Việt Cường; TS. Nguyễn Thế Cường; ThS. Lưu Xuân Trường; ThS. Nguyễn Đức Ngà - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đồng cấu chuyển Singer:  $\text{Trs: } Z/2 \times \text{GLs } P(H^* \text{VS} \Delta H^*(X) \rightarrow \text{ExtA}(H^*(X), Z/2)$ , cho trường hợp X là không gian xạ ảnh vô hạn chiều thực, trong mối liên hệ với đồng cấu chuyển Singer cho trường hợp X là mặt cầu không chiều. Đây là lần đầu tiên trên thế giới đồng cấu chuyển Singer được nghiên cứu với "hệ số" trong  $H^*(X)$ , không phải trong  $Z/2$ . Nghiên cứu sự giao hoán của đồng cấu chuyển Singer với đồng cấu Kahn-Priddy, với các toán tử squaring cổ điển và squaring Kameko. Bằng

cách sử dụng đồng cấu Kahn-Priddy. nghiên cứu mối liên hệ của ảnh của đồng cấu chuyển Singer khi X là không gian xạ ảnh thực với ảnh của đồng cấu đó khi X là mặt cầu không chiều. Nghiên cứu dự đoán rằng đồng cấu chuyển Singer không là một đẳng cấu tại vô hạn bậc khi X là không gian xạ ảnh thực. Nghiên cứu dự đoán nói trên (rằng đồng cấu chuyển Singer không là một đẳng cấu tại vô hạn bậc khi X là không gian xạ ảnh thực) bằng cách sử dụng khái niệm phần tử tới hạn. Nghiên cứu sự "ổn định" của đồng cấu chuyển Singer đối với các toán tử squaring khi X là không gian xạ ảnh thực.

Số hồ sơ lưu: 22242

87911. 11-2023 **Phát triển một mô hình lý thuyết thống nhất và vi mô cho mô tả cấu trúc hạt nhân tại nhiệt độ bằng không, nhiệt độ và mô men góc khác không, có tính tới lời giải chính xác bài toán kết cặp/** PGS. TS. Nguyễn Quang Hưng, TSKH. Nguyễn Đình Đăng; PGS.TS. Trần Việt Nhân Hào; TS. Lê Thị Quỳnh Hương; TS. Lê Tấn Phúc; TS. Trần Đông Xuân - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu trạng thái cơ bản của các hạt nhân cầu và biến dạng. Nghiên cứu các trạng thái kích thích thấp và các dao động tập thể của các hạt nhân cầu và biến dạng. Nghiên cứu quá trình tán xạ đàn hồi nucleon-nucleon và nucleon-hạt nhân trong vùng năng lượng

thấp. Nghiên cứu cấu trúc của các hạt nhân nóng. Nghiên cứu tính chất của các hạt nhân vừa nóng vừa quay. Đề xuất một mô hình lý thuyết thống nhất và vi mô có tính tới lời giải chính xác bài toán kết cặp và cho phép mô tả đồng thời cấu trúc hạt nhân từ trạng thái cơ bản tới các trạng thái kích thích tại nhiệt độ bằng không, nhiệt độ khác không và mô men góc khác không cũng như phản ứng tán xạ đàn hồi hạt nhân trong vùng năng lượng thấp.

Số hồ sơ lưu: 22259

89074. 11-2023 **Nghiên cứu điện trường không khí bằng cách sử dụng bức xạ điện từ phát ra từ mưa hạt vật chất/** TS. Trịnh Thị Ngọc Gia, PGS.TS. Nguyễn Thanh Phong; TS. Đặng Trung Sĩ; ThS. Nguyễn Thị Kim Ngọc - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cải thiện MGMR3D sao cho MGMR3D cho kết quả gần nhất CoREAS. Sử dụng MGMR3D đã được cập nhật để phân tích các cơn mưa hạt vật chất mới để nghiên cứu về điện trường trong các đám mây. Điều tra nguyên nhân của sự khác biệt giữa MGMR3D và CoREAS. Phân tích dữ liệu bức xạ điện từ phát ra từ cơn mưa hạt trong điều kiện thời tiết giông bão được đo bởi LOFAR để tìm hiểu về điện trường và sự phân bố điện tích trong các đám mây.

Số hồ sơ lưu: 22704

89321. 11-2023 **Khảo sát hệ số nhiệt điện của một số vật liệu cấu trúc hai chiều (graphene – tựa graphene)/** PGS. TS. Vũ Thanh Trà, TS. Huỳnh Anh Huy; ThS. Nguyễn Thị Kim Quyên; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Thê; ThS. Thái Thành Lập - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2023; 04/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển nghiên cứu đối với hệ graphene hai lớp; Khảo sát tính chất điện của một số vật liệu tựa graphene như penta-graphene, silicene; Khảo sát hệ số nhiệt điện (hệ số Seebeck) của vật liệu penta-graphene.

Số hồ sơ lưu: 22816

### **10305. Vật lý plasma và chất lỏng**

87907. 11-2023 **Nghiên cứu các đại lượng đặc trưng của sợi tinh thể quang tử được thẩm thấu các chất lỏng khác nhau ứng dụng cho phát siêu liên tục/** PGS. TS. Chu Văn Lanh, TS. Nguyễn Thị Thủy; TS. Thái Doãn Thanh; TS. Đỗ Mai Trang; TS. Trần Quốc Vũ; TS. Trịnh Ngọc Hoàng - Hà Nội - Trường Đại học Vinh, 2022; 01/2021 - 01/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thiết kế một PCF được thẩm thấu chất lỏng với lớp vỏ gồm các lỗ khí được sắp xếp thành mạng lục giác đều và đường kính của các lỗ khí có thể thay đổi được. Nghiên cứu sự truyền sóng ánh sáng trong PCF. Nghiên cứu ảnh hưởng của bước sóng, các tham số cấu trúc và các chất lỏng khác nhau lên các đại lượng đặc trưng của PCF.

Nghiên cứu sự phát siêu liên tục với các cấu trúc và chất lỏng tối ưu. Việc thực hiện đề tài góp phần lập ra một nhóm nghiên cứu hiệu quả để thực hiện các hoạt động nghiên cứu và đào tạo liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu thiết kế và ứng dụng của PCF.

Số hồ sơ lưu: 22225

88457. 11-2023 **Nghiên cứu, xây dựng quy định về yêu cầu, điều kiện tiến hành công việc bức xạ và điều kiện hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử/** ThS. Đinh Ngọc Quang, ThS. Lâm Thị Hà Mi; ThS. Bùi Thị Thùy Anh; CN. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Hoàn; ThS. Trần Quốc Hùng; ThS. Nguyễn Ngọc Huynh; ThS. Phạm Xuân Linh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga; ThS. Lại Tiến Thịnh - Hà Nội - Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, 2019; 04/2018 - 04/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Mục tiêu của Đề án là làm rõ cơ sở pháp lý, khoa học và thực tiễn; trên cơ sở đó đề xuất các yêu cầu, điều kiện tiến hành CVBX và điều kiện hoạt động DVHT UDNLNT để xây dựng Nghị định, thi hành các quy định liên quan của Luật đầu tư năm 2014, Luật NLNT năm 2008. Trong điều kiện khó khăn về nhân lực, kinh phí và ràng buộc về quy định pháp luật hiện nay, việc hậu kiểm (thanh tra, kiểm tra) đối với các cơ sở bức xạ, cơ sở hoạt động dịch vụ có nhiều khó khăn. Do vậy, việc đặt ra các điều kiện đầu vào nghiêm ngặt là rất cần thiết để bảo đảm an toàn, an ninh, ngăn ngừa

xảy ra sự cố. Để hoàn thiện quy trình, thủ tục hành chính đối với việc cấp giấy phép tiến hành CVBX, cấp giấy đăng ký hoạt động hỗ trợ ứng dụng NLNT, cần phải nghiên cứu cơ sở thực tiễn, cơ sở pháp luật, kinh nghiệm quốc tế và trong nước để xây dựng, đề xuất ban hành các quy định cụ thể, chi tiết về yêu cầu, điều kiện đối với từng loại hình CVBX, hoạt động hỗ trợ ứng dụng NLNT. Đây là một công việc khó khăn, phức tạp do tính đa dạng và phát triển không ngừng, đặc biệt về công nghệ số của các ứng dụng NLNT và tính không ổn định của các quy định pháp luật có liên quan.

Số hồ sơ lưu: 22383

### 10306. Quang học

87792. 11-2023 **Cấu trúc đa miền phẳng của phổ phát xạ sóng điều hòa bậc cao và thông tin về động lực học của electron cảm ứng bởi laser/** GS. TS. Lê Văn Hoàng, PGS.TS. Phan Thị Ngọc Loan; TS. Lê Thị Cẩm Tú; ThS. Trần Lan Phương; ThS. Ngô Thành Công; TS. Lý Duy Nhất; ThS. Nguyễn Thị Hiền; CN. Vũ Trần Đình Duy - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh, 2023; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thăm dò động lực học của electron từ phổ HHG đa miền phẳng của nguyên tử ở trạng thái chông chập của trạng thái cơ bản và kích thích; đồng thời, mở rộng nghiên cứu cho phân tử đối xứng và bất đối xứng nhiều electron CO<sub>2</sub>, CO; Nghiên cứu vai trò của tán xạ bậc

cao trong phổ HHG và sự tạo thành xung laser thứ cấp của một số phân tử thẳng như CO, CO<sub>2</sub>; Theo dõi tính chất đối xứng của HOMO từ phổ HHG chẵn-lẻ của phân tử phân cực; Tái tạo HOMO từ phổ chẵn-lẻ của phân tử CO xét đến hiệu ứng định hướng không hoàn toàn và hiệu ứng DCeP; Khảo sát ảnh hưởng của DCeP lên sự tạo xung có độ dài atto giây từ phổ HHG của phân tử nhiều electron như CO, CO<sub>2</sub>; Nghiên cứu ảnh hưởng của tính bất đối xứng và hiệu ứng DCeP lên định luật tỷ lệ theo bước sóng của phân tử CO; Phát triển phương pháp giải phương trình Schrödinger dừng cho hệ có từ trường.

Số hồ sơ lưu: 22397

87880. 11-2023 **Kỹ thuật tán sắc và sự phát siêu liên tục trong sợi tinh thể quang tử được lấp đầy với các chất lỏng có độ phi tuyến cao/** TS. Lê Văn Hiệu, Tiến sỹ.Chu Văn Biên; Tiến sỹ.Nguyễn Thị Thảo; Tiến sỹ.Hồ Đình Quang; Thạc sỹ.Hoàng Văn Thụy - Hà Nội - Trường Đại học Hồng Đức, 2023; 01/2021 - 01/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, khảo sát đặc tính quang học của các chất lỏng có độ phi tuyến cao: độ trong suốt, tính độc hại, khả năng truyền dẫn ánh sáng, độ hấp thụ ánh sáng, chiết xuất. Lựa chọn chất lỏng phù hợp để tối ưu hóa cấu trúc sợi tinh thể quang tử trong các vùng phổ khác nhau. Thiết kế, tối ưu hóa cấu trúc sợi tinh thể quang tử lõi rỗng được lấp đầy bởi chất lỏng có độ phi tuyến cao với

các đặc tính tán sắc phẳng, băng thông rộng, độ kết hợp cao của phổ trong vùng tử ngoại với cá xung cực ngắn nano giây và pico giây. Đề xuất cấu trúc sợi tinh thể quang tử lõi rỗng được lấp đầy bởi chất lỏng có độ phi tuyến cao với tán sắc phẳng, băng thông rộng, độ kết hợp cao của phổ trong vùng tử ngoại với các xung cực ngắn nano giây và pico giây.

Số hồ sơ lưu: 22303

### **10309. Khoa học vũ trụ**

87876. 11-2023 **Nghiên cứu vật lý mới trong các mô hình chuẩn mở rộng dựa trên phép phân tích kết hợp các dữ liệu của LHC, LHCb và vũ trụ/** PGS. TS. Đỗ Thị Hương, ThS. Nguyễn Tuấn Duy; ThS. Lê Xuân Thụy; ThS. Nguyễn Thị Nhuận - Hà Nội - Viện Vật lý, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu các vấn đề liên quan đến các thực nghiệm gần đây tại LHCb dựa trên các mô hình chuẩn mở rộng. Khảo sát các hiệu ứng vật lý mới liên quan đến quá trình đổi vị của các lepton (dao động neutrino và rã của lepton mang điện). Giải quyết mối tương quan giữa mô men từ dị thường và các quá trình rã vi phạm số lepton của lepton mang điện. Khảo sát các giới hạn vật lý mới dựa trên kết quả nghiên cứu các quá trình sinh và huỷ hạt tại LHC. Nghiên cứu sự phản đối xứng giữa vật chất và phản vật chất trong Vũ trụ. Sự tương quan giữa phản đối xứng vật chất và phản đối xứng vật chất tối. Cải tiến mô hình vật lý để

tìm câu trả lời cho các câu hỏi vì sao trong vật lý và giải quyết các vấn đề vật lý ngoài SM.

Số hồ sơ lưu: 22267

### 10399. Khoa học vật lý khác

87862. 11-2023 **Nghiên cứu ảnh hưởng của nút trống, biến dạng cấu trúc và điện trường đến cấu trúc và các đặc tính hấp phụ khí của vật liệu MXenes/** TS. Phạm Đình Khang, TS. Lương Lê Hải; TS. Vũ Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Thắm Hồng - Hà Nội - Viện Kỹ thuật cơ giới quân sự, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định bản chất vật lý của quá trình hấp phụ khí trên vật liệu 2D dạng MXenes, làm sáng tỏ ảnh hưởng của nút trống “M” (hoặc “X”), tính đa dạng của các nhóm trên lớp kết thúc bề mặt (O, OH hoặc F), biến dạng cấu trúc (từ 0% đến 10%) và điện trường ngoài đến các tính chất điện tử và truyền dẫn của MXenes khác nhau khi hấp phụ. Làm sáng tỏ tính chọn lọc trong hấp phụ các loại khí khác nhau trên các vật liệu MXenes. Tìm ra loại vật liệu nano mới có khả năng ứng dụng cho thiết bị cảm biến khí, thu trữ khí và lọc khí với hiệu quả cao.

Số hồ sơ lưu: 22261

### 10401. Hoá hữu cơ

87815. 11-2023 **Phát triển các phương pháp tổng hợp xanh trong hoạt hóa alcohol qua các chiến thuật mượn hydro và dehydro: Sử dụng các alcohol như các electrophil trong một số phản ứng**

**alkyl hóa và tổng hợp các dị vòng chứa nito/** TSKH. Đặng Thanh Tuấn, PGS.TS. Nguyễn Hiền; TS. Đỗ Tiến Dũng; TS. Trần Thị Phương Thảo; TS. Đỗ Văn Đăng; TS. Nguyễn Văn Hà - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sự phát triển của các chất xúc tác hiệu quả cũng như các phương pháp tổng hợp xanh cho phép các chuyển hóa hữu cơ có thể xảy ra ở điều kiện mềm là vấn đề thách thức nhất trong công nghiệp hóa chất cũng như dược phẩm hiện nay. Chủ đề chính của đề cương nghiên cứu này là phát triển các phương pháp hoạt hóa alcohol sử dụng những nguồn nguyên liệu alcohol rẻ tiền, có thể sản xuất bền vững, tạo ra các phân tử có giá trị hơn về cấu trúc lẫn hoạt tính.

Số hồ sơ lưu: 22380

89319. 11-2023 **Nghiên cứu thực hiện phản ứng hữu cơ mới để hình thành/chuyển hoá các dị vòng thơm 5 hoặc 6 cạnh và dẫn xuất thông qua con đường hoạt hoá trực tiếp liên kết C-H/** GS. TS. Phan Thanh Sơn Nam, TS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Nguyễn Đăng Khoa; TS. Phan Nguyễn Quỳnh Anh; TS. Phan Thị Hoàng Anh; TS. Hà Cẩm Anh; ThS. Huỳnh Văn Tiến - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Bách khoa, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu thực hiện các phản ứng hữu cơ mới có, bao gồm các phản ứng ghép đôi và/hoặc đóng



vòng để hình thành các hợp chất dị vòng thơm 5 cạnh hoặc 6 cạnh hay các hợp chất dị vòng ngưng tụ tương ứng với nhân arene, cũng như chuyển hóa các hợp chất dị vòng thành dẫn xuất tương ứng. Các phản ứng này có đi qua giai đoạn hoạt hoá trực tiếp liên kết C-H. Một số phản ứng sẽ được nghiên cứu với xúc tác đồng thể, và một số phản ứng được thực hiện trong điều kiện dị thể. Đây là những chuyển hoá chưa được các nhóm nghiên cứu khác trên thế giới công bố trước đây, để có thể hình thành các bài báo trên tạp chí SCI/SCIE.

Số hồ sơ lưu: 22818

#### **10405. Điện hóa (pin khô, pin, pin nhiên liệu, ăn mòn kim loại, điện phân)**

87894. 11-2023 **Phát triển pin mặt trời perovskite có hiệu suất và độ bền cao/** TS. Đào Quang Duy, PGS.TS. Lê Văn Vũ; TS. Phạm Nguyên Hải; TS. Bùi Hồng Vân; ThS. Nguyễn Duy Thiện - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 04/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sử dụng các nguyên tử macrocycle lai phthalocyanine-tetrabenzoporphyrin làm vật liệu chuyển tiếp lỗ trống. Chế tạo lớp vật liệu hấp thụ perovskite có cấu trúc xếp chồng 2D/3D. Nghiên cứu, chế tạo và tối ưu hóa vật liệu chuyển tiếp lỗ trống macrocycle lai phthalocyanine-tetrabenzoporphyrin bằng cải thiện tinh thể, pha tạp bán dẫn loại p, and thiết kế phân tử. Chế tạo các perovskite cấu trúc 3D, cấu

trúc 2D và cấu trúc xếp chồng 2D/3D thông qua quá trình phản ứng của perovskite 3D với n-butylamine hoặc n-butylamine iodide.

Số hồ sơ lưu: 22227

#### **10501. Địa chất học**

87853. 11-2023 **Áp lực nước lỗ rỗng và độ lún của đất nền chịu tải trọng động chu kỳ và không chu kỳ: ảnh hưởng tổng hợp của phương cắt trượt, thời lượng gia tải và giới hạn Atterberg/** PGS. TS. Trần Thanh Nhân, PGS.TS. Đỗ Quang Thiên; TS. Trần Hữu Tuyên; TS. Nguyễn Thị Thanh Nhân; TS. Hoàng Ngô Tự Do; TS. Hoàng Thị Sinh Hương; ThS. Trần Thị Ngọc Quỳnh - Hà Nội - Trường Đại học khoa học, 2022; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tính chất áp lực nước lỗ rỗng và đặc tính nén lún của đất nền dưới ảnh hưởng tổng hợp của các điều kiện cắt trượt động gồm: phương cắt trượt, độ biến dạng trượt, số lượng chu kỳ trong mỗi quan hệ với giới hạn Atterberg của đất nền. Xây dựng và phát triển phương pháp tính toán áp lực nước lỗ rỗng và dự báo độ lún của đất nền chịu tải cắt trượt động chu kỳ với các điều kiện cắt trượt động khác nhau. Thiết lập quy trình chuyển đổi điều kiện cắt trượt động không chu kỳ sang điều kiện cắt trượt động chu kỳ phát triển phương pháp dự báo áp lực nước lỗ rỗng và độ lún của đất nền tự nhiên chịu các điều kiện tải trọng không chu kỳ trong thực tế có cường độ và thời lượng gia tải khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 22305

88201. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình địa chất - địa vật lý một số loại hình quặng vàng, đồng, thiếc, wolfram, liti/** ThS. Bùi Minh Thành, KS. Nguyễn Văn Sửu; TS. Nguyễn Thế Hùng; ThS. Phạm Văn Hùng; CN. Phạm Thị Huệ Linh; PGS.TS. Hoàng Văn Long; KS. Nguyễn Khắc Đức; KS. Lê Đình Ninh; ThS. Lê Ngọc Hùng; KS. Bùi Văn Thái - Hà Nội - Liên đoàn Vật lý địa chất, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập, tổng hợp các mô hình địa chất - địa vật lý đối với các loại hình khoáng sản kim loại vàng, đồng, thiếc, wolfram, liti trên thế giới và Việt Nam đã áp dụng; Lựa chọn các tham số địa chất - địa vật lý đặc trưng để xây dựng mô hình địa chất - địa vật lý các kiểu mỏ vàng, đồng, thiếc, wolfram, liti trên cơ sở tổng hợp các tài liệu thu thập; Xây dựng mô hình địa chất - địa vật lý và tổ hợp phương pháp địa chất - địa vật lý trong điều tra đánh giá khoáng sản vàng, đồng, thiếc, wolfram, liti; đặc biệt là khoáng sản ẩn sâu.

Số hồ sơ lưu: 21664

89087. 11-2023 **Nghiên cứu sức kháng cắt dư của đất ở mái dốc nhạy cảm với trượt và ảnh hưởng của tốc độ cắt/** TS. Nguyễn Thành Dương, TS. Nguyễn Văn Hải; TS. Nguyễn Châu Lân; TS. Phạm Văn Tiền; TS. Nguyễn Thị Nụ; ThS. Phạm Thị Ngọc Hà - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm sáng tỏ ảnh hưởng của tốc độ cắt đến sức kháng cắt dư của đất quá cố kết. Đồng thời đề xuất quy trình thí nghiệm phù hợp để xác định sức kháng cắt dư của đất quá cố kết đến ảnh hưởng của tốc độ cắt. Làm sáng tỏ ảnh hưởng của đặc điểm bề mặt không liên tục và của tốc độ cắt đến sức kháng cắt dư của đất dọc bề mặt không liên tục. Đồng thời đề xuất quy trình phù hợp để xác định sức kháng cắt dư của đất dọc bề mặt không liên tục. Đánh giá sự suy giảm cường độ của đất dọc bề mặt không liên tục trong đất đá dưới tác dụng của tải trọng động chu kỳ.

Số hồ sơ lưu: 22713

89618. 11-2023 **Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp phòng, tránh tai biến địa chất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình/** PGS.TS. Bùi Trường Sơn; Nguyễn Thị Nụ; Nguyễn Đức Lý; Nguyễn Thành Dương; Nguyễn Văn Phóng; Phạm Thị Việt Nga; Nguyễn Văn Hùng - Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh Quảng Bình - Liên hiệp các Hội KHKT tỉnh Quảng Bình, 2023; 09/2021 - 08/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định được hiện trạng, nguyên nhân, động lực phát triển các dạng tai biến địa chất xảy ra trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và đề xuất các giải pháp phòng, tránh

Số hồ sơ lưu: 14/2023-QLKHCN

### **10505. Địa hóa học**

88213. 11-2023 **Nghiên cứu đặc điểm Địa hóa môi trường đất của các vùng chuyên canh rau an toàn**

trên địa bàn huyện Đông Anh và Gia Lâm, thành phố Hà Nội/ PGS. TS. Nguyễn Khắc Giảng, TS. Trần Thị Hồng Minh; TS. Nguyễn Văn Thành; TS. Đặng Thị Vinh; ThS. Nguyễn Trung Thành; ThS. Lê Thị Ngọc Tú; ThS. Trần Thị Nhân; CN. Nguyễn Thị Thanh Hà - Hà Nội - Viện Tài nguyên Thiên nhiên và Môi trường, 2022; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm sáng tỏ đặc điểm thành phần vật chất (đặc điểm thành phần độ hạt, khoáng vật và địa hóa) cũng như hiện trạng môi trường đất (chủ yếu là tập trung vào phân bố các kim loại nặng (KLN) trong đất) ở một số khu vực chuyên canh rau tiêu biểu của hai huyện Đông Anh và Gia Lâm, cung cấp dữ liệu phục vụ cho việc quản lý và phát triển bền vững các vùng chuyên canh rau an toàn trên địa bàn hai địa phương trên.

Số hồ sơ lưu: 22348

### **10508. Trắc địa học và bản đồ học**

87964. 11-2023 Nghiên cứu xây dựng kịch bản phát thải thông thường (BAU) và hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (MRV) cho sản xuất xi măng, gạch ốp lát, gạch nung/ ThS. Cao Thị Tú Mai, ThS. Lê Thị Thu Trang; TS. Phạm Quỳnh Mai; TS. Lộc Thị Thủy; ThS. Nguyễn Thùy Dương - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2023; 05/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Kiểm kê phát thải khí nhà kính một số ngành VLXD năm 2018, 2020. Xây dựng kịch bản phát thải

thông thường cho ngành xi măng, gạch ốp lát, gạch xây nung. Xây dựng hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định (MRV) phát thải, giảm phát thải cho ngành xi măng, gạch ốp lát, gạch xây nung.

Số hồ sơ lưu: 22386

### **10509. Các khoa học môi trường**

87785. 11-2023 Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn cập nhật các phương pháp tiên tiến ứng dụng trong quan trắc, dự báo chất lượng môi trường và đánh giá tác động của các chất ô nhiễm trong thành phần môi trường đến sức khỏe con người/ TS. Phạm Bá Việt Anh, TS. Trịnh Thị Thủy; PGS.TS. Nguyễn Tiến Thành; TS. Thái Thị Thanh Minh; TS. Lê Thu Thủy; TS. Bùi Thị Thư; ThS. Đỗ Thị Hiền; TS. Trịnh Thị Thắm; TS. Trần Hậu Vương; TS. Trần Vĩnh Thiện - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2023; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống được các phương pháp, kỹ thuật tiên tiến trong quan trắc, cảnh báo, dự báo một số thành phần môi trường (nước mặt, không khí, đất, trầm tích), nguồn thải (nước thải, khí thải) và các phương pháp đánh giá tác động của một số chất ô nhiễm trong môi trường đến sức khỏe con người đã được áp dụng trong, ngoài nước. Xây dựng một số dự thảo hướng dẫn kỹ thuật về các phương pháp quan trắc, dự báo chất lượng môi trường (nước mặt, không khí, đất, trầm tích), nguồn thải (nước thải, khí thải) và tài liệu phục vụ giảng dạy đại học, sau đại học.

Số hồ sơ lưu: 22411

### 10511. Khí hậu học

87115. 11-2023 **Châu thổ sông Cửu Long: Địa mạo, trầm tích Holocene, thay đổi hiện tại và xu thế biến động châu thổ do tác động của biến đổi khí hậu và hoạt động của con người/** PGS. TS. Tạ Thị Kim Oanh, PGS. TS. Nguyễn Văn Lập; TS. Trương Minh Hoàng; TS. Bùi Thị Luận; TS. Nguyễn Đình Thanh; TS. Nguyễn Thọ; ThS. Nguyễn Thị Mộng Lan ; ThS. Võ Thị Hồng Quyên; ThS. Nguyễn Hoàng Nguyên; ThS. Huỳnh Mai Lý - TP. Hồ Chí Minh - Viện Địa lý tài nguyên Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập quá trình thành tạo và quy luật phân bố trầm tích Holocene vùng nghiên cứu; Làm sáng tỏ thay đổi địa mạo và trầm tích do tự nhiên và tác động của con người; Dự báo xu thế biến động và mô hình tiến hóa châu thổ trong tương lai. Đánh giá quá trình xói lở bờ sông và hạ thấp địa hình đáy sông cũng như thay đổi địa mạo và trầm tích khu vực cửa sông Tiền và sông Hậu cho phép xác định cơ chế địa hình, phân bố trầm tích lòng sông ưu thế, sông - triều và ưu thế cửa sông ven biển, thay đổi trầm tích bùn, cát lòng sông theo không gian và mùa mưa, mùa nắng và tác động nhân sinh.

Số hồ sơ lưu: 21652

87794. 11-2023 **Đánh giá sự biến đổi của các đặc trưng hạn hán trên khu vực Việt Nam và**

**Đông Nam Á/** GS. TS. Phan Văn Tân, PGS.TS. Trần Quang Đức; ThS. Nguyễn Ngọc Bích Phượng; TS. Nguyễn Văn Hiệp; TS. Chu Thị Thu Hương; TS. Ngô Thị Thanh Hương; TS. Trịnh Tuấn Long; CN. Phạm Thanh Hà; ThS. Nguyễn Mạnh Linh; CN. Nguyễn Phương Thảo - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được các đặc điểm phân bố không gian, thời gian và đánh giá được sự biến đổi của các đặc trưng hạn hán ở Việt Nam và Đông Nam Á trong bối cảnh biến đổi khí hậu; Đánh giá được khả năng mô phỏng, dự tính các đặc trưng hạn hán ở Việt Nam và Đông Nam Á và tính bất định của các mô hình khí hậu.

Số hồ sơ lưu: 22399

87864. 11-2023 **Nghiên cứu tích hợp, lồng ghép các thông tin khí hậu và dự báo thời tiết hạn dài phục vụ phát triển nông nghiệp thông minh ở khu vực Bắc Trung Bộ/** ThS. Lê Hữu Huân, ThS. Nguyễn Văn Dũng; CN. Nguyễn Văn Lượng; ThS. Đỗ Thị Thi; KS. Ngô Sỹ Giai; ThS. Tăng Văn An; CN. Hoàng Phi Thắng; KS. Phan Văn Vinh; ThS. Nguyễn Văn Hương; ThS. Nguyễn Hữu Quyền - Nghệ An - Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Bắc Trung Bộ, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập các chỉ tiêu khí hậu nông nghiệp, cực đoan khí hậu đối với phát triển nông nghiệp thông minh với khí hậu ở vùng Bắc Trung Bộ; Xây dựng Chương trình máy

tính chạy trên nền WebGIS tích hợp, lồng ghép hệ thống thông tin khí hậu, dự báo khí hậu phục vụ phát triển nông nghiệp thông minh; Lựa chọn chỉ tiêu khí hậu, khí hậu nông nghiệp, cực đoan khí hậu phù hợp đối với phát triển nông nghiệp thông minh với khí hậu ở khu vực Bắc Trung Bộ; Xây dựng hệ thống hỗ trợ giám sát, cảnh báo, dự báo sớm bất lợi của khí hậu, thiên tai, sâu bệnh, xác định thời vụ tối ưu, dự báo khí hậu phục vụ phát triển nông nghiệp thông minh ở khu vực Bắc Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 22274

87872. 11-2023 **Nghiên cứu cấu trúc của xoáy thuận nhiệt đới trên khu vực Biển Đông phục vụ công tác dự báo ở Việt Nam/ TS. Chu Thị Thu Hương, ThS. Trần Đình Linh; PGS.TS. Trần Việt Liên; TS. Ngô Thị Thanh Hương; TS. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Nguyễn Mạnh Linh; ThS. Đỗ Thị Thi; ThS. Nguyễn Thị Nhụy Tâm; ThS. Nguyễn Bình Phong; ThS. Lê Văn Thiện - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Xác định được cấu trúc 3 chiều của xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) trên khu vực Biển Đông; Chỉ ra được mối liên hệ giữa cấu trúc với cường độ và hướng di chuyển của xoáy thuận nhiệt đới trên khu vực nghiên cứu. Xác định được đặc điểm hoạt động của bão trên Biển Đông khi chúng chịu ảnh hưởng của Không khí lạnh (KKL), Gió mùa mùa hè

(GMMH) hay đồng thời cả hai hệ thống này. Xác định được đặc điểm cấu trúc một số trường khí tượng trong bão khi chúng chịu ảnh hưởng của các hệ thống gió mùa và khi cường độ thay đổi; Bước đầu đánh giá được vai trò của vận tải ẩm trong bão khi chúng chịu ảnh hưởng của GMMH. Nghiên cứu cấu trúc của xoáy thuận nhiệt đới trên khu vực Biển Đông phục vụ công tác dự báo ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22256

### **10513. Thủy văn; Tài nguyên nước**

87915. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất hạn mức sử dụng nước, cơ chế phân bổ nguồn nước trong trường hợp thiếu nước tại công trình thủy lợi khu vực miền Trung/ PGS. TS. Nguyễn Văn Tuấn, ThS. Hà Thanh Lâm; TS. Lương Ngọc Chung; TS. Nguyễn Văn Hiếu; ThS. Phạm Công Thành; ThS. Nguyễn Xuân Phùng; ThS. Hoàng Tiến Thành; ThS. Đinh Xuân Hùng; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thúy Hằng; KS. Nguyễn Công Minh; KS. Vũ Thị Mỹ Hạnh; ThS. Lê Thanh Hà; ThS. Nguyễn Thúy Liễu; KS. Trần Văn Nâu; ThS. Nguyễn Thị Hương Lan; ThS. Trần Thị Nhung; CN. Lê Bích Ngọc - Hà Nội - Viện quy hoạch thủy lợi, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng hợp cách tiếp cận, phương pháp luận và các mô hình đã thực hiện trên thế giới và tại Việt Nam; Điều tra, thu thập bổ sung tài liệu, số liệu phục vụ nghiên cứu và nghiên cứu, đánh giá điều kiện tự nhiên, tiềm năng về nguồn nước, hệ thống

các công trình thủy lợi phục vụ cấp nước trong vùng nghiên cứu; Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí xác định hạn định mức tối thiểu và hạn mức sử dụng nước; Nghiên cứu xây dựng cơ chế phân bổ nguồn nước bao gồm cơ sở khoa học, cơ chế phân bổ nguồn nước tương ứng với các kịch bản thiếu nước, cơ chế quản lý, cơ chế thỏa thuận mua, bán, trao đổi hạn mức sử dụng nước; Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn xác định hạn mức sử dụng nước và hướng dẫn xây dựng cơ chế phân bổ nguồn nước và tích hợp vào xây dựng kế hoạch sử dụng nước và vận hành công trình thủy lợi; Nghiên cứu xây dựng bộ công cụ phục vụ đánh giá nhanh tình trạng thiếu nước, đánh giá hiệu quả kinh tế với các kịch bản phân phối, sử dụng nước và cơ chế phân bổ nguồn nước; Ứng dụng thử nghiệm cho đối tượng điển hình tại khu vực miền Trung.

Số hồ sơ lưu: 22221

88356. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất công nghệ cấp nước sinh hoạt hiệu quả, bền vững ở một số đảo lớn thuộc quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang/** TS. Vũ Ngọc Bình, ThS. Nguyễn Đình Hải; GS.TS. Nguyễn Quốc Dũng; PGS.TS. Nguyễn Như Trung; ThS. Nguyễn Thị Thu Nga; PGS.TS. Phùng Vĩnh An; TS. Phí Trường Thành; ThS. Tô Quang Trung; ThS. Phan Việt Dũng; ThS. Phạm Bá Quyền - Hà Nội - Viện Thủy công, 2023; 09/2019 - 02/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan và đánh giá thực trạng nguồn nước và xác

định được cơ sở khoa học cho việc xây dựng mô hình khai thác nước tại một số đảo lớn thuộc quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất giải pháp lưu giữ, bổ cập, khai thác và bảo vệ nguồn nước mặt và nước ngầm theo hướng bền vững cho một số đảo lớn thuộc quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang. Tiến hành xây dựng 01 mô hình cấp nước sinh hoạt hiệu quả bền vững cho 100-150 hộ dân 01 đảo lớn thuộc quần đảo Nam Du, tỉnh Kiên Giang.

Số hồ sơ lưu: 22590

89091. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp phòng chống ngập lụt, úng cho lưu vực sông Bùi và vùng phụ cận/** PGS. TS. Bùi Nam Sách, TS. Lê Việt Sơn; TS. Lương Ngọc Chung; ThS. Đào Ngọc Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Xuân Phùng; ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy; KS. Nguyễn Quang Quyền; ThS. Lê Thanh Hà; ThS. Lê Thúy Chiên; ThS. Hà Thanh Lâm; TS. Bùi Tuấn Hải; ThS. Phạm Đoàn Hùng; ThS. Phạm Thanh Tú; KS. Hoàng Văn Hiến; KS. Lê Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Sĩ Nguyên; ThS. Trần Thị Mai Sứ; ThS. Nguyễn Duy Du; KS. Hoàng Thị Kim Dung; KS. Nguyễn Duy Quang; KS. Bùi Thế Văn; KS. Trần Thị Thanh Dung; KS. Phạm Văn Trình; KS. Lê Thị Thảo; ThS. Đinh Thị Hà; KS. Nguyễn Ngọc Sáng; KS. Nguyễn Quốc Tú; KS. Đỗ Quang Huy; TS. Nguyễn Thiện Dũng; ThS. Nguyễn Vinh Nguyên; ThS. Hoàng Thị Hồng Nhung; ThS. Lê Mỹ Linh - Hà Nội - Viện quy hoạch thủy lợi, 2023;

07/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích các điều kiện địa hình, đặc điểm sông ngòi, khí tượng - thủy văn, kinh tế - xã hội của lưu vực sông Bùi để từ đó nhận định rõ về đặc điểm lũ trên lưu vực sông Bùi mang tính tự nhiên vốn có, con người chấp nhận sự xuất hiện của lũ và có các giải pháp để thích ứng cùng với sự tồn tại của lũ. Xác định được các nguyên nhân và mức độ ngập lụt, ứng trên lưu vực sông Bùi và vùng phụ cận. Đề xuất được các giải pháp khoa học công nghệ, giải pháp quản lý để phòng chống ngập lụt, ứng nhằm giảm thiểu thiệt hại đối với đời sống, kinh tế, xã hội, môi trường đảm bảo phát triển bền vững trên vùng nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 22714

### **10607. Nấm học**

89076. 11-2023 **Xây dựng mô hình sản xuất giống dịch thể và nuôi trồng nấm Mối đen (*Xerula radicata*) thương phẩm tại tỉnh Quảng Trị/** KS. Mai Trọng Nghĩa, Ths. Lê Mậu Bình; CN. Thái Thị Tiểu Lan; CN. Nguyễn Ngọc Huỳnh; Nguyễn Thị Thanh Thúy; CN. Võ Văn Sang; PGS.TS Đỗ Thị Bích Thủy - Trạm Nghiên cứu và Phát triển Nấm - Trạm nghiên cứu và phát triển nấm, 2020; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát các điều kiện tối ưu và xây dựng quy trình sản xuất giống nấm Mối đen dịch thể quy mô 20 - 150 lít giống/mẻ trên thiết bị lên men 30 lít và 300 lít tại Trạm. Ứng dụng

giống nấm dịch thể nuôi trồng thử nghiệm nấm Mối đen thương phẩm trên cơ chất mùn cưa cao su quy mô 8.000 bịch phôi nấm/60m<sup>2</sup>. Đánh giá sự sinh trưởng và phát triển, khả năng thích nghi, năng suất, sản lượng và hiệu quả kinh tế của giống nấm Mối đen. Hoàn thiện quy trình sản xuất giống dịch thể và nuôi trồng nấm Mối đen thương phẩm phù hợp với điều kiện của tỉnh Quảng Trị để khuyến cáo bà con áp dụng nhân rộng trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: QTi\_88.2022

### **10611. Thực vật học**

88497. 11-2023 **Nghiên cứu sàng lọc vi khuẩn nội sinh thực vật có khả năng oxy hóa amoni nhằm định hướng ứng dụng trong công nghệ bãi lọc sinh học/** TS. Đỗ Quang Trung, PGS.TS. Lưu Thế Anh; TS. Trần Thị Tuyết Thu - Hà Nội - Viện Tài nguyên và Môi trường, 2022; 04/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tuyển chọn được một số chủng vi khuẩn nội sinh (VKNS) thực vật có khả năng oxy hóa nhanh amoni và đánh giá được hiệu quả của chúng trong mô hình bãi lọc sinh học xử lý nước thải ở quy mô phòng thí nghiệm. Đánh giá ảnh hưởng của việc bổ sung vi khuẩn nội sinh tới việc xử lý nước thải nuôi tôm trong mô hình sử dụng thảm thực vật nổi trồng cỏ lông tây (*Brachiaria mutica*). Kết quả cho thấy BLSH nổi có sự hỗ trợ của vi khuẩn nội sinh là một cách tiếp cận phù hợp để xử lý nước thải nuôi tôm.

Số hồ sơ lưu: 22190

### 10612. Động vật học

89061. 11-2023 Khám phá khu hệ bò sát và lưỡng cư ở cao nguyên Kon Tum và vùng ven biển Nam Trung Bộ/ TS. Phạm Thế Cường, PGS.TS. Nguyễn Thiên Tạo; PGS.TS. Phạm Văn Anh; TS. Đỗ Trọng Đăng; ThS. Đỗ Hạnh Quyên; ThS. Trần Minh Hiếu - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2023; 10/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng danh mục loài bò sát và lưỡng cư của một số khu vực rừng trên núi cao còn ít được nghiên cứu thuộc cao nguyên Kon Tum. Phát hiện các loài mới cho khoa học, ghi nhận bổ sung các loài cho khu hệ bò sát và lưỡng cư Việt Nam. Để hỗ trợ cho việc phân loài chưa định danh hoặc các loài có đặc điểm hình thái giống nhau, so sánh sự sai khác về mặt di truyền dựa trên việc giải mã trình tự các đoạn gen ty thể. Đánh giá đặc điểm phân bố của các loài bò sát và lưỡng cư theo không gian địa lý, dạng sinh cảnh và đai độ cao. Đánh giá mối quan hệ tương đồng về thành phần loài bò sát và lưỡng cư giữa các điểm nghiên cứu và giữa khu vực núi cao thuộc cao nguyên Kon Tum và khu vực chuyển tiếp núi đất thấp thuộc Nam Trung bộ.

Số hồ sơ lưu: 22697

89075. 11-2023 Sử dụng phương pháp phân loại học tích hợp: kết hợp giữa phương pháp truyền thống và phương pháp

DNA barcoding để nhận dạng và đánh giá tiềm năng đa dạng của các loài cánh cứng ăn lá (*Chrysomelidae*) trong rừng nhiệt đới ở đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam./ TS. Nguyễn Thị Định, PGS.TS. Phạm Đình Sắc; PGS.TS. Phạm Hồng Thái; TS. Phạm Quỳnh Mai; ThS. Nguyễn Giang Sơn; ThS. Đặng Thị Hoa; CN. Nguyễn Thị Hạnh - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2023; 09/2019 - 06/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng danh lục các loài của các mẫu vật *Chrysomelidae* thu được ở khu vực nghiên cứu. Xây dựng mối quan hệ phát sinh loài của các mẫu vật thu được. Đánh giá tiềm năng đa dạng và tác động của hoạt động du lịch tới sự đa dạng của *Chrysomelidae*. Sử dụng khóa phân loại kết hợp với dữ liệu DNA barcoding để xây dựng danh lục các loài *Chrysomelidae*. Sử dụng thông tin về loài hình thái kết hợp với dữ liệu DNA barcoding để xây dựng cây phát sinh loài của các mẫu vật thu được. Xác định đa dạng loài tiềm năng ở khu vực nghiên cứu và sự thay đổi về thành phần loài của quần xã *Chrysomelidae* dưới ảnh hưởng của hoạt động phát triển du lịch.

Số hồ sơ lưu: 22703

### 10613. Sinh học biển và nước ngọt

87877. 11-2023 Nghiên cứu mối tương quan giữa hàm lượng sulfated galactose, mức độ biểu hiện gen sulfotransferase trong cỏ biển và biến động độ mặn trong



**môi trường/** TS. Nguyễn Xuân Vy, ThS. Trần Thị Minh Huệ; TS. Lê Hồ Khánh Hỷ; TS. Nguyễn Kim Hạnh; ThS. Nguyễn Nhật Như Thủy; ThS. Đặng Trần Tú Trâm; ThS. Phan Bảo Vy - Khánh Hoà - Viện Hải Dương học, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu nhằm xác định mối tương quan giữa hàm lượng sulfated galactose (SP trong cỏ biển), biểu hiện gen sulfotransferase trong mô cỏ biển ở các điều kiện độ mặn khác nhau trong môi trường sống của chúng. Đánh giá, so sánh hàm lượng SP và biểu hiện gen sulfotransferases của loài *Halophila ovalis* thu ngoài tự nhiên vào các thời điểm có độ mặn khác nhau. Phân tích tiến hóa của gen mã hóa cho sulfotransferase ở loài cỏ biển *H. ovalis*. Khảo sát sự biến động của hàm lượng SP và mức độ biểu hiện gen sulfotransferases của loài *H. ovalis* khi trồng trong các điều kiện có độ mặn khác nhau. Xác định/định danh một số loài thực vật biển mới cho Việt Nam và khoa học bằng hình thái và chỉ thị phân tử (Nội dung mở rộng theo quyết định số 235/QĐNAFOSTED ngày 03/07/2020).

Số hồ sơ lưu: 22239

#### **10614. Sinh thái học**

89320. 11-2023 **Nghiên cứu đa dạng thành phần loài và mối quan hệ phát sinh chủng loại các loài chi Nam tinh – *Arisaema* và một số chi khác trong họ Ráy – *Araceae* ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Văn Dư, ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; TS. Lê Chí Toàn; PGS.TS. Nguyễn Văn

Đính; TS. Hà Minh Tâm; TS. Trần Văn Tiến - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2022; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đa dạng về thành phần loài và mối phát sinh chủng loại các loài chi *Arisaema* ở Việt Nam, công bố các taxon mới của chi và một số chi nam trong họ Ráy. Thiết lập bộ mẫu tiêu bản, mẫu sống và bộ mẫu sinh học phân tử của các taxon trong chi *Arisaema* và một số chi khác. Xây dựng bộ dữ liệu về hình thái học và sinh học phân tử của chi Nam tinh - *Arisaema* ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22819

#### **10615. Đa dạng sinh học**

89032. 11-2023 **Tính đa dạng và quan hệ phát sinh loài của hệ động vật vùng núi cao miền Bắc Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp của nhóm động vật chân kếp (*Diplopoda*)/** TS. Nguyễn Đức Anh, TS. Nguyễn Thị Thu Anh; TS. Phùng Thị Hồng Lương; ThS. Nguyễn Giang Sơn; ThS. Đặng Thị Hoa - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu mức độ đa dạng về thành phần loài, mức độ đặc trưng của các loài chân kếp ở vùng núi phía Bắc Việt Nam. Bổ sung sự phân bố của động vật chân kếp ở Việt Nam bằng các ghi nhận sự có mặt của các loài ở các điểm thu mẫu. Xác định mối quan hệ và thời gian tiến hóa giữa các loài chân kếp ở các

vùng núi cao phía Bắc Việt Nam dựa trên phân tích quan hệ di truyền, tiến hóa. Các đoạn trình tự DNA của 2 gen ty thể (COI và 16S rRNA) được tổ hợp và sử dụng để xây dựng cây phát sinh chủng loài thể hiện mối quan hệ và thời gian tiến hóa giữa các loài chân khớp thu thập từ các vùng núi cao.

Số hồ sơ lưu: 22690

### 10616. Công nghệ sinh học

89036. 11-2023 **Nghiên cứu sản xuất một số enzyme phân hủy lignocellulose trên cơ sở khai thác dữ liệu metagenome/** GS. TS. Trương Nam Hải, TS. Đỗ Thị Huyền; TS. Lê Thị Thu Hồng; TS. Nguyễn Thị Quý; ThS. Đào Trọng Khoa; CN. Nguyễn Hồng Dương; ThS. Lê Ngọc Giang; ThS. Lê Quỳnh Giang; Giáo sư. TS. Jürgen Pleiss; GS. TS. W. Streit - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2023; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Giải mã sâu trình tự ADN đa hệ gen của các vi khuẩn từ dạ cỏ dê và mẫu xung quanh nấm mục trắng ở rừng nhiệt đới Việt Nam bằng công nghệ giải trình tự gen thế hệ mới (NGS) và lắp ráp trình tự gen. Phân tích bộ dữ liệu họ protein của các protein đích cơ bản, tìm kiếm và xây dựng công cụ mới cho việc khai thác lựa chọn nhanh các gen ứng viên. Nghiên cứu sàng lọc gen ứng viên bằng kỹ thuật biểu hiện protein vô bào. Nghiên cứu biểu hiện protein/enzyme E. coli và biểu hiện lượng lớn và đánh giá tính chất enzyme tái tổ hợp. Thiết lập một

mạng lưới nghiên cứu đa hệ gen quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 22691

### 2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

87659. 11-2023 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045/** ThS. Trương Thanh Vũ, ThS. Trần Thanh Tài; ThS. Trần Cẩm Linh; TS. Lê Thị Thu Diễm; ThS. Trần Thị Hằng; ThS. Nguyễn Thành Sơn; ThS. Nguyễn Văn Quang; CN. Phan Hiền; CN. Phạm Thị Hồng Ngọc; CN. Nguyễn Thị Ngọc Thu; CN. Ngô Thị Nhuận; ThS. Nguyễn Thị Toại; CN. Phạm Thị Minh; Châu Râm Quy Rút. - An Giang - Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế miền Nam, 2022; 12/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá năng lực cạnh tranh các cụm ngành chế biến lương thực, thủy sản tỉnh An Giang; Đánh giá năng lực cạnh tranh một số cụm ngành công nghiệp như: vật liệu xây dựng, năng lượng, khoáng sản, may mặc, giày dép... tỉnh An Giang; Xây dựng nhiệm vụ và giải pháp hỗ trợ phát triển lực lượng doanh nghiệp ngành công nghiệp tỉnh An Giang; Giải pháp cơ cấu lại nông nghiệp, nâng cao năng lực, cạnh tranh gắn kết với công nghiệp chế biến và xuất khẩu; Giải pháp xây dựng, điều chỉnh cơ chế chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư trong một số ngành công nghiệp ưu tiên, công nghiệp hỗ trợ tại tỉnh An

Giang; Giải pháp liên kết, phát triển nguồn nhân lực gắn với định hướng phát triển cụm ngành, cơ cấu lại ngành công nghiệp; Giải pháp điều chỉnh, cơ cấu lại các ngành công nghiệp phù hợp với định hướng cơ cấu lại các ngành công nghiệp; Định hướng xây dựng Đề án cơ cấu lại ngành công nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

Số hồ sơ lưu: AGG-2022-014

89275. 11-2023 **Nghiên cứu phương pháp định lượng và ước tính phát thải khí nhà kính cho các ngành kinh tế - xã hội của tỉnh Đồng Nai/** PGS.TS Phùng Chí Sỹ, ThS. Vũ Thành Nam; ThS. Phạm Mai Duy Thông; TS. Phùng Anh Đức; ThS. Trịnh Minh Hùng; KS. Đồng Quang Kiên; KS. Nguyễn Minh Tiến; KS. Lê Minh Hiếu; PGS.TS. Bùi Tá Long; KS. Nguyễn Châu Mỹ Duyên - TPHCM - Trung tâm Công nghệ và Môi trường (ENTEC), 2023; 03/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu đầu vào về phát thải KNK cho các ngành kinh tế-xã hội tỉnh Đồng Nai. Cung cấp công cụ để kiểm kê KNK định kỳ cho các ngành kinh tế-xã hội tỉnh Đồng Nai. Hỗ trợ tỉnh trong việc xây dựng chiến lược, kế hoạch giảm phát thải KNK của tỉnh, từ đó đề xuất các ngành có tiềm năng giảm phát thải.

Số hồ sơ lưu: DNI-2023-06

89300. 11-2023 **Xây dựng hệ thống giám sát và điều khiển nhà yến thông minh./** Lương Công Bình, - ThS. Nguyễn Gia Khiêm -

ThS. Nguyễn Xuân Viễn - KS. Phạm Ngọc Toàn - KS. Bùi Quang Huy - ThS. Bùi Đức Dũng - TS. Đinh Đồng Lương - KS. Trần Công Phấn - ThS. Lê Trung Tín - KS. Đinh Công Danh - Nha Trang, Khánh Hòa - Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Yên sào Khánh Hòa, 2023; 02/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Trình bày cách tiếp cận học có giám sát thông qua việc huấn luyện mô hình dự đoán chim yến, nhận dạng được chim yến bên trong nhà yến có độ chính xác cao, ước lượng được số lượng trong nhà yến thông qua biểu diễn biểu đồ theo thời gian. Bổ sung vào tài liệu khoa học chính thống, phát triển nghề nuôi chim yến, là nguồn tư liệu để các nhà quản lý, nhà khoa học tham khảo và các địa phương áp dụng. Tạo tiền đề phát triển nghề nuôi chim yến đầy tiềm năng, mang lại lợi ích kinh tế cao góp phần cải thiện, nâng cao đời sống cho nhân dân, cộng đồng và tăng cường xuất khẩu sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/348

89347. 11-2023 **Nghiên cứu chế tạo bộ điều khiển tự động cho bàn trượt phụ trên máy tiện cơ LD 1440/** ThS. Nguyễn Quang Minh; ThS. Lê Văn Ký - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Nghề Vĩnh Long, 2023; 10/2022 - 05/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu chế tạo hoàn thiện bộ điều khiển có chức năng như sau: Tạo ra bước tiến chạy tự động trên bàn trượt phụ tối đa 70mm. Điều khiển được tốc độ di chuyển của bàn

trượt khi gia công. Về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật: Tạo ra sản phẩm phục vụ giảng dạy, nâng cao chất lượng gia công các chi tiết cơ khí, tiết kiệm chi phí mua sắm thiết bị giảng dạy cho nhà trường. Đáp ứng an toàn, hiệu quả kỹ thuật, dễ sử dụng. Về công nghệ nghiên cứu: tạo ra thiết bị hiện đại đáp ứng được về mặt công nghệ theo xu thế chung hiện nay.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS011.2022-0000350

89348. 11-2023 **Thiết kế mô hình điều khiển thông minh trong phòng cháy chữa cháy quy mô nhà xưởng/** ThS. Trần Văn Thuận; ThS. Nguyễn Hoàng Dương - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Nghề Vĩnh Long, 2023; 10/2022 - 05/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thi công mô hình để phục vụ trong giảng dạy, ứng dụng tốt thực tế tại các nhà xưởng doanh nghiệp, trường học. Đáp ứng mục tiêu đào tạo của các môn học lý thuyết và các mô đun thực hành của các nghề điện công nghiệp, Ứng dụng các công nghệ hiện đại điều khiển từ xa, kết nối vạn vật và năng lượng tái tạo để khắc phục các khuyết điểm của các hệ thống chữa cháy cũ đã có trên thị trường như: khi có sự cố cháy thì không thể mở cửa cuốn, không thể bơm nước chữa cháy, không thể mở đèn thoát hiểm,... Mô hình đưa vào thực tế sẽ chữa cháy kịp thời và cửa cuốn tự mở trong thời gian cháy xưởng nhờ nguồn tích trữ từ ác quy đúng lúc và hệ thống bơm nước tại chỗ kịp thời sẽ bảo quản tài sản đạt

90% so với khi chưa ứng dụng mô hình này

Số hồ sơ lưu: VLG.CS010.2022-0000349

89349. 11-2023 **Nghiên cứu chế tạo thiết bị tích hợp kiểm tra và tạo Pan hệ thống nạp điện - khởi động trên ô tô/** ThS. Trịnh Trung Duy; ThS. Trần Bá Nhân; ThS. Huỳnh Minh Hiệp - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Nghề Vĩnh Long, 2023; 10/2022 - 05/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu chế tạo hoàn thiện một thiết bị tích hợp kiểm tra và tạo pan hệ thống nạp điện - khởi động trên ô tô có các chức năng như sau: Kiểm tra được hoạt động của máy phát điện, máy khởi động trên ô tô. Tạo được 3 hư hỏng thường gặp (PAN) trong hệ thống nạp điện, khởi động trên ô tô (phục vụ giảng dạy các mô đun chuyên ngành Điện ô tô). Phục vụ dạy và học thực hành: đấu dây mạch điện hệ thống nạp điện, hệ thống khởi động trên ô tô. An toàn khi vận hành.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS012.2022-0000351

89383. 11-2023 **Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao chất lượng bề mặt nguyên liệu gỗ rừng trồng để sản xuất đồ mộc, ván sàn chất lượng cao tại tỉnh Hà Giang/** KS. Nguyễn Mạnh Tuấn, CN. Hoàng Thị Hoài; KS. Ngô Trung Giang; TS. Nguyễn Văn Định; TS. Nguyễn Đức Thành; KS. Tạ Thị Thanh Hương. - Hà Giang - Công ty Cổ phần phát triển Xín Mần, 2023;

12/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tiếp nhận được quy trình công nghệ xử lý trang sức bề mặt gỗ Keo làm nguyên liệu để sản xuất đồ mộc, ván sàn chất lượng cao tại Hà Giang Hoàn thiện được quy trình công nghệ trang sức bề mặt ván ghép thanh gỗ Keo bằng ván lạng và laminate tại Hà Giang; Xây dựng được mô hình sản xuất ván ghép thanh gỗ Keo được trang sức bề mặt bằng ván lạng và laminate tại Nhà máy của Công ty Xín Mần quy mô khoảng 1.000 m<sup>3</sup>/năm; Công ty Xín Mần tiếp nhận và làm chủ được các quy trình công nghệ trang sức bề mặt ván ghép thanh gỗ Keo bằng ván lạng và laminate

Số hồ sơ lưu: HSDKTTKHCN-HG-2023

89634. 11-2023 **Phát triển dịch vụ logistics hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên/PGS.TS. Trần Quang Huy; ThS. Nguyễn Đắc Dũng; PGS.TS. Đinh Hồng Linh; TS. Bùi Văn Lương; ThS. Nguyễn Bá Chính; ThS. Đỗ Trọng Nghĩa; TS. Ngô Hương Giang; ThS. Hà Thị Thanh Hoa; TS. Phạm Thị Thanh Mai; ThS. Trần Thanh Hải; TS. Nguyễn Thị Kim Anh; ThS. Trần Thị Khánh Minh; TS. Phạm Thị Minh Nguyệt; TS. Đặng Trung Kiên; ThS. Nông Thị Minh Ngọc; TS. Nguyễn Thành Vũ; ThS. Trần Đức Toàn; ThS. Phạm Thị Quỳnh; ThS. La Quý Dương - Thái Nguyên - Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Đại học Thái**

Nguyên, 2023; 12/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá tổng quát thực trạng dịch vụ Logistics hỗ trợ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, góp phần vào việc hỗ trợ doanh nghiệp, từ đó phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên theo hướng bền vững trong tương lai. Đánh giá thực trạng dịch vụ Logistics của các doanh nghiệp và những yếu tố tác động đến sự phát triển chuỗi logistics tại tỉnh Thái Nguyên. Đề xuất các giải pháp phát triển dịch vụ Logistics phù hợp với điều kiện và đặc điểm của địa phương nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp tại tỉnh Thái Nguyên trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-18

89644. 11-2023 **Nghiên cứu và áp dụng hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến trên nền tảng Moodle và điện toán đám mây./ ThS. Nguyễn Đức Tài, ThS. Đỗ Tùng Sang; ThS. Nguyễn Thanh Hải; KS. Lê Vĩnh Triều; ThS. Lê Tấn Thanh; ThS. Nguyễn Thị Bích Hạnh. - An Giang - Trường Cao Đẳng nghề An Giang, 2023; 05/2022 - 01/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Áp dụng hệ thống LMS dựa trên nền tảng Moodle và điện toán đám mây áp dụng tại trường Cao đẳng nghề An Giang phù hợp với đào tạo nghề nghiệp. Dựa trên cơ sở nghiên cứu tài liệu về phương pháp sư phạm số, nền tảng Moodle, điện toán đám

mây cùng với việc khảo sát thực tế tại trường Cao đẳng nghề An Giang thiết kế cơ cấu quản lý lớp học, môn học đáp ứng theo yêu cầu đào tạo. Để hệ thống hoàn thiện hơn cũng như có những ứng dụng rộng rãi hơn cần có sự tiếp tục quan tâm hỗ trợ từ phía trường Cao đẳng nghề An Giang, đồng thời đề nhân rộng hệ thống phục vụ cho công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh An Giang, cũng cần tổ chức tập huấn năng lực sản xuất học liệu và xây dựng bài giảng số cho giáo viên các trường trên địa bàn.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-010

### **20102. Kỹ thuật xây dựng**

88334. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chí giám sát, đánh giá các dự án thí điểm áp dụng BIM/** TS. Nguyễn Phạm Quang Tú, ThS. Nguyễn Đình Hiếu; TS. Tạ Ngọc Bình; CN. Đỗ Thị Phương Nam; ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; KS. Nguyễn Hoài Nam; CN. Nguyễn Ngọc Thúy Vi; KS. Trần Trí Huệ; ThS. Hoàng Trọng Nghĩa; ThS. Phạm Xuân Trường; ThS. Tường Thế Biên; KS. Phan Thanh Song - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2020; 07/2018 - 07/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những vấn đề lý luận liên quan đến việc xây dựng các tiêu chí giám sát, đánh giá việc áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) trong dự án đầu tư xây dựng; Đánh giá thực trạng việc tổ chức thực hiện áp dụng BIM, công tác giám sát, đánh giá việc áp dụng BIM tại Việt Nam (trọng tâm là các

dự án thí điểm áp dụng); Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí giám sát, đánh giá việc áp dụng BIM trong dự án đầu tư xây dựng (giai đoạn thí điểm) phù hợp với định hướng việc áp dụng và các quy định hiện hành về quản lý đầu tư xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 22572

88359. 11-2023 **Biên soạn TCVN Đường ống kỹ thuật ngầm - Yêu cầu thiết kế, thi công, kiểm tra chất lượng và nghiệm thu/** TS. Trần Toàn Thắng, ThS. Đồng Thị Minh Tâm; ThS. Trần Đức Hiếu; KS. Trần Mạnh Dũng - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 07/2014 - 07/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng dự thảo tiêu chuẩn về yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu Tuy nện kỹ thuật. Khái quát cơ sở pháp lý biên soạn tiêu chuẩn và đưa ra các thông tin chính của dự thảo tiêu chuẩn. Đồng thời đưa ra các nội dung chính của dự thảo tiêu chuẩn như phạm vi áp dụng; tiêu chuẩn vật dẫn, tài liệu tham khảo; thuật ngữ và định nghĩa...

Số hồ sơ lưu: 22588

88403. 11-2023 **Nghiên cứu hiệu quả cách chấn và đề xuất giải pháp ứng dụng gói cách chấn đàn hồi cốt sợi FREI (fiber reinforced elastomeric isolator) áp dụng cho công trình dân dụng thấp tầng chịu tải trọng động đất ở Việt Nam/** TS. Ngô Văn Thuyết, ThS. Nguyễn Văn Thắng; TS. Chu Tuấn Long; ThS. Phạm Thu Hiền; TS.

Phạm Nguyễn Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thúy; TS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Tạ Văn Phần; ThS. Đoàn Xuân Quý; TS. Nguyễn Ngọc Thắng; TS. Nguyễn Duy Cường; KS. Nguyễn Đình Khoa - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2020; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về các phương pháp giảm chấn, các loại gối cách chấn và tình hình sử dụng gối cách chấn để giảm hư hỏng cho công trình dân dụng do động đất gây ra trên thế giới và Việt Nam. Nghiên cứu về động đất, thiệt hại do động đất gây ra trên công trình và các biện pháp kháng chấn cho công trình ở Việt Nam. Lập mô hình và phân tích phi tuyến sự làm việc của gối cách chấn đàn hồi cốt sợi liên kết B-FREI và lập mô hình và phân tích phi tuyến sự làm việc của gối cách chấn đàn hồi cốt sợi không liên kết U-FREI. Đồng thời, nghiên cứu lập mô hình và phân tích hiệu quả cách chấn về mặt kỹ thuật cho công trình dân dụng thấp tầng sử dụng gối cách chấn BFREI và U-FREI. Qua đó, đề xuất một số giải pháp ứng dụng gối cách chấn đàn hồi cốt sợi vào công trình dân dụng thấp tầng thiết kế chịu động đất ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22598

88427. 11-2023 **Nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn: 1. “Sản phẩm bê tông đúc sẵn – Vữa xi măng cốt sợi thủy tinh – Phương pháp thử - Xác định độ lưu động” và 2. “Sản phẩm bê tông đúc sẵn – Vữa xi măng cốt sợi thủy tinh – Phương pháp thử - Xác định hàm**

**lượng sợi trong hỗn hợp vữa cốt sợi thủy tinh bằng phương pháp rửa trôi”/ TS. Trần Minh Đức, TS. Nguyễn Hùng Minh; KS. Lưu Văn Nam; KS. Nguyễn Quốc Tuấn; KS. Lê Xuân Quảng - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2021; 07/2016 - 07/2017. (Đề tài cấp Bộ)**

Bê tông cốt sợi thủy tinh (GRC) đã được sử dụng rộng rãi trên thế giới từ đầu những năm 1970 bởi các tính năng ưu việt của vật liệu cốt sợi: tăng cường độ uốn, cường độ kéo, tăng độ bền va đập, giảm độ co ngót...Bê tông cốt sợi thủy tinh có thể được sản xuất bằng nhiều công nghệ khác nhau như phun khô hoặc phun ướt, sợi thủy tinh có thể được cắt trước và trộn cùng với vữa xi măng hoặc được cắt ngay tại đầu vòi phun ngay trong quá trình phun vữa xi măng vào khuôn để tạo hình. Hiện tại trong hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam chưa có tiêu chuẩn về các phương pháp thử cho vật liệu vữa xi măng cốt sợi thủy tinh, nên việc đánh giá chất lượng sản phẩm này đang sử dụng theo các tiêu chuẩn của Châu Âu như BS EN 1170:2008. Vì vậy cần thiết bổ sung các tiêu chuẩn quy định về phương pháp thử cho các sản phẩm chế tạo từ vữa xi măng cốt sợi thủy tinh. Tiêu chuẩn “Sản phẩm bê tông đúc sẵn – Vữa xi măng cốt sợi thủy tinh – Phương pháp thử - Xác định độ lưu động” là một trong số các tiêu chuẩn xây dựng về sản phẩm xi măng cốt sợi thủy tinh được Bộ Xây dựng giao Viện KHCN Xây dựng thực hiện biên soạn.

Số hồ sơ lưu: 22471

88436. 11-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn đề xuất danh mục "Bộ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ngành Xây dựng"**/ TS. Nguyễn Đại Minh, TS. Cao Duy Khôi; Nguyễn Hồng Hải; Lê Minh Long; Hoàng Minh Đức; Trần Toàn Thắng; Vũ Thành Trung; Trương Thị Hồng Thúy; Đỗ Tiến Thịnh; Cao Duy Tiến - Hà Nội - Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng - IBST, 2022; 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá thực trạng về hệ thống QCKTQG ngành xây dựng; Khảo sát trong và ngoài nước, nghiên cứu, phân tích hệ thống QCXD của các nước trên thế giới như: Nga, Trung Quốc, Anh, Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước ASEAN v.v. để rút ra các kinh nghiệm cho Việt Nam về các cơ sở khoa học và mô hình quản lý hệ thống quy chuẩn ngành xây dựng; Lấy ý kiến và tiếp thu các đóng góp của các Bộ ngành, địa phương và các đơn vị liên quan về hệ thống quy chuẩn ngành xây dựng hiện hành, quản lý và áp dụng các quy chuẩn trong thực tiễn xây dựng ở nước ta; Từ đó, đưa ra định hướng về hoàn thiện, đổi mới hệ thống QCKTQG ngành xây dựng và đề xuất danh mục Bộ Quy chuẩn quốc kỹ thuật quốc gia ngành xây dựng;

Số hồ sơ lưu: 22444

88482. 11-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng tiêu chuẩn "Cơ sở thiết kế kết cấu" theo định hướng mới**/ TS. Nguyễn Đại Minh, TS. Vũ Thành Trung; ThS. Đỗ Văn Mạnh; PGS.TS. Nguyễn Xuân

Chính; GS.TSKH. Nguyễn Đăng Bích; TS. Cao Duy Khôi; TS. Trần Toàn Thắng; TS. Đỗ Tiến Thịnh; TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Nguyễn Hồng Hà - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tiêu chuẩn Cơ sở thiết kế kết cấu là một tài liệu có tính chất nền tảng cho hệ thống các tiêu chuẩn thiết kế kết cấu cốt lõi theo định hướng mới. Tiêu chuẩn (TC) này là TC cơ sở để 8 TC thiết kế kết cấu cốt lõi theo định hướng mới (bao gồm: Tác động lên kết cấu, Thiết kế kết cấu bê tông, Thiết kế kết cấu thép, Thiết kế kết cấu liên hợp, Thiết kế kết cấu gỗ, Thiết kế kết cấu khối xây, Thiết kế địa kỹ thuật, Thiết kế kết cấu chịu động đất và Thiết kế kết cấu nhôm) sử dụng để biên soạn và triển khai thực hiện. Ngoài ra, một số TC thi công và nghiệm thu quan trọng cũng dựa vào TC này và các TC thiết kế nêu trên để biên soạn và áp dụng.

Số hồ sơ lưu: 22251

88484. 11-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn đề đề xuất định hướng mới hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về xây dựng**/ TS. Đinh Quốc Dân, TS. Lê Minh Long; TS. Hoàng Minh Đức; TS. Trần Toàn Thắng; TS. Đỗ Tiến Thịnh; ThS. Trương Thị Hồng Thúy; TS. Phạm Anh Tuấn; TS. Nguyễn Giang Nam; TS. Vũ Thành Trung; TS. Nguyễn Hồng Hà - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)



Khảo sát, đánh giá thực trạng hệ thống tiêu chuẩn xây dựng; Khảo sát thực tế trong và ngoài nước, nghiên cứu, phân tích hệ thống tiêu chuẩn xây dựng của các nước trên thế giới như: Nga, Trung Quốc, Anh, Hà Lan, Mỹ tham khảo hệ thống tiêu chuẩn các nước Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước ASEAN v.v. để rút ra các kinh nghiệm, khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chuyển đổi, tiệm cận đối với hệ thống tiêu chuẩn nước ngoài và làm cơ sở khoa học định hướng đổi mới hệ thống tiêu chuẩn ngành xây dựng; Điều tra khảo sát với trên 200 phiếu gửi về từ các Bộ ngành, cơ quan quản lý hoạt động xây dựng, các đơn vị nghiên cứu, các trường đại học chuyên ngành xây dựng, các tổ chức tư vấn và doanh nghiệp xây dựng lớn trong toàn quốc với hơn 100 câu hỏi về các vấn đề cơ bản của thực trạng, định hướng hệ thống tiêu chuẩn xây dựng; Phối hợp nghiên cứu, phân tích các mặt thuận lợi, khó khăn khi định hướng đổi mới hệ thống cũng như đối với từng nhóm lĩnh vực tiêu chuẩn; Đề xuất định hướng đổi mới hệ thống tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam;

Số hồ sơ lưu: 22246

88488. 11-2023 **Xây dựng cơ sở dữ liệu về điều kiện địa chất và sức chịu tải của cọc khoan nhồi, cọc ép, cọc đóng tại các đô thị lớn Việt Nam (Hà Nội, tp. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng)/** TS. Trần Toàn Thắng, TS. Nguyễn Giang Nam; TS. Trần Huy Tấn; ThS. Bùi Đăng Lương; KS. Nguyễn Chí Quyết; ThS. Nguyễn Ngọc Thuyết; ThS.

Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Ngân; ThS. Trần Đức Hiếu; KS. Đỗ Hồng Lương; KS. Bùi Thị Ánh; ThS. Đỗ Ngọc Sơn - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng phần mềm có chức năng về: Quản lý cơ sở địa chất công trình phục vụ việc tính toán sức chịu tải cọc. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, mở rộng phạm vi cơ sở dữ liệu – tức là dữ liệu không chỉ để phục vụ việc tính sức chịu tải của mỗi móng cọc, mà có thể phục vụ cho các mục đích thiết kế nền móng khác, như móng băng, móng đơn, tính thấm, cố kết, ổn định. Quản lý các số liệu thí nghiệm xác định sức chịu tải cọc tại hiện trường. Tính toán sức chịu tải cọc theo đất nền và theo kết quả thí nghiệm nén tĩnh cọc tại hiện trường. Lập cơ sở dữ liệu ban đầu về địa chất công trình và thí nghiệm xác định sức chịu tải cọc tại hiện trường chỉ cho khu vực Hà Nội (theo yêu cầu của Cơ quan chủ quản đề tài, không tiến hành việc thu thập dữ liệu tại thành phố Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh).

Số hồ sơ lưu: 22230

88490. 11-2023 **Nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn Quốc gia "Móng cầu cầu tháp - Tiêu chuẩn thiết kế"/** TS. Trần Toàn Thắng, TS. Trịnh Việt Cường; TS. Đinh Quốc Dân; TS. Trần Danh Sơn; TS. Nguyễn Giang Nam; ThS. Bùi Đăng Lương - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 08/2017 - 08/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn về thiết kế, thi công và nghiệm thu móng cần trục tháp. Nghiên cứu các loại cần trục tháp hiện đang được sử dụng tại Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu sự làm việc (lắp ráp, thi công, vận hành) của các loại cần trục tháp này. Nghiên cứu các loại móng có thể áp dụng cho cần trục tháp. Tập dụng các loại móng cọc hiện đang được sử dụng của công trình mà không cần bổ sung nhiều các minh chứng về sức chịu tải cọc. Hướng dẫn, liệt kê các yêu cầu khi thiết kế móng cần trục tháp, đặc biệt là việc xác định loại tải trọng tác dụng lên cần trục tháp khi tính toán móng.

Số hồ sơ lưu: 22224

88492. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật bảo trì và sửa chữa phục vụ công tác bảo trì kết cấu bê tông công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp/** TS. Trần Bá Việt; ThS. Đặng Quốc Khánh; ThS. Ngô Mạnh Toàn; TS. Đỗ Tiến Thịnh; TS. Nguyễn Đăng Khoa; TS. Tống Tôn Kiên; GS.TSKH. Bạch Đình Thiên; ThS. Nguyễn Văn Đoàn; TS. Lê Minh Long - Hà Nội - Hội Bê tông Việt Nam, 2023; 05/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở khoa học của các tiêu chuẩn và tài liệu căn cứ biên soạn. Nghiên cứu, xem xét các tiêu chuẩn, tài liệu khác của Việt Nam, của Quốc tế. Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn, viết thuyết minh, lập báo cáo cơ sở khoa học. Phân tích tiêu chuẩn cũ vẫn còn giá trị sử dụng, nhưng cần bổ sung các phần còn thiếu,

phân loại các dạng hư hỏng kết cấu bê tông cốt thép, các công nghệ vật liệu, thiết bị mới cho sửa chữa bảo trì, đánh giá nghiệm thu sau bảo trì, ổn định công trình trong quá trình sửa chữa bảo trì.

Số hồ sơ lưu: 22219

88542. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn lập quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị theo hướng phát triển bền vững/** TS. Vũ Tuấn Vinh, PGS. TS. Lưu Đức Cường TS. Nguyễn Văn Minh; ThS. Nguyễn Đức Trường; KS. Lê Thanh Bình; ThS. Hoàng Đình Giáp; ThS. Nguyễn Đình Ngọc; ThS. Trần Thị Thủy; ThS. Nguyễn Việt Dũng; ThS. Phan Khánh Điệp - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2021; 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan thực trạng quy hoạch, xây dựng hệ thống cao độ nền và thoát nước mặt cũng như công tác quản lý tại các đô thị nghiên cứu. Xây dựng cơ sở khoa học để các cơ quan quản lý bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật: Luật, nghị định, thông tư, quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị có tính đến các định hướng phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu – nước biển dâng. Xây dựng các nguyên tắc cho công tác quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị gắn với việc sử dụng hiệu quả quỹ đất thấp trũng trong đô thị phục vụ công tác thoát nước theo hướng sử dụng đa chức năng, giải quyết vấn đề ngập

ứng trong đô thị có tính đến các định hướng phát triển bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu – nước biển dâng. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị nhằm tạo ra công cụ hỗ trợ đắc lực cho công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt đô thị nói riêng, cũng như công tác quản lý phát triển đô thị nói chung.

Số hồ sơ lưu: 22191

88544. 11-2023 **Nghiên cứu biên soạn Hướng dẫn thiết kế kết cấu bê tông cốt thép của nhà cao và siêu cao tầng/** TS. Nguyễn Hồng Hải, TS. Cao Duy Bách; Nguyễn Hồng Hà; Vũ Thành Trung; Đỗ Tiến Thịnh; Nguyễn Mạnh Cường; Vũ Văn Chủ; Ngô Hoàng Quân; Nguyễn Văn Thắng; Phùng Ngọc Phan; Nguyễn Ngọc Bá - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2021; 06/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về tình hình thiết kế kết cấu nhà cao tầng bê tông cốt thép trong và ngoài nước. Trao đổi, khảo sát thực tế, học tập kinh nghiệm các đối tác trong và ngoài nước như ACI (Mỹ), ICC (Mỹ), công ty tư vấn thiết kế Thornton-Tomasetti và một số đơn vị nghiên cứu, thiết kế trong và ngoài nước. Khảo sát, đánh giá công tác thiết kế các công trình ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh ở Việt Nam. Nghiên cứu ứng xử của nhà siêu cao chịu tải trọng gió ở Việt Nam, trong đó có nghiên cứu thông qua thực nghiệm một số công trình cao tầng trong ống thổi khí động. Từ

đó, có cơ sở kiến nghị việc tính toán nhà siêu cao chịu tải trọng gió theo tiêu chuẩn TCVN 2737:1995 và ASCE 7-10 một cách hợp lý. Đề xuất kiến nghị cho việc tính toán thiết kế nhà cao và siêu cao chịu tác động của động đất theo TCVN 9386: 2012, UBC, ASCE.

Số hồ sơ lưu: 22193

88546. 11-2023 **Nghiên cứu phân loại nhà ở an toàn chịu gió, bão/** TS. Vũ Thành Trung, ThS. Đỗ Văn Mạnh; Nguyễn Hồng Hà; Hồ Hữu Thắng; Phan Đăng Dũng; Đặng Tuấn Anh; Nguyễn Ngọc Huy; Phạm Trung Thành; Tống Sĩ Biền; Đặng Thị Minh Phương - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2021; 10/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thực hiện các nội dung cho phân loại nhà ở an toàn (nhà ở riêng lẻ) chịu gió, bão ở Việt Nam nhằm có kế hoạch ứng phó với bão: trú ẩn, gia cố gia cường nhà hoặc di dân. Nghiên cứu phân loại nhà ở an toàn chịu gió, bão" đã đưa ra phân loại nhà ở thành 02 loại: nhà ở an toàn và nhà ở không an toàn, để từ đó có các ứng phó đối với các cấp bão xảy ra. Phân loại nhà theo thiết kế: Nhà xây dựng theo tiêu chuẩn (Nhà theo tiêu chuẩn), nhà xây dựng không theo tiêu chuẩn (Nhà phi tiêu chuẩn) và các loại nhà còn lại. Hoặc theo phân loại theo mức độ kiên cố: Nhà kiên cố: Là nhà có ba kết cấu chính: cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc; Nhà bán kiên cố: Là nhà có hai trong ba kết cấu chính cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu bền chắc; Nhà

thiếu kiên cố: Là nhà có một trong ba kết cấu chính cột, mái, tường được làm bằng vật liệu bền chắc; Nhà đơn sơ: Là nhà có cả ba kết cấu chính cột, mái, tường đều được làm bằng vật liệu không bền chắc.

Số hồ sơ lưu: 22195

88559. 11-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng tiêu chuẩn “Công tác đất – Thi công và nghiệm thu” theo định hướng mới/** TS. Trần Toàn Thắng, TS. Nguyễn Giang Nam; TS. Trần Huy Tấn; ThS. Trần Đức Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Ngân; ThS. Đồng Thị Minh Tâm; ThS. Bùi Đăng Lương; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Chí Quyết; KS. Phạm Văn Giang; KS. Phạm Hồng Dương; KS. Nguyễn Văn Ngọc; KS. Nguyễn Thị Bé; KS. Hoàng Đức Hải; KS. Bùi Thị Ánh - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật xây dựng đồng bộ, đầy đủ, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và các hoạt động trong xây dựng; đảm bảo an toàn; áp dụng các công nghệ tiên tiến, nâng cao năng suất, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

Số hồ sơ lưu: 22436

88798. 11-2023 **Nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ cọc vật liệu hỗn hợp cát biển - xi măng - tro bay gia cố nền đất yếu phục vụ xây dựng công trình hạ tầng khu vực ven biển và hải đảo/**

PGS.TS. Tạ Đức Thịnh, TS. Nguyễn Trọng Dũng; PGS. TS. Hồ Anh Cương; TS. Tăng Văn Lâm; TS. Phạm Văn Hùng; TS. Hoàng Đình Phúc; TS. Đặng Quang Huy; TS. Vũ Minh Ngạn; PGS.TS. Nguyễn Xuân Mãn; ThS. Bùi Anh Thắng - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2023; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu sức chịu tải và độ lún của nền đất yếu phụ thuộc vào các đặc trưng sức chống cắt. Xây dựng cơ sở lý thuyết công nghệ cọc cát biển-xi măng trên cơ sở phân tích quá trình gia tăng cường độ cọc, quá trình gia tăng sức kháng cắt của đất yếu xung quanh cọc, quá trình nén chặt và cố kết thoát nước của nền đất yếu. Đánh giá định lượng các quá trình gia tăng sức chịu tải và giảm độ lún của nền đất yếu thông qua các thí nghiệm trong phòng và ở hiện trường. Nghiên cứu khả năng sử dụng cát biển và tro bay tại chỗ vùng ven biển và hải đảo làm vật liệu cọc cát biển-xi măng-tro bay phục vụ xây dựng công trình hạ tầng. Xây dựng Chỉ dẫn kỹ thuật “Gia cố nền đất yếu: Phương pháp cọc vật liệu hỗn hợp cát biển-xi măng-tro bay” làm cơ sở kiến nghị ứng dụng công nghệ cọc cát biển-xi măng-tro bay vào thực tế gia cố nền đất yếu.

Số hồ sơ lưu: 22658

88799. 11-2023 **Nghiên cứu chế tạo bê tông rỗng có tác dụng giảm sóng bảo vệ bờ đảo, bờ biển/** PGS. TS. Nguyễn Văn Tuấn, ThS. Nguyễn Văn Đồng; PGS. TS. Trần Thanh Tùng; PGS. TS. Lê Hải Trung; TS.

Bạch Dương; TS. Nguyễn Công Thắng; TS. Phạm Sỹ Đồng; TS. Lưu Văn Sáng; ThS. Nguyễn Văn Bình; KS. Trần Văn Kiên - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2023; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về nghiên cứu và ứng dụng bê tông rỗng và kết cấu trong bảo vệ bờ đảo, bờ biển. Phân tích hiện trạng hư hỏng của các kết cấu bảo vệ bờ đảo, bờ biển. Lựa chọn nguyên vật liệu chế tạo bê tông rỗng có chức năng giảm sóng. Nghiên cứu ảnh hưởng của nguyên vật liệu đến cấu trúc rỗng của bê tông và đánh giá các tính chất cơ lý của bê tông, từ đó lựa chọn cấp phối bê tông hợp lý sử dụng chế tạo cấu kiện có chức năng giảm sóng. Thí nghiệm mô hình vật lý (máng sóng) đánh giá sự ảnh hưởng của cấu trúc rỗng đến chức năng giảm sóng.

Số hồ sơ lưu: 22664

88914. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn "Bê tông - Phương pháp lựa chọn thành phần cấp phối theo định hướng mới"**/ TS. Hoàng Minh Đức, TS. Lê Phụng Ly; ThS. Đỗ Thị Lan Hoa; ThS. Trần Quốc Toán; ThS. Nguyễn Tuấn Nam; ThS. Ngô Văn Toàn; ThS. Lê Thuận An; ThS. Đoàn Thị Thu Lương; KS. Phan Công Hậu; KS. Nguyễn Văn Chiến - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về lựa chọn thành phần bê tông. Xác định thông số đầu vào phục vụ lựa chọn thành phần bê

tông. Lựa chọn vật liệu đầu vào cho bê tông, lựa chọn tỷ lệ nước trên xi măng theo cường độ và tỷ lệ cốt liệu nhỏ. Nghiên cứu thực nghiệm lựa chọn và hiệu chỉnh thành phần.

Số hồ sơ lưu: 22671

88989. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn "Bê tông - Yêu cầu kỹ thuật, tính năng, sản phẩm và hợp chuẩn" (EN 206 và các TC Việt Nam hiện hành)**/ TS. Hoàng Minh Đức, TS. Lê Phụng Ly; ThS. Đỗ Thị Lan Hoa; ThS. Ngô Văn Toàn; ThS. Lê Thuận An; ThS. Trần Quốc Toán; ThS. Đoàn Thị Thu Lương; ThS. Đỗ Văn Công; ThS. Nguyễn Tuấn Nam; KS. Phan Công Hậu; KS. Nguyễn Văn Chiến - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các cơ sở kỹ thuật quy định về yêu cầu kỹ thuật, tính năng, sản xuất và đánh giá bê tông. Phân loại môi trường tiếp xúc trong điều kiện Việt Nam tương thích với EN206. Cơ sở quy định các chỉ tiêu kỹ thuật đối với bê tông. Các yêu cầu đối với bê tông và vật liệu chế tạo, cấp phối sản xuất và giao nhận. Đề xuất căn cứ, yêu cầu và quy trình kiểm tra đánh giá phù hợp bê tông.

Số hồ sơ lưu: 22673

89006. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng 04 tiêu chuẩn quốc gia về thiết bị làm việc tạm thời theo định hướng mới**/ TS. Nguyễn Hồng Hải, ThS. Ngô Mạnh Toàn; ThS. Đặng Trọng Thăng; PGS. TS. Nguyễn Xuân Chính; ThS. Vũ Ngọc

Luyên; ThS. Nguyễn Hồng Sơn; TS. Đỗ Tiến Thịnh; KS. Vũ Hồng Hà; ThS. Đỗ Trần Hùng - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các yêu cầu chung, các loại tải trọng tác động lên kết cấu, yêu cầu thiết kế và quy trình thiết kế cho giàn giáo. Nghiên cứu về các loại vật liệu kim loại, vật liệu phi kim sử dụng để làm giàn giáo. Quy trình thí nghiệm điển hình giàn giáo và các yêu cầu chung khi thí nghiệm thử tải giàn giáo. Đánh giá sức chịu tải thí nghiệm các cấu kiện và hệ cấu kiện giàn giáo. Đánh giá độ cứng hệ giàn giáo và các loại vật liệu sử dụng làm lưới an toàn cho giàn giáo. Các yêu cầu chung khi tính toán và thử nghiệm lưới an toàn cho giàn giáo. Tổng hợp và phân tích dữ liệu tính toán phục vụ công tác biên soạn tiêu chuẩn quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 22683

89131. 11-2023 **Nghiên cứu và đề xuất mô hình quản lý vận hành hệ thống cơ - điện (M&E - Mechanical & Electrical) sử dụng công nghệ BIM (Building Information Modelling) kết hợp AR (Augmented Reality)/ PGS. TS. Trần Anh Bình, ThS. Nguyễn Thanh Bản; ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn; ThS. Đỗ Quốc Hoàng; ThS. Phạm Văn Hoàn; KS. Trần Tiến Đạt; ThS. Nguyễn Đình Anh; ThS. Nguyễn Xuân Linh; ThS. Nguyễn Thị Lê Hải; ThS. Dương Diệp Thúy - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2022; 07/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Tập trung nghiên cứu những hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ BIM trong lĩnh vực xây dựng; những đặc điểm nổi bật của công nghệ thực tế tăng cường (AR); công nghệ nhận diện hình ảnh của Vuforia. Từ đó, đề xuất quy trình kết hợp công nghệ BIM và AR nhằm xây dựng ứng dụng quản lý thông tin công trình trên thiết bị di động. Ứng dụng cho phép người dùng theo dõi, quản lý hệ thống cơ điện sử dụng camera của thiết bị chiếu vào bức tường/trần giả để nhìn thấy toàn bộ mô hình thiết kế của hệ thống cơ điện ẩn trong bức tường, trần giả hiển thị dạng 3D thông tin công trình. Nhóm tác giả dựng thí điểm mô hình 3D tòa nhà A1 trường Đại học xây dựng, phòng 410A1 khoa Công nghệ thông tin, tường và trần hành lang tòa nhà trên phần mềm Revit; mô hình 3D tòa nhà A2 trên phần mềm Tekla Structures.

Số hồ sơ lưu: 21893

### **20103. Kỹ thuật kết cấu và đô thị**

88476. 11-2023 **Nghiên cứu mở rộng ứng dụng thiết kế đô thị trong đồ án quy hoạch nhằm quản lý khai thác không gian cao tầng, điểm nhìn, điểm nhấn trong đô thị/ ThS. Nguyễn Xuân Anh, ThS. Nguyễn Thị Hồng Diệp; ThS. Lê Thanh Bình; ThS. Trần Phương Huyền; ThS. Chử Đức Trung; ThS. Phan Trọng Tuệ; TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân; ThS. Hoàng Đình Giáp; KS. Hoàng Hưng Minh; ThS. Trần Duy Hưng; KS. Trần Thị Thủy; KTS. Ngô Thùy Duyên; KTS. Nguyễn**

Hữu Hoan - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng phương pháp luận mở rộng ứng dụng thiết kế đô thị về tăng cao trong công tác quy hoạch đô thị; Xây dựng quy trình thiết kế đô thị về tăng cao trong quy hoạch đô thị; Xây dựng khung nội dung hướng dẫn thiết kế đô thị về quản lý tăng cao cho một số trường hợp nghiên cứu thí điểm; Đề xuất một số cơ chế chính sách nhằm mở rộng ứng dụng thiết kế đô thị về tăng cao trong quy hoạch đô thị.

Số hồ sơ lưu: 22278

88548. 11-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện hướng dẫn công cụ đánh giá – công nhận Khu Đô thị Xanh tại Việt Nam/** TS. Nguyễn Tất Thắng, ThS. Lê Ngọc Quyên; PGS.TS. Phạm Thúy Loan; TS. Nguyễn Văn Muôn; ThS. Nguyễn Tất Cường; ThS. Nguyễn Trung Kiên; ThS. Phạm Quang Khải; ThS. Phạm Hoàng Phương; ThS. Nguyễn Thanh Tú; ThS. Đặng Trần Hưng - Hà Nội - Viện kiến trúc quốc gia, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về một số bộ công cụ đánh giá - chứng nhận khu đô thị xanh trên thế giới như: Bộ LEED Neighborhood Development (LEED ND) thuộc hệ thống LEED của Mỹ, Bộ BREEM Communities (BREEM Com) thuộc hệ thống BREEM của Anh. Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, đặc biệt là vấn đề quy

trình vận hành các công cụ, cách thức thúc đẩy và tăng cường việc áp dụng các bộ công cụ vào thực tiễn ở các Quốc gia. Đánh giá thử cho 2 dự án khu đô thị mới để kiểm tra tính phù hợp của Bộ tiêu chí; Tham vấn các bên liên quan (các chủ đầu tư, các nhà tư vấn, các cơ quan quản lý xây dựng ...); Hoàn thiện bộ tiêu chí; Xây dựng dự thảo Thông tư về Đánh giá - chứng nhận Khu đô thị xanh.

Số hồ sơ lưu: 22198

88992. 11-2023 **Nghiên cứu ứng dụng, phát triển kết cấu chống tràn cho đê sông do lũ/** TS. Nguyễn Chí Thanh, KS. Nguyễn Văn Thanh; PGS. TS. Nguyễn Thành Công; TS. Ngô Anh Quân; TS. Đỗ Thế Quỳnh; ThS. Vũ Quốc Công; ThS. Đinh Xuân Trọng; KS. Vũ Văn Xiêm; ThS. Phạm Thị Nguyệt; KS. Nguyễn Thị Thoa - Hà Nội - Viện Thủy công, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan, đánh giá hiện trạng các tuyến đê sông, bờ bao có nguy cơ tràn đỉnh do lũ trên địa bàn các tỉnh có đê ở phía Bắc Việt Nam. Phân tích kỹ thuật, phạm vi sử dụng của các giải pháp kết cấu chống tràn cho đê sông ở trong và ngoài nước, và đề xuất ứng dụng theo đặc điểm của từng vùng. Khảo sát, thiết kế, thi công ứng dụng thử nghiệm cho giải pháp kết cấu chống tràn mới được đề xuất. Xây dựng quy trình kỹ thuật của các giải pháp kết cấu chống tràn cho đê sông. Xây dựng định mức của các giải pháp

công nghệ, kết cấu chống tràn đê sông do lũ.

Số hồ sơ lưu: 22682

89186. 11-2023 **Nghiên cứu ứng dụng phương pháp trí tuệ nhân tạo trong chẩn đoán hư hỏng và theo dõi đặc trưng dao động kết cấu dầm cầu nhịp lớn ở Việt Nam phục vụ đánh giá định kỳ về an toàn công trình và an toàn giao thông.**/ KS. Lê Hoàng Minh, ThS. Trần Ngọc Hòa; TS. Phạm Văn Phê; TS. Trần Việt Hưng; TS. Lê Hoàng Anh; TS. Nguyễn Thị Cẩm Nhung; ThS. Nguyễn Thái Khanh; ThS. Nguyễn Trung Hà; ThS. Lê Anh Tuấn; KS. Nguyễn Hữu Quyết - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2023; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng mô hình số xác định ứng xử động kết cấu, phân tích các bộ dữ liệu thu được, theo dõi sức khỏe và kiểm tra an toàn định kỳ kết cấu. Chẩn đoán các hư hỏng xuất hiện trong kết cấu, kịp thời đưa ra các biện pháp hạn chế và khắc phục những hư hỏng này để đảm bảo an toàn cho kết cấu. Nghiên cứu sử dụng phương pháp học máy (Machine learning - ML) để phân tích các bộ dữ liệu từ thí nghiệm để theo dõi đặc trưng dao động, chẩn đoán hư hỏng và kiểm tra an toàn định kỳ kết cấu dầm cầu nhịp lớn tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 21920

#### **20104. Kỹ thuật giao thông vận tải**

88346. 11-2023 **Nghiên cứu đáp ứng động của các kết cấu cầu**

**thép nhịp lớn trên tuyến đường sắt tốc độ cao và đề xuất một số kết cấu cầu thép nhịp lớn tối ưu ở Việt Nam**/ KS. Nguyễn Mạnh Hải, ThS. Trần Ngọc Hòa; PGS.TS. Đỗ Anh Tú; Vũ Hải Tùng; TS. Nguyễn Cẩm Nhung; PGS.TS. Trần Quốc Đạt; ThS. Lê Anh Tuấn; ThS. Võ Văn Nhựt; ThS. Phạm Cường; TS. Huỳnh Phúc Hậu - Hà Nội - Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương 5, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về nghiên cứu dao động của kết cấu nhịp cầu giàn thép trên đường sắt. Nghiên cứu xây dựng mô hình phân tích ứng xử động của kết cấu nhịp cầu đường sắt dưới tác dụng của hoạt tải đoàn tàu có xét đến yếu tố vận tốc. Tiến hành khảo sát và thực nghiệm đo dao động kết cấu nhịp cầu giàn thép đường sắt biên song song. Qua đó, đề xuất thuật toán để cập nhật mô hình kết cấu và xác định tham số động dựa trên mô hình đã cập nhật. Đồng thời, đề xuất và tối ưu hóa các tham số cho kết cấu cầu giàn thép nhịp lớn dùng cho đường sắt cao tốc ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22575-cl1

88363. 11-2023 **Thiết kế chế tạo hệ thống giám sát thông số và cảnh báo cầu đường bộ sử dụng trí tuệ nhân tạo trên nền IoT**/ PGS. TS. Đồng Văn Hương, PGS.TS. Đặng Xuân Kiên; TS. Lưu Hoàng Minh; TS. Tạ Văn Phương; TS. Trần Thiện Lưu; ThS. Hồ Lê Anh Hoàng; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; CN. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Phạm Thị Duyên Anh; CN. Trần Mai Hương -



TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về internet of things (IoT) và về hệ thống giám sát tình trạng công trình (shm). Tìm hiểu cơ sở lý thuyết xây dựng hệ thống giám sát thông số và cảnh báo cầu đường bộ sử dụng trí tuệ nhân tạo trên nền IoT. Tính toán, thiết kế phần cứng hệ thống giám sát thông số và cảnh báo cầu đường bộ sử dụng trí tuệ nhân tạo tại trung tâm giám sát tại chỗ trên nền IoT. Tiến hành thử nghiệm hệ thống giám sát thông số và cảnh báo cầu đường bộ sử dụng trí tuệ nhân tạo trên nền IoT.

Số hồ sơ lưu: 22593

88449. 11-2023 **Nghiên cứu phát triển mô hình tương tác tàu-cầu và ứng dụng các mô hình học máy trong phân tích động lực học một số loại cầu đường sắt điển hình - Định hướng áp dụng cho công tác tối ưu hóa thiết kế công trình cầu đường sắt tốc độ cao tại Việt Nam trong tương lai/** TS. Nguyễn Văn Đăng, TS. Hoàng Vũ; TS. Lê Nguyên Khương; TS. Trần Lê Hưng; TS. Nguyễn Thị Thanh Xuân; ThS. Kiều Quang Thái; ThS. Ngô Thị Hồng Quế; ThS. Cao Minh Quyền; KS. Mai Minh Việt; ThS. Nguyễn Hữu Anh - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp các mô hình tương tác giữa tải trọng đoàn tàu và cầu đường sắt tốc độ cao. Tổng hợp các mô

hình học máy (Machine Learning) và các thuật toán tối ưu trong xây dựng. Nghiên cứu xác định hiệu ứng do tải trọng đoàn tàu trên cầu và đường sắt tốc độ cao theo mô hình đoàn khối lượng tập trung di động, so sánh với mô hình đoàn tải trọng tập trung di động. Lựa chọn phương pháp mô hình đoàn tàu cho nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của các tham số như độ cứng gối tựa mố, trụ cầu, chiều dài đoạn chuyển tiếp đường – cầu. Lập trình tính toán, chương trình tính toán được kiểm chứng với kết quả đo thực nghiệm trên công trình cầu đường sắt tốc độ cao đã thực hiện và công bố trên thế giới. Xây dựng bộ số liệu số lớn về chuyên vị và gia tốc theo hàm số vận tốc, đặc trưng hình học, vật liệu cho dạng cầu đường sắt điển hình. Đề xuất mô hình học máy phân tích động lực học của cầu đường sắt tốc độ cao. Xây dựng phần mềm tính toán cho phép dự báo nhanh giá trị gia tốc và chuyên vị lớn nhất của cầu đường sắt, áp dụng cho công tác thiết kế tiền khả thi.

Số hồ sơ lưu: 22416

89007. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất khung tiêu chí ưu tiên lựa chọn trong công tác bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và đường thủy nội địa./** ThS. Nguyễn Như Minh, KS. Trần Thị Thùy Linh; ThS. Lê Quang Huy; ThS. Nguyễn Minh Ngọc; ThS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Lê Thị Mai; ThS. Phan Hoàng Phương; ThS. Nguyễn Trung Anh; KS. Hoàng Huyền Thương; KS. Phạm Thị Thu Hằng - Hà Nội - Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông

vận tải, 2023; 01/2022 - 06/2023.  
(Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng khung tiêu chí ưu tiên lựa chọn trong công tác bảo trì công trình đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải. Xây dựng khung tiêu chí ưu tiên lựa chọn trong công tác bảo trì công trình đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả lựa chọn trong công tác bảo trì công trình đường bộ và bảo trì công trình đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

Số hồ sơ lưu: 22685

#### **20105. Kỹ thuật thủy lợi**

87927. 11-2023 **Xây dựng hệ thống công thức về dự đoán độ bền của các kết cấu cylinder ngoài khơi khi bị đâm va/** TS. Đỗ Quang Thắng, TS. Huỳnh Văn Vũ; TS. Trần Hưng Trà; TS. Huỳnh Lê Hồng Thái; TS. Phạm Thanh Nhựt; ThS. Trần Đình Tứ; ThS. Đỗ Văn Tá - Hà Nội - Trường Đại học Nha Trang, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thực hiện thành công các thí nghiệm về va chạm động và độ bền của kết cấu cylinder sau va chạm với các tải trọng khác nhau. Tổng kết các công bố khoa học liên quan đến ứng xử va chạm và độ bền còn lại sau va chạm của các kết cấu kiểu cylinder. Tìm ưu nhược điểm của các phương pháp đã đề xuất trước đây. Tiến hành thực hiện thí nghiệm va chạm và thí nghiệm độ bền tới hạn của kết cấu cylinder Xây dựng

được các phương pháp mô phỏng số trên phần mềm thương mại Abaqus cho bài toán đâm va và bài toán độ bền của kết cấu công trình biển ngoài khơi sau đâm va. Xây dựng được các công thức để dự đoán độ bền của kết cấu các kết cấu công trình biển kiểu cylinder sau va chạm.

Số hồ sơ lưu: 22182

87972. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng thử nghiệm hệ thống cảnh báo sớm trượt lở dạng dòng bùn đất, đá theo thời gian thực cho các khu vực miền núi Việt Nam/** TS. Nguyễn Thành Long, KS. Phạm Đức Trọng; TS. Nguyễn Quốc Định; KS. Đỗ Thị Minh Nguyệt; KS. Phạm Chế Linh; KS. Trần Hồng Hạnh; TS. Đặng Quốc Tiến; GS.TS. Tien-Yin Chou; GS.TS. Ko-Fei Liu; ThS. Đặng Ngọc Điệp - Hà Nội - Viện khoa học địa chất và khoáng sản, 2023; 06/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lựa chọn mô hình và xây dựng quy trình vận hành hệ thống cảnh báo sớm trượt lở dạng dòng bùn đất, đá (TLDDBĐĐ) theo thời gian thực tại Việt Nam trên cơ sở thực tiễn xây dựng, vận hành 02 hệ thống cảnh báo sớm TLDDBĐĐ theo thời gian thực. Nghiên cứu nhằm khả năng nội địa hóa các trang thiết bị cảnh báo sớm TLDDBĐĐ theo thời gian thực phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Nghiên cứu xây dựng tiêu chí lựa chọn khu vực lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm TLDDBĐĐ theo thời gian thực. Chuẩn hóa, đề xuất nhân rộng mô

hình cảnh báo sớm TLDDBĐĐ theo thời gian thực cho các tỉnh miền núi tại Việt Nam. Nghiên cứu xây dựng tiêu chí lựa chọn khu vực lắp đặt hệ thống cảnh báo sớm TLDDBĐĐ theo thời gian thực cho các khu vực miền núi tại Việt Nam. Đánh giá khả năng nội địa hóa các trang thiết bị cảnh báo sớm TLDDBĐĐ theo thời gian thực phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Đề xuất mô hình và quy trình vận hành hệ thống cảnh báo sớm TLDDBĐĐ theo thời gian thực cho các khu vực miền núi tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22180

88127. 11-2023 **Nghiên cứu, đề xuất hướng dẫn một số nội dung chi tiết báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án thuộc lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải đô thị; lĩnh vực xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hình thức đối tác công tư tại Việt Nam/** ThS. Vũ Quyết Thắng, CN. Bùi Thị Ngọc Anh; TS. Lê Văn Long; ThS. Nguyễn Thị Hồng Mai; ThS. Nguyễn Đình Hiếu; KS. Tô Minh Thu; CN. Hoàng Kim Ngọc - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2019; 01/2017 - 06/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Tập trung nghiên cứu nội dung thuyết minh dự án đầu tư xây dựng thoát nước và xử lý nước thải đô thị, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Việt Nam (bao gồm cả dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư); đề tài không đi sâu vào nghiên cứu các nội dung thuần túy về kỹ thuật như tính toán thiết kế công nghệ, thiết kế cơ sở của dự án; Đề xuất hướng dẫn

một số nội dung chi tiết báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của dự án trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hình thức đối tác công tư để Bộ Xây dựng tham khảo trong quá trình soạn thảo, ban hành chính sách; các tổ chức, cá nhân có liên quan tham khảo trong quá trình lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

Số hồ sơ lưu: 22197

88633. 11-2023 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp cấp nước an toàn vùng đồng bằng sông Cửu Long ứng phó với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn/** ThS. Đặng Anh Thư, ThS. Lê Việt Phương; ThS. Nguyễn Xuân Long; ThS. Phạm Anh Sơn; Hoàng Diệu Thúy; Trương Thị Thanh Hương - Hà Nội - Cục Hạ tầng kỹ thuật, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thời gian vừa qua, do ảnh hưởng của thời tiết, dòng chảy từ thượng nguồn cùng với tác động của thủy triều, tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn ở vùng đồng bằng sông Cửu Long đã xảy ra với diễn biến phức tạp và khó lường, gây mất an toàn cấp nước. Trong bối cảnh nêu trên, việc thực hiện nhiệm vụ “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp cấp nước an toàn cho vùng đồng bằng sông Cửu Long ứng phó với biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn” là rất cần thiết, góp phần thúc đẩy triển khai các giải pháp công trình và phi công

trình nhằm bảo đảm nguồn nước sạch sinh hoạt cho người dân vùng đồng bằng sông Cửu Long. Từ đó đề xuất giải pháp bảo đảm cấp nước an toàn cho vùng đồng bằng sông Cửu Long ứng phó với biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn (bao gồm cả giải pháp về cơ chế, chính sách và giải pháp kỹ thuật).

Số hồ sơ lưu: 22643

89071. 11-2023 **Nghiên cứu ảnh hưởng của thi công đường ống cấp thoát nước trong thành phố bằng phương pháp pipe – jacking đến các công trình trên mặt/** TS. Nguyễn Trọng Dũng, PGS.TS. Nguyễn Văn Mạnh; PGS.TS. Nguyễn Xuân Mãn; TS. Vũ Minh Ngạn; TS. Phạm Đức Thọ; ThS. Nguyễn Thành Nam; ThS. Bùi Anh Thắng; TS. Hoàng Đình Phúc; TS. Bùi Văn Đức; ThS. Ngô Thị Hương Trang - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng mô hình tính lún và xác định vùng ảnh hưởng khi thi công đường ống ngầm trong thành phố bằng phương pháp pipe-jacking. Đánh giá các yếu tố ảnh hưởng khi thi công đường ống cấp thoát nước trong thành phố bằng phương pháp pipe-jacking đến các công trình trên mặt. Đề xuất các giải pháp thích hợp nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của công tác thi công đường ống cấp thoát nước trong thành phố bằng phương pháp pipe-jacking đến các công trình trên mặt.

Số hồ sơ lưu: 22705

## **20106. Kỹ thuật địa chất công trình**

89042. 11-2023 **Nghiên cứu ảnh hưởng của xâm nhập mặn, triều cường, điều kiện địa chất, môi trường khí hậu tới tuổi thọ công trình tại đồng bằng sông Cửu Long, đề xuất các nhiệm vụ nghiên cứu trong 05 năm tới/** TS. Nguyễn Văn Xuân, ThS. Nguyễn Ngọc Long Giang; TS. Trần Văn Tỷ; TS. Đỗ Thị Mỹ Dung; TS. Trần Vũ An; TS. Lâm Thanh Quang Khải; TS. Trần Văn Tuấn; TS. Nguyễn Hoàng Anh; TS. Huỳnh Vương Thu Minh; TS. Nguyễn Văn Thọ; ThS. Trần Văn Hùng; ThS. Trịnh Công Luận; ThS. Phan Thị Thu Trang - Vĩnh Long - Trường Đại học Xây dựng miền Tây, 2023; 10/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát hiện trạng bao gồm: Phân vùng bị ảnh hưởng theo từng yếu tố tác động (lũ - triều cường, xâm nhập mặn, lún sụt); thu thập và phân tích chất lượng đất (cơ lý), nước (chỉ tiêu chất lượng nước) và cường độ bê tông tại hiện trường và trong phòng thí nghiệm. Khảo sát và đánh giá trữ lượng và nhu cầu các loại vật liệu địa phương sử dụng làm vật liệu trong xây dựng (vật liệu san nền, vật liệu xây dựng). Tiến hành thí nghiệm các nghiệm thức nhằm đánh giá tiềm năng sử dụng vật liệu (từ chất thải công và nông nghiệp) thay thế nguồn vật liệu truyền thống (cát, xi măng) hướng đến phát triển bền vững. Đánh giá việc áp dụng tiêu chuẩn thiết kế và thi công cho các công trình tại đồng bằng sông

Cửu Long (dân dụng, giao thông và thủy lợi).

Số hồ sơ lưu: 22692

### **20201. Kỹ thuật điện và điện tử**

87861. 11-2023 **Phát hiện phân tử sinh học dựa trên bộ cảm biến sinh học cộng hưởng plasmon bề mặt định xứ (LSPR) với các hạt nano plasmon/** TS. Trần Thị Như Hoa, PGS.TS. Trần Thị Thanh Vân; ThS. Mai Ngọc Xuân Đạt; ThS. Tạ Thị Kiều Hạnh; ThS. Phạm Thanh Tuấn Anh; ThS. Hoàng Văn Dũng; CN. Lại Thị Hoa - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo sợi quang gắn với các đầu nối sợi quang FC/PC. Thiết kế cấu trúc chiều dài cảm biến của sợi quang đa mode từ 1cm đến 10cm. Ước tính số lượng của các mode phản xạ truyền qua một sợi quang đa mode. Chế tạo và mô tả đặc tính của hạt nano đơn kim loại Au bằng phương pháp sol-gel. Các nhóm chức được tạo trên bề mặt cảm biến quang học có ái lực cao với các hạt nano Au trong vùng cảm biến cộng hưởng plasmon bề mặt cục bộ trên sợi quang. Thiết lập cảm biến LSPR sợi quang sử dụng các dụng cụ, thành phần quang học, vị trí cảm biến, hệ thống tín hiệu dog và thu nhận tín hiệu. Đánh giá hiệu suất của cảm biến thông qua sự thay đổi nồng độ bằng dung dịch nước - glycerin. Phân tích độ nhạy của sự tương tác giữa lớp bọc lõi, lõi silica của sợi quang đa mode và môi trường BSA và CRP thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 22273

87871. 11-2023 **Xác định tổng lượng điện tử tự do (TEC) lượng hơi nước tích tụ (PWV) từ dữ liệu GNSS trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam/** TS. Lại Văn Thủy, TS. Lê Anh Dũng; TS. Dương Chí Công; ThS. Tăng Quốc Cường; ThS. Bùi Thị Lê Hoàn; ThS. Bùi Nguyễn Hoàng; ThS. Nguyễn Trọng Hiếu; ThS. Hoàng Huy Ích; ThS. Mai Khánh Hưng; ThS. Phạm Lê Phương - Hà Nội - Viện khoa học Đo đạc và bản đồ, 2023; 06/2020 - 01/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình công nghệ xác định tổng lượng điện tử tự do (TEC), lượng hơi nước tích tụ (PWV) từ dữ liệu GNSS; Xây dựng cơ sở dữ liệu tổng lượng điện tử tự do (TEC), lượng hơi nước tích tụ (PWV) từ dữ liệu GNSS trên đất liền lãnh thổ Việt Nam. Chuyển giao cơ sở dữ liệu thử nghiệm, quy trình công nghệ, phần mềm tính toán quản trị cơ sở dữ liệu TEC và PWV cho Viện Khoa học đo đạc và Bản đồ để quản trị, tiếp tục khai thác cập nhật CSDL phục vụ nâng cao độ chính xác công tác định vị dẫn đường bằng công nghệ GNSS và cung cấp cho người sử dụng trên Website;

Số hồ sơ lưu: 22294

88500. 11-2023 **Nghiên cứu soát xét QCVN 12:2014/BXD – Hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng/** TS. Đình Quốc Dân, KS. Vũ Mạnh Hà; KS. Nguyễn Hải Hưng; KS. Cao Tiên Dũng; GS.TSKH. Trần Đình Long; TS. Bạch Quốc Khánh; KS. Huỳnh Hồng Tấn; KS.

Trần Tương Như; KS. Chu Văn Tiến; TS. Vũ Đình Luyện; KS. Nguyễn Thị M. Nguyệt - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2020; 06/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Rà soát các nội dung của QC, thu thập và tổng kết các ý kiến về tính khả thi và hiệu quả của QC trong quá trình sử dụng trong các dự án ngầm hiện đang thực hiện, làm sáng tỏ các cơ sở khoa học và thực tiễn của các bất cập trong nội dung QC và xác lập các nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho QC sẽ biên soạn mới. Biên soạn dự thảo QCVN 12:2019/BXD mới QCVN mới hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng sẽ thay thế QCVN 122014/BXD hiện hành theo hướng cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trên thế giới và loại bỏ các quy định bất cập, bất hợp lý trong quá trình áp dụng của quy chuẩn cũ. QCVN biên soạn mới sẽ dựa trên tài liệu là tiêu chuẩn IEC 60364 và tiêu chuẩn ISO 8955-1:2002.

Số hồ sơ lưu: 22184

**20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..**

87906. 11-2023 **Nghiên cứu phát triển mô hình phân cụm bán giám sát mờ và ứng dụng trong hỗ trợ ra quyết định/** TS. Trần Mạnh Tuấn, PGS.TS. Trần Thị Ngân; PGS.TS. Lê Hoàng Sơn; PGS.TS. Hoàng Việt Long; TS. Phạm Huy Thông; TS. Lương Thị Hồng Lan; ThS. Cù Nguyễn Giáp - Hà Nội -

Trường Đại học Thủy lợi, 2022; 01/2021 - 01/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu mở rộng mô hình phân cụm bán giám sát mờ mới. Ứng dụng phân cụm bán giám sát mờ trong hệ hỗ trợ quyết định trong y tế, hệ thống thông tin địa lý... Nghiên cứu về tính chính xác của thông tin hỗ trợ trong phân cụm bán giám sát mờ. Tập trung vào phân tích các yếu tố tích cực ảnh hưởng đến chất lượng cụm. Các phần tử có thể ảnh hưởng từ biên. Do đó, nghiên cứu này tập trung vào việc áp dụng học tích cực trên thuật toán phân cụm giám sát mờ semi-supervised. Đề xuất một hướng tiếp cận để cải thiện kết quả phân cụm đó chính là việc áp dụng học tích cực để sửa lỗi cho vùng biên giới giữa các khả năng phân cụm sai là cao nhất.

Số hồ sơ lưu: 22207

88063. 11-2023 **Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán ở Việt Nam/** PGS. TS. Mai Ngọc Anh, ThS. Bùi Tô Quyên; TS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Nguyễn Minh Thành; TS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Trung Ngọc; ThS. Nguyễn Bá Linh; TS. Ngô Văn Lượng; TS. Đào Ngọc Hà - Hà Nội - Học viện tài chính, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu nhằm hệ thống hóa lý luận về chuyển đổi số và các chính sách thúc đẩy chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số trong công tác kế toán nói riêng. Đồng thời đi sâu nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng các chính sách thúc đẩy

chuyển đổi số trong kế toán của một số quốc gia và những bài học xây dựng chính sách cho Việt Nam. Nghiên cứu thực trạng các chính sách thúc đẩy chuyển đổi số nói chung, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số nói riêng; thực trạng chuyển đổi số trong công tác kế toán ở các đơn vị bao gồm các doanh nghiệp các đơn vị hành chính – sự nghiệp. Vận dụng các kết quả nghiên cứu để đề xuất các chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong kế toán cũng như các giải pháp, khuyến nghị với các chủ thể liên quan để thúc đẩy chuyển đổi số trong kế toán.

Số hồ sơ lưu: 22302

88991. 11-2023 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống điều khiển điện tử trên mô hình hệ thống động lực tàu thủy nội địa/** TS. Đỗ Văn Tuấn, ThS. Phùng Huy Viễn; ThS. Vũ Quang Tuấn; ThS. Phạm Thị Lương; ThS. Vũ Văn Hoàng; ThS. Phan Đình Thắng; KS. Hoàng Văn Hùng; PGS. TS. Phan Hữu Nam; ThS. Lê Hoàng Long; ThS. Lưu Tuấn Hải - Hải Dương - Trường Cao đẳng GTVT Đường thủy I, 2023; 01/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích đặc điểm hệ động lực tàu thủy nội địa hiện đại và các yêu cầu về đo, giám sát, điều khiển các chế độ làm việc của hệ thống. Khảo sát, điều dưỡng, bổ sung lắp đặt cơ khí cho mô hình hệ động lực tàu thủy nội địa. Thiết kế, chế tạo hệ thống điện tử để đo và giám sát trạng thái làm việc của hệ thống động lực. Thiết kế, chế tạo hệ thống điện tử kết

nối máy tính để điều khiển sự hoạt động của mô hình hệ động lực tàu thủy nội địa. Thiết kế, chế tạo hệ thống điện tử điều khiển hệ thống khởi động động cơ bằng khí nén cho mô hình.

Số hồ sơ lưu: 22678

89136. 11-2023 **Nghiên cứu, xây dựng kho dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường và tích hợp vào Hệ tri thức Việt số hóa/** KS. Nguyễn Xuân Thang, ThS. Phạm Văn Hiếu; KS. Nguyễn Tuấn Anh; KS. Vũ Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Bá Quân; KS. Nguyễn Tiến Hôn; KS. Phan Thị Phương Thanh; KS. Lê Văn Cường; CN. Võ Thị Mỹ Tuyết; ThS. Phùng Công Định - Hà Nội - Trung tâm Thông tin, lưu trữ và Thư viện tài nguyên môi trường quốc gia, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm chủ công nghệ xây dựng kho dữ liệu mở (Datawarehouse) ngành tài nguyên và môi trường, với định hướng hỗ trợ tích hợp vào Hệ tri thức Việt số hóa. Xây dựng kho dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường và tích hợp vào Hệ tri thức Việt số hóa. Nghiên cứu tổng quan về công nghệ xây dựng kho dữ liệu mở và giải pháp kỹ thuật tích hợp dữ liệu lên Hệ tri thức Việt số hóa. Nghiên cứu, lựa chọn công nghệ xây dựng, quản trị kho dữ liệu mở ngành tài nguyên & môi trường (TN&MT) với định hướng hỗ trợ tích hợp vào Hệ tri thức Việt số hóa. Phân tích, thiết kế Kho dữ liệu mở ngành TN&MT. Xây dựng hệ thống thử nghiệm thu nhận, quản lý, chia sẻ và

tích hợp dữ liệu mở ngành TN&MT và tích hợp lên Hệ tri thức Việt số hoá.

Số hồ sơ lưu: 22712

89165. 11-2023 **Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ nâng cao hiệu quả kinh tế hộ vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại một số xã vùng loan, huyện Đức Trọng/** CN. Nguyễn Văn Quang, ThS. Trần Thị Mỹ Linh; KS. Võ Thị Quỳnh; CN. Lê Thị Phương Hội; CN. Nguyễn Thị Thu Hoài; ThS. Huỳnh Nhân Ái - Đà Lạt, Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ Lâm Đồng, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Qua kết quả của dự án sẽ góp phần phổ biến kiến thức về khoa học kỹ thuật trong việc đẩy nhanh nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, đa dạng hóa cây trồng, từng bước thay đổi cơ cấu cây trồng của địa phương, góp phần phát triển ngành nông nghiệp công nghệ cao của huyện. Việc áp dụng công nghệ cao trong công tác phát triển ngành nông nghiệp rau quả, ứng dụng đúng các kỹ thuật chăm sóc, bón phân, phòng trừ sâu bệnh giúp nâng cao chất lượng cũng như hạ giá thành của sản phẩm, tiết kiệm được thời gian và công lao động. Đồng thời, nâng cao đời sống của người dân, đẩy mạnh phát triển thị trường và ổn định kinh tế - xã hội.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-014

89185. 11-2023 **Nghiên cứu, chế tạo thiết bị phát hiện lái xe**

**buồn ngủ dựa trên nền trí tuệ nhân tạo/** TS. Nguyễn Quang Tuấn, ThS. Đinh Văn Tuấn; TS. Trần Xuân Kiên; ThS. Phạm Văn Hương; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Phạm Trung Dũng; CN. Nguyễn Tô Châu; CN. Trịnh Thu Lan; BS. Đào Thanh Bình; ThS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Phan Anh Hùng; CN. Bùi Thị Hòa; ThS. Vũ Thị Trường Giang - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2023; 01/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về hệ thống cảnh báo buồn ngủ, thiếu tập trung của lái xe. Nghiên cứu về thực trạng các thiết bị cảnh báo cho lái xe tại Việt nam. Nghiên cứu lựa chọn phương án thiết kế, chế tạo tổng thể thiết bị. Phân tích dữ liệu thu thập trạng thái của các lái xe. Tính toán thiết kế thiết bị. Tiến hành thử nghiệm, đánh giá thiết bị; Biên soạn tài liệu hướng dẫn sử dụng thiết bị.

Số hồ sơ lưu: 21881

#### **20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông**

87809. 11-2023 **Quản lý dữ liệu lớn trong công nghiệp 4.0: giảm dư thừa và tăng hàm lượng giá trị của dữ liệu trong Internet vạn vật/** TS. Nguyễn Thành Tâm, TS. Nguyễn Quốc Việt Hùng; ThS. Nguyễn Thanh Toàn; ThS. Phan Thành Công - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề tài nghiên cứu vấn đề mới về quản lý cơ sở dữ liệu M2M, nhằm



phát triển những lý thuyết và công nghệ mới để quản trị dữ liệu M2M quy mô lớn. Phát triển một hệ thống mới dựa trên kiến trúc linh hoạt có cân nhắc đến các yêu cầu cạnh tranh sau: giám sát thời gian thực so với tìm kiếm mẫu lịch sử; xử lý dành riêng cho ứng dụng so với hỗ trợ cơ sở dữ liệu chung và; giảm dữ liệu so với tổng hợp và vật lý hóa phân cấp trong khi vẫn đảm bảo tính phù hợp để sử dụng dữ liệu cho các ứng dụng cụ thể.

Số hồ sơ lưu: 22414

87860. 11-2023 **Bảo mật lớp vật lý có thu thập năng lượng trong điều kiện thực tế/** TS. Thái Truyền Đại Chấn, PGS.TS. Võ Nguyễn Quốc Bảo; ThS. Trần Quang Nhu; ThS. Nguyễn Thị Yến Linh; ThS. Huỳnh Văn Hóa - TP. Hồ Chí Minh - Trường đại học Việt Đức, 2023; 04/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khai thác và tận dụng năng lượng thu thập được ở những nút hợp tác từ những nút hợp thức và mối liên hệ xã hội giữa những nút vô tuyến để tăng tính bảo mật và chất lượng mạng có xem xét vấn đề thực tế đặc biệt vấn đề tấn công chủ động. Đề xuất một khuôn khổ mới cho việc đánh giá tính an ninh và bảo mật có thu thập năng lượng cho mạng vô tuyến có xem xét thông tin xã hội. Đề xuất những phương thức mới nhằm nâng cao tính bảo mật và chất lượng mạng vô tuyến trong nhiều trường hợp mà tác nhân độc hại có những hành vi đa dạng khác nhau như nghe lén thụ động và tấn công

chủ động. Đề xuất cách lựa chọn nút hợp tác tối ưu và giải bài toán tối ưu hóa chung của các vấn đề xem xét.

Số hồ sơ lưu: 22280

89239. 11-2023 **Nghiên cứu nguồn thiên văn vô tuyến với độ phân giải và độ nhạy cao/** PGS. TS. Phạm Ngọc Điệp, TS. Phạm Thị Tuyết Nhung; TS. Phạm Tuấn Anh; TS. Đỗ Thị Hoài; TS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; CN. Trần Thị Thái - Hà Nội - Trung tâm Vũ trụ Việt Nam, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Việc thu thập dữ liệu sử dụng trong đề tài dùng các thiết bị thiên văn vô tuyến và quang học tiên tiến nhất trên thế giới hiện nay. Phân tích những số liệu này yêu cầu đầu tiên xử lý sơ bộ số liệu, tiếp đến là lập bản đồ và mô hình hóa các nguồn quan sát. Chúng tôi đã quen thuộc với những phương pháp này qua những kinh nghiệm được tích lũy trong nhiều năm qua. Đối với các ngôi sao trẻ, cũng giống như sao già, với giả thuyết đối xứng trục, ta có thể tính được mật độ hiệu dụng trong mặt phẳng kinh tuyến của các sao đó. Với giả thuyết cân bằng nhiệt địa phương với độ mỏng quang học cho phép đánh giá trực tiếp nhiệt độ và mật độ của lớp vỏ khí trong không gian. Với nghiên cứu các nguồn có độ dịch chuyển đỏ lớn, chúng tôi đã sử dụng một số mô hình cho độ sáng nguồn và thấu kính hấp dẫn tạo ra các hình ảnh để so sánh với quan sát thông qua phương pháp bình phương tối thiểu (chi-square). Gần đây một

số nhóm đã phát triển một phương pháp khác gọi là đảo ngược bán tuyến tính cho thấu kính hấp dẫn mạnh. Với mô hình thấu kính cho trước, phép đảo ngược hình ảnh để thu được phân bố độ sáng nguồn (theo từng pixel), là một phép biến đổi tuyến tính. Điều này giúp giảm thời gian tìm cực tiểu chi-square và tăng tốc quá trình tính toán. Chúng tôi sẽ sử dụng cả hai phương pháp này cho việc phân tích dữ liệu.

Số hồ sơ lưu: 22776

### 20205. Viễn thông

87843. 11-2023 **Thiết kế và phân tích hiệu năng các giao thức điều khiển đa truy nhập hỗ trợ truyền tải dữ liệu cực lớn trong Internet vạn vật (IoT) ứng dụng công nghiệp/** TS. Nguyễn Thành Chuyên, GS.TS. Phạm Tuấn Anh; TS. Phùng Thị Kiều Hà; TS. Phan Xuân Vũ; TS. Nguyễn Anh Quang - Hà Nội - Viện Điện tử - Viễn thông, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tập trung phân tích, thiết kế các giao thức điều khiển đa truy nhập, góp phần hỗ trợ việc truyền tải dữ liệu cực lớn trong các ứng dụng Internet vạn vật, định hướng công nghiệp (IIoT). Thiết kế các giao thức truy nhập mạng hỗ trợ việc truyền tin của số lượng cực lớn các thiết bị MTD trong các ứng dụng IIoT. Các giao thức này được kỳ vọng sẽ đạt hiệu năng tốt về mặt thời gian và/hoặc năng lượng dưới các yêu cầu triển khai khác nhau của hệ thống khảo sát. Chứng minh tính khả thi của các giao thức được đề xuất thông

qua việc phân tích hiệu năng của các giao thức truy nhập mạng dưới ảnh hưởng bất lợi của tính không ổn định của lớp vật lý bằng các công cụ toán học như lý thuyết về xác suất, lý thuyết hàng đợi và các lý thuyết truyền thông khác. Tối ưu hiệu năng của các giao thức được đề xuất bằng các kỹ thuật truyền thông phối hợp (collaborative communication) và cấp phát tài nguyên (resource allocation).

Số hồ sơ lưu: 22290

87900. 11-2023 **Thiết kế và tối ưu xuyên lớp mạng truyền thông quang sử dụng các trạm hạ tầng trên cao/** PGS. TS. Trương Thị Diệu Linh, PGS.TS. Đặng Thế Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thu Nga; TS. Nguyễn Đức Toàn - Hà Nội - Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông, 2023; 04/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế cơ chế đa truy nhập cho mạng thông tin quang sử dụng HAP. Phân tích hiệu năng của cơ chế đa truy nhập được đề xuất để đánh giá tính khả thi. Mô hình hóa và phân tích hiệu năng của hệ thống thông tin quang sử dụng HAP. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến đường truyền ở lớp vật lý trong các liên kết giữa các trạm mặt đất được chuyển tiếp qua nhiều HAP. Xây dựng mô hình giải tích và thực hiện phân tích hiệu năng của tuyến liên kết các trạm mặt đất có chuyển tiếp qua các HAP. Thiết kế topo và tối ưu xuyên lớp mạng truyền thông quang sử dụng HAP. Thực hiện phân tích hiệu năng và mô phỏng để đánh giá hiệu

năng mạng. Thiết kế topo và tối ưu xuyên tầng cho mạng thông tin quang sử dụng HAP với cơ chế dự phòng. Phân tích hiệu năng và mô phỏng để đánh giá hiệu năng mạng có dự phòng. Xác định độ rộng chùm tia quang từ HAP xuống mặt đất tối ưu. Đề xuất phương pháp xác định độ rộng chùm tia quang từ các thiết bị thu phát FSO nằm trên HAP chiếu xuống mặt đất để phủ được nhiều thiết bị và tối thiểu hoá chi phí mạng HAP.

Số hồ sơ lưu: 22270

88491. 11-2023 **Nghiên cứu, đề xuất chính sách quản lý và phát triển dịch vụ thông tin vệ tinh ở Việt Nam/** CN. Lê Đăng Biển, TS. Trần Tuấn Anh Bùi Thị Ngọc Khánh; Trần Thế Phương; Bùi Thị Thu Hà; Nguyễn Tuấn Vinh; Lê Thị Thanh Hoa; Nguyễn Thanh Loan; Lê Thị Phương Anh - Hà Nội - Cục Viễn thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đề xuất chính sách quản lý nhằm tận dụng hiệu quả giá trị của sự phát triển của loại hình dịch vụ này đồng thời vẫn kiểm soát được vấn đề an toàn, an ninh đối với việc cung cấp dịch vụ viễn thông xuyên biên giới qua vệ tinh. Đề xuất sửa đổi chính sách về vệ tinh theo hướng bổ sung điều khoản quy định thực hiện cam kết quốc tế trong kinh doanh viễn thông phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn, an ninh quốc phòng, các mục tiêu chính sách công cộng chính đáng, bổ sung quy định về việc đấu nối thông qua công kết nối quốc tế tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22220

89059. 11-2023 **Mô hình sóng soliton và một số ứng dụng trong khoa học kỹ thuật/** TS. Nguyễn Minh Quân, TS. Huỳnh Thanh Toàn; ThS. Trần Phúc Thịnh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Định lượng mức suy hao biên độ của sóng soliton 2D và 3D do va chạm dưới tác động của nhiễu suy hao phi tuyến trong môi trường mạng tinh thể, được mô tả bởi mô hình (2+1)D Schrödinger phi tuyến (NLS) bão hòa có nhiễu và (3+1)D Schrödinger phi tuyến cạnh tranh bậc ba-năm có nhiễu. Chỉ ra rằng tính chất tựa soliton trong va chạm của sóng tuyến tính dưới tác động của nhiễu suy hao phi tuyến là phổ quát, theo nghĩa biểu thức mô tả sự suy hao biên độ do va chạm của sóng không phụ thuộc vào hình dạng ban đầu của sóng, kể cả sóng có hình dạng đầu không trơn với hình dạng dao động mạnh trong truyền dẫn và va chạm. Đưa ra biểu thức tính toán sự suy hao biên độ do va chạm của sóng trong môi trường quang dẫn tuyến tính có nhiễu suy hao phi tuyến bậc (2m+1) tổng quát. Ngoài ra, đề tài nghiên cứu động lực biên độ sóng soliton của mô hình (1+1)D NLS với hệ số phi tuyến Kerr tổng quát và dưới tác động của nhiễu suy hao/lợi nhiễu phi tuyến dạng Ginzburg-Landau và hàm khuếch đại phụ thuộc vào tần số sóng.

Số hồ sơ lưu: 22698

**20206. Phần cứng và kiến trúc máy tính**

87859. 11-2023 **Đề xuất Mạng định nghĩa bằng tri thức để nâng cao hiệu quả tự động xử lý sự cố mạng và tối ưu hóa cơ chế định tuyến/** TS. Trần Hải Anh, TS. Đặng Tuấn Linh; PGS.TS. Trần Quang Đức; TS. Nguyễn Thị Thanh Tú; TS. Nguyễn Đức Toàn; ThS. Mạc Đình Hiếu - Hà Nội - Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng một hệ thống mạng được định nghĩa bằng tri thức với việc phát triển một tầng tri thức nằm trên kiến trúc mạng SDN. Áp dụng tầng tri thức vào việc tự động xử lý sự cố cho mạng SDN. Áp dụng tầng tri thức vào nâng cao hiệu năng của việc định tuyến tính cho mạng SDN sử dụng định tuyến phân đoạn. Tập trung vào xây dựng hệ thống mạng được định nghĩa bằng tri thức, cụ thể là phát triển một tầng tri thức nằm trên kiến trúc mạng SDN, áp dụng tầng tri thức đó vào việc tự động xử lý sự cố và nâng cao hiệu năng định tuyến cho mạng SDN.

Số hồ sơ lưu: 22288

89251. 11-2023 **Nghiên cứu nâng cao bảo mật phần cứng cho các hệ thống Internet vạn vật/** PGS. TS. Hoàng Văn Phúc, TS. Nguyễn Văn Trung; PGS.TS. Trịnh Quang Kiên; GS.TS. Phạm Công Kha; TS. Hoàng Trọng Thức; TS. Phạm Thị Huyền; TS. Hoàng Minh Thiện; ThS. Đào Văn Lân; ThS. Trần Văn Toàn; ThS. Nguyễn Hữu

Thọ; ThS. Lưu Văn Tuấn; ThS. Đỗ Ngọc Tuấn - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2023; 10/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định những hạn chế của các giải pháp hiện có trong bảo đảm yêu cầu về bảo mật phần cứng cho các hệ thống IoT và đánh giá hiệu quả của các giải pháp này; Đề xuất và thực thi những giải pháp hiệu quả để nâng cao mật phần cứng trong các hệ thống IoT; Cung cấp một thư viện các lõi IP mã mật có độ bảo mật cao, xây dựng thiết kế phần cứng cho nút mạng IoT bảo mật và áp dụng các giải pháp bảo mật phần cứng cho IoT. Về việc phát triển nhóm nghiên cứu: đề tài nhằm tạo ra nền tảng nghiên cứu vững chắc cho các nghiên cứu tiếp theo, phát triển thành nhóm nghiên cứu mạnh trên phạm vi quốc tế, đặc biệt cho hoạt động nghiên cứu - phát triển trong việc thực thi hệ thống an toàn thông tin, thiết kế vi mạch - bán dẫn. Về giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực: Đề tài nhằm mục đích góp phần phát triển các sản phẩm trọng điểm quốc gia của Việt Nam như đã được chỉ ra trong quyết định 439/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam. Theo quyết định này, bảo mật thông tin và vi mạch là hai trong số những sản phẩm trọng điểm quốc gia của Việt Nam. Đề tài này cũng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam trong lĩnh vực thiết kế vi mạch và an toàn thông tin. Về phát triển hợp tác nghiên cứu: Đề tài này cũng nhằm xây dựng một nền tảng vững chắc cho sự hợp tác nghiên cứu giữa cơ quan chủ trì đề

tài này với Trường Đại học Điện tử - Truyền thông, Tokyo, Nhật Bản cũng như giữa Việt Nam với các quốc gia phát triển trong lĩnh vực của đề tài.

Số hồ sơ lưu: 22775

### **20207. Cơ điện tử; hệ vi cơ điện tử (MEMS),..**

86508. 11-2023 **Thiết kế vi mạch dùng SoCFPGA cho các ứng dụng IoT có tính bảo mật cao/ TS.** Huỳnh Hữu Thuận, - Thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, 2021; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đáp ứng các yêu cầu ứng dụng IoT về thời gian thiết kế ra sản phẩm nhanh, linh hoạt cả phần cứng và phần mềm. Bằng việc tích hợp các bộ mã hóa và giải mã mật mã thực hiện trên FPGA với thế mạnh phần mềm vốn có của các lõi ARM cho phép các hệ thống SoC FPGA thực hiện các chức năng mã hóa dữ liệu ở tốc độ cao bằng phần cứng tích hợp với bộ xử lý ARM. Đáp ứng các nhu cầu phát triển đa dạng các Gateway IoT thông qua việc thực hiện các chức năng chuyển mạch linh hoạt và bảo mật với khả năng cho phép thay đổi cấu hình từ xa. Hiệu quả trong hoạt động R & D thông qua một loạt các giải pháp IoT đi từ "Things", Gateway đến Data Center.

Số hồ sơ lưu: HCM-069-2022

### **20302. Chế tạo máy nói chung**

88547. 11-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xác định**

**máy móc, thiết bị trong một số lĩnh vực có tuổi vượt quá 10 năm nhưng không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên/ ThS. Đặng Quốc Huy, ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền ; Đặng Đình Tùng; ThS. Nguyễn Sỹ Đăng; ThS. Lương Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Gia Lượng; Nghiêm Thanh Hải; Hoàng Thị Ngọc Anh - Hà Nội - Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ, 2022; 06/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Đề án nghiên cứu về máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất của các dự án đầu tư, có mã hàng hóa (mã số HS) thuộc các Chương 84 và 85 Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam; nghiên cứu các đặc tính hoạt động (về chất lượng, mức độ đáp ứng khả năng vận hành của dây chuyền công nghệ sản xuất, khả năng đáp ứng quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn, tiết kiệm năng lượng, bảo vệ môi trường) của các nhóm máy móc, thiết bị này khi chúng có tuổi trên 10 năm. Đề án đưa ra được các luận cứ khoa học và thực tiễn xác định máy móc, thiết bị trong một số lĩnh vực có tuổi vượt quá 10 năm nhưng không thuộc công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên, làm cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư.

Số hồ sơ lưu: 22196

89375. 11-2023 **Nghiên cứu chế tạo máy ép định hình và xây dựng**

**quy trình sản xuất túi, khay đựng thực phẩm từ bẹ chuối, bẹ cau/ TS.** Bùi Thị Thủy, TS. Nguyễn Trọng Tuân; ThS. Hoàng Thị Tám; ThS. Đoàn Thị Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Hằng; ThS. Nguyễn Văn Giáp; TS. Nguyễn Duy Vượng; KS. Tạ Thị Thanh Hương; Phạm Văn Quyên - Hải Phòng - Viện Nghiên cứu Công nghiệp Rừng, 2023; 12/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng quy trình tạo túi đựng thực phẩm từ sợi chuối. Nghiên cứu xây dựng quy trình tạo khay đựng thực phẩm từ bẹ chuối. Nghiên cứu xây dựng quy trình tạo khay đựng thực phẩm từ bẹ cau. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy ép định hình. Thực nghiệm và hoàn thiện các quy trình. Sản phẩm túi từ sợi chuối, khay từ bẹ chuối, khay từ bẹ cau mang lại giá trị cao hơn so việc đốt bỏ hoặc ủ làm phân bón.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.031

#### **20304. Chế tạo máy động lực**

87916. 11-2023 **Nghiên cứu và phát triển hệ thống phun ứng dụng cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí nén tự nhiên/ TS.** Nguyễn Bá Hưng, GS.TS. Lê Anh Tuấn; TS. Nguyễn Trọng Du - Hà Nội - Đại học Bách khoa Hà Nội, 2023; 10/2020 - 01/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập các mô hình toán học và mô hình mô phỏng của vòi phun điện tử và SPR. Phân tích và tối ưu hóa lực điện tử của vòi phun điện tử và SPR dưới tác động của các thông

số thiết kế (hình dạng lõi, độ cứng của lò xo, khối lượng van, số vòng cuộn dây, vị trí tương đối giữa các bộ phận trong van điện tử, vật liệu từ tính) để có được thời gian phản hồi nhanh nhất. Các mô hình toán học của hệ thống CNG sẽ được xây dựng sử dụng vòi phun điện tử và SPR đã được tối ưu hóa trước đó. Nghiên cứu và đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống phun CNG sau khi tối ưu hóa lực điện tử và phản hồi động học của vòi phun điện tử và SPR.

Số hồ sơ lưu: 22208

#### **20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp**

88929. 11-2023 **Nghiên cứu quy trình sản xuất giá thể mạ khay phù hợp cho cây mạ vùng đồng bằng Sông Hồng và Bắc Trung Bộ/ TS.** Hoàng Ngọc Thuận, ThS. Nguyễn Đức Dũng; ThS. Lê Minh Lương; ThS. Dương Văn Vinh; ThS. Nguyễn Thị Thúy Lương; ThS. Lã Tuấn Anh; ThS. Hoàng Văn Quyết; ThS. Trần Sỹ Hải; TS. Đỗ Duy Phái; TS. Nguyễn Văn Hiền; PGS.TS. Trần Minh Tiến - Hà Nội - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định nguồn vật liệu tại chỗ, phù hợp để sản xuất giá thể mạ khay dùng cho máy cấy vùng đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ. Xác định thành phần, hàm lượng cơ chất từ các vật liệu hữu cơ tại chỗ, hữu cơ chuyên dùng và tỷ lệ phối trộn phù hợp với nguồn nguyên liệu đất chính để sản xuất giá thể mạ khay tại vùng đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung

Bộ. Hoàn thiện quy trình sản xuất giá thể mạ khay phù hợp với quy mô vừa và nhỏ tại vùng đồng bằng sông Hồng và Bắc Trung Bộ. Xây dựng mô hình cây lúa bằng máy sử dụng mạ khay, quy mô 06 ha (vụ xuân và vụ mùa tại Thái Bình, Hải Dương và Thanh Hóa)

Số hồ sơ lưu: 22641

89332. 11-2023 **Nghiên cứu lựa chọn chủng loại máy canh tác phù hợp với đặc tính đất, quy mô đồng ruộng sản xuất lúa và các cây trồng khác phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long/** ThS. Ngô Văn Phương, KS. Mai Văn Hối; ThS. Trịnh Duy Đỗ; KS. Dương Công Như; ThS. Lê Huy Phương; ThS. Trần Đức Tuấn; KS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Vũ Xuân Thanh; TS. Bùi Việt Đức; TS. Nguyễn Văn Khải; Phạm Hoàng Thắng - Hà Nội - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2022; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá được đúng thực trạng về quy mô và đặc điểm đồng ruộng; thực trạng cơ giới hóa canh tác lúa và cây có múi, cây xoài; tác động của quá trình CGH đến tính chất cơ lý của các loại đất canh tác lúa và cây có múi, cây xoài ở đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Xây dựng được bộ số liệu về đặc tính đất (độ chặt/độ ẩm theo chiều sâu canh tác; hệ số ma sát và dính; dung trọng; lực cản riêng của đất khi cày và mô men cản riêng của đất khi phay) và đặc điểm đồng ruộng của một số vùng trồng lúa và cây có múi, cây xoài tại

các điểm điều tra. Phân tích, đánh giá được sự phù hợp của chủng loại máy động lực, máy canh tác đối với đặc tính đất, đặc điểm đồng ruộng ở mỗi vùng. Đề xuất được quy trình cơ giới hóa một số khâu canh tác, hệ thống máy và giải pháp phát triển cơ giới hóa canh tác lúa và cây có múi, cây xoài ở ĐBSCL theo hướng hiệu quả, bền vững.

Số hồ sơ lưu: 22720

### **20307. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo ô tô và giao thông**

87912. 11-2023 **Khảo sát, đánh giá và xây dựng quy định kiểm soát khí thải động cơ phương tiện thủy nội địa/** Phó giáo sư. Tiến sỹ. Nguyễn Xuân Phương, GS.TS. Lê Anh Tuấn; PGS.TS. Huỳnh Thành Công; PGS.TS. Hoàng Anh Tuấn; TS. Phạm Văn Việt; TS. Nguyễn Lan Hương - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Mục tiêu của dự án nhằm thực hiện kiểm soát khí thải trong hoạt động của phương tiện thủy nội địa; Khảo sát, đánh giá tính chất và mức độ phát thải khí trong hoạt động của phương tiện thủy nội địa thuộc diện đăng kiểm khu vực đồng bằng sông Cửu Long; Đề xuất giải pháp, quy mô và lộ trình kiểm soát khí thải động cơ phương tiện nội địa hóa.

Số hồ sơ lưu: 22420

87918. 11-2023 **DC-ANFIS và ứng dụng trong điều khiển thông minh hệ thống giám sát và theo dõi trực tuyến tình trạng kỹ thuật**

**trên tàu lửa cao tốc/** TS. Nguyễn Sỹ Dũng, TS. Nguyễn Viễn Quốc; TS. Đỗ Hoàng Thịnh; TS. Ao Hùng Linh; ThS. Ngô Văn Hòa; ThS. Trần Quang Thịnh; ThS. Trương Năng Toàn; ThS. Lâm Bảo Danh - Hà Nội - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2022; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề gia tăng tốc độ tàu lửa cao tốc, nhiều giải pháp kỹ thuật cần phải được thiết lập. Cải tiến hệ thống giảm xóc và xây dựng hệ thống giám sát khuyết tật trực tuyến là hai trong số những việc quan trọng. Thực tế cho thấy rằng ANFIS có thể được ứng dụng hiệu quả cho hai mục tiêu này. Gia tăng hiệu quả của hệ thống điều khiển thông minh trên SS khi tốc độ các yếu tố không chắc chắn và nhiễu tăng ngẫu nhiên, trong đó việc xây dựng bộ bù phi tuyến sẽ được tính tới; Cải thiện năng lực của OMCMS khi tương tác với những tập dữ liệu đo trực tuyến với quy mô lớn và nhiễu, trong đó cả hai hướng tiếp cận, hiệu quả thuật toán cũng như giải pháp công nghệ sẽ được quan tâm.

Số hồ sơ lưu: 22419

87920. 11-2023 **Nghiên cứu ảnh hưởng tương tác giữa thượng tầng và thân tàu để giảm lực cản khí động cho tàu không sử dụng nước dẫn (NBS)/** PGS. TS. Ngô Văn Hệ, PGS.TS. Ngô Văn Hiền; PGS.TS. Phan Anh Tuấn; TS. Trương Văn Thuận; PGS.TS. Lê Thị Thái - Hà Nội - Viện Cơ khí Động lực (nay là Khoa Cơ khí Động lực,

Trường Cơ khí), 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thực hiện thu thập, tổng hợp những kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến loại tàu không sử dụng nước dẫn NBS, những đặc tính chủ yếu và đặc biệt đối với loại tàu chở container và tàu chở dầu cũng như các đặc tính thủy khí động lực học của các loại tàu này; Đề xuất phương pháp cải tiến thiết kế thân tàu chở hàng không sử dụng nước dẫn với lực cản khí động nhỏ nhất thông qua tính toán mô phỏng số CFD có tính đến ảnh hưởng của cách thức xếp hàng trên boong cũng như các trang thiết bị chuyên dùng trên tàu như đã trình bày ở trên; Trên cơ sở kết quả tối ưu thiết kế thân tàu, thực hiện xây dựng mô hình tàu không sử dụng nước dẫn NBS chở container và mô phỏng với các điều kiện tương tự để có được các đặc tính thủy khí động lực học và đánh giá hiệu quả kinh tế của mô hình đề xuất; Đánh giá hiện trạng của đội tàu hàng hiện đang khai thác tại Việt Nam và nghiên cứu cách thức để thúc đẩy thực hiện áp dụng loại tàu mới được đề xuất NBS vào Việt Nam; Đề xuất một khóa học mới về loại tàu không sử dụng nước dẫn, NBS cũng như một phương pháp tiết kiệm nhiên liệu trong vận tải đường thủy để thực hiện giảng dạy cho sinh viên chuyên ngành kỹ thuật tàu thủy Trường Đại học Bách khoa Hà Nội;

Số hồ sơ lưu: 22245



**20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ**

88453. 11-2023 Nghiên cứu, thiết kế chế tạo đầu dò neutron vũ trụ bằng tổ hợp đa tinh thể nhấp nháy sử dụng cho việc đo độ ẩm của đất/ CN. Nguyễn Đức Tuấn, CN. Mai Văn Diện; ThS. Vũ Văn Tiến; CN. Cao Đức Việt; ThS. Vũ Trung Tân; CN. Khuông Thanh Tuấn; CN. Nguyễn Thanh Hùng - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế, chế tạo được đầu dò neutron kiểu nhấp nháy đa tinh thể, đáp ứng năng lượng trong giải 0,025 eV – 100 keV của neutron vũ trụ với thông lượng phù hợp. Thiết kế, chế tạo và xây dựng được mô hình hệ thống/thiết bị thử nghiệm đo thông lượng neutron vũ trụ sử dụng đầu dò chế tạo được và đánh giá khả năng ứng dụng của chúng để xác định độ ẩm của đất. Nghiên cứu tổng quan về nguyên lý, phương pháp xác định độ ẩm của đất dựa trên thông lượng neutron vũ trụ. Nghiên cứu tổng quan về nguyên lý, phương pháp của đầu dò neutron dựa trên chất nhấp nháy và ống nhân quang điện. Nghiên cứu áp dụng phương pháp tách xung neutron/gamma cho đầu dò nhấp nháy loại plastic

Số hồ sơ lưu: 22403

**20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy**

88702. 11-2023 Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống điều khiển và kiểm soát thải dầu trên tàu dầu/ PGS. TS. Hoàng Đức Tuấn, ThS. Lê Thị Thanh Tâm; TS.

Nguyễn Hữu Quyền; TS. Đào Quang Khanh; ThS. Đặng Đình Phúc; ThS. Phạm Minh Thảo; ThS. Đoàn Hữu Khánh; ThS. Nguyễn Thanh Vân; KS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Lê Văn Tâm - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích tổng quan hệ thống điều khiển và kiểm soát thải dầu trên tàu dầu. Thiết kế, chế tạo hệ thống điều khiển và kiểm soát thải dầu trên tàu dầu. Làm chủ thiết kế và công nghệ chế tạo hệ thống điều khiển và kiểm soát thải dầu trên tàu dầu, phù hợp với trình độ công nghệ chế tạo trong nước, nâng cao hiệu quả kinh tế trong khai thác vận tải biển và phục vụ tiến trình nội địa hóa sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 22650

**20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng**

87858. 11-2023 Nghiên cứu thiết kế, chế tạo máy rửa cánh vuông thay thế nhập khẩu áp dụng cho các nhà máy tuyển Bauxit tại Việt Nam/ ThS. Trần Ngô Huân, TS. Đào Hồng Quảng; ThS. Nguyễn Đình Thống; ThS. Đoàn Ngọc Cảnh; TS. Ngô Quốc Trung; ThS. Chu Quang Định; ThS. Vũ Đình Mạnh; ThS. Đào Văn Oai; ThS. Nguyễn Anh Nguyên; KS. Lê Văn Chung; KS. Nguyễn Thị Thái; KS. Nguyễn Quang Thuyết; KS. Nguyễn Hùng Thái; KS. Phạm Minh Tuấn; KS. Nguyễn Văn Tùng - Hà Nội - Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin, 2023; 01/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ thiết kế và công nghệ chế tạo máy rửa cánh vuông thay thế nhập khẩu áp dụng cho các nhà máy tuyển bauxit tại Việt Nam. Chế tạo 01 máy rửa cánh vuông năng suất cấp liệu 100÷120 tấn/giờ thay thế nhập khẩu áp dụng cho 01 nhà máy tuyển bauxit tại Việt Nam. Trong thời gian tới, khi các nhà máy nhôm triển khai các dự án mở rộng nâng công suất, kính đề nghị Hội đồng khoa học các cấp xem xét cấp kinh phí để triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm nhằm hoàn thiện công nghệ, nhân rộng kết quả nghiên cứu của đề tài.

Số hồ sơ lưu: 22389

#### **20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân**

88310. 11-2023 **Xây dựng báo cáo tổng hợp về dữ liệu quan trắc phóng xạ môi trường của Viện Khoa học và Kỹ thuật hạt nhân từ 2000 đến 2022/** TS. Vương Thu Bắc, ThS. Hồ Xuân Hương; GS.TS. Nguyễn Đông Phong; PGS.TS. Phạm Xuân Lan; ThS. Nguyễn Hữu Khôi; ThS. Võ Kim Nhạn - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng định dạng các biểu mẫu thống nhất để quản lý, lưu trữ dữ liệu về phóng xạ môi trường; Chuẩn hoá, chuyển đổi và thống nhất đơn vị đo, sai số đo và giới hạn phát hiện của các dữ liệu phóng xạ môi trường. Tập hợp các dữ liệu phóng xạ từ các đề tài, nhiệm vụ đã triển khai trong giai đoạn 2000 đến 10/2022 của Viện Khoa học và Kỹ

thuật Hạt nhân, bao gồm cả dữ liệu quan trắc trực tuyến. Tổng hợp xây dựng bộ dữ liệu phóng xạ môi trường của Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân từ 2000 đến 10/2022 theo các biểu mẫu thống nhất.

Số hồ sơ lưu: 22566

88543. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn một số nội dung cho công tác lập, thẩm định, công bố, điều chỉnh quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử/** ThS. Trần Thị Ngọc Diệp, ThS. Ngô Phương Lan; CN. Lã Thị Hương; CN. Nguyễn Thị Diệu; KS. Bùi Từ Thi Hoàng; ThS. Đinh Văn Chiến; ThS. Đỗ Ngọc Diệp; CN. Hà Thị Hoài; CN. Vũ Thị Hải Vân; ThS. Trần Thị Hồng Thái - Hà Nội - Cục Năng lượng nguyên tử, 2022; 04/2022 - 08/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hướng dẫn một số nội dung phục vụ xây dựng Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xác định quy trình thực hiện và các công việc chi tiết lập quy hoạch, lập các hợp phần quy hoạch bảo đảm thống nhất, không chồng chéo. Xác định định mức KT-KT cho công tác lập, thẩm định, công bố và điều chỉnh quy hoạch. Phục vụ xây dựng, thẩm định dự toán kinh phí cho lập, thẩm định và công bố Quy hoạch phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Số hồ sơ lưu: 22192

**20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)**

87913. 11-2023 Nghiên cứu phát triển công nghệ tích hợp sản xuất cồn không gia nhiệt ở nồng độ chất khô cao/ PGS. TS. Chu Kỳ Sơn, TS. Nguyễn Chính Nghĩa; TS. Nguyễn Tiên Thành; TS. Phạm Tuấn Anh; TS. Nguyễn Tiến Cường; TS. Phạm Ngọc Hưng; ThS. Nguyễn Thị Hoài Đức; ThS. Tiền Tiến Nam; ThS. Trần Thị Lan; KS. Phan Việt Cường; KS. Đoàn Thị Trang - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học và Công nghệ Thực phẩm, 2022; 03/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ được công nghệ tích hợp sản xuất cồn không gia nhiệt ở nồng độ chất khô cao từ nguyên liệu gạo và sắn; Xây dựng được dây chuyền thiết bị pilot sản xuất cồn không gia nhiệt ở nồng độ chất khô  $\geq 270$  g/L, quy mô 100 L/m<sup>3</sup>; Triển khai ứng dụng công nghệ sản xuất cồn không gia nhiệt ở nồng độ chất khô  $\geq 270$  g/L quy mô công nghiệp. Khảo sát và lựa chọn các nguyên liệu thích hợp cho quy trình Dịch hóa, Đường hóa và Lên men đồng thời ở nồng độ chất khô cao (SLSFVHG). Xây dựng quy trình SLSF-VHG ở quy mô phòng thí nghiệm. Nâng cấp, hoàn thiện dây chuyền thiết bị để thử nghiệm quy trình sản xuất cồn không gia nhiệt ở nồng độ chất khô cao ( $\geq 270$  g/L) ở quy mô thử nghiệm. Xây dựng và hiệu chỉnh quy trình sản xuất cồn không gia nhiệt ở nồng độ chất khô cao ( $\geq 270$  g/L) ở quy mô thử nghiệm

100 L cồn/m<sup>3</sup>. Xây dựng và hiệu chỉnh quy trình sản xuất cồn không gia nhiệt ở nồng độ chất khô cao ( $\geq 270$  g/L) ở quy mô sản xuất công nghiệp ( $\geq 1000$  L cồn/m<sup>3</sup>). Đánh giá tiêu thụ năng lượng, hiệu quả kinh tế, kỹ thuật, tác động đến môi trường của quy trình sản xuất cồn không gia nhiệt ở nồng độ chất khô cao. Nghiên cứu, phát triển công nghệ thu hồi và nâng cao giá trị gia tăng phụ phẩm quy trình sản xuất cồn không gia nhiệt ở nồng độ chất khô cao từ gạo và sắn ở quy mô PTN.

Số hồ sơ lưu: 22250

88800. 11-2023 Nghiên cứu chế tạo vật liệu xúc tác quang hoá nanocomposite Cu/TiO<sub>2</sub> bằng phương pháp chiếu xạ chùm tia điện tử, ứng dụng xử lý chất hữu cơ trong nước rỉ rác/ ThS. Nguyễn Chí Thuần, PGS. TS. Nguyễn Ngọc Duy; ThS. Nguyễn Thị Kim Lan; ThS. Đặng Văn Phú; ThS. Lê Anh Quốc - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và triển khai công nghệ Bức xạ, 2023; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Việc xử lý các chất hữu cơ trong nước rỉ rác gây ô nhiễm môi trường đang là mối quan tâm hàng đầu ở mỗi quốc gia. Nanocomposite Cu/TiO<sub>2</sub> với nồng độ Cu trong khoảng từ 0.5-2% được chế tạo bằng phương pháp chiếu xạ chùm tia điện tử được ứng dụng để xử lý chất hữu cơ trong nước rỉ rác. Các tính chất đặc trưng của nanocomposite Cu/TiO<sub>2</sub> được khảo sát bằng ảnh chụp hiển vi điện tử truyền qua

(TEM), phổ nhiễu xạ tia X (XRD) và đo diện tích bề mặt (BET). Các hạt nano Cu tạo thành có kích thước trong khoảng 20-30 nm. Hiệu quả phân huỷ chất hữu cơ trong nước rỉ rác của vật liệu nanocomposite Cu/TiO<sub>2</sub> bằng phản ứng quang hoá được khảo sát theo hàm lượng của Cu/TiO<sub>2</sub>. Kết quả cho thấy, hiệu suất phân huỷ COD và BOD của nanocomposite Cu/TiO<sub>2</sub> đạt 73 và 51% tương ứng sau 3 giờ dưới ánh sáng khả kiến.

Số hồ sơ lưu: 22656

89043. 11-2023 **Nghiên cứu công nghệ và chế tạo keo dán giày vải từ cao su thiên nhiên Việt Nam phục vụ công nghiệp sản xuất giày trong nước/** PGS. TS. Bạch Trọng Phúc, PGS. TS. Nguyễn Thanh Liêm; PGS. TS. Nguyễn Huy Tùng; TS. Nguyễn Phạm Duy Linh; TS. Nguyễn Châu Giang; TS. Phùng Anh Tuấn; ThS. Đoàn Văn Điệp; ThS. Trần Hữu Quang; ThS. Trần Hữu Huy; PGS. TS. Trần Khắc Vũ - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2023; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về sản xuất giày, keo dán trong công nghiệp sản xuất giày. Nghiên cứu các đặc tính cao su thiên nhiên Việt Nam và tiến hành xử lý cao su thiên nhiên Việt Nam để phù hợp làm chất kết dính sử dụng trong keo dán giày vải. Xây dựng đơn công thức chế tạo keo dán giày vải. Xây dựng công nghệ và quy trình chế tạo keo dán giày vải từ chất kết dính cao su thiên nhiên Việt Nam. Xây dựng bộ quy trình chế tạo keo

dán giày vải từ cao su thiên nhiên Việt Nam đáp ứng yêu cầu của keo dán trong sản xuất giày. Xây dựng bộ quy trình dán mũ giày vải và viền mép giày vải sử dụng keo dán giày vải.

Số hồ sơ lưu: 22693

89372. 11-2023 **Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất viên nén rơm rạ thân thiện với môi trường/** TS. Đỗ Xuân Trường, KS. Nguyễn Hoài Lâm; KS. Nguyễn Mạnh Dương; PGS.TS. Vũ Anh Tuấn; KS. Nguyễn Thị Mai Hoa; Vũ Kim Liên; KS. Đinh Thu Hằng; KS. Trịnh Văn Quảng; CN. Trịnh Lan Phương; CN. Vũ Thị Hồng; Đào Quang Vịnh; KS. Nguyễn Văn Thanh - Hải Phòng - Công ty Cổ phần Khoa học công nghệ Phú Lâm, 2023; 12/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan nghiên cứu và lý thuyết có liên quan. Dự thảo qui trình công nghệ sản xuất viên nén rơm rạ thân thiện với môi trường. Nghiên cứu các thành phần nguyên liệu, phụ gia và hệ thống thiết bị sản xuất viên nén rơm rạ. Nghiên cứu nguyên liệu sản xuất, lựa chọn phụ gia sản xuất. Nghiên cứu thiết kế hệ thống thiết bị sản xuất viên nén rơm rạ năng suất 500kg/ngày. Nghiên cứu thử nghiệm chế tạo hệ thống thiết bị sản xuất viên nén rơm rạ công suất 500kg/ngày. Thử nghiệm hệ thống thiết bị sản xuất viên nén rơm rạ. Đánh giá và hoàn thiện.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.029

**20403. Kỹ thuật hoá dược**

87833. 11-2023 **Ứng dụng phản ứng Domino ghép đôi liên kết C-C và C-N trong tổng hợp các cấu trúc dị vòng có hoạt tính sinh học/** TS. Đào Thị Nhung, PGS.TS. Lê Tuấn Anh; PGS.TS. Trần Thị Thanh Vân; TS. Trương Hồng Hiếu; ThS. Phạm Thị Thanh Tâm; CN. Nguyễn Tiến Đạt; CN. Nguyễn Thị Thanh Huyền - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển phương pháp tổng hợp từ 20-25 cấu trúc hợp chất hữu cơ mới trên cơ sở phản ứng domino ghép đôi liên kết C-C và C-N sử dụng các xúc tác khác nhau kết hợp kỹ thuật chiếu xạ vi sóng/siêu âm, sắc ký khối phổ. Nghiên cứu phản ứng chuyển hoá của một số dẫn xuất piperidone. Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu phổ gồm IR, NMR, HRMS của các đại phân tử dị vòng tổng hợp được. Sàng lọc, thử nghiệm hoạt tính gây độc tế bào và hoạt tính kháng vi sinh vật kiểm định của các chất dị vòng hữu cơ điều chế được. Các chỉ số này là cơ sở quan trọng để đánh giá tiềm năng ứng dụng làm thuốc hoá dược.

Số hồ sơ lưu: 22299

87851. 11-2023 **Nghiên cứu phát triển phương pháp điện di mao quản sử dụng detector độ dẫn không tiếp xúc (CE-C4D) để phân tích định lượng một số loại kháng sinh beta-lactam, aminoglycosid và polypeptid/** PGS. TS. Nguyễn Thị Ánh Hường, PGS.TS. Hà Trần Hưng; TS. Nguyễn Ngọc Sơn;

PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Thường; PGS.TS. Lê Đình Chi; ThS. Chu Thị Huệ - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển phương pháp điện di mao quản CE-C4D nhằm định lượng một số kháng sinh beta-lactam, aminoglycosid, polypeptid trong mẫu dược phẩm và/hoặc lâm sàng (huyết tương, nước tiểu). Đánh giá thẩm định cá quy trình phân tích một số kháng sinh beta-lactam, aminoglycosid, polypeptid bằng phương pháp CE-C4D. Ứng dụng phân tích hàm lượng một số kháng sinh beta-lactam, aminoglycosid, polypeptid trong mẫu dược phẩm và/hoặc lâm sàng (huyết tương, nước tiểu) bằng phương pháp CE-C4D.

Số hồ sơ lưu: 22281

87879. 11-2023 **Nghiên cứu xu hướng kết tinh và hiện tượng quá bão hòa của một số dược chất kém tan ứng dụng trong bào chế nano tinh thể và hệ phân tán rắn vô định hình nhằm làm tăng sinh khả dụng thuốc/** PGS. TS. Nguyễn Thạch Tùng, GS.TS. Phạm Thị Minh Huệ; PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh; GS.TS. Sang Cheol Chi; TS. Nguyễn Trần Linh; TS. Trần Cao Sơn; TS. Nguyễn Thùy Dương; DS. Bùi Quang Đông - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu động học kết tinh, tách pha lỏng lỏng và hiện tượng siêu bão hòa của một số dược chất ít tan như: l-tetrahydropalmatin, itraconazole và lornoxicam nhằm

ứng dụng để bào chế hệ phân tán rắn vô định hình nhiều cấu tử và nano tinh thể. Nghiên cứu bào chế và đánh giá khả năng hấp thu, tác dụng dược lý của dạng thuốc chứa hệ phân tán rắn vô định hình nhiều cấu tử và nano tinh thể. Nghiên cứu quá trình kết tinh và hiện tượng quá bão hòa của dược chất để sàng lọc polyme ức chế kết tinh hiệu quả. Đánh giá hiện tượng tách pha lỏng lỏng của dược chất trong môi trường giả dịch ruột, và tương tác dược chất – tá dược. Bào chế nano tinh thể bằng phương pháp nghiền ướt và hệ phân tán vô định hình bằng phương pháp phun sấy.

Số hồ sơ lưu: 22241

87905. 11-2023 **Cảm biến các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi độ nhạy cao dựa trên các oxit kim loại có cấu trúc rỗng nhằm phân tích hơi thở/** GS. TS. Nguyễn Đức Hòa, ThS. Đặng Ngọc Sơn; PGS.TS. Đặng Thị Thanh Lê; ThS. Lưu Hoàng Minh; TS. Nguyễn Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hòa - Hà Nội - Viện Đào tạo Quốc tế về Khoa học Vật liệu, 2023; 10/2020 - 10/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp thành công vật liệu oxit kim loại đa nguyên cấu trúc rỗng ( $ZnO$ ,  $Zn_2SnO_4$ ,  $CoFe_2O_4$ ) có độ kết tinh cao và diện tích bề mặt riêng lớn nhằm chế tạo cảm biến khí VOC. Biến thành công bề mặt vật liệu rỗng bằng kim loại xúc tác quý (Pt/Au, Pt/Pd...) để tăng cường hiệu suất cảm biến khí VOC. Phát triển thành công cảm biến VOC độ nhạy cao với giới hạn phát hiện thấp cỡ

ppm-ppb để phân tích hơi thở chẩn đoán bệnh can thiệp.

Số hồ sơ lưu: 22237

87928. 11-2023 **Nghiên cứu tính toán động lực học hạt lưu chất đa lớp với truyền nhiệt và chuyển pha/** PGS. TS. Vũ Văn Trường, ThS. Đào Chung Hải; TS. Trần Khánh Dương; ThS. Phạm Duy Bình; PGS.TS. Phạm Hồng Phúc; TS. Nguyễn Duy Vinh; TS. Trần Xuân Bộ; TS. Trương Văn Thuận; TS. Vũ Trí Viễn; TS. Lưu Hồng Quân; TS. Nguyễn Tiến Cường - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2023; 03/2020 - 02/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về sự hình thành các hạt đa lớp, các dạng hạt đa lớp, sự tương tác của các hạt đa lớp. Nghiên cứu về động lực học hạt đa lớp mà ở đó tồn tại sự truyền nhiệt và chuyển pha cũng như vai trò của truyền nhiệt chuyển pha trong một số ứng dụng cụ thể như chế biến thuốc, thực phẩm và kỹ thuật y sinh. Nghiên cứu tổng quan các phương pháp mô phỏng số đã và đang được sử dụng cho dòng hai lưu chất, sự mở rộng của các phương pháp cho dòng nhiều lưu chất và truyền nhiệt chuyển pha. Hoàn thiện bộ giải và nghiên cứu chất dòng đơn và đa lưu chất thông qua giải trực tiếp hệ phương trình vi phân động lượng Navier-Stokes và sự tồn tại biên phân cách giữa các lớp lưu chất.

Số hồ sơ lưu: 22266

**20404. Kỹ thuật hoá vô cơ**

87841. 11-2023 **Tổng hợp xúc tác lưỡng kim loại/zeolit họ chabazite cho phản ứng khử xúc tác chọn lọc (SCR) NO<sub>x</sub> với NH<sub>3</sub>/PGS.** TS. Phạm Thanh Huyền, TS. Nguyễn Thị Hà Hạnh; TS. Vương Thanh Huyền; TS. Đỗ Thị Thanh Hà; ThS. Doãn Anh Tuấn; ThS. Võ Hồng Phương - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hoá học, 2023; 04/2019 - 01/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp đặc trưng hệ xúc tác lưỡng kim loại/zeolite họ chabazite, nghiên cứu vai trò của âm hoạt tính, đặc biệt là vai trò của tâm axit Bronsted/Lewis và tâm oxi hóa khử đến hoạt tính phản ứng khử xúc tác chọn lọc (SCR) NO<sub>x</sub> với NH<sub>3</sub>. Đặc trưng xúc tác nguyên nhân mất hoạt tính và cơ chế phản ứng cũng được nghiên cứu. Nghiên cứu đặc trưng xúc tác tổng hợp, xúc tác mới và xúc tác sau phản ứng khử xúc tác chọn lọc NO<sub>x</sub> với NH<sub>3</sub> được nghiên cứu đặc trưng. Nghiên cứu ảnh hưởng của các điều kiện phản ứng đến độ chuyển hóa NO<sub>x</sub> và NH<sub>3</sub>, độ chọn lọc N<sub>2</sub>.

Số hồ sơ lưu: 22310

87847. 11-2023 **Tổng hợp xúc tác quang plasmon Au/MoS<sub>2</sub> pha tạp trên ZnO cấu trúc phân tầng cho quá trình đồng thời tạo H<sub>2</sub> và Hydro hóa CO<sub>2</sub> thành metanol dưới ánh sáng nhìn thấy/ PGS.** TS. Vũ Anh Tuấn, TS. Đỗ Xuân Trường; TS. Trần Văn Anh; TS. Nguyễn Minh Việt; TS. Lê Văn Dương; ThS. Trương Dực Đức - Hà Nội - Viện

Kỹ thuật Hóa học, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp xúc tác mới plasmon hai chức năng Au/MoS<sub>2</sub> pha tạp trên cấu trúc phân tầng ZnO. Tìm cấu trúc phân tầng có hình dạng và kích thước phù hợp và tỉ lệ tối ưu giữa các thành phần Au:MoS<sub>2</sub>:ZnO cho quá trình tạo H<sub>2</sub> và hydro hóa CO<sub>2</sub> dưới điều kiện ánh sáng nhìn thấy với độ chuyển hóa và hiệu suất cao. Mô phỏng cơ chế quá trình, nghiên cứu động lực học phản ứng, sự liên quan giữa cấu trúc vật liệu đến năng lượng vùng cấm, giữa tương tác plasmon bề mặt giữa các thành phần đến độ chọn lọc và hiệu suất của phản ứng.

Số hồ sơ lưu: 22298

87848. 11-2023 **Nghiên cứu phản ứng hydroformyl hóa etylen trên xúc tác nano Au và xúc tác tẩm chất lỏng ion chứa phức rodi (supported ionic liquid phase - SILP)/ GS.** TS. Lê Minh Thắng, TS. Giang Thị Phương Ly; TS. Phạm Thị Mai Phương; ThS. Trương Dực Đức; TS. Chu Thị Hải Nam; ThS. Nguyễn Trung Hiếu - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hoá học, 2023; 08/2018 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng hợp đặc trưng và đánh giá hoạt tính của các xúc tác dị thể nano Au và xúc tác tẩm chất lỏng ion SILP chứa rodi trên các chất mang khác nhau cho phản ứng hydroformyl hóa etylen. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu hoạt tính của xúc tác trong cùng một điều kiện, mục tiêu đánh giá, so sánh hiệu quả của xúc tác SILP so với xúc tác dị thể

Au, đánh giá loại chất mang phù hợp nhất cho phản ứng hydroformyl hóa, từ đó đề xuất được định hướng phát triển tương lai của xúc tác và quá trình hydroformyl trên xúc tác dị thể.

Số hồ sơ lưu: 22312

87849. 11-2023 **Nghiên cứu tổng hợp sợi carbon, MXenes@carbon xốp bằng phương pháp ướt và ứng dụng trong phản ứng điện phân nước tạo khí hydro/** TS. Lê Văn Quyết, TS. Nguyễn Chinh Chiến; TS. Lê Trung Hiếu; TS. Phan Thị Tường Vy; TS. Nguyễn Lê Trí Đăng; ThS. Đào Mỹ Uyên; ThS. Nguyễn Thị Hồng Chương - Đà Nẵng - Trường Đại học Duy Tân, 2022; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển vật liệu xúc tác có độ ổn định và hoạt tính xúc tác cao dùng làm chất xúc tác điện hóa cho phản ứng HER với giá thành rẻ từ nguồn nguyên liệu carbon và các nguyên liệu rẻ tiền và dễ tìm khác. Tổng hợp sợi carbon có cấu trúc xốp dùng làm khung electrode có bề mặt lớn để mọc các hạt xúc tác nano. Tổng hợp sợi MXenes@carbon xốp dùng làm chất xúc tác cũng như khung electrode để phát triển các hạt xúc tác nano lên bề mặt. Đánh giá ảnh hưởng của cấu trúc xốp lên khả năng hình thành cá hạt xúc tác nano trên bề mặt. Đánh giá sự cộng hưởng xúc tác của các sợi MXenes@carbon với các hạt xúc tác nano khác.

Số hồ sơ lưu: 22304

87908. 11-2023 **Nghiên cứu chế tạo hợp kim giả tinh thể hệ Al-Fe-TM bằng phương pháp luyện kim bột/** TS. Nguyễn Thị Hoàng Oanh, PGS.TS. Nguyễn Hoàng Việt; PGS.TS. Trịnh Văn Trung; TS. Phạm Ngọc Diệu Quỳnh; TS. Nguyễn Cao Sơn; TS. Lê Hồng Thắng - Hà Nội - Đại học Bách khoa Hà Nội, 2023; 08/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập tài liệu, phân tích, đánh giá, viết tổng quan khoa học đối với hệ hợp kim Al-TM và Al-ETM-LTM. Chế tạo mẫu vật liệu bằng phương pháp hợp kim hóa cơ học trên thiết bị nghiền hành tinh. Xử lý nhiệt cho bột nghiền, tìm điều kiện xử lý nhiệt tối ưu như: nhiệt độ, thời gian giữ nhiệt, môi trường khí để nhận được cấu trúc mong muốn. Khảo sát các tính chất vật lý của các hệ mẫu như sự thay đổi về cấu trúc tinh thể, pha tạo thành, ảnh hưởng của các nguyên tố tác dụng lên quá trình chuyển biến pha và hình thành pha quasicrystal/vô định hình. Phân tích các kết quả thực nghiệm thu được, củng cố về lý thuyết bằng các kết quả từ quá trình hình pha và sự ổn định của các pha quasicrystal và vô định hình trong vật liệu.

Số hồ sơ lưu: 22279

89034. 11-2023 **Nghiên cứu phương pháp sốc nhiệt biến tính TiO<sub>2</sub> và ZnO đồng thời bằng các tác nhân F, Cu, Ag, Au ứng dụng trong xúc tác quang hóa giảm cấp chất màu cation và anion trong vùng UV và Vis/** PGS. TS. Huỳnh Thị Kiều Xuân, ThS. Nguyễn Hữu



Khánh Hưng; TS. Lê Tiến Khoa; ThS. Hoàng Châu Ngọc; ThS. Phạm Nguyễn Hữu Thịnh; TS. Nguyễn Bình Phương Nhân - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 04/2017 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tạo mẫu và phân tích hình thái cấu trúc sản phẩm. Nghiên cứu khả năng hấp phụ của các chất màu cation và anion khác nhau lên sản phẩm. Nghiên cứu hoạt tính hoạt tính quang xúc tác của sản phẩm trong vùng UV và VIS. Phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng.

Số hồ sơ lưu: 22688

89102. 11-2023 **Nghiên cứu tổng hợp, đặc trưng và ứng dụng vật liệu khung hữu cơ – kim loại pha tạp Cu(I) cho hấp phụ khí CO và tách khí CO/CO<sub>2</sub>, CO/N<sub>2</sub>**/ PGS. TS. Võ Thế Kỳ, GS.TS. Dương Tuấn Quang; TS. Cao Xuân Thắng; PGS.TS. Nguyễn Văn Cường; ThS. Phạm Hoàng Ái Lệ - Hà Nội - Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, 2023; 10/2020 - 05/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp được các vật liệu khung hữu cơ - kim loại (MOFs) pha tạp Cu(I) có khả năng hấp phụ khí CO và tách loại khí CO và tách loại khí CO trong các hỗn hợp khí chứa CO<sub>2</sub>, CO và N<sub>2</sub>. Tìm ra các vật liệu pha tạp Cu (I) mới, đa dạng với những đặc tính hóa lý cái tiến đáng kể dựa trên cơ sở vật liệu khung hữu cơ-kim loại có độ xốp cao. Phát triển phương pháp tổng hợp vật liệu pha tạp Cu(I) trên chất mang với một quy trình đơn giản và hiệu quả. Tạo

ra vật liệu có khả năng hấp phụ chọn lọc tốt khí độc CO.

Số hồ sơ lưu: 22721

### **20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ**

87898. 11-2023 **Khảo sát khả năng ứng dụng tuyển nổi bằng bọt khí để cô đặc dung dịch chiết xuất hợp chất tự nhiên/** PGS. TS. Nguyễn Tấn Khôi, TS. Phan Văn Hồ Nam; ThS. Nguyễn Hồng Lan; CN. Lưu Quán Trọng; CN. Lê Thịnh Phát; CN. Lê Công Minh Khoa; CN. Phan Hoàng Thiên An - Hà Nội - Trường Đại học Quốc tế, 2023; 04/2019 - 01/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng hệ thống khảo sát tương tác, cấu trúc, thành phần của khối bọt khí (foams). Tích hợp hệ thống quang học lái nguồn laser và cáp quang vào cảm biến quang vào hệ thống cột được xây dựng. Nghiên cứu tương tác của bọt khí với bề mặt kỵ nước. Tính đặc trưng của khối bọt khí dựa hoàn toàn vào tương tác với cơ chất, ở nội dung nghiên cứu này, nhóm nghiên cứu dựa vào hệ thống quang phổ ATR-FTIR để tìm hiểu cơ chế, tính chất tương tác của khối bọt khí với chất kỵ nước được phủ trên bề mặt tinh thể. Nghiên cứu các phân tử nước ngay tại bề mặt bọt khí với mục tiêu xác định vai trò của các phân tử nước bề mặt đối với độ bền của các bọt khí. Thực hiện thí điểm quá trình tuyển nổi các hợp chất polyphenolic và flavonoids có trong các dung dịch chiết xuất thảo dược tự nhiên; mục tiêu là tăng hiệu suất chiết và độ cô đặc so với phương

pháp chiết xuất dùng nước truyền thống lên 100%.

Số hồ sơ lưu: 22313

### **20506. Luyện các chất bán dẫn**

87869. 11-2023 **Thiết kế oxit kim loại bán dẫn loại p cấu trúc siêu xếp ứng dụng trong cảm biến khí/ PGSu. TS. Nguyễn Đức Cường, GS.TS. Trần Thái Hòa; PGS.TS. Hoàng Thái Long; TS. Lê Trung Hiếu; Phạm Ngọc Anh Thy - Thừa Thiên Huế - Trường Đại học khoa học, 2023; 09/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Phát triển thành công các phương pháp hóa học đơn giản để tổng hợp các cấu trúc nano có độ xếp cao trên cơ sở oxit kim loại bán dẫn loại. Phương pháp tổng hợp có thể mở rộng để áp dụng trên nhiều đối tượng vật liệu cho cả oxit kim loại bán dẫn loại p và loại n. Vật liệu nano với cấu trúc độc đáo có tính chất nhạy khí tốt với độ chọn lọc cao, thời gian đáp ứng và phục hồi nhanh. Nắm bắt được các yếu tố ảnh hưởng đến tính chất nhạy khí trên cơ sở oxit kim loại bán dẫn như hình thái, độ xếp và biến tính bề mặt bằng các thành phần pha khác như oxit kim loại quý.

Số hồ sơ lưu: 22263

### **20507. Vật liệu xây dựng**

87901. 11-2023 **Thiết kế tối ưu sườn tăng cường dọc của dầm thép/ TS. Vũ Quang Việt, GS.TS. Phạm Tuấn Anh; TS. Phùng Thị Kiều Hà; TS. Phan Xuân Vũ; TS. Nguyễn Anh Quang - Hải Phòng -**

Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2023; 04/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình phân tử hữu hạn của dầm thép (mặt cắt không đối xứng) có một và hai STCD (có mặt cắt dạng tấm dẹt) và kiểm chứng độ chính xác của mô hình đề xuất. Xây dựng quy trình tối ưu hóa một và hai STCD (có mặt cắt dạng tấm dẹt) của dầm thép bằng cách sử dụng kết hợp hai phần mềm thương mại ABAQUS và MATLAB. ABAQUS sẽ đóng vai trò là phần mềm phân tích kết cấu còn MATLAB sẽ đóng vai trò là phần mềm tối ưu hóa kết cấu. Sự làm việc tương tác qua lại giữa hai phần mềm này sẽ được kết nối bằng công cụ Abaqus2Matlab. Đề xuất công thức xác định vị trí tối ưu và độ cứng chống uốn tối thiểu của một và hai STCD (có mặt cắt dạng tấm dẹt) của dầm thép mặt cắt không đối xứng. Xây dựng mô hình phân tử hữu hạn của dầm thép có một và hai STCD (có mặt cắt dạng chữ L, T, tam giác, hình chữ nhật, và hình thang) và kiểm chứng độ chính xác của mô hình đề xuất. Xây dựng quy trình tối ưu hóa một và hai STCD (có mặt cắt dạng chữ L, T, tam giác, hình chữ nhật, và hình thang) của dầm thép bằng cách sử dụng kết hợp hai phần mềm thương mại ABAQUS và MATLAB. Đề xuất công thức xác định vị trí tối ưu của một và hai STCD (có mặt cắt dạng chữ L, T, tam giác, hình chữ nhật, và hình thang) của dầm thép.

Số hồ sơ lưu: 22291

88367. 11-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, thiết kế chế tạo dây chuyền xử lý phosphogypsum (PG) của DAP Đình Vũ làm phụ gia xi măng và làm nguyên liệu để sản xuất tấm thạch cao xây dựng/** KS. Vũ Văn Chiến, TS. Nguyễn Hồng Quyên; KS. Nguyễn Văn Thắng; ThS. Kiều Văn Mát; KS. Nguyễn Chu Dương; KS. Nguyễn Văn Dur; KS. Nguyễn Đình Tuyền; KS. Lê Tuấn Minh; KS. Nguyễn Thanh Hà; KS. Trịnh Ngọc Cương - Hải Dương - Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường, 2020; 06/2016 - 10/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về nguồn phát thải và tính chất của phosphogypsum, tác động của phosphogypsum đối với môi trường và nghiên cứu xử lý, ứng dụng phosphogypsum làm vật liệu xây dựng trên thế giới. Tiến hành nghiên cứu làm chủ công nghệ xử lý PG làm phụ gia cho xi măng và làm nguyên liệu để sản xuất tấm thạch cao xây dựng. Thiết kế, chế tạo dây chuyền thiết bị đồng bộ, tự động hóa từng phần quy mô công nghiệp và đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường nhằm tạo ra sản phẩm chất lượng đáp ứng yêu cầu sử dụng với giá cả cạnh tranh.

Số hồ sơ lưu: 22595

88445. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng các cấp phối vữa xây, trát và bê tông thông dụng phù hợp cho việc xây dựng các công trình ven biển và hải đảo phục vụ xác định chi phí xây dựng công trình/** TS. Trần Minh Đức, TS. Nguyễn

Hùng Minh; KS. Nguyễn Thanh Hằng; KS. Lê Xuân Quảng; KS. Lưu Văn Nam; KS. Nguyễn Khắc Minh; KS. Ngô Tiến Thành; KS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; KS. Nguyễn Thế Tú; ThS. Thân Văn Hoàng - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lựa chọn vật liệu và thiết kế cấp phối vữa xây trát và bê tông thông dụng dùng cho các công trình ven biển và hải đảo nhằm nâng cao tuổi thọ công trình; Xây dựng được các bảng cấp phối vữa xây, trát và bê tông thông dụng phù hợp cho việc xây dựng các công trình ven biển và hải đảo phục vụ xác định chi phí xây dựng công trình.

Số hồ sơ lưu: 22427

88448. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia: Cát nhiễm mặn cho bê tông và vữa xây dựng- Yêu cầu kỹ thuật. Phần 1 - Cát cho kết cấu bê tông; Phần 2: Cát cho kết cấu bê tông cốt thép; Phần 3: Cát cho vữa xây dựng/** ThS. Lê Việt Hùng, ThS. Phan Văn Quỳnh; PGS.TS. Lê Trung Thành; TS. Trần Bá Việt; KS. Phạm Hữu Thiên; KS. Phạm Văn Tuấn; KS. Vũ Văn Linh; KS. Nguyễn Thị Mai; Phạm Phương Nam - Hà Nội - Hội Bê tông Việt Nam, 2022; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan các tính chất và các tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật trong và ngoài nước liên quan đến việc sử dụng cát nhiễm mặn (cát biển, cát nước lợ) cho bê tông và vữa; Đánh giá chất lượng một số

nguồn cát nhiễm mặn trong nước cho chế tạo bê tông, vữa; Nghiên cứu nghiên cứu kiểm chứng một số tính chất của hỗn hợp bê tông và bê tông sử dụng cát nhiễm mặn; Nghiên cứu nghiên cứu kiểm chứng một số tính chất độ bền lâu, bảo vệ cốt thép của bê tông sử dụng cát nhiễm mặn; Xây dựng dự thảo tiêu chuẩn: Cát nhiễm mặn cho bê tông và vữa xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 22418

88454. 11-2023 Soát xét TCVN **3117:1993, Bê tông nặng - Phương pháp xác định độ co**/ ThS. Đỗ Thị Lan Hoa, ThS. Trần Quốc Toán; ThS. Trần Quốc Hoàn - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Bộ tiêu chuẩn đã đóng góp không nhỏ công tác thí nghiệm, kiểm tra, đánh giá chất lượng bê tông dùng thi công các công trình xây dựng ở Việt Nam. Qua hơn 25 năm kể từ khi đưa vào áp dụng bộ tiêu chuẩn, ngành công nghiệp xây dựng Việt Nam đã đi những bước dài từ xây dựng những công trình nhỏ, xây dựng lâu sang những công trình lớn với tốc độ và công nghệ phát triển nhanh, từ quản lý hành chính tập trung sang cơ chế thị trường, từ áp dụng thành tựu kỹ thuật của một hệ thống sang đa dạng hóa trong hợp tác quốc tế. Hệ thống quản lý và phương thức áp dụng tiêu chuẩn hiện nay cũng đã thay đổi cả về nội dung và cách trình bày.

Số hồ sơ lưu: 22396

88477. 11-2023 Soát xét TCVN **5573:2011 Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế**/ TS. Cao Duy Bách, ThS. Nguyễn Văn Thắng; ThS. Hà Việt Phương; KS. Nguyễn Đức Toàn; ThS. Vương Đình Hùng; KS. Nguyễn Văn Chiến; KS. Nguyễn Minh Tuấn; KS. Lê Trung Anh; KS. Trần Anh Dũng; KS. Trần Văn Hữu - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cập nhật, bổ sung 27 tài liệu viện dẫn theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn mới nhất của Việt Nam. Thay đổi theo quy định chung của tiêu chuẩn, trong đó nêu rõ kết cấu được thiết kế phải đảm bảo khả năng chịu lực, điều kiện sử dụng bình thường của công trình, độ bền lâu, an toàn cháy và tiết kiệm năng lượng và biện pháp thực thi chúng. Đưa ra bảng mới phục vụ tính toán kết cấu: cường độ tính toán của khối xây bằng bloc gồm có liên kết âm - dương, độ rỗng 40-55%, cường độ tính toán của khối xây bằng bloc bê tông tổ ong chung áp. Hoàn thiện nội dung về tính toán tường với vách cứng đứng về thiết kế tường nhiều lớp.

Số hồ sơ lưu: 22276

88480. 11-2023 Soát xét TCVN **3109:1993 Hỗn hợp bê tông nặng - Phương pháp xác định độ tách vữa và độ tách nước**/ TS. Hoàng Minh Đức, ThS. Trần Quốc Toán; ThS. Trần Quốc Hoàn - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng,

2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Bộ tiêu chuẩn các phương pháp lấy mẫu và thí nghiệm xác định các tính chất công nghệ, cơ và lý của hỗn hợp bê tông và bê tông nặng (TCVN 3105:1993; 3111-3120 và 5276) được biên soạn và đưa vào áp dụng từ năm 1993. Qua gần 20 năm sử dụng, ngành công nghiệp xây dựng Việt Nam đã có những thay đổi đáng kể từ xây dựng những công trình nhỏ, thời gian thi công dài sang những công trình lớn và thời gian thi công yêu cầu rút ngắn, từ quản lý hành chính tập trung sang cơ chế thị trường, từ áp dụng thành tựu kỹ thuật của một hệ thống sang đa dạng hoá trong hợp tác quốc tế. Hệ thống quản lý và phương thức áp dụng tiêu chuẩn hiện nay cũng đã thay đổi cả về nội dung và cách trình bày. Vì vậy, việc soát xét lại bộ tiêu chuẩn các phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử xác định các tính chất công nghệ của hỗn hợp bê tông và tính chất cơ, lý của bê tông là cần thiết. Việc soát xét bộ tiêu chuẩn sẽ đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý chất lượng, phục vụ sản xuất, phù hợp với trình độ công nghệ và các tiến bộ kỹ thuật chuyên ngành, với yêu cầu hòa nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 22254

**88481. 11-2023 Soát xét TCVN 3107:1993 Hỗn hợp bê tông nặng – Phương pháp Vebe xác định độ cứng/** ThS. Lê Thuận An, TS. Ngô Văn Toàn; ThS. Đoàn Thị Thu Lương - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Quy định việc lau ẩm thiết bị, dụng cụ được điều chỉnh khác bản TCVN 3107:1993 cho phép dùng giấy ướt, điều này có thể làm thay đổi giá trị độ cứng đo được của thử nghiệm. Quy định về thời điểm xác định việc ngừng rung đã điều chỉnh để đảm bảo tính thống nhất và hội nhập quốc tế. Cụ thể là, tiêu chuẩn TCVN 3107:1993 quy định thiết bị Vebe có bộ phận đĩa mica, tương đồng với quy định của GOST 10181 (bản cũ nay đã soát xét, sửa đổi) và tiêu chuẩn Mỹ. Năm 2014, GOST 10181 đã được soát xét, công bố phiên bản GOST 10181:2014, theo đó, đĩa của thiết bị Vebe có 6 lỗ bố trí đều trên đường tròn đồng tâm với đĩa. Việc quan sát sự xuất hiện của hồ vữa trên lỗ này để ghi nhận thời điểm ghi giá trị độ cứng. Điều này chi tiết, dễ nhận biết hơn so với quy định của phiên bản cũ. Do đó, dự thảo có điều chỉnh quy định này để thuận lợi hơn trong thực hiện như sau: “Độ cứng của hỗn hợp bê tông được xác định bằng thời gian kể từ khi bật đầm rung cho tới khi hồ xi măng bắt đầu xuất hiện ở 2 lỗ bất kỳ trên đĩa”. Các quy định khác của phần này được biên soạn lại thống nhất với quy định đã có tại TCVN 3107:1993 và các quy định có trong dự thảo TCVN 3105:20xx và dự thảo TCVN 3106:20xx.

Số hồ sơ lưu: 22253

**88483. 11-2023 Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng tiêu chuẩn Bê tông cốt sợi tính năng siêu cao (UHPC)- Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử/** TS. Tống Tôn Kiên, ThS. Vũ Ngọc Luyến; TS.

Trần Bá Việt; ThS. Phạm Thị Vinh Lanh; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Phát; PGS.TS. Văn Viết Thiên Ân; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Lâm; ThS. Nguyễn Thị Thắng; GS.TS. Phạm Duy Hữu; TS. Bùi Đức Vinh; KS. Trần Văn Kiên; ThS. Nguyễn Văn Đoàn - Hà Nội - Hội Bê tông Việt Nam, 2023; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và khảo nghiệm các tính chất khác nhau của hỗn hợp bê tông và bê tông UHPC. Phân tích khả năng ứng dụng chính của loại bê tông này được sử dụng và thiết kế, ứng dụng trong thi công các công trình xây dựng và công trình cầu. Khảo nghiệm đã tập trung thực hiện vào các đặc tính hỗn hợp bê tông, đặc tính cơ học và độ bền, cũng như các thử nghiệm khả năng liên kết với các thanh cốt thép và lớp bê tông cũ. Một số tính chất hỗn hợp bê tông được tập trung nghiên cứu đánh giá bao gồm: độ lưu động, độ đồng nhất, thời gian đông kết, hàm lượng sợi thép, ... Trên cơ sở đó các phương pháp xác định các tính chất này cũng được đề xuất. Một số tính chất hỗn hợp bê tông được tập trung nghiên cứu đánh giá bao gồm: cường độ nén, ứng suất và biến dạng nén, Hệ số Poisson và mô đun đàn hồi nén, cường độ kéo, cường độ uốn, .... Trên cơ sở đó các phương pháp xác định các tính chất này cũng được đề xuất. Các kết quả khảo nghiệm độ bền lâu của bê tông UHPC và khả năng liên kết trên kết cấu của bê tông UHPC cũng đã được trình bày và tập hợp. Trên cơ sở đó các

phương pháp xác định các tính chất này cũng được đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 22247

88489. 11-2023 **Soát xét TCVN 3112:1993, Bê tông nặng - Phương pháp thử xác định khối lượng riêng/** ThS. Trần Quốc Toán, KS. Đoàn Anh Thái; KS. Đào Công Quý - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định khối lượng riêng sử dụng bình pycnometer và độ rỗng của bê tông dựa trên khối lượng thể tích, độ hút nước và độ ẩm. Xác định khối lượng riêng của bình Le Chatelier. Nghiên cứu xác định khối lượng riêng của bột bê tông nghiền mịn; Xác định độ ẩm cân bằng; Xác định chỉ số rỗng của bê tông theo động học quá trình hút nước.

Số hồ sơ lưu: 22228

88498. 11-2023 **Nghiên cứu thiết kế tường barrette trong thi công hố đào sâu cho công trình xây dựng tại khu vực đô thị/** TS. Trần Toàn Thắng, TS. Nguyễn Giang Nam; TS. Nguyễn Công Nghĩa; ThS. Trần Đức Hiếu; ThS. Nguyễn Thị Ngân; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Ngọc Thuyết; ThS. Nguyễn Chí Quyết; ThS. Bùi Đăng Lương; KS. Trịnh Việt Dũng - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng dự thảo chỉ dẫn thiết kế tường barrette trong thi công móng và tầng hầm nhà cao tầng tại khu vực đô thị. Xây dựng dự thảo

chỉ dẫn thi công và nghiệm thu tường barrette trong thi công móng và tầng hầm nhà cao tầng tại khu vực đô thị. Nghiên cứu công nghệ thi công tường barrette trong thi công móng và tầng hầm nhà cao tầng tại khu vực đô thị. Nghiên cứu sự làm việc của tường barrette và đất nền xung quanh khu vực khi thi công móng và tầng hầm nhà cao tầng tại khu vực đô thị. Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến tường barrette, hố đào sâu và công trình lân cận khi thi công móng và tầng hầm nhà cao tầng tại khu vực đô thị.

Số hồ sơ lưu: 22188

88499. 11-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng tiêu chuẩn: Thử nghiệm chịu lửa - Các bộ phận công trình xây dựng - Yêu cầu riêng đánh giá hiệu quả của vật liệu bảo vệ chịu lửa cho kết cấu thép/** ThS. Nguyễn Trung Kiên, ThS. Nguyễn Việt Sơn; TS. Hoàng Anh Giang; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Diệp; ThS. Hà Văn Hạnh; KS. Đào Duy Anh; TS. Trần Hùng - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thử nghiệm các cột rỗng tiết diện hình tròn và hình chữ nhật được bảo vệ bằng các lớp bảo vệ dạng phản ứng không chứng minh một cách chắc chắn rằng một hình dạng cụ thể này nguy hiểm hơn một hình dạng khác. Thiết kế và chuẩn bị mẫu thử: cấu kiện chịu tải và không chịu tải. Thử nghiệm khả năng chịu lửa của mẫu cấu kiện không chịu tải (cột + dầm) được bọc bảo vệ bằng vật

liệu dạng tấm (vật liệu bảo vệ dạng thụ động). Thử nghiệm khả năng chịu lửa của mẫu cấu kiện không chịu tải (cột + dầm) được bọc bảo vệ bằng vật liệu dạng vữa (vật liệu bảo vệ dạng thụ động). Thử nghiệm khả năng chịu lửa của mẫu cấu kiện không chịu tải (cột + dầm) được bọc bảo vệ bằng vật liệu dạng sơn (vật liệu bảo vệ dạng phản ứng). Các thử nghiệm này thử nghiệm tại phòng thử nghiệm của Viện khoa học công nghệ xây dựng. Trong quá trình thử nghiệm, bố trí lắp đặt đầu đo, các quy trình thực hiện đúng theo các yêu cầu quy định của tiêu chuẩn.

Số hồ sơ lưu: 22187

88502. 11-2023 **Nghiên cứu cường độ chịu nén của khối xây gạch không nung phục vụ tính toán thiết kế/** TS. Hoàng Minh Đức, ThS. Ngô Văn Toàn; ThS. Lê Phương Ly; ThS. Nguyễn Tuấn Nam; ThS. Lê Thuận An; KS. Đỗ Văn Công; KS. Phạm Quốc Bảo; KS. Trần Văn Tiệp; KS. Tống Việt Tú; KS. Giang Văn Quỳnh; KS. Nguyễn Văn Huân - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2019; 06/2016 - 06/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống tiêu chuẩn đối với khối xây đã được thiết lập từ nhiều năm trước và khá hoàn thiện bao gồm tiêu chuẩn thiết kế, tiêu chuẩn yêu cầu kỹ thuật đối với vật liệu sử dụng, tiêu chuẩn phương pháp thử và tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu. Kết quả nghiên cứu cường độ chịu nén của khối xây sử dụng gạch bê tông rỗng và gạch bê tông khí chưng áp cho thấy cường độ thực tế có sự

khác biệt đáng kể so với giá trị tính toán. Do đó, cường độ chịu nén của khối xây sử dụng gạch bê tông rỗng và gạch bê tông khí chung áp cần được xác định thông qua thí nghiệm khối xây thực tế. Tiếp tục và mở rộng các nghiên cứu về cường độ chịu nén của khối xây với đối tượng viên xây gạch bê tông rỗng và gạch bê tông khí chung áp để tiên tới xây dựng các bảng tra và phương pháp tính toán cường độ chịu nén của khối xây phù hợp với thực tế nước ta.

Số hồ sơ lưu: 22181

88550. 11-2023 **Soát xét TCVN 4085:2011 Kết cấu gạch đá – Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu/ TS.** Cao Duy Bách, ThS. Nguyễn Văn Thắng; ThS. Hà Việt Phương; KS. Nguyễn Đức Toàn; ThS. Vương Đình Hùng; KS. Nguyễn Văn Chiến; KS. Nguyễn Minh Tuấn; KS. Lê Trung Anh; KS. Trần Anh Dũng; KS. Trần Văn Hữu - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Vật liệu xây dựng, chất kết dính, vữa xây đã được đổi mới và được quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn của Việt Nam. Hoàn thiện tiêu chuẩn được thực hiện theo nguyên tắc: giữ nguyên các ký hiệu, đơn vị, công thức, mã số các bảng và các điều như trong TCVN 4085:2011, sau khi thêm các bảng mới và công thức mới vào mục cần thiết trong TCVN 4085:2011, hệ thống và đánh số lại các bảng biểu và công thức theo đúng quy định trình bày tiêu chuẩn Việt Nam. Các nội dung thay đổi, bổ sung đưa vào các điều

cùng nội dung để theo dõi. Nghiên cứu về việc áp dụng địa hình của Nga trong tiêu chuẩn về tải trọng tác động với địa hình được lấy trong tiêu chuẩn của Việt Nam. Kiến nghị biên soạn tiêu chuẩn vật liệu cho đá tự nhiên hay các quy định về đá tự nhiên, đá hộc, đá đẽo.

Số hồ sơ lưu: 22277

88556. 11-2023 **Soát xét TCVN 3120:1993, Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ kéo khi bẻ/ ThS. Đỗ Thị Lan Hoa, ThS. Trần Quốc Toán; ThS. Chu Mạnh Hà - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Bộ tiêu chuẩn đã đóng góp không nhỏ cho công tác thí nghiệm, kiểm tra, đánh giá chất lượng bê tông dùng thi công các công trình xây dựng ở Việt Nam. Qua hơn 25 năm kể từ khi đưa vào áp dụng bộ tiêu chuẩn, ngành công nghiệp xây dựng Việt Nam đã đi những bước dài từ xây dựng những công trình nhỏ, xây dựng lâu sang những công trình lớn với tốc độ và công nghệ phát triển nhanh từ quản lý hành chính tập trung sang cơ chế thị trường từ áp dụng thành tựu kỹ thuật của hệ thống sang đa dạng hóa trong hợp tác quốc tế. Hệ thống quản lý và phương thức áp dụng tiêu chuẩn hiện nay đã thay đổi cả về nội dung và cách trình bày.

Số hồ sơ lưu: 22408

88557. 11-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện thiết bị và công nghệ chế tạo cát nghiền từ đá cát kết thu hồi tại các bãi thải khai thác**



**than để sử dụng trong các công trình xây dựng/** TS. Tổng Tôn Kiên, Ông.Vũ Đình Kiên KS. Phạm Xuân Phi; ThS. Cao Thị Hương; PGS.TSKH. Bạch Đình Thiên; ThS. Vũ Thanh Hùng; ThS. Tạ Thiên Hỷ; ThS. Lưu Văn Sáng; TS. Nguyễn Tiến Dũng; KTV. Nguyễn Tiến Lưu; KS. Trần Hoàng Hân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu và ứng dụng vật liệu xây dựng nhiệt đới, 2019; 09/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát và đánh giá được trữ lượng và chất lượng của đá cát kết ở các bãi thải khai thác than của 10 mỏ than ở tỉnh Quảng Ninh. Hoàn thiện và nội địa hóa các thiết bị công nghệ nghiền sàng để tăng tỷ lệ thu hồi lên 30-40%, giảm giá thành sản phẩm cát nghiền từ đá cát kết thải thu hồi tại các mỏ khai thác than. Nghiên cứu sử dụng các sản phẩm của dây chuyền chế biến đá cát kết cho công tác san lấp, nền móng đường giao thông, bê tông asphalt; công tác vữa xây dựng và bê tông xi măng.

Số hồ sơ lưu: 22409

**88560. 11-2023 Nghiên cứu chế tạo bê tông cốt sợi phi kim để sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn thành mỏng sử dụng cho các công trình xây dựng dân dụng ở khu vực biển, đảo/** TS. Nguyễn Hùng Minh, KS. Nguyễn Thanh Hằng; KS. Lưu Văn Nam; TS. Trần Minh Đức; KS. Lê Xuân Quảng; KS. Ngô Tiến Thành; KS. Nguyễn Khắc Minh; CN. Cao Thị Thắm - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2020; 09/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tiếp tục nghiên cứu sản xuất BTCS PVA theo công nghệ “Phun”; Nghiên cứu mở rộng các lĩnh vực sử dụng hiệu quả BTCS để sản xuất các cấu kiện thành mỏng ứng dụng trong kiến trúc mặt ngoài, các cấu kiện thành mỏng sử dụng trong giao thông, thủy lợi, ...; Áp dụng kết quả nghiên cứu của đề tài để chế tạo các cấu kiện thành mỏng dùng cho xây dựng các công trình văn hóa và trang trí kiến trúc; Tiếp tục theo dõi nhà thử nghiệm để có đánh giá độ bền lâu của BTCS PVA trong môi trường biển đảo để khẳng định tuổi thọ của công trình.

Số hồ sơ lưu: 22443

**88591. 11-2023 Nghiên cứu chế tạo bê tông cường độ cao độ chảy cao rắn nhanh hướng tới ứng dụng trong các công trình kè bảo vệ bờ/** TS. Nguyễn Công Thắng, PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn; TS. Vũ Đan Chính; PGS.TS. Trần Thanh Tùng; TS. Bạch Dương; TS. Bùi Thế Anh; ThS. Nguyễn Quang Tạo; TS. Nguyễn Nhân Hòa; ThS. Nguyễn Hùng Sơn; KS. Trần Văn Kiên; ThS. Vũ Công Thành; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Phát; ThS. Phạm Văn Du; ThS. Nguyễn Văn Bình - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2021; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về nghiên cứu và ứng dụng bê tông cường độ cao, bê tông rắn nhanh trong các công trình kè bảo vệ bờ. Nghiên cứu khả năng ứng dụng của bê tông cường độ cao và rắn nhanh đối với các kết cấu kè bảo vệ bờ. Nghiên cứu lựa chọn nguyên

vật liệu chế tạo, thiết kế thành phần, bảo dưỡng và phương pháp chế tạo. Nghiên cứu thực nghiệm ảnh hưởng của nguyên vật liệu đến một số tính chất của bê tông cường độ cao rắn nhanh, từ đó lựa chọn cấp phối bê tông tổng hợp lý sử dụng chế tạo cấu kiện kè bảo vệ bờ. Nghiên cứu lựa chọn thiết kế và thi công đoạn kè bảo vệ bờ. Tối ưu hóa công nghệ chế tạo và thiết lập quy trình công nghệ chế tạo hỗn hợp bê tông cường độ cao rắn nhanh. Thi công thử nghiệm đoạn bờ kè sử dụng bê tông cường độ cao rắn nhanh

Số hồ sơ lưu: 22633

88644. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép chịu lửa - nguyên tắc đảm bảo khả năng chịu lửa và khả năng bảo toàn sau cháy/** PGS. TS. Nguyễn Trường Thắng, TS. Nguyễn Đăng Nguyên; TS. Trần Việt Tâm; PGS.TS. Nguyễn Tuấn Trung; TS. Phạm Thái Hoàn; TS. Nguyễn Minh Thu; ThS. Phan Minh Tuấn; ThS. Đoàn Thị Quỳnh Mai; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thảo; ThS. Nguyễn Thị Phương Lan; ThS. Phạm Mai Phương; ThS. Nguyễn Trung Kiên; TS. Phạm Anh Tuấn - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở dữ liệu hướng dẫn biên soạn Hướng dẫn thiết kế kết cấu bê tông cốt thép chịu lửa cho công trình dân dụng, bao gồm: (i) Xác định các nguyên tắc và yêu cầu

chung về thiết kế đảm bảo khả năng chịu lửa và khả năng bảo toàn sau cháy cho các cấu kiện cơ bản BTCT; và (ii) Xác định tính chất cơ lý của bê tông và cốt thép khi bị đốt nóng tới nhiệt độ cao theo chế độ nhiệt tiêu chuẩn; Nghiên cứu các nguyên tắc thiết kế đảm bảo khả năng chịu lửa cho kết cấu bê tông cốt thép - bao gồm đánh giá giới hạn chịu lửa khi: (i) Mất khả năng cách nhiệt I; (ii) Mất tính toàn vẹn E; và (ii) Mất khả năng chịu lực R; Nghiên cứu các nguyên tắc thiết kế đảm bảo khả năng bảo toàn cho kết cấu bê tông cốt thép sau cháy.

Số hồ sơ lưu: 22651

88701. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng 12 tiêu chuẩn quốc gia về Vữa xây dựng - Phương pháp thử theo định hướng mới/** ThS. Trần Quốc Toán, ThS. Trần Quốc Hoàn; ThS. Đoàn Anh Thái; KTV. Hà Văn Nghị; KTV. Nguyễn Thị Kim Khanh; KS. Nguyễn Tuấn Linh; ThS. Chu Mạnh Hà; KS. Đỗ Ngọc Khoa; KTV. Nguyễn Văn Tuấn; KS. Hoàng Hoài Giao; KTV. Nguyễn Tiến Mạnh; KTV. Lê Văn Hưng; KS. Đào Công Quý; KS. Đồng Quang Thái; KS. Chu Văn Phú; ThS. Lâm Thị Thanh Nhàn; ThS. Trần Văn Sơn; KS. Đỗ Văn Vinh - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trong năm 2022 đề xuất nghiên cứu biên soạn trước các phương pháp thử các tính chất cơ bản. Sau đó, theo lộ trình sẽ dần dần hoàn thiện toàn bộ hệ thống tiêu chuẩn thí

nghiệm vữa. 12 tiêu chuẩn được đề xuất biên soạn gồm: 1) Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 1: Xác định thành phần hạt; 2) Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 2: Lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử; 3) Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 3: Xác định độ lưu động của hỗn hợp vữa (phương pháp bàn dằn); 4) Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 4: Xác định độ lưu động của hỗn hợp vữa (phương pháp kim xuyên); 5) Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 6: Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp vữa; 6) Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 7: Xác định hàm lượng khí trong hỗn hợp vữa; 7) Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 9: Xác định thời gian làm việc và thời gian điều chỉnh của hỗn hợp vữa; 8) Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 10: Xác định khối lượng thể tích khô của vữa đã đóng rắn; 9) Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 11: Xác định cường độ chịu uốn và chịu nén của vữa đã đóng rắn; 10) Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 12: Xác định cường độ bám dính của vữa trát đã đóng rắn với nền; 11) Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 17: Xác định hàm lượng clorua hòa tan trong nước của hỗn hợp vữa; 12) Vữa xây dựng - Phương pháp thử - Phần 18: Xác định hệ số hút nước mao dẫn của vữa đã đóng rắn;

Số hồ sơ lưu: 22649

88801. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn quốc gia Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật theo định hướng mới**/ TS. Hoàng Minh Đức, TS. Lê Phượng Ly; ThS. Đỗ Thị Lan

Hoa; ThS. Lê Thuận An; ThS. Đỗ Văn Công; ThS. Đoàn Thị Thu Lương; KS. Đặng Đức Trung; KS. Lê Văn Thắng - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Biên soạn dự thảo tiêu chuẩn quốc gia TCVN xxxxx-1:20xx "Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật - Phần 1: Vữa trát" theo định hướng mới, phù hợp với hệ thống tiêu chuẩn Châu Âu. Dự thảo tiêu chuẩn được biên soạn phù hợp với các yêu cầu về thể thức trình bày tiêu chuẩn quốc gia quy định trong TCVN 1-2:2008. Dự thảo tiêu chuẩn có cách tiếp cận vấn đề cũng như đặt ra các mức chất lượng và quy định khác với tiêu chuẩn quốc gia hiện hành hiện nay TCVN 4314:2003, do đó khó có thể tích hợp vào hệ thống tiêu chuẩn hiện nay. Dự thảo tiêu chuẩn cần được ban hành cùng với các tiêu chuẩn theo định hướng mới, hài hòa với hệ thống tiêu chuẩn EN để áp dụng đồng bộ cho các công trình xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 22657

88988. 11-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ chế tạo bê tông UHPC bột khô trộn sẵn sử dụng nguyên liệu cát trắng ven biển để xây dựng công trình biển đảo**/ TS. Trần Bá Việt, ThS. Nguyễn Văn Đoàn; ThS. Trương Thị Kim Xuân; ThS. Vũ Hải Quang; KS. Lê Doãn Khôi; KS. Nguyễn Thị Mai; KS. Phạm Văn Tuấn; Phạm Phương Nam; KS. Phạm Hữu Thiên; Lê Duy Văn - Hà Nội - Hội Bê tông Việt

Nam, 2023; 06/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát nguồn nguyên liệu cát trắng thạch anh ven biển từ Quảng Bình tới Bình Thuận. Đánh giá chất lượng các mẫu cát trắng ven biển: khối lượng riêng, thành phần hạt, hàm lượng SiO<sub>2</sub>, hàm lượng Cl<sup>-</sup>. Lựa chọn vật liệu và thiết kế cấp phối 2 mẫu cấp phối chính UHPC-1 (120/6/15 Mpa) và UHPC-2 (150/9/22 Mpa). Xác định thông số công nghệ và dây chuyền công nghệ. Chế tạo 5 tấn UHPC bột khô trộn sẵn theo 2 cấp phối UHPC-1 và UHPC-2 đã được nghiên cứu trước đó. Kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả kinh tế kỹ thuật của bê tông UHPC bột khô trộn sẵn.

Số hồ sơ lưu: 22680

89041. 11-2023 **Nghiên cứu làm chủ công nghệ sản xuất gạch nung bằng lò tuynen - vòng**/ ThS. Nguyễn Văn Minh, ThS. Nguyễn Thị Lệ Quyên; TS. Vũ Văn Dũng; KS. Đặng Minh Hoa; ThS. Ngô Hùng Cường; ThS. Nguyễn Văn Trung; KS. Đào Anh Tuấn; CN. Nguyễn Thu Hằng - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về công nghệ sản xuất gạch nung. Xây dựng tiêu chí đánh giá công nghệ sản xuất gạch nung. Điều tra, khảo sát, thu thập dữ liệu, đo đạc các thông số kỹ thuật và lấy mẫu. Phân tích, đánh giá chất lượng mẫu nguyên liệu, nhiên liệu, sản phẩm và các mẫu vật liệu liên quan trong quá trình lấy mẫu khảo sát. Đánh giá mức độ đa dạng hóa

sản phẩm và đánh giá tổng thể công nghệ sản xuất gạch nung bằng lò tuynen - vòng, so sánh với các công nghệ nung tiên tiến khác. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện công nghệ và giải pháp quản lý Nhà nước về công nghệ sản xuất gạch nung bằng lò tuynen - vòng.

Số hồ sơ lưu: 22694

89069. 11-2023 **Nghiên cứu chế tạo cừ bê tông chất lượng siêu cao thay thế cừ Larsen thép (Cọc ván thép)**/ TS. Nguyễn Công Thắng, KS. Lương Văn Hùng; PGS.TS. Nguyễn Văn Tuấn; TS. Hoàng Tuấn Nghĩa; TS. Nguyễn Ngọc Tuyền; TS. Nguyễn Ngọc Lâm; PGS.TS. Phạm Hữu Hanh; TS. Hoàng Văn Tiến; TS. Hà Mạnh Hùng; ThS. Lưu Văn Sáng; Nguyễn Tiến Dũng; Phạm Sỹ Đồng; Trần Văn Kiên; Nguyễn Thị Thắng - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2023; 06/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)

Lựa chọn được nguyên vật liệu sẵn có ở Việt Nam để chế tạo bê tông chất lượng siêu cao (UHPC). Nghiên cứu chế tạo được UHPC với cường độ nén  $\geq 120\text{MPa}$ , cường độ uốn  $\geq 12\text{MPa}$  sử dụng vật liệu sẵn có ở Việt Nam. Nghiên cứu tính toán và chế tạo được cừ UHPC đạt mô men uốn trên 2T.m. Nghiên cứu tổng quan về tình hình nghiên cứu và ứng dụng UHPC trên thế giới và ở Việt Nam. Đánh giá các loại nguyên vật liệu phù hợp ở Việt Nam để chế tạo UHPC. Thiết kế thành phần hạt UHPC. Thiết kế thành phần UHPC. Nghiên cứu thử nghiệm các tính chất cơ lý và đánh giá. Nghiên

cứu chế tạo và đánh giá khả năng chịu lực của UHPC sử dụng cốt thép chịu lực. Nghiên cứu chế tạo và đánh giá khả năng chịu lực của UHPC sử dụng cốt thanh FRP. Nghiên cứu chế tạo và đánh giá khả năng chịu lực của UHPC sử dụng cáp dự ứng lực. Đánh giá và so sánh khả năng chịu lực của UHPC khi sử dụng cốt chịu lực khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 22701

89070. 11-2023 **Nghiên cứu sử dụng tro xỉ (An Khánh - Thái Nguyên) và phế thải đá mặt chế tạo gạch bê tông/ PGS. TS. Nguyễn Văn Tuấn, TS. Nguyễn Ngọc Lâm; TS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Tống Tôn Kiên; ThS. Nguyễn Văn Đồng; Nguyễn Công Bằng; ThS. Nguyễn Công Thắng; ThS. Lưu Văn Sáng; ThS. Nguyễn Thị Thắng; ThS. Vũ Phương Lê - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng, 2018; 05/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu tổng quan tình hình nghiên cứu và sử dụng phế thải tro xỉ nhiệt điện và phế thải đá mặt để sản xuất gạch không nung trên thế giới và ở Việt Nam. Nghiên cứu khảo sát thành phần và tính chất của phế thải tro xỉ nhiệt điện và phế thải đá mặt để sản xuất gạch xây không nung. Nghiên cứu lựa chọn nguyên liệu và thành phần cấp phối tối ưu các nguyên liệu, phế thải trong đề tài. Nghiên cứu tối ưu thành phần vật liệu để sản xuất loại gạch bê tông từ phế thải tro xỉ nhiệt điện và phế thải đá mặt. Sản xuất thử nghiệm, hoàn thiện công thức phối trộn và quy trình sản xuất gạch

không nung đạt mác 7,5MPa theo tiêu chuẩn TCVN 6477:2016 trên dây chuyền sản xuất gạch không nung Nhà máy xi măng Lưu Xá. Biên soạn tài liệu hướng dẫn quy trình sản xuất gạch bê tông sử dụng phế thải đá mặt và phế thải tro xỉ nhiệt điện.

Số hồ sơ lưu: 22702

89366. 11-2023 **Nghiên cứu sử dụng cát nghiền thay thế một phần cát tự nhiên trong sản xuất bê tông phục vụ thi công các công trình ven biển./ PGS.TS. Phạm Toàn Đức, ThS. Nguyễn Đức Lợi; ThS. Nguyễn Quang Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Hoài Thu; ThS. Nguyễn Phan Anh; ThS. Trần Thị Phương Lan; ThS. Trịnh Duy Thành; KS. Đoàn Văn Thắng; ThS. Ngô Thị Mỹ Hạnh - Hải Phòng - Trường Đại học Hải Phòng, 2023; 10/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu tổng quan về các yêu cầu đối với bê tông công trình ven biển, tổng quan về tình hình sử dụng cát nghiền trên thế giới và tại Việt Nam, quy trình sản xuất cát nghiền. Nghiên cứu thiết kế cấp phối bê tông sử dụng cát nghiền từ hai nguồn là cát kết Quảng Ninh và đá vôi Hà Nam. Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất bê tông sử dụng cát nghiền. Thi công thử nghiệm tại 01 công trình thực tế. Đánh giá hiệu quả kinh tế và đề xuất các giải pháp tăng cường sản xuất và sử dụng cát nghiền.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.025

**20509. Vật liệu kim loại**

88441. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình kiểm tra siêu âm chất lượng mối hàn nối tấm vật liệu thép không gỉ austenitic theo quy phạm lò hơi và bình bồn áp lực ASME/ KS.** Đào Đình Đăng, CN. Nguyễn Văn Duy; KS. Phạm Thanh Tùng; KS. Vũ Đức Vinh; CN. Nguyễn Minh Hằng; CN. Lê Đức Thịnh - Hà Nội - Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE), 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng quy trình kiểm tra siêu âm vật liệu austenitic phù hợp với quy phạm ASME. Phát triển năng lực, trình độ chuyên môn kỹ thuật viên NDT; đáp ứng những nhu cầu kiểm tra đối với những loại vật liệu mới, đặc thù trong lĩnh vực công nghiệp. Góp phần nâng cao năng lực đào tạo và triển khai công việc NDT của Trung tâm NDE.

Số hồ sơ lưu: 22618

**20510. Gốm**

89030. 11-2023 **Ứng dụng tiến bộ KH&CN trong sản xuất gốm sứ mỹ nghệ cao cấp quy mô công nghiệp phát triển thương hiệu gốm Bồ Bát, huyện Yên Mô/ KS.** Hoàng Thắng, Phạm Văn Vang; CN. Nguyễn Thị Thúy Nga; TS. Phạm Văn Thịnh; Hoàng Thị Thanh Huyền; Phạm Văn Thanh; KTV. Đoàn Thị Thìn; KTV. Phạm Thị Thanh Huyền; KTV. Lê Thị Thúy; ThS. Nguyễn Hoàng Anh. - Ninh Bình - Công ty TNHH Bảo tồn và Phát triển Gốm Bồ Bát, 2023;

01/2021 - 05/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng tiến bộ KH&CN nâng cao giá trị sản phẩm gốm sứ mỹ nghệ, hoàn thiện công nghệ để tạo ra các sản phẩm gốm có chất lượng cao với chi phí thấp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, phát triển thương hiệu gốm Bồ Bát; Xây dựng dây chuyền công nghệ sản xuất gốm sứ dân dụng cao cấp công suất 400 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất thử nghiệm: 100 tấn sản phẩm gốm sứ dân dụng cao cấp đạt chất lượng: Độ trắng > 75% (So với MgO); Độ hút nước < 0,01%; Các sản phẩm sản xuất thử nghiệm; ; Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất gốm sứ dân dụng cao cấp.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-015-2023

**20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ**

88424. 11-2023 **Hoàn thiện công nghệ, thiết bị chế biến sâu cao lanh vùng Lâm Đồng làm nguyên liệu trong công nghiệp sản xuất gốm sứ và sơn/ TS.** Chu Văn Giáp, KS. Phan Thị Thúy Nga; KS. Đào Hà Quang; KS. Nguyễn Ngọc Ảnh; ThS. Nguyễn Thị Minh; ThS. Mai Văn Dương; KS. Trần Đoàn Trường; KS. Nguyễn Thu Diệu; ThS. Nguyễn Thị Luyên; KS. Cao Thọ Tùng; KS. Vũ Thúy Nga; KS. Nguyễn Văn Duy; ThS. Trần Hoàng Ánh Ngọc; Nguyễn Thị Hồng Vân; Nguyễn Thị Thùy Linh; CN. Nguyễn Văn Hai; KS. Cao Văn Ánh; CN. Cao Văn Dũng; KS. Nguyễn Tuấn Anh; KS. Trần Xuân Tuấn; CN.

Huỳnh Chinh Nhân; Phạm Thu Hà; Thái Văn Nam - Hà Nội - Viện nghiên cứu sành sứ thủy tinh công nghiệp, 2021; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ chế biến sâu cao lanh vùng Lâm Đồng phù hợp yêu cầu làm nguyên liệu trong công nghiệp sản xuất gốm sứ và sơn: Xây dựng dây chuyền chế biến sâu cao lanh vùng Lâm Đồng với quy mô 150.000 tấn sản phẩm/năm làm nguyên liệu sản xuất gốm sứ và sơn Sản xuất thử nghiệm 3.500 tấn sản phẩm cao lanh đáp ứng yêu cầu chất lượng làm nguyên liệu để sản xuất gốm sứ và sơn và 1.000 m<sup>3</sup> sản phẩm phụ trên dây chuyền chế biến quy mô 150.000 tấn sản phẩm/năm; Hoàn thiện công nghệ, thiết bị chế biến sâu cao lanh vùng Lâm Đồng làm nguyên liệu trong công nghiệp sản xuất gốm sứ và sơn góp phần vào việc tăng hiệu suất thu hồi, giá trị kinh tế và góp phần sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên quốc gia có ý nghĩa rất lớn về cả kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng.

Số hồ sơ lưu: 22624

88486. 11-2023 **Nghiên cứu chế tạo và biến tính bề mặt màng lọc polymer composite nhằm nâng cao khả năng kháng tắc sinh học/** TS. Ngô Hồng Ánh Thu, ThS. Nguyễn Thị Minh Châu; PGS.TS. Trần Thị Dung; CN. Nguyễn Đức Tùng - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 04/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đánh giá tính năng tách lọc, khả năng tắc và kháng tắc

sinh học của màng TFC-PA sau khi biến tính bề mặt với polyme ưa nước (PEG) và hạt nano vô cơ. Tác nhân biến tính được sử dụng là polyethylene glycol (PEG) ưa nước kết hợp nano bạc/nano đồng kháng khuẩn. Việc kết hợp các vật liệu ưa nước và kháng khuẩn biến tính bề mặt màng nhằm tăng cường tính năng tách lọc, khả năng kháng tắc cho màng, đặc biệt là khả năng kháng tắc sinh học (anti-biofouling).

Số hồ sơ lưu: 22234

**20512. Vật liệu composite (bao gồm cả plastic gia cường, gốm kim loại (cermet), các vật liệu sợi tổng hợp và tự nhiên phối hợp;...)**

87110. 11-2023 **Ứng xử cơ học của vật liệu và kết cấu đàn dẻo dưới tác dụng của tải trọng lặp/** PGS. TS. Lê Văn Cảnh, ThS. Phạm Nhân Hòa; ThS. Trần Trung Dũng; ThS. Nguyễn Hoàng Phương; ThS. Hồ Lê Huy Phúc; ThS. Đoàn Thị Mỹ Thùy - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2023; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý thuyết: phương pháp số mới sẽ được nghiên cứu và các lý thuyết phân tích trực tiếp sẽ được tìm hiểu sâu sắc. Viết giải thuật và lập trình mô phỏng số: Các công cụ tính toán số cho bài toán phân tích trực tiếp sẽ được phát triển và thực hiện lập trình bằng ngôn ngữ lập trình Matlab, để có thể chạy trên máy tính cá nhân hoặc máy chủ thực hiện tính toán lớn.

Số hồ sơ lưu: 21651

87789. 11-2023 **Biến tính bề mặt vật liệu nano titan ôxít (TiO<sub>2</sub>) bằng các hạt nano bán dẫn ôxít kim loại MxO<sub>y</sub> (M=Fe, Cu, W) sử dụng phương pháp lắng đọng đơn lớp nguyên tử từ pha hơi nhằm tăng cường hoạt tính xúc tác quang/** TS. Bùi Văn Hào, TS. Lê Thị Ngọc Loan; TS. Nguyễn Thị Hồng Trang; TS. Lê Viết Thông; ThS. Nguyễn Ngọc Khoa Trường; ThS. Lê Thị Thanh Liễu - Hà Nội - Trường Đại học Quy Nhơn, 2023; 08/2018 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp thành công các hạt nano Cu<sub>2</sub>O, CuO, Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, WO<sub>3</sub>, Pt và màng mỏng SiO<sub>2</sub> trên vật liệu nền TiO<sub>2</sub> bằng phương pháp ALD với khả năng điều khiển mật độ và kích thước các hạt cũng như bề dày màng đến mức độ dưới 1 nm (vài angstrom). Chứng minh sự tăng cường hoạt tính xúc tác quang của các hệ vật liệu này so với vật liệu TiO<sub>2</sub> ban đầu. Xác định kích thước hoặc nồng độ tối ưu của các vật liệu biến tính (Cu<sub>2</sub>O, CuO, Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub>, Pt và SiO<sub>2</sub>) thể hiện hoạt tính xúc tác quang cao nhất đối với sự phân hủy của một số hợp chất cơ. Nghiên cứu cơ chế của sự phân hủy các hợp chất hữu cơ trong phản ứng xúc tác và cơ chế của sự tăng cường hoạt tính xúc tác quang của các hệ vật liệu chế tạo được. Khảo sát khả năng thay thế các tiền chất hữu cơ kim loại sử dụng cho ALD của các vật liệu Cu<sub>2</sub>O, CuO, Fe<sub>2</sub>O<sub>3</sub> và WO<sub>3</sub> bằng các hợp chất vô cơ CuCl<sub>2</sub>, FeCl<sub>3</sub> và WF<sub>6</sub> trong điều kiện ALD ở áp suất khí quyển trong hệ lò FBR. Nghiên cứu

tổng hợp các cấu trúc nano TiO<sub>2</sub> tiên tiến có hoạt tính xúc tác cao dùng để làm vật liệu để thay cho vật liệu TiO<sub>2</sub> P25 thương mại.

Số hồ sơ lưu: 22401

87799. 11-2023 **Tổng hợp, khảo sát tính chất và ứng dụng của vật liệu MOFs mới mang tâm kim loại FeII/** TS. Từ Ngọc Thạch, TS. Vũ Bảo Khánh; TS. Lê Xuân Tiến; TS. Hồ Thị Thanh Vân; ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh; TS. Nguyễn Duy Trinh; ThS. Nguyễn Thị Thương; CN. Nguyễn Như Ngọc - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2023; 04/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế và tổng hợp vật liệu Fe-MOFs hoàn mới với tâm kim loại hoạt động FeII. Vật liệu này được hi vọng sẽ thể hiện khả năng xúc tác oxi hóa vượt trội so với những vật liệu Fe-MOFs truyền thống khác. Đề tài nghiên cứu đã thành công trong tổng hợp một số vật liệu mới, tuy nhiên một số thí nghiệm nhằm tìm ra ứng dụng phù hợp. Vì vậy nhóm dự kiến sẽ tiến hành một số thí nghiệm nhằm tìm ra ứng dụng phù hợp cho những vật liệu kể trên ở quy mô lớn hơn tiến đến tổng hợp ở quy mô pilot.

Số hồ sơ lưu: 22398

87826. 11-2023 **Tổng hợp và ứng dụng vật liệu hấp phụ và vật liệu xúc tác quang hóa thế hệ mới để xử lý các chất kháng sinh trong môi trường nước/** PGS. TS. Bạch Long Giang, TS. Hồ Hữu Lộc; TS. Nguyễn Duy Trinh; PGS.TS.



Nguyễn Trung Thành; TS. Bùi Thị Phương Quỳnh; TS. Võ Nguyễn Đại Việt; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thắm; ThS. Trần Văn Thuận; ThS. Nguyễn Hữu Vinh - Hà Nội - Trường Đại học Nguyễn Tất Thành, 2023; 04/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu loại bỏ dư lượng chất kháng sinh trong môi trường nước sử dụng vật liệu hấp phụ hiệu quả cao than hoạt tính; Nghiên cứu loại bỏ dư lượng chất kháng sinh trong môi trường nước sử dụng các loại vật liệu hấp phụ từ tính bao gồm  $Fe_3O_4$  và  $MFe_2O_4$  được tổng hợp bằng phương pháp dung nhiệt; Nghiên cứu loại bỏ dư lượng chất kháng sinh trong môi trường nước sử dụng các loại vật liệu hấp phụ thế hệ mới carbon xốp dẫn xuất từ MOFs bao gồm composite có mao quản trung bình.

Số hồ sơ lưu: 22387

88447. 11-2023 **Nghiên cứu thăm dò ứng dụng công nghệ bức xạ chế tạo màng polyme khâu mạch phân hủy sinh học từ tinh bột nhựa nhiệt dẻo (TPS) và polybutylene adipate terephthalate (PBAT)/** ThS. Trần Mạnh Thắng, KS. Đàm Thị Tâm; ThS. Mai Văn Vinh; KS. Mai Đức Minh; CN. Phạm Duy Dưỡng; ThS. Trần Xuân An - Hà Nội - Trung tâm Chiếu xạ Hà Nội, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tinh bột sắn là nguồn nguyên liệu sẵn có tại Việt Nam có giá thành rẻ và có khả năng phân hủy sinh học. Tuy nhiên cần phải biến tính tinh bột

thành tinh bột nhựa nhiệt dẻo (TPS) trước khi phối trộn với polime phân hủy sinh học khác làm tăng cường các tính cơ lý của vật liệu. Trong nghiên cứu này, tinh bột sắn phối trộn với glycerin và ethylene glycol; Tween 80 để tạo tinh bột nhựa dẻo (TPS). Phổ FT-IR của TPS cho thấy glycerin và ethylene glycol phối trộn tốt và không làm thay đổi cấu trúc của tinh bột. So sánh phổ TGA của tinh bột và TPS cho thấy TPS được tạo ra là chất đồng nhất. Sau đó, TPS đã được phối trộn với polime phân hủy sinh học polybutylene adipate terephthalate (PBAT) để tạo màng copolime TPS/PBAT. Màng được chiếu xạ gamma ở các liều chiếu 9,9; 21,5; 34,1; 42,6; 64,6 và 98,6 kGy. Đo phần gel của màng TPS/PBAT chưa chiếu xạ và sau chiếu xạ cho thấy mức độ khâu mạch của TPS với PBAT tăng dần theo liều chiếu xạ. Tỷ lệ phần trăm tạo gel của màng cao nhất ở liều chiếu xạ 98,6 kGy đạt 80,2 %. Thử nghiệm phân hủy bởi enzyme  $\alpha$ -amylase cho thấy màng polime TPS/PBAT bị mất khoảng 54 % khối lượng của màng sau 28 ngày

Số hồ sơ lưu: 22422

88764. 11-2023 **Tổng hợp vật liệu composit cấu trúc lớp xen kẽ  $Me/Me'Ox/g-C_3N_4$  (Me: Pt, Me': Ti, Mo, Cu, Co) và đánh giá hoạt tính quang xúc tác của chúng trong phản ứng khử  $CO_2$  thành nhiên liệu./** PGS. TS. Nguyễn Thanh Bình, GS.TS. Lê Thanh Sơn; TS. Đào Sỹ Đức; TS. Đỗ Văn Đăng - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học

Tự nhiên, 2022; 11/2017 - 01/2021.  
(Đề tài cấp Quốc gia)

Tiến hành bóc tách thành công vật liệu khối g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>, tạo ra vật liệu đơn/đa lớp nano g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> có diện tích bề mặt riêng cao. Tổng hợp thành công vật liệu composit 2D Me/Me'Ox/g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> có các hạt nano Me, MeO<sub>x</sub> xen kẽ giữa các lớp nano g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub>. Đánh giá, khảo sát các điều kiện phản ứng quang xúc tác nhằm nâng cao hiệu suất chuyển hóa CO<sub>2</sub>. Từ đó tổng hợp thành công vật liệu quang xúc tác composit cấu trúc lớp xen kẽ 2D Me/Me'Ox/g-C<sub>3</sub>N<sub>4</sub> (Me: Pt, Ag, Au; Me': Ti, Mo, Cu, Co, Fe) có hoạt tính cao trong phản ứng chuyển hóa CO<sub>2</sub> thành nhiên liệu (CH<sub>3</sub>OH, C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>OH, CH<sub>4</sub>, CO).

Số hồ sơ lưu: 22652

### 20513. Gỗ, giấy, bột giấy

88357. 11-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất giấy bìa cứng từ bã sắn/** ThS. Hồ Thị Thúy Liên, ThS.Nguyễn Đăng Toàn; ThS.Cao Thị Bình; ThS.Lưu Trung Thành; KS.Nguyễn Thị Thanh Tâm; ThS.Trần Thanh Nga; Dương Thị Bích Hảo; KS.Hồ Minh Đức; KS.Trần Văn Lợi; ThS.Ngô Thị Mai - Phú Thọ - Trường Cao đẳng Công thương, 2023; 01/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát thu thập số liệu về nguồn nguyên liệu bã sắn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và một số tỉnh lân cận. Khảo sát tình hình sản xuất, tiêu thụ giấy bìa cứng trên địa bàn Phú Thọ và một số tỉnh lân cận. Xác lập quy trình công nghệ chế tạo giấy bìa

cứng từ bã sắn trong phòng thí nghiệm. Đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội và môi trường. Đào tạo 5 cán bộ kỹ thuật nắm vững quy trình công nghệ và hướng dẫn kỹ thuật cho 10 công nhân làm chủ công nghệ để vận dụng thực hành sản xuất. Từ các kết quả nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã đào tạo, tập huấn cho 5 cán bộ và 10 công nhân về quy trình công nghệ sản xuất giấy bìa cứng từ bã sắn.

Số hồ sơ lưu: PTO - 08.2023

### 20514. Vải, gồm cả sợi, màu và thuốc nhuộm tổng hợp

87942. 11-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ plasma trong sản xuất vải chống cháy từ nguyên liệu bông và polyeste/ PGS.** TS. Vũ Thị Hồng Khanh, PGS.TS. Chu Diệu Hương; PGS.TS. Đặng Đức Vượng; ThS. Nguyễn Thị Hương; TS. Ngô Hà Thanh; TS. Phạm Đức Dương; ThS. Đào Văn Phương; TS. Lưu Thị Tho; TS. Nguyễn Ngọc Thắng; TS. Vũ Xuân Hiền; KS. Lê Cao Cường; TS. Vũ Mạnh Hải; TS. Đào Anh Tuấn; KS. Nguyễn Thị Hạnh; KS. Lại Khắc Hoàng; TS. Đào Chinh Thùy; PGS. Vũ Toàn Thắng; ThS. Tạ Vũ Lực; Nguyễn Hoàng Sơn; Nguyễn Đức Hòa; TS. Lê Phúc Bình - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2021; 06/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ công nghệ plasma trong sản xuất vải chống cháy từ nguyên liệu bông và polyeste. Chế tạo thiết bị plasma phù hợp để xử lý vải ở quy mô công nghiệp. Sản xuất được vải chống cháy từ nguyên liệu bông và polyeste. Xác định ảnh

hường của một số thông số công nghệ của plasma DBD hoạt hóa (plasma 1) (công suất, thời gian xử lý) đến tính chất cơ lý của vải bông, polyester, và vải bông pha polyeste. Làm rõ khả năng của plasma polyme hóa và ghép chất chậm cháy trong việc hình thành liên kết hóa học bền vững giữa chất chậm cháy và xenlulo cũng như tác động không mong muốn của chúng tới độ bền kéo đứt của vải. Làm rõ sự khác nhau khi XLHCC cho vải bông, vải bông pha polyeste chưa nhuộm, và đã nhuộm. Đề xuất quy trình XLHCC có ứng dụng plasma tối ưu cho vải bông (đã nhuộm) với tổ hợp hóa chất nói trên ở quy mô công nghiệp, tạo ra được vải bông đã nhuộm màu có tính cháy và độ bền cơ học phù hợp với yêu cầu của vải chậm cháy dùng làm quần áo bảo vệ chuyên dụng theo tiêu chuẩn TCVN 6875: 2010. Đề xuất quy trình XLHCC có ứng dụng plasma tối ưu cho vải bông pha polyeste (đã nhuộm) với tổ hợp hóa chất nói trên ở quy mô công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 22265

### **20515. Vật liệu tiên tiến**

88630. 11-2023 **Áp dụng phát triển quy trình công nghệ chiết phân chia đất hiếm từ tổng đất hiếm Bến Đền/ TS. Lưu Xuân Đĩnh, ThS. Nguyễn Đình Việt; TS. Bùi Công Trình; ThS. Trần Hoàng Mai; ThS. Hoàng Xuân Thi; ThS. Ngô Quang Huy; PGS.TS. Lê Bá Thuận; ThS. Nguyễn Văn Tùng; ThS. Nguyễn Thị Liên; ThS. Nguyễn Thị Mên - Hà Nội - Viện công nghệ xạ**

hiếm, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trình bày kết quả quá trình chiết dung môi thu nhận các nguyên tố đất hiếm La, Pr, Nd, Sm, Dy và Gd từ dung dịch clorua (hòa tách từ oxit tổng số đất hiếm Bến Đền) bằng cách sử dụng PC88A (nồng độ 20%, pha loãng trong IP2028) xà phòng hóa 70%. Với mục đích này, hai hệ thống khuấy-lắng kiểu hộp đã được sử dụng bao gồm hệ thống 120 bậc (Nhật Bản cung cấp) và hệ thống 100 bậc (Việt Nam chế tạo). Dựa vào phương pháp tính toán giải tích, các thông số chiết theo từng giai đoạn đã được tính toán bao gồm: Số bậc chiết, rửa chiết và giải chiết; Lưu lượng dòng dung môi, lưu lượng dung dịch feed (dung dịch đất hiếm clorua), lưu lượng dung dịch NaOH và HCl; Tốc độ cấp feed và lấy sản phẩm ... Các sản phẩm đất hiếm được thu hồi bao gồm: La, Pr, Nd, Sm, Dy và Gd. Các dung dịch đất hiếm chứa các nguyên tố riêng rẽ được kết tủa cacbonat và nung phân hủy thành oxit. Kết quả thu được cho thấy, các sản phẩm oxit đất hiếm riêng rẽ thu được có độ sạch lớn hơn 99%.

Số hồ sơ lưu: 22639

88821. 11-2023 **Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo khớp giãn nở dạng sóng bằng thép hợp kim đàn hồi có kích thước lớn (2m÷5m), làm việc trong môi trường có nhiệt độ và áp suất để cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện/ KS. Đỗ Thành Trung, ThS. Nguyễn Văn Đức; KS. Phạm Đức Hoàn; TS. Hoàng Trung**

Kiên; KS. Nguyễn Văn Hoàn; KS. Phạm Huy Dũng; KS. Đào Ngọc Hải; TS. Vũ Trung Tuyền; KS. Hoàng Đức Trình; KS. Lê Đức Mạnh - Hà Nội - Viện nghiên cứu cơ khí, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát thực trạng, phân loại, đánh giá các khớp giãn nở đang sử dụng tại các nhà máy nhiệt điện ở nước ta; Thiết kế khớp giãn nở kích thước lớn (2m÷5m); Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ chế tạo, lắp ráp khớp giãn nở và đồ gá; Chế tạo, lắp ráp và kiểm tra chất lượng khớp giãn nở; Xây dựng quy trình lắp đặt, thử nghiệm khớp giãn nở tại nhà máy nhiệt điện. Từ đó nghiên cứu, thiết kế, chế tạo khớp giãn nở dạng sóng bằng thép hợp kim đàn hồi có kích thước lớn (2m÷5m), làm việc trong môi trường có nhiệt độ và áp suất để cung cấp cho các nhà máy nhiệt điện

Số hồ sơ lưu: 22646

### **20599. Kỹ thuật vật liệu và luyện kim khác;**

87917. 11-2023 **Nghiên cứu mở rộng và điều chỉnh đặc tính âm của vật liệu xốp nhờ thay đổi cấu trúc vi mô/** TS. Trịnh Văn Hải, TS. Lê Văn Dưỡng; TS. Nguyễn Minh Tân; GS.TS Chu Văn Đạt; TS. Nguyễn Thị Hải Như; TS. Nguyễn Thiên Văn; ThS. Đặng Đình Vũ; KS. Nguyễn Tiến Vĩ - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tập trung mô hình hoá ứng xử âm của vật liệu xốp hấp thụ âm bằng

phương pháp mô hình hoá vi cấu trúc nhằm khảo sát sự phụ thuộc của các đặc tính lưu chuyển và tính chất âm của vách tiêu âm vào các thông số hình thái cơ sở của chúng. Thông qua nghiên cứu đã phát triển một phương pháp tiện dụng để có thể xác định các đặc điểm hình thái cơ sở để đạt được đặc tính hấp thụ âm mong muốn của vật liệu xốp có cấu trúc lai. Khảo sát ảnh hưởng của các thông số hình thái cơ sở của vật liệu xốp đến các đặc tính lưu thông (transport) và đặc tính âm. Sử dụng kỹ thuật mô hình thay thế (surrogates) để nghiên cứu mối liên hệ giữa các thông số hình thái và ứng xử âm tổng thể. Xác định cấu trúc của lớp xốp hấp thụ âm để có thể tạo ra đặc tính hấp thụ âm mong muốn ở dải tần số định trước.

Số hồ sơ lưu: 22244

88472. 11-2023 **Biên soạn TC "Hệ mặt dựng nhôm kính - tiêu chuẩn kỹ thuật"/** TS. Vũ Thành Trung, ThS. Đỗ Văn Mạnh; TS. Nguyễn Hồng Hà; ThS. Hồ Hữu Thắng; ThS. Phan Đăng Dũng; TS. Đặng Tuấn Anh; KS. Nguyễn Ngọc Huy - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2022; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế, thi công và nghiệm thu hệ vách kính rất quan trọng, nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng và cho công trình. Hiện nay, trong hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam, chưa có tiêu chuẩn nào về công tác thiết kế, thi công và nghiệm thu hệ vách kính. Thông thường, các hệ vách kính trong các công trình xây dựng ở

Việt Nam được thiết kế, thi công và nghiệm thu theo các tiêu chuẩn nước ngoài và theo chỉ dẫn kỹ thuật của thiết kế. Biên soạn một tiêu chuẩn hoàn chỉnh để áp dụng từ giai đoạn thiết kế, đến thi công và nghiệm thu hệ vách kính là cần thiết, nhằm đáp ứng nhu cầu quản lý chất lượng các công trình xây dựng, đồng thời đáp ứng nhu cầu hội nhập, tiếp cận với trình độ công nghệ của thế giới và không bị ảnh hưởng bởi hàng rào thương mại thế giới.

Số hồ sơ lưu: 22307

89373. 11-2023 **Nghiên cứu chế tạo vật liệu trên cơ sở graphene để hấp phụ các chất hữu cơ dễ bay hơi trong khí thải ở một số cơ sở công nghiệp/** TS. Võ Hoàng Tùng, ThS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Lưu Mạnh Hùng - Hải Phòng - Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ HTChem, 2023; 12/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan các vấn đề nghiên cứu có liên quan, thu thập thông tin tài liệu. Đánh giá thực trạng xử lý các chất hữu cơ dễ bay hơi trong khí thải ở một số cơ sở công nghiệp tại Hải Phòng. Nghiên cứu phân tán graphene, nghiên cứu kết dính graphene và sản xuất thử vật liệu hấp phụ trên cơ sở graphene. Thí nghiệm các đặc tính hấp phụ từ vật liệu sản xuất thử, thử nghiệm thực tế tại cơ sở công nghiệp và hoàn thiện, đánh giá kết quả.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.030

### **20601. Kỹ thuật và thiết bị y học**

88392. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tầm soát trước sinh cho một số bất thường hay gặp ở Việt Nam/** PGS. TS. Trần Danh Cường, PGS.TS. Nguyễn Thị Trang; PGS.TS. Lê Minh Giang; TS. Nguyễn Chí Thành; TS. Phạm Thu Hương; TS. Trần Trung Kiên; ThS. Lê Thị Minh Phương; ThS. Nguyễn Thị Bích Vân; TSKH. Phạm Đình Tùng; BS. Tô Thị Thu Hà; ThS. Ngô Toàn Anh; ThS. Đặng Anh Linh; ThS. Trần Lê Giang; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thịnh; TS. Nguyễn Đỗ Văn; TS. Thái Trung Kiên; BS. Đoàn Việt Hà; BS. Đào Thị Huyền Trang; TS. Vũ Thị Huyền; TS. Nguyễn Văn Hậu; BS. Nguyễn Phương Ngọc - Hà Nội - Trường Đại học Y Hà Nội, 2023; 10/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu ảnh siêu âm định kỳ, bộ kết quả xét nghiệm sinh hóa định kỳ và sử dụng di truyền của thai nhi. Xây dựng cơ sở tri thức chuyên gia về tầm soát sinh cho một số bất thường hay gặp ở Việt Nam. Phát triển hệ thống phần mềm hỗ trợ tầm soát trước sinh cho một số bất thường hay gặp ở Việt Nam và ứng dụng tại số một cơ sở y tế.

Số hồ sơ lưu: 22601

### **20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật**

87761. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ phương pháp trong đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và đánh**

**giá rủi ro môi trường/ PGS. TS. Nguyễn Thị Vân Hà, PGS.TS. Nguyễn Đình Tuấn; PGS.TS. Hoàng Thị Thanh Thủy; PGS.TS. Phạm Thị Mai Thảo; TS. Nguyễn Huy Cương; TS. Huỳnh Anh Hoàng; ThS. Trần Thị Bích Phượng; ThS. Hoàng Thanh Nguyệt; ThS. Phạm Thị Diễm Phương; ThS. Lê Bảo Việt - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM, 2023; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Xác định các luận cứ khoa học và thực tiễn về hệ phương pháp và kỹ thuật trong đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và đánh giá rủi ro môi trường. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, đánh giá rủi ro môi trường và đánh giá sơ bộ tác động môi trường. Xây dựng được hệ phương pháp đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường (làm rõ mối liên kết giữa ĐMC và ĐTM). Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường theo hướng dẫn của luật bảo vệ môi trường 2020 và các quy định hiện hành và cập nhật với các xu hướng phát triển ĐMC và ĐTM trên thế giới. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thực hiện (KPIs) cho thực hành đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường.

Số hồ sơ lưu: 22432

**87773. 11-2023 Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để tích**

**hợp mô hình kinh tế tuần hoàn trong các hoạt động thiết kế hệ thống xử lý chất thải rắn/ TS. Nguyễn Lữ Phương, TS. Huỳnh Thị Ngọc Hân; PGS.TS. Huỳnh Quyên; PGS.TS. Nguyễn Hồng Quân; TS. Nguyễn Thị Hồng Nguyệt; ThS. Lê Thị Ngọc Diễm; TS. Trần Thanh Tâm; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; TS. Vũ Thị Mai; TS. Lê Ngọc Thuán - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. HCM, 2023; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Hệ thống hóa nguồn phát sinh chất thải rắn và thực trạng công nghệ xử lý chất thải rắn tại Việt Nam. Xây dựng bộ nguyên tắc về cân bằng năng lượng, cân bằng vật chất trong thiết kế công nghệ xử lý chất thải rắn trên nguyên tắc của kinh tế tuần hoàn. Xác lập phương pháp phân tích, kỹ thuật triển khai đối với việc áp dụng nguyên tắc kinh tế tuần hoàn trong thiết kế hệ thống xử lý chất thải rắn tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22431

**87839. 11-2023 Tổng hợp vật liệu quang xúc tác TiO<sub>2</sub> pha brookite và pha hỗn hợp định hướng ứng dụng xử lý nước thải công nghiệp ô nhiễm chất màu và nước thải y tế ô nhiễm dược phẩm/ TS. Trần Thị Thương Huyền, TS. Trần Thị Kim Chi; TS. Ứng Thị Diệu Thúy; TS. Nguyễn Đức Dũng; TS. Trịnh Thu Hà; ThS. Hoàng Trần Dũng; CN. Bùi Thị Thu Hiền - Hà Nội - Viện Khoa Học Vật Liệu, 2022; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tối ưu hóa quy trình công nghệ tạo màng TiO<sub>2</sub> đơn pha brookite lên tấm nền phẳng (thủy tinh, mica,...) theo kích thước mong muốn. Nghiên cứu cơ chế tương tác giữa vật liệu xúc tác (TiO<sub>2</sub> đơn pha và hai pha hỗn hợp) với các hợp chất hữu cơ ô nhiễm nước xảy ra trên bề mặt xúc tác và cơ chế quang phân hủy các hợp chất hữu cơ này. Góp phần tiếp tục phát triển năng lực nghiên cứu của tập thể cán bộ nghiên cứu vốn đã có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu tổng hợp vật liệu nano đặc biệt là vật liệu quang xúc tác, tăng cường hợp tác với các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài nước.

Số hồ sơ lưu: 22300

87921. 11-2023 **Nghiên cứu thử nghiệm dự báo chất lượng không khí hạn ngấn cho khu vực thành phố Hà Nội**/ TS. Ngô Thị Thủy, KS. Nguyễn Đình Hoàng; ThS. Doãn Huy Phương; ThS. Lê Văn Quy; TS. Phạm Văn Sỹ; CN. Nguyễn Thị Thanh Hà; TS. Trần Văn Trà; ThS. Trương Bá Kiên; TS. Dư Đức Tiến; ThS. Vũ Thị Quỳnh Linh - Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2023; 06/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thử nghiệm dự báo chất lượng không khí cho thành phố Hà Nội. Phân tích và xác định được các nguồn thải chính gây ô nhiễm không khí tại TP. Hà Nội. Xây dựng được bộ công cụ mô hình liên hoàn khí tượng-phát thải-chất lượng không khí nhằm tính toán, dự báo chất lượng không khí trong khu vực thành phố Hà Nội. Xác định và tính toán được các nguồn phát thải chính

phục vụ dự báo chất lượng không khí ở thành phố Hà Nội. Lựa chọn được mô hình dự báo hạn ngấn chất lượng không khí.

Số hồ sơ lưu: 22311

87944. 11-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện chính sách, định mức kinh tế, chi phí cho bảo vệ môi trường và giá dịch vụ trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt**/ TS. Lê Văn Cư, ThS. Vũ Hồng Hoa; ThS. Thân Văn Hoàng; ThS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Nguyễn Anh Khoa; ThS. Trần Vũ Hằng Nga; ThS. Phạm Trọng Đoàn; ThS. Trần Thị Tĩnh; ThS. Hoàng Thị Thùy Linh; KS. Hà Thanh Tâm; ThS. Vũ Văn Tuấn - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2019; 06/2017 - 12/2028. (Đề tài cấp Bộ)

Lựa chọn một số công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đang áp dụng ở một số tỉnh/thành phố đại diện; trong đó tập trung đối với công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh, công nghệ chế biến phân vi sinh và công nghệ đốt. Nghiên cứu sử dụng các tài liệu, số liệu có liên quan từ thời điểm cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt đầu tiên sử dụng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh, công nghệ chế biến phân vi sinh và công nghệ đốt ở nước ta đi vào hoạt động đến nay. Đề xuất các công cụ (định mức dự toán các hao phí xử lý chất thải rắn) phù hợp với các công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt đang được sử dụng hiện nay phục vụ công tác quản lý dịch vụ xử lý chất thải rắn đô thị.

Số hồ sơ lưu: 22287

88085. 11-2023 **Nghiên cứu và chế tạo thiết bị biến tần hỗ trợ hiệu quả xử lý nước thải/** TS. Mai Trọng Ba, ThS. Phạm Hữu Toàn; TS. Nguyễn Thúy Lan; ThS. Nguyễn Thị Lại; ThS. Vũ Kim Hùng; ThS. Mai Thế Dương; KS. Vũ Thị Út; KS. Nguyễn Văn Phương - Hà Nội - Viện khoa học và công nghệ mỏ - luyện kim, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng phát thải lỏng của các cơ sở luyện kim. Rà soát, đánh giá hệ thống công nghệ sản xuất, vận hành của một số cơ sở luyện kim; Đánh giá các điều kiện, nguồn lực và xác định những tồn tại, khó khăn thách thức trong việc xử lý nguồn thải lỏng của các cơ sở luyện kim. Chế tạo thiết bị phát xung, có khả năng hỗ trợ hiệu quả xử lý nước thải của các hệ thống xử lý nước thải đang hoạt động tại các cơ sở luyện kim. Nghiên cứu tài liệu, thu thập các thông tin, tài liệu trong và ngoài nước về xử lý nước thải bằng công nghệ điện từ trường hóa (trên cơ sở thiết bị phát xung); Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo thiết bị phát xung ( $P=1,5\div 2kW$ ); Đánh giá hiệu quả của thiết bị phát xung trong việc hỗ trợ hiệu quả xử lý nước thải. Đánh giá khả năng hỗ trợ xử lý nước thải của thiết bị phát xung trong phòng thí nghiệm; Đánh giá khả năng hỗ trợ xử lý nước thải của thiết bị phát xung tại cơ sở thực nghiệm đề xuất.

Số hồ sơ lưu: 22226

88455. 11-2023 **Nghiên cứu thiết lập hệ thống quan trắc theo**

**thời gian thực phục vụ cảnh báo sớm trượt lở đất /** PGS. TS. Hoàng Việt Hùng , TS. Phạm Huy Dũng; TS. Nguyễn Quốc Thành; PGS.TS. Nguyễn Đức Mạnh; TS. Nguyễn Trung Kiên; TS. Nguyễn Mai Chi; TS. Lê Thị Thanh Thủy; TS. Trần Thế Việt; TS. Bùi Thị Kiên Trinh; TS. Hoàng Thị Lụa; TS. Nguyễn Quang Tuấn; TS. Ngô Văn Linh; PGS.TS. Bùi Quốc Lập; TS. Phạm Quang Tú; PGS.TS. Bùi Văn Trường; TS. Phan Khánh Linh; TS. Nguyễn Thị Ngọc Hương - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2022; 12/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập phân tích và xử lý tài liệu địa hình, địa mạo, địa chất công trình khu vực đã được lựa chọn nghiên cứu là Tả Van-Sa Pa và Tĩnh Túc-Cao Bằng . Dựa trên phân tích các yếu tố thành phần gây trượt lở đất, thành lập các bản đồ thành phần tỷ lệ 1/10.000 độ nhạy cảm trượt lở đất liên quan đến các yếu tố gây trượt như mưa , cấu trúc địa chất , điều kiện địa hình, độ sâu mực nước ngầm, mức độ nứt nẻ của đất đá...(mỗi khu vực dự kiến thành lập 1 mảnh bản đồ tương ứng với diện tích 3.600ha). Trên cơ sở xác định các trọng số gây trượt , xây dựng được bản đồ tổng hợp cảnh báo sớm trượt lở đất tỷ lệ 1/10.000 và tìm ra vùng trọng điểm trượt lở đất ở hai khu vực nghiên cứu . Thu thập phân tích và xử lý tài liệu , khảo sát bổ xung cho vùng trọng điểm sạt lở ở hai khu vực nghiên cứu để xây dựng được bản đồ cảnh báo sớm trượt lở đất tỷ lệ lớn 1/2.000 cho vùng trọng



điểm trượt lở (mỗi vùng trọng điểm sạt lở dự kiến thành lập 1 mảnh bản đồ tương ứng với diện tích 100ha). Thiết lập hệ thống quan trắc và cảnh báo sớm trượt lở đất theo thời gian thực tại Tả Van -Sa Pa và Tỉnh Túc-Cao Bằng. Xây dựng bản đồ độ nhạy cảm trượt lở đất tỷ lệ 1/2.000 cho khu vực trọng điểm sạt lở ở hai khu vực nghiên cứu. Xây dựng quy trình công nghệ cảnh báo sớm trượt lở đất theo thời gian thực.

Số hồ sơ lưu: 22625

88535. 11-2023 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật hạt nhân và các đồng vị liên quan để xác định nguồn gốc trầm tích và đánh giá lịch sử bồi - xói vùng ven biển Định An/ ThS. Phan Quang Trung, ThS. Lê Như Siêu; ThS. Nguyễn Văn Phúc; ThS. Võ Thị Mộng Thắm; ThS. Lê Xuân Thắng; TS. Trần Tuấn Anh; CN. Nguyễn Minh Đạo; CN. Nguyễn Thị Hương Lan; ThS. Nguyễn Văn Phú - Đà Lạt - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2022; 01/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Sau hai năm thực hiện đề tài đề tài đã thực hiện nghiên cứu trên 65 km chiều dài dọc bờ biển tỉnh Sóc Trăng, thu thập 30 lõi khoan theo độ sâu và 169 mẫu trầm tích ven biển vùng nghiên cứu bằng các thiết bị chuyên dụng. Độ sâu của các lõi khoan trầm tích từ 80 – 120 cm. Khối lượng của các mẫu trầm tích mặt từ 1 – 1,5 kg/ mẫu. Hơn 500 mẫu trầm tích được phân tích các đồng vị phóng xạ bằng phương pháp phân tích gamma và phương pháp phân tích alpha. Khoảng 400 mẫu

được phân tích thành phần các nguyên tố bằng phương pháp kích hoạt neutron. 169 mẫu trầm tích bề mặt đã được phân tích cấp hạt phục vụ cho nghiên cứu phân bố trầm tích bề mặt đáy và xu hướng vận chuyển trầm tích đáy vùng nghiên cứu. Bên cạnh đó, tỉ số đồng vị bền  $\delta^{13}C$  trong trầm tích, các thông số hóa lý của nước biển khu vực nghiên cứu...cũng đã được phân tích để phục vụ các mục đích nghiên cứu khác nhau trong đề tài.

Số hồ sơ lưu: 22627

89107. 11-2023 **Nghiên cứu các giải pháp tái sử dụng nước thải sau xử lý/ ThS. Lê Quang Hùng, GS. TS. Trần Đức Hạ ThS. Nguyễn Danh Tiến; ThS. Trần Đức Minh Hải; ThS. Trần Thành Chung; TS. Bùi Thị Thủy; TS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Trần Thuý Anh; ThS. Nguyễn Triều Dương; KS. Nguyễn Đức Quyền - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Cấp thoát nước và Môi trường, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Thiết lập cân bằng bền vững hệ thống nước của một số đô thị trong đó có yếu tố TSD nước thải đô thị sau xử lý với yêu cầu số lượng và chất lượng nước TSD. Nghiên cứu đề xuất các giải pháp kỹ thuật để TSD nước thải đô thị như: tưới cây và rửa đường, xử lý đạt yêu cầu chất lượng nước bổ sung cho sông hồ đô thị góp phần cải tạo môi trường sinh thái và cảnh quan đô thị. Đề xuất các quy định và giải pháp sử dụng nước thải sinh hoạt sau xử lý cho các hoạt động của đô thị và tái tạo nguồn tài

nguyên nước làm cơ sở cho việc xây dựng TCVN về sử dụng nước thải sau xử lý.

Số hồ sơ lưu: 22716

89551. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải của các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp/** GS. TS. Nguyễn Việt Anh, ThS. Nguyễn Việt Anh; PGS.TS. Trần Thị Hiền Hoa; TS. Nguyễn Phương Thảo; TS. Nguyễn Phương Lâm; ThS. Vũ Mạnh Cường; KS. Lê Hồng Nam; TS. Lê Việt Hưng; ThS. Đoàn Văn Động; ThS. Trần Đức Dũng; GS.TS. Trần Hiếu Nhuệ; PGS.TS. Cao Thế Hà; ThS. Vũ Thị Minh Thanh; TS. Đỗ Hồng Anh; ThS. Ngô Hoàng Giang; ThS. Trần Hoài Sơn; TS. Đào Anh Dũng; TS. Phạm Duy Đông; KS. Nguyễn Kim Đô; KS. Phạm Trung Châu; KS. Vũ Thị Hoa; KS. Nguyễn Bá Dũng; KS. Phan Thị Kim Huyền; CN. Lương Hải Yên; CN. Phan Thúy Phương - Hà Nội - Viện khoa học và kỹ thuật môi trường, 2023; 10/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng hướng dẫn kỹ thuật về công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải của các khu công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, bao gồm đánh giá và phân loại được các đối tượng cần xây dựng công trình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, nguyên tắc và phương thức tiếp cận phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do nước thải ở các khu công

ngiệp, các cơ sở sản xuất công nghiệp, các mô hình phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường phù hợp với điều kiện của Việt Nam, các văn bản pháp quy và các quy chuẩn, tiêu chuẩn tham chiếu liên quan. Xây dựng tài liệu Hướng dẫn kỹ thuật thiết kế, thi công, quy trình vận hành, giám sát, kiểm tra và đánh giá công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải, tích hợp được vào hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến kiểm soát ô nhiễm nước thải của cơ sở sản xuất và khu công nghiệp, bao gồm cả Hướng dẫn kỹ thuật và thiết kế sơ bộ điển hình.

Số hồ sơ lưu: 22417

### **20702. Kỹ thuật dầu khí (dầu mỏ, khí đốt)**

87892. 11-2023 **Nghiên cứu sự cố bật thanh điều khiển ra khỏi vùng hoạt các lò phản ứng PWR nạp tải nhiên liệu UO<sub>2</sub> và MOX/UO<sub>2</sub>/** TS. Phạm Như Việt Hà, TS. Vũ Thanh Mai; ThS. Trần Việt Phú; CN. Trần Vĩnh Thành; ThS. Nguyễn Hữu Tiệp; ThS. Tạ Duy Long; CN. Nguyễn Thị Dung - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2022; 12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sử dụng SCALE và một chương trình Monte Carlo (MCNP6 hoặc Serpent 2) để tạo các tiết diện neutron đa nhóm phục vụ các tính toán động học lò ba chiều bằng PARCS và NODAL3 cho các lò PWR nạp tải nhiên liệu UO<sub>2</sub> và MOX/UO<sub>2</sub>. Xây dựng các mô hình REA trong các lò PWR nạp tải UO<sub>2</sub>

và MOX/UO2 dùng các chương trình động học lò ba chiều PARCS và NODAL3. Tính toán, phân tích các mô hình REA trong các lò PWR nạp tải UO2 và MOX/UO2 dùng PARCS và NODAL3 tại các trạng thái ổn định và so sánh với các kết quả tính toán dùng MCNP6 hoặc Serpent 2. Tính toán, phân tích các mô hình REA trong các lò PWR nạp tải UO2 và MOX/UO2 dùng PARCS và NODAL3 trong các trường hợp sự cố bật thanh điều khiển ra khỏi vùng hoạt. - Thực hiện phân tích so sánh cách đáp ứng của các lò PWR nạp tải UO2 và MOX/UO2 trong các trường hợp sự cố bật thanh điều khiển ra khỏi vùng hoạt. Khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố quan trọng đến cách đáp ứng của các lò PWR nạp tải UO2 và MOX/UO2 và đến độ chính xác của các tính toán chuyển tiếp như giá trị thanh điều khiển, hệ số neutron trễ, vị trí của thanh điều khiển bị bật ra, thời điểm trong chu trình nhiên liệu, mức công suất, nhiệt dung của nhiên liệu, độ dẫn nhiệt của khe hở giữa nhiên liệu và lớp vỏ bọc, và cách mô hình hoá vùng hoạt.

Số hồ sơ lưu: 22249

### **20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí**

89106. 11-2023 Nghiên cứu đánh giá tiêu thụ năng lượng các công trình dân dụng và đề xuất giải pháp quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả/ ThS. Đỗ Thanh Tùng, ThS. Lê Phong Lan; ThS. Đặng Tuấn Anh; ThS. Lê Thị Lan Phương; KTS. Đinh Thị

Ngọc Anh; CN. Phạm Thị Thanh; CN. Phan Thanh Hải; ThS. Nguyễn Quốc Hoàng; TS. Nguyễn Tất Thắng; KS. Trần Lê Trung - Hà Nội - Viện kiến trúc quốc gia, 2022; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thực hiện chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 280/QĐTTg ngày 13/3/2019. Thực hiện Kế hoạch hành động của BXD triển khai Chương trình Quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030. Nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu, phân tích, đánh giá và sử dụng kết quả cho công tác quản lý công trình dân dụng TKNL hiệu quả một cách thường xuyên và liên tục, trong đó: Việc điều tra, thu thập thông tin về quy mô và điện năng tiêu thụ các công trình dân dụng có diện tích sàn > 2500 m<sup>2</sup> trên toàn quốc để xây dựng bộ mẫu thông tin về các công trình dân dụng có diện tích sàn > 2500 m<sup>2</sup>. Việc tiến hành hoạt động khảo sát năng lượng tại các công trình được lựa chọn để thu thập các dữ liệu cần thiết về TTNL của một số loại hình công trình trong các vùng khí hậu khác nhau nhằm cung cấp thêm thông tin phục vụ công tác xác định mức TTNL đặc trưng của các tòa nhà trong diện khảo sát.

Số hồ sơ lưu: 22717

### **20706. Kỹ thuật hàng hải, đóng tàu biển**

89003. 11-2023 Xây dựng chương trình tính toán mô phỏng

và thử nghiệm tác động của dòng chảy đến tàu biển tại khu neo đậu Vũng Tàu nhằm nâng cao an toàn hàng hải"/ PGS. TS. Nguyễn Xuân Phương, ThS. Nguyễn Thành Nhật Lai; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; PGS.TS. Phạm Kỳ Quang; TS. Vũ Văn Duy; ThS. Nguyễn Mạnh Nền; KS. Phạm Văn Duyên; TS. Nguyễn Thị Liên; ThS. Phạm Ngọc Ánh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2019; 01/2018 - 06/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý thuyết về khoa học hàng hải và thủy khí động lực học tác động lên tàu thủy, kết hợp với kiến thức về điều động tàu, kỹ thuật neo đậu, buộc dây, am hiểu các thông tin, đặc tính tuyến luồng khu neo đậu Vũng Tàu từ đó đưa ra các hướng nghiên cứu cụ thể. Khai thác ứng dụng công nghệ thông tin, phương pháp số vào tính toán, mô phỏng thuyết khí động lực học của hải lưu tác động lên tàu thủy và ảnh hưởng tới lực căng dây neo, dây buộc. Triển khai công tác thiết kế, chế tạo thực nghiệm mô hình một tàu dầu đồng dạng và vận hành trên hệ thống thực nghiệm đã có, để minh chứng cho việc tính toán mô phỏng bằng phương pháp số.

Số hồ sơ lưu: 22216

### **20708. Kỹ thuật bờ biển**

88442. 11-2023 **Nghiên cứu ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp kỹ thuật giảm thiểu tác động của xâm nhập mặn đến ổn định nền-móng công trình xây dựng dân dụng trên nền đất yếu ven**

**biển thành phố Hải Phòng/** TS. Nguyễn Ngọc Trục, TS. Trần Thị Lựu; ThS. Đỗ Trọng Quốc; TS. Nguyễn Văn Vũ; ThS. Hoàng Văn Hiệp; ThS. Vũ Việt Đức; KS. Nguyễn Văn Thương; KS. Nguyễn Văn Tước - Hải Phòng - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 01/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu ảnh hưởng và đề xuất các giải pháp kỹ thuật giảm thiểu tác động của xâm nhập mặn đến ổn định nền-móng công trình xây dựng dân dụng trên nền đất yếu ven biển thành phố Hải Phòng tập trung vào giải quyết các mục tiêu đánh giá sự thay đổi các tính chất cơ lý của nền đất do ảnh hưởng của xâm nhập mặn; phân tích sự thay đổi độ ổn định nền-móng công trình xây dựng dân dụng do nhiễm mặn khu vực ven biển thành phố Hải Phòng; và đề xuất các giải pháp kỹ thuật giảm thiểu tác động của xâm nhập mặn đến độ ổn định nền-móng công trình xây dựng dân dụng trên nền đất yếu ven biển thành phố Hải Phòng. Từ quá trình nghiên cứu, đề tài đã chỉ ra rằng, nền đất Hải Phòng sau khi nhiễm mặn đã trở nên nhạy cảm hơn với tính nén lún và sức chịu tải của nền cũng thấp hơn; giải pháp công trình chống nhiễm mặn và ẩm đã được đề tài đưa ra, trong đó đã xác định được rằng xỉ đáy là vật liệu có tính mao dẫn kém, có thể ứng dụng xỉ đáy kết hợp với màng HDPE làm vật liệu chống mao dẫn và ẩm cho móng công trình chống nhiễm mặn; đề tài cũng đã xây dựng được kỹ thuật xây dựng công trình giảm thiểu tác động của nhiễm mặn ven

biển và chuyển giao cho Công ty CP Tư vấn đầu tư công trình Hàng Hải Việt Nam tiếp nhận để từng bước ứng dụng cho hoạt động chuyên môn của doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 22623

### **20799. Kỹ thuật môi trường khác**

88444. 11-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ SBR cải tiến sử dụng bùn hạt hiếu khí để xử lý nước thải đô thị ở Việt Nam/ PGS. TS. Trần Thị Việt Nga, ThS. Nguyễn Thúy Liên; TS. Nguyễn Lan Hương; ThS. Trần Hoài Sơn; ThS. Nguyễn Việt Anh; TS. Phạm Duy Đồng; ThS. Trần Đức Minh Hải; KS. Vũ Phương Lâm; KS. Vũ Thái Nam; ThS. Phạm Văn Doanh - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2023; 06/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng quan về công nghệ xử lý nước thải đô thị ở Việt Nam hiện nay. Nghiên cứu tổng quan về công nghệ bùn hạt hiếu khí ứng dụng trong hệ bùn hoạt tính theo mẻ (SBR) để xử lý nước thải. Nghiên cứu phát triển hệ bùn hạt hiếu khí xử lý nước thải đô thị trong điều kiện phòng thí nghiệm. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo-lắp đặt và vận hành mô hình SBR-bùn hạt quy mô phòng thí nghiệm; Đánh giá hiệu quả xử lý CHC và Nitơ. Nghiên cứu thiết kế, chế tạo-lắp đặt và vận hành mô hình pilot bể SBR sử dụng bùn hạt hiếu để xử lý nước thải sinh hoạt tại Hà Nội. Đánh giá hiệu quả kinh tế-kỹ thuật của việc cải tiến hệ thống SBR hiện tại với bùn hạt hiếu khí và khả năng nhân rộng của mô hình đề xuất

trong xử lý nước thải đô thị của Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22622

88538. 11-2023 **Đánh giá, kiểm kê khí nhà kính trong quản lý chất thải rắn và đề xuất giải pháp quản lý chất thải rắn phù hợp nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính/ ThS. Tăng Thị Hồng Loan, KS. Hoàng Thanh Hà; KS. Phạm Minh Công; KS. Trịnh Thu Hằng; KS. Trần Võ Thị Trang; KS. Trịnh Khánh Hòa; KS. Phạm Minh Nguyệt; CN. Hoàng Thanh Hải; ThS. Nguyễn Thị Lệ Huyền; ThS. Trần Kiều Anh - Hà Nội - Công ty Cổ phần Tư vấn EPRO, 2020; 04/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu hướng dẫn của IPCC và các tổ chức quốc tế xây dựng phương pháp, biểu mẫu tính toán phát thải. Thu thập số liệu, dữ liệu từ các cơ sở xử lý CTR. Tính toán phát thải hàng năm dựa vào số liệu thu thập của các cơ sở xử lý và địa phương. Nghiên cứu đề xuất giải pháp xử lý phù hợp nhằm giảm nhẹ phát thải KNK. Tính toán lượng phát thải khí nhà kính của rác thải đô thị theo hướng dẫn của Ủy ban liên chính phủ về Biến đổi khí hậu (IPCC) và lập báo cáo kết quả kiểm kê cho hai năm 2014 và 2016.

Số hồ sơ lưu: 22631

88541. 11-2023 **Xây dựng bộ dữ liệu phát thải khí nhà kính của ngành xây dựng cho đô thị, tòa nhà, chất thải rắn (CTR), một số ngành sản xuất vật liệu xây dựng (VLXD) và xây dựng lộ trình giảm**

**phát thải khí nhà kính của Ngành đến năm 2025, 2030/** Tăng Thị Hồng Loan, Phạm Minh Công; Trịnh Thu Hằng; Đào Thị Hiền; Trần Võ Thị Trang; Lê Thùy Linh; Lê Đức Thịnh; Thạch Thị Quyên; Hà Thị Thanh Nga; ThS. Hoàng Thị Diệu Linh; Nguyễn Đỗ Trung; ThS. Hoàng Thanh Hà; ThS. Lê Hà Thanh; Nguyễn Thị Thu Hoài; Phạm An Bình - Hà Nội - Công ty Cổ phần Tư vấn EPRO, 2022; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng CSDL phát thải KNK làm cơ sở giám sát, đề xuất mục tiêu giảm phát thải trong các quy hoạch ngành xây dựng. Xây dựng CSDL phát thải KNK làm cơ sở hướng dẫn các bên liên quan tiếp tục duy trì, theo dõi, đánh giá và báo cáo mức độ phát thải của các lĩnh vực, cũng như tổng hợp kết quả thực hiện các chương trình, chiến lược về tăng trưởng xanh của quốc gia và địa phương.

Số hồ sơ lưu: 22632

**20902. Các công nghệ sản phẩm sinh học (các sản phẩm được chế tạo sử dụng vật liệu sinh học làm nguyên liệu), vật liệu sinh học, chất dẻo sinh học, nhiên liệu sinh học, các hóa chất được chiết tách từ sinh học, các vật liệu mới có nguồn gốc sinh học.**

88379. 11-2023 **Nghiên cứu cơ chế và động học phản ứng của ancol  $C_nH_{2n+1}OH$  ( $n = 1-4$ ) với một số tác nhân ứng dụng trong nhiên liệu sinh học./** TS. Nguyễn Trọng Nghĩa, TS. Vũ Anh Tuấn; TS. Phạm Văn Tiến; TS. Phan Thị Thùy;

TS. Phùng Thị Việt Bắc; ThS. Trần Thị Thoa - Hà Nội - Viện kỹ thuật Hóa học., 2022; 12/2018 - 04/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ chế và động học phản ứng của ancol  $C_nH_{2n+1}OH$  ( $n = 1 - 4$ ). Kết quả nghiên cứu cho mỗi hệ phản ứng giúp chúng ta giải thích và hiểu rõ thêm về các cơ chế phản ứng và động học phức tạp của chúng liên quan đến hóa học khí quyển và sự cháy. Đồng thời, nghiên cứu phản ứng của ancol  $C_nH_{2n+1}OH$  ( $n = 1 - 4$ ) với một số tác nhân ứng dụng trong nhiên liệu sinh học.

Số hồ sơ lưu: 22596

**21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)**

87884. 11-2023 **Tổng hợp trực tiếp từ kim loại các cấu trúc nano và khảo sát đặc tính nhạy khí của  $TeO_2$ ,  $Ta_2O_5$ ,  $MgO$  và  $V_2O_5$ /** PGS. TS. Vũ Xuân Hiền, PGS.TS. Đặng Đức Vượng; GS.TS. Nguyễn Đức Chiến; TS. Cao Tiên Khoa; TS. Lương Hữu Phước; ThS. Nguyễn Thanh Nghị - Hà Nội - Đại học Bách khoa Hà Nội, 2023; 09/2019 - 01/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các cấu trúc nano trực tiếp từ các kim loại vanadi, tantan, telua, magie bằng kỹ thuật xử lý bề mặt kết hợp oxy hóa nhiệt. Hiểu và xây dựng cơ chế hình thành các vật liệu nano sau khi chế tạo thành các mô hình ba chiều. Cuối cùng khảo sát và so sánh sự khác biệt giữa đặc tính nhạy khí của các vật liệu nano sau chế tạo với các vật liệu nano tương tự được chế tạo bằng phương

pháp

khác.

Cần Thơ, 2023; 10/2020 - 09/2023.  
(Đề tài cấp Quốc gia)

Số hồ sơ lưu: 22283

87893. 11-2023 **Cảm biến khí ở nhiệt độ phòng trên cơ sở vật liệu tổ hợp cấu trúc 0 và 1 chiều/ GS.** TS. Nguyễn Hữu Lâm, ThS. Dương Vũ Trường; TS. Nguyễn Công Tú; TS. Đỗ Đức Thọ - Hà Nội - Đại học Bách khoa Hà Nội, 2023; 09/2019 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo các cấu trúc nano 0 chiều và 1 chiều trên cơ sở ống nano cacbon, hạt kim loại, các cấu trúc nano ôxit kim loại bán dẫn và tổ hợp 2 hay nhiều thành phần của chúng, sử dụng làm cảm biến nhạy khí. Chế tạo các cấu trúc 0 và 1 chiều với nhiều hình thái khác nhau (CNT, các hạt nano kim loại và các dạng hình thái cấu trúc nano của ôxit kim loại bán dẫn); Tạo cấu trúc tổ hợp 2 hay nhiều thành phần bằng các phương pháp khác nhau: vật lý hay hóa học; Tạo màng vật liệu nhạy khí, khảo sát nhạy với 1 số loại khí khác nhau; Khảo sát và tối ưu hóa độ nhạy khí của vật liệu.

Số hồ sơ lưu: 22297

89062. 11-2023 **Nghiên cứu tính chất điện tử và vận chuyển điện tử của các vật liệu cấu trúc nano ngũ giác/ PGS.** TS. Nguyễn Thành Tiên, PGS.TS. Lê Tuấn; PGS.TS. Phạm Vũ Nhật; TS. Nguyễn Duy Khanh; TS. Đặng Minh Triết; ThS. Trần Yến Mi; KTV. Lê Võ Phương Thuận; KTV. Hồ Thị Mỹ - Cần Thơ - Trường Đại Học

Nghiên cứu để đánh giá các tính chất điện tử và vận chuyển điện tử của các cấu trúc vật liệu đơn lớp dạng ngũ giác dải nano (PNR) dựa trên vật liệu penta-graphene, penta-SiC<sub>2</sub>, penta-P<sub>2</sub>C và penta-XY<sub>2</sub> (X = Ni, Pd và Pt, Y = Se) bằng cách sử dụng phương pháp tính toán nguyên lý ban đầu tiên tiến. Sự ổn định cấu trúc, các tham số mạng, giản đồ vùng năng lượng, mật độ trạng thái, đường đặc tuyến I-V và phổ truyền điện tử của các hệ vật liệu này đã được nghiên cứu, nhằm cung cấp thông tin đầy đủ về các tính chất điện tử và vận chuyển điện tử của cấu trúc vật liệu mới. Tính chất điện tử và vận chuyển điện tử phụ thuộc biến dạng, sai hỏng của các PNRs cũng được nghiên cứu. Nghiên cứu của nhằm định hướng ứng dụng các PNRs trong các thiết bị vi điện tử thế hệ mới (transistor, cảm biến,...). Ngoài ra, đề tài cũng nghiên cứu đặc tính cấu trúc và tính chất quang của chấm lượng tử penta-graphene.

Số hồ sơ lưu: 22695

**21002. Các quy trình nano (các ứng dụng ở cấp nano). (Vật liệu sinh học kích thước không phải nano được xếp vào 209)**

87838. 11-2023 **Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá đặc tính của cấu trúc nano đa chức năng TixW1-xO2 (x = 0,5; 0,6; 0,7; 0,8) làm chất nền và đồng xúc tác hỗ trợ cho Pt và PtRu nâng cao hoạt tính và độ bền của pin nhiên liệu/ PGS.** TS. Hồ Thị Thanh Vân,

PGS.TS. Nguyễn Trường Sơn; TS. Trần Thị Thanh Ngọc; PGS.TS. Bạch Long Giang; TS. Huỳnh Thiên Tài; TS. Phạm Quốc Hậu; ThS. Huỳnh Thị Minh Sương; KS. Phạm Đăng Minh - Hà Nội - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường TP. Hồ Chí Minh, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được quy trình công nghệ đơn giản nhưng hiệu quả để tổng hợp vật liệu cấu trúc nano mới tiên tiến dưới dạng  $Ti_xW_{1-x}O_2$  với nhiều tỉ lệ ( $x = 0,5; 0,6; 0,7; 0,8$ ) và quy trình tổng hợp hạt xúc tác nano quý bạch kim (Pt) và lưỡng kim bạch kim (PtRu) trên chất nền  $Ti_xW_{1-x}O_2$  ( $x = 0,5; 0,6; 0,7; 0,8$ ). Đánh giá được tính chất, hoạt tính và độ bền điện hóa và của vật liệu nền không cacbon (noncarbon support)  $Ti_xW_{1-x}O_2$  ( $x = 0,5; 0,6; 0,7; 0,8$ ) và xúc Pt/ $Ti_xW_{1-x}O_2$  và PtRu/ $Ti_xW_{1-x}O_2$  ( $x = 0,5; 0,6; 0,7; 0,8$ ) ứng dụng làm xúc tác đa chức năng trong pin nhiên liệu sử dụng trực tiếp metanol với mục tiêu nâng cao hoạt tính và độ bền của vật liệu xúc tác so với xúc tác thương mại truyền thống.

Số hồ sơ lưu: 22293

### 21099. Công nghệ nano khác

87886. 11-2023 Phòng chống hiện tượng đóng băng dựa trên hiệu ứng không dính ướt (superhydrophobic) bằng cách kết hợp các cấu trúc nano với hợp chất hóa học kỵ nước/ TS. Nguyễn Thanh Bình, PGS.TS. Nguyễn Bá Đức; TS. Đỗ Thùy Chi; TS. Nguyễn Thị Minh Thủy; TS. Phạm Thu Hiền

- Hà Nội - Trường Đại học Sư phạm, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, xây dựng cơ sở lý thuyết về cơ chế của hiện tượng đóng băng khởi phát không đồng nhất; Chế tạo các bề mặt chống đóng băng trên nhôm và thủy tinh dựa trên hiệu ứng không dính ướt với điều kiện chế tạo ở Việt Nam. Kiểm tra hiệu năng và đề xuất các tính năng mới. Thử nghiệm sản phẩm tại các khu vực có băng tuyết. Công bố các kết quả nghiên cứu trên tạp chí khoa học trong danh mục ISI có uy tín. Đề xuất được quy trình chế tạo bề mặt không dính ướt bằng cách kết hợp cấu trúc nano với hợp chất hóa học kỵ nước.

Số hồ sơ lưu: 22236

### 21101. Kỹ thuật thực phẩm

88229. 11-2023 Nghiên cứu tách chiết peptit mạch ngắn có hoạt tính sinh học để sản xuất thực phẩm chức năng dùng cho bộ đội làm nhiệm vụ đặc biệt/ TS. Phạm Kiên Cường, TS. Tô Văn Thiệp; TS. Nguyễn Văn Hoàng; ThS. Nguyễn Khánh Hoàng Việt; ThS. Nguyễn Hà Trung; ThS. Nguyễn Văn Huống; PGS.TS. Lê Danh Tuyên; PGS.TS. Quản Lê Hà; Đặng Đức Hiệp; TS. Trương Hương - Hà Nội - Viện Công nghệ mới, 2018; 07/2016 - 07/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ thu nhận peptide có hoạt tính sinh học bằng phương pháp thủy phân giới hạn protein từ phụ phẩm cá và đậu tương lên men. Xây dựng 03



quy trình sản xuất TPCN có chứa peptide có hoạt tính sinh học; Sản xuất 3 loại TPCN có chứa peptit (10 tấn sản phẩm/3 loại) có hoạt tính sinh học (chống oxi hóa, giảm căng thẳng, tăng cường khả năng miễn dịch, khả năng liên kết các khoáng chất, ...). Thử nghiệm sản phẩm trên đối tượng bộ đội thuộc một số lực lượng đặc biệt trong quân đội (bộ đội tàu ngầm, đặc công nước, người nhái...). Sản xuất thực phẩm chức năng có hoạt chất sinh học (chống oxi hóa, giảm căng thẳng, tăng cường khả năng miễn dịch, khả năng liên kết canxi, sắt ...) để phục hồi và nâng cao sức khỏe cho bộ đội làm nhiệm vụ đặc biệt.

Số hồ sơ lưu: 21903

89057. 11-2023 **Nghiên cứu nâng cao hiệu quả năng lượng và chất lượng sản phẩm trong sản xuất bột thực phẩm/** TS. Nguyễn Đức Quang, TS. Nguyễn Thu Hà; PGS. TS. Lại Ngọc Anh - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu giải pháp nâng cao hiệu quả năng lượng trong các thiết bị sấy phun thông qua việc phát triển một mô hình toán học mô tả hệ số trao đổi nhiệt thể tích trong buồng sấy và khảo sát ảnh hưởng của các thông số vận hành máy sấy phun lên hệ số trao đổi nhiệt thể tích. Nghiên cứu cải thiện chất lượng của sản phẩm bột thực phẩm thông qua việc khảo sát một số tính chất vật lý và cấu trúc của bột, nâng cao diện tích bề mặt riêng của bột, các mô hình

toán học cũng sẽ được xây dựng nhằm phục vụ cho việc tối ưu hóa và khảo sát ảnh hưởng của các thông số vận hành lên các tính chất cũng như diện tích bề mặt riêng của sản phẩm bột.

Số hồ sơ lưu: 22699

### **21102. Kỹ thuật đồ uống**

88347. 11-2023 **Nghiên cứu công nghệ chế biến bột trà hòa tan từ trái Vả (Ficus auriculata) tại tỉnh Thừa Thiên-Huế/** TS. Võ Tấn Hậu, KS. Nguyễn Thị Thà; ThS. Hồ Kim Vĩnh Nghi; ThS. Trịnh Minh Phương - TP. Hồ Chí Minh - Viện Công nghiệp thực phẩm, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu phù hợp để chế biến bột trà hòa tan từ trái vả. Nghiên cứu lựa chọn quy trình chế biến để nâng cao hiệu suất trích ly polyphenol. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm giàu polyphenol từ trái vả. Tiến hành sản xuất thử nghiệm bột trà vả hòa tan và xây dựng tiêu chuẩn cơ sở bột trà vả hòa tan. Đồng thời bước đầu đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội

Số hồ sơ lưu: 22584

88891. 11-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất sản phẩm trà và bột dinh dưỡng từ cây tam giác mạch Hà Giang/** ThS. Lê Bình Hoàng, TS. Vũ Đức Chiến; PGS. TS. Bùi Quang Thuật; TS. Bùi Thị Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Trung Hiếu; ThS. Trịnh Như Hoa; ThS. Đỗ Thanh Hà; KS. Lê Trung Lam; KS. Trần Ngọc Diệp; KS. Lê Thanh

Tùng - Hà Nội - Viện Công nghiệp thực phẩm, 2023; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích đánh giá chất lượng và xây dựng tiêu chuẩn nguyên liệu phù hợp để sản xuất sản phẩm trà và bột dinh dưỡng từ cây tam giác mạch Hà Giang. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất trà hoà tan từ lá và hoa tam giác mạch. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất bột dinh dưỡng từ hạt tam giác mạch. Sản xuất thử nghiệm sản phẩm trà và bột dinh dưỡng từ cây tam giác mạch. Xây dựng Tiêu chuẩn cơ sở và đảm bảo an toàn thực phẩm cho sản phẩm. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội sản phẩm trà và bột dinh dưỡng từ cây tam giác mạch Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: 22666

89217. 11-2023 **Hoàn thiện công nghệ sản xuất bánh men lá để ứng dụng trong sản xuất rượu truyền thống tại Thái Nguyên/ KS. Nguyễn Thị Tuyết Lan, CN. Đoàn Văn Hưng; CN. Nông Thị Phượng; ThS. Đoàn Quang Duy; KS. Trần Phương Nga; TS. Đặng Hồng Ánh; ThS. Phạm Thị Thu; ThS. Giang Thế Việt; KS. Nguyễn Thu Vân; KS. Phạm Ngọc Thái - Thái Nguyên - Công ty TNHH Tuấn Minh Spirit Thái Nguyên, 2020; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Hoàn thiện được quy trình công nghệ có tính ổn định cao và mô hình thiết bị chuẩn để sản xuất được bánh men lá và rượu truyền thống. Trong đó: Mô hình thiết bị sản xuất bánh men lá quy mô 30 kg/ mẻ. Mô hình thiết bị sản xuất rượu truyền thống

quy mô 500 lít/ ngày. Tổ chức sản xuất và kinh doanh sản phẩm. Sản xuất được 200 kg bánh men lá, mật độ nấm men  $\geq 106$  CFU/g, mật độ nấm mốc  $\geq 105$  CFU/g, không có độc tố aflatoxin, có năng lực lên men đạt nồng độ rượu trong dấm chín  $\geq 10$  %V. Quy mô sản xuất khi chuyển giao công nghệ đạt 30 kg/ mẻ. Sản xuất được 10.000 lít rượu truyền thống độ rượu  $\geq 30$ %V, đạt chỉ tiêu chất lượng an toàn thực phẩm theo quy định của QCVN 06-3:2010/BYT, có hương vị đặc trưng của rượu truyền thống và được thị hiếu ưa thích. Quy mô sản xuất khi chuyển giao công nghệ đạt 500 lít/ ngày. + Sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng và công bố hợp quy an toàn thực phẩm theo quy định.

Số hồ sơ lưu: 22779

### **21199. Kỹ thuật thực phẩm và đồ uống khác**

88638. 11-2023 **Nghiên cứu sản xuất một số sản phẩm sữa từ hạt sen và hạt đậu đen/ ThS. Lưu Thị Lệ Thủy, KS. Nguyễn Thị Thà; ThS. Hồ Kim Vĩnh Nghi; ThS. Trịnh Minh Phương - Tp. Hồ Chí Minh - Viện Công nghiệp thực phẩm, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Xây dựng và đề xuất tiêu chuẩn nguyên liệu để sản xuất sữa bột hạt sen và sữa bột hạt đậu đen. Xây dựng quy trình công nghệ xử lý hạt sen và hạt đậu đen để sản xuất sữa bột hạt sen và sữa bột hạt đậu đen. Xây dựng công thức phối trộn sản phẩm sữa hạt sen và sữa hạt đậu đen. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất sữa từ hạt sen và sữa từ hạt đậu

đen. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở và đảm bảo an toàn thực phẩm. Sản xuất thử nghiệm các sản phẩm sữa từ hạt sen và từ hạt đậu đen. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội.

Số hồ sơ lưu: 22644

### **299. Khoa học kỹ thuật và công nghệ khác**

89080. 11-2023 **Đánh giá thực trạng chất lượng đồ chơi trẻ em phục vụ công tác quản lý nhà nước về chất lượng đồ chơi trẻ em trên địa bàn tỉnh Quảng Trị/** CN. Hoàng Văn Thám, ThS. Dư Thị Lê Hoài; KS. Nguyễn Thị Bảo Châu; KS. Trần Thị Hoàng Mai; KS. Nguyễn Thanh Long; KS. Võ Công Hoan; CNCĐ. Bùi Duy Bách; KS. Nguyễn Trường Quốc - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Trị - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Trị, 2021; 10/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu giới hạn mức thời gian của một số nguyên tố độc hại, các yêu cầu an toàn về tính chất cơ lý và an toàn về tính cháy, an toàn điện trong các sản phẩm đồ chơi trẻ em đang được lưu thông trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_91.2022

89122. 11-2023 **Khảo sát, phân tích đánh giá thực trạng về hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng vàng trang sức mỹ nghệ nhằm phục vụ công tác quản lý nhà nước và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị/** CN. Lê Thị Hà Nhiên,

CN. Nguyễn Quý Minh; CN; Hoàng Văn Thám; KS. Nguyễn Thị Bảo Châu; KS. Phan Quốc Khánh; KS. Nguyễn Thanh Long. ThS. Dư Thị Lê Hoài; CN. Bùi Duy Bách. - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng - Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, 2022; - . (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá thực trạng về hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, ghi nhãn hàng hoá trong hoạt động kinh doanh vàng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường tại bàn tỉnh Quảng Trị. Đánh giá về việc tuân thủ quy định pháp luật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh vàng đối với vàng trang sức, mỹ nghệ. Đánh giá thực trạng chất lượng vàng trang sức mỹ nghệ và hoạt động đo lường trong kinh doanh vàng, ghi nhãn hàng hoá tại các cơ sở kinh doanh vàng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, nhãn hàng hoá đối với sản phẩm vàng trang sức, mỹ nghệ nhằm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_103.2022

### **3. Khoa học y, dược**

87664. 11-2023 **Sàng lọc, tuyển chọn các cây dược liệu có tại tỉnh An Giang đáp ứng sinh học bảo vệ gan, kháng ung thư, hỗ trợ điều trị đái tháo đường/** PGS.TS. Đái Thị Xuân Trang, PGS.TS. Nguyễn Trọng Tuấn; TS. Lưu Thái Danh; TS. Trần Thanh Mến; TS. Đặng Minh Quân;

TS. Nguyễn Phúc Đảm; PGS.TS. Trần Thanh Trúc; ThS. Phùng Thị Hằng; DS. CKII. Lê Thị Cẩm Thúy; ThS. Nguyễn Khắc Minh Loan - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2022; 04/2018 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả tuyển chọn được các cây dược liệu có hoạt tính tốt là: Cúc chi thiên mèm, Bông phấn hồng, Sô trai, Móp gai và Cò sen. Các cây dược liệu tuyển chọn được khảo sát độc tính cấp và độc tính bán trường diễn. Nghiên cứu cũng đã xác định được quy trình sản xuất 2000 gói trà túi lọc từ cao TMG. Mỗi gói trà có khối lượng là 4 g trong đó có 1g cao TMG. Kết quả kiểm nghiệm cũng cho thấy, cao dược liệu, cao tối ưu (cao định chuẩn), trà và viên nang được chiết xuất từ TMG và VTST đều đạt tiêu chuẩn của DĐVN V về độ ẩm, tro toàn phần, tro không tan trong acid, giới hạn nhiễm khuẩn, định tính, định lượng, độ đồng đều khối lượng và độc tính bất thường. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đã đề xuất bảo tồn và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên dược liệu của tỉnh An Giang.

Số hồ sơ lưu: AGG-2022-017

87978. 11-2023 **Nghiên cứu mô hình cấp cứu đột quy nhồi máu não cấp tại Bệnh viện Đa khoa khu vực tỉnh An Giang.**/ BS. Hà Minh Đức, BS. Nguyễn Hữu Nghĩa; BS. Phạm Lý Chí Hùng; BS. Ngô Huỳnh Đắc Thắng; ĐD. Nguyễn Thị Bé Tư - Châu Đốc - Trung tâm Y tế thành phố Châu Đốc, 2021; 12/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát thực trạng đặc điểm bệnh nhân đột quy nhồi máu não cấp nhập điều trị tại bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang; (ii) Đánh giá kết quả thực hiện mô hình cấp cứu đột quy nhồi máu não cấp áp dụng tại bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang nhằm kịp thời cấp cứu bệnh nhân đột quy nhồi máu não cấp trong thời gian vàng. Khảo sát bệnh nhân đột quy nhồi máu não nhập viện tại bệnh viện Đa Khoa Khu Vực tỉnh An Giang từ tháng 01/2020 đến 06/2020 và từ tháng 07/2020 đến tháng 05/2021 có 151 bệnh nhân nhập viện trong thời gian vàng chia làm 2 nhóm: nhóm 1 (n= 72 bệnh nhân), nhóm 2 ( n= 79 bệnh nhân). Bệnh nhân được ghi nhận tuổi, giới, nơi chuyển đến, yếu tố nguy cơ, thời gian ngoại viện, thời gian cửa kim, thời gian vàng, kết quả điều trị, biến chứng.

Số hồ sơ lưu: AGG-2022-001

88331. 11-2023 **Nghiên cứu xác định nguyên nhân dẫn đến bệnh lao phổi, lao tiềm ẩn ở người cao tuổi tại thị xã Tân Châu, An Giang và giải pháp phòng, chống.**/ BSCKII. Nguyễn Phước Hải, BS. Phạm Vũ Nhân; YS. Ngô Văn Trường; BS. CKI. Phan Văn Chum; YS. Phan Thành Châu; YS. Nguyễn Trung Thọ; YS. Đinh Tiến Dũng; YS. Huỳnh Văn Kha; Hộ sinh TH. Phan Thị Điệp - An Giang - Trung tâm y tế thị xã Tân Châu, 2022; 10/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định thực trạng lao phổi và lao tiềm ẩn ở người cao tuổi tại thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xác

định nguyên nhân và các yếu tố liên quan dẫn đến lao phổi và lao tiềm ẩn ở người cao tuổi tại thị xã Tân Châu. Đề xuất các giải pháp can thiệp nhằm nâng cao sức khỏe, giảm nguy cơ tiến triển bệnh lao ở người cao tuổi, góp phần giảm nguồn lây lan trong cộng đồng.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-005

89433. 11-2023 **Đánh giá hiệu quả mô hình phòng chống sốt xuất huyết thông qua trường học tại huyện Long Thành/ BS CK II Nguyễn Thị Văn Văn, Bác sỹ Nguyễn Tấn Phước; Tiến sỹ Nguyễn Văn Toàn; Cử nhân Phí Thị Hương; Cử nhân Đào Minh Nguyệt; Y sỹ Đặng Văn Tuấn; Y sỹ Nguyễn Văn Hậu; Y sỹ Đỗ Thái Bình; Thạc sỹ Nguyễn Thị Hồng Phương - Đồng Nai - TTYT Long Thành, 2023; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nâng cao kiến thức, thực hành về phòng chống sốt xuất huyết tại các hộ gia đình. Tăng 30% tỷ lệ người dân tại xã điểm có kiến thức đúng và thực hành đúng về phòng chống bệnh sốt xuất huyết, đạt 80% kiến thức và thực hành đúng sau khi triển khai mô hình. Giảm mật độ, chỉ số muỗi, bọ gậy so với trước can thiệp và xã đối chứng đồng thời thấp hơn ngưỡng quy định có dịch của Bộ Y tế  $DI < 0,5$  con/nhà,  $BI < 30$ . Giảm tỷ lệ mắc bệnh sốt xuất huyết / 100.000 dân; giảm bệnh nhân sốt xuất huyết so với trước khi triển khai mô hình. Giảm 30% ổ dịch sốt xuất huyết theo quy định của Bộ Y tế so với trước khi triển khai mô hình và không có dịch lan rộng.

Số hồ sơ lưu: DNI-2023-08

89530. 11-2023 **Bảo tồn nguồn gen cây dược liệu Lan Kim tuyến/ PGS.TS. Trần Thị Thu Hà; GS.TS. Trần Ngọc Ngoan; TS. Dương Văn Đoàn; TS. Nguyễn Thanh Tiến; ThS. Phạm Thị Thảo; ThS. Nguyễn Thị Thu Dung; ThS. Ngô Thị Hiền; ThS. Hoàng Ngọc Hà; CN. Dương Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thị Trang - Thái Nguyên - Viện Lâm nghiệp và Phát triển bền vững, 2023; 07/2020 - 01/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Bảo tồn bền vững các nguồn gen cây dược liệu Lan Kim tuyến tại tỉnh Thái Nguyên phục vụ công tác chọn giống, khai thác và phát triển có hiệu quả các nguồn gen được xác định. Đề tài đã điều tra, đánh giá được hiện trạng các loài cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng được danh mục các loài cây dược liệu, các loài cây dược liệu cần được bảo tồn và danh mục cây dược liệu có tiềm năng phát triển trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Xây dựng bản đồ phân bố, bản đồ thích nghi các loại cây dược liệu trên địa bàn tỉnh; Xây dựng được bản đồ thích nghi các loại cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-15

### **30202. Sản khoa và phụ khoa**

89012. 11-2023 **Nghiên cứu sự thay đổi chức năng thận ở sản phụ tiền sản giật nặng khởi phát giai đoạn muộn trước và sau sinh tại khoa phụ sản Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng từ tháng 3 năm 2020**

đến tháng 12 năm 2021/ BS. CKII. Nguyễn Thị Ngọc Bích, ThS. BS. Nguyễn Thị Hải Lê; ThS. BS. Nguyễn Minh Tú; BS. CKI. Nguyễn Hữu Quang; BS. CKII. Lê Văn Tiến; BS. CKI. Hoàng Thị Dạ Thảo; BS. CKII. Nguyễn Thái Quỳnh; CN. Võ Thị Thu Hà; CN. Tô Thị Mai; BS. Ngô Quốc Tuấn - Đà Lạt, Lâm Đồng - Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng, 2022; 03/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tiền sản giật là một hội chứng bệnh lý thường gặp trong thai kỳ. Đây là hội chứng bệnh lý đặc trưng chỉ có khi mang thai, gây ra tình trạng tăng huyết áp và protein niệu có thể kèm theo phù hoặc không, thường xảy ra sau tuần lễ thứ 20 của thai kỳ và chấm dứt 6 tuần sau sinh. Chứng tộc người Mỹ gốc Phi, THA mãn tính và dị tật bẩm sinh có liên quan mạnh mẽ hơn với TSG khởi phát sớm, trong khi tuổi mẹ trẻ, vô sinh và đái tháo đường có liên quan mạnh mẽ hơn với bệnh khởi phát muộn. Kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt giữa các nhóm TSG khởi phát sớm và muộn. Tiên lượng về kết cục thai kỳ ở nhóm TSG khởi phát muộn là khả quan hơn.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-006

### **30203. Nhi khoa**

89014. 11-2023 **Nhận xét đặc điểm dịch tễ học lâm sàng, cận lâm sàng và kết quả điều trị thiếu máu thiếu sắt ở trẻ em dưới 5 tuổi tại Bệnh viện Nhi Lâm Đồng năm 2021-2022/** BS. Trần Xuân Hòa, BS. Phạm Thị Ánh Huyền; BS. Đỗ Thanh Mạnh; BS. Lê Thị Hồng; BS.

Trần Thị Như Quỳnh; BS. Hoàng Thị Huyền Anh; BS. Lơ Mu Ya The; CNXN. Nguyễn Khắc Hiếu; CNXN. Hồ Thị Thu; CN. Nguyễn Thị Thảo - Đà Lạt, Lâm Đồng - Bệnh viện Nhi Lâm Đồng, 2022; 02/2021 - 08/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thiếu sắt là nguyên nhân phổ biến gây thiếu máu. Thiếu máu thiếu sắt xảy ra khi lượng sắt hấp thu không đủ để đáp ứng nhu cầu cơ thể. Sự thiếu hụt này có thể là do lượng chất sắt không đủ trong khẩu phần ăn hay giảm sinh khả dụng của sắt trong chế độ ăn, nhu cầu sắt tăng hoặc bị mất đi (mất máu mãn tính). TMTS không thể chỉ đánh giá đơn thuần về mức độ phổ biến mà đáng kể hơn là nguy hại của hậu quả thiếu sắt gây ảnh hưởng lớn đến sự tăng trưởng, phát triển tâm lý, nhận thức, hành vi, khả năng lao động, cũng như hệ miễn dịch. Từ thực tế đó chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài nhằm 2 mục tiêu: Nhận xét đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng, cận lâm sàng của bệnh nhi bị thiếu máu thiếu sắt. Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhi bị thiếu máu thiếu sắt.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-008

89015. 11-2023 **Bước đầu đánh giá kết quả điều trị viêm phổi kém đáp ứng điều trị ở trẻ em tại Bệnh viện Nhi Lâm Đồng năm 2021-2022/** BS. CKII. Nguyễn Thị Thu Hà, BS. Phạm Ngô Thanh Xuân; BS. Lê Thị Hồng; BS. Nguyễn Hồ Như Thảo; BS. Trần Phan Thanh Huyền; CN. Phạm Văn Hiến; BS. Trần Thị Như Huyền; BS. Trần Thị Ngọc Phương; BS. Phạm Thị Kiều Dung;

CN. Lê Thị Hạnh - Đà Lạt, Lâm Đồng - Bệnh viện Nhi Lâm Đồng, 2022; 02/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Viêm phổi kém đáp ứng điều trị (VPKĐUĐT) bao gồm các trường hợp viêm phổi tiến triển, không hoặc chậm đáp ứng về mặt lâm sàng sau 48 - 72 giờ điều trị, X quang (XQ) phổi không cải thiện khoảng 50% lúc 2 tuần hoặc XQ không hết tổn thương lúc 4 tuần, dù đã được điều trị theo đúng phác đồ ít nhất 10 ngày. Thường khó để quyết định khi nào là kém đáp ứng điều trị một cách chính xác trên lâm sàng, vì việc đáp ứng điều trị có thể là khác nhau ngay cả khi có một chẩn đoán chắc chắn và điều trị thích hợp.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-009

### **30210. Chấn thương, Chỉnh hình**

89164. 11-2023 Đánh giá hiệu quả điều trị phẫu thuật gãy 1/3 giữa xương đòn bằng nẹp vít khóa tại Bệnh viện II Lâm Đồng giai đoạn 2020-2022/ DS.CKII. Vũ Việt Thành, CNĐD. Lê Thị Lệ Thu; BS. Hoàng Xuân Trung; BS.CKI. Vũ Khắc Duy; BS.CKI. Nguyễn Thị Quỳnh Trâm; CNĐD. Hoàng Thị Tùng; ĐD. Phạm Thị Thu Hồng; CNĐD. Ka Luyên - Bảo Lộc, Lâm Đồng - Bệnh viện II tỉnh Lâm Đồng, 2022; 01/2020 - 04/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Để đánh giá hiệu quả thực sự của điều trị gãy xương đòn bằng nẹp vít khóa, chúng tôi tiến hành nghiên cứu “Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật gãy 1/3 giữa xương đòn bằng

nẹp vít khóa tại Bệnh viện II Lâm Đồng giai đoạn 2020-2022”. Ở Việt Nam, gãy xương đòn chủ yếu là điều trị bảo tồn, tuy nhiên vẫn có nhiều trường hợp gãy có nguy cơ chậm liền, khớp giả cần chỉ định phẫu thuật như gãy phức tạp, gãy nhiều mảnh, đầu gãy di lệch dọa mở ra da, gãy hở, gãy kèm theo biến chứng chèn ép thân kinh mạch máu... Có nhiều kỹ thuật và phương tiện kết hợp xương khác nhau được sử dụng như: nẹp vít, đinh nội tủy... Tại bệnh viện II Lâm Đồng đã thực hiện KHX đòn bằng nẹp vít khóa nhiều năm, kết quả cho thấy có nhiều ưu điểm so phương pháp cũ. Số hồ sơ lưu: LDG-2023-013

### **30212. Y học hạt nhân và phóng xạ; chụp ảnh y học**

89104. 11-2023 Đánh giá hiệu quả kỹ thuật lấy huyết khối động mạch não trực tiếp dưới máy Xquang số hóa xóa nền (DSA) ở bệnh nhân nhồi máu não cấp tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị/ ThS.BS. Phùng Hưng, Trần Quốc Tuấn; Đặng Công Hợp; Nguyễn Văn Lâm; Hoàng Đức Minh; Lê Văn Phú; Nguyễn Thanh Lâm; Nguyễn Thanh Hà; Lê Thảo Sương; Văn Đức Nam; Nguyễn Thị Nhung; Nguyễn Thị Lưu Hồng; Lê Thế Hùng. - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, 2022; 05/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô tả một số đặc điểm lâm sàng, đặc điểm hình ảnh chụp cắt lớp sọ não và hình ảnh mạch máu não trên chụp cắt lớp mạch máu não trong

bệnh lý nhồi máu não tở cấp. Đảnh giá hiệu quả kỹ thuật lấy huyết khối động mạch não cơ học dưới máy X quang số hóa xóa nền bằng ống hút huyết khối.

Số hồ sơ lưu: QTi\_102.2022

### **30219. Tiêu hoá và gan mật học**

89010. 11-2023 Nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng và hiệu quả can thiệp chế độ dinh dưỡng ở bệnh nhân bệnh thận mạn lọc máu chu kỳ tại Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng năm 2021/ BS. CKII. Phan Thạch Khuê, ThS. Lưu Xuân Ninh; BS. CKI. Nguyễn Thị Ngọc Bé; BS. Nguyễn Thị Sinh; BS. CKII. Nguyễn Xuân Tạo; BS. CKI. Huỳnh Quốc Khởi; BS. Hoàng Văn Mạnh; ThS. Vũ An Khang; CN. Lê Thị Hồng Lĩnh; CN. Vũ Thị Hằng - Đà Lạt, Lâm Đồng - Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng, 2022; 01/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu tình trạng dinh dưỡng và hiệu quả can thiệp chế độ dinh dưỡng ở bệnh nhân bệnh thận mạn lọc máu chu kỳ năm 2021” được tiến hành với các mục tiêu: Đảnh giá tình trạng dinh dưỡng của bệnh nhân bệnh thận mạn lọc máu chu kỳ tại Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng năm 2021. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan đến tình trạng dinh dưỡng ở bệnh nhân bệnh thận mạn lọc máu chu kỳ tại Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng năm 2021. Đảnh giá kết quả can thiệp chế độ dinh dưỡng của bệnh nhân bệnh thận mạn lọc máu chu kỳ tại Bệnh viện đa khoa Lâm Đồng năm 2021.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-004

### **30220. Niệu học và thận học**

87891. 11-2023 Nghiên cứu vai trò của biến đổi di truyền trên các gen liên quan ở bệnh nhân teo đường mật bẩm sinh bằng giải trình tự toàn bộ vùng mã hóa/ GS. TS. Nguyễn Huy Hoàng, TS. Nguyễn Thị Kim Liên; PGS. TS. Nguyễn Phạm Anh Hoa; TS. Nguyễn Ngọc Lan; TS. Nguyễn Thị Thanh Ngân; TS. Nguyễn Thu Hiền; TS. Phạm Duy Hiền; ThS. Nguyễn Văn Tụng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu hệ gen, 2023; 04/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định các biến đổi trên các gen liên quan đến bệnh teo đường mật bẩm sinh bằng phương pháp giải trình tự toàn bộ vùng mã hóa. Đưa ra được mối tương quan giữa kiểu gen và kiểu hình từ các biến đổi gen liên quan trên số lượng lớn bệnh nhân. Tư vấn di truyền, chẩn đoán trước sinh cho bệnh teo đường mật bẩm sinh sau khi xác nhận đột biến và quy luật di truyền.

Số hồ sơ lưu: 22289

### **30221. Ung thư học và phát sinh ung thư**

87790. 11-2023 Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật xạ trị lập thể định vị thân trong điều trị ung thư biểu mô tế bào gan/ TS. Thái Doãn Kỳ, PGS. TS. Nguyễn Tiên Thịnh; GS. TS. Mai Hồng Bằng; TS. Bùi Quang Biểu; TS. Nguyễn Đình Châu; TS. Mai Thanh Bình; ThS. Nguyễn Văn Thái; ThS. Mai Tú Hương; ThS. Đinh Trường Giang;



TS. Nguyễn Trọng Tuyền; TS. Nguyễn Lâm Tùng; ThS. Đỗ Đức Chí; BSK1. Nguyễn Anh Tuấn; TS. Phạm Quang Trung; ThS. Nguyễn Văn Mạnh - Hà Nội - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, 2022; 03/2019 - 08/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình ứng dụng kỹ thuật xạ trị lập thể định vị thân trong điều trị ung thư biểu mô tế bào gan. Đánh giá kết quả ứng dụng kỹ thuật xạ trị lập thể định vị thân trong điều trị ung thư biểu mô tế bào gan. Việc ứng dụng thành công kỹ thuật này sẽ mang lại thêm một phương pháp điều trị mới, đặc biệt trong xu thế áp dụng điều trị đa mô thức hiện nay, làm tăng hiệu quả quản lý căn bệnh này ở nước ta. Quy trình kỹ thuật xây dựng được có tính khả thi và có thể áp dụng rộng rãi tại các cơ sở bệnh viện được trang bị máy móc phù hợp, tuy nhiên cũng cần có đội ngũ nhân lực được tập huấn và đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 22388

88220. 11-2023 **Nghiên cứu khả năng sử dụng phương pháp bất hoạt enzym bằng đồng vị phóng xạ Mg-28 trong điều trị ung thư/** KS. Trương Hoàng Tuấn, TS. Lưu Anh Tuyên; PGS.TS. Nguyễn Quang Hưng; TS. Trần Văn Luyến; ThS. Lê Thị Nhung - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm hạt nhân Thành phố Hồ Chí Minh, 2023; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu bất hoạt enzym thông qua các cofactor kim loại của chúng là một hướng mới. Các

cofactor ion kim loại bền sẽ được thay thế bởi bằng các đồng vị phóng xạ tương ứng. Khi phân rã, các ion đồng vị này biến thành nguyên tố khác và vai trò cofactor bị mất dẫn đến enzym bị bất hoạt. Tuy nhiên, cho đến nay chưa có một số liệu thực nghiệm hay mô phỏng nào kiểm chứng lý thuyết này. Do đó, trong đề tài này, đồng vị phóng xạ Mg-28 được chọn để bất hoạt các cofactor enzyme chứa ion Mg như Hexokinase trong quá trình chuyển hóa năng lượng, DNA polymerase và RNA polymerase để nhân bản DNA và protein trong tế bào. Đề tài đặt ra hai nhiệm vụ (i) mô phỏng tính toán liều hiệu dụng do đồng vị Mg-28 gây ra trên các mô ung thư và (ii) phân tích Mg tổng số trong các mô ung thư và mô lành cùng loại. Các kết quả cho thấy hoạt độ khoảng 0,27mCi – 2,7mCi có thể bất hoạt hàng tỷ cofactor enzym chứa Mg. Lượng phóng xạ này vẫn nằm trong ngưỡng an toàn theo các tiêu chuẩn hiện hành. Đề tài cũng kiến nghị nên tiếp tục nghiên cứu đánh dấu đồng vị Mg-28 trên các động vật thí nghiệm nếu điều kiện cho phép.

Số hồ sơ lưu: 22390

89092. 11-2023 **Phân loại các giai đoạn ung thư da và ung thư vú dựa trên các trạng thái phân cực ánh sáng và thuật toán học sâu/** PGS. TS. Phạm Thị Thu Hiền, TS. Lê Thanh Hải; PGS.TS. Huỳnh Ngọc Trinh; TS. Ngô Thị Minh Hiền; TS. Huỳnh Chân Khôn; KS. Nguyễn Lê Ý - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2023;

04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Áp dụng kỹ thuật ánh sáng phân cực trong sàng lọc ung thư da / vú bao gồm phương pháp trích xuất các giá trị quang học toàn phần của các mẫu sinh học, phát hiện sớm khi các tế bào / mô ác tính ở mật độ thấp, xây dựng ngân hàng dữ liệu (data bank) nhằm tiến tới mục tiêu ứng dụng, chế tạo thiết bị chẩn đoán ung thư. Thiết lập hệ thống thí nghiệm và kiểm tra độ chính xác của hệ thống bằng một số kính quang học đã biết trước tính chất. Quy trình tạo mẫu mô ung thư da trên chuột. Quy trình nhuộm, cắt, xử lý mẫu mô ung thư da và mô ung thư vú trên người. Tiến hành đo đạc trên các mô da và mô vú (trong mô bình thường và ung thư ở nhiều gian đoạn) và so sánh kết quả đặc được với các giai đoạn khác nhau (classification). Phân tích và thảo luận về các kết quả thí nghiệm đạt được. Lập trình các mô hình mạng lưới thần kinh sâu (Deep Neural Network) - mạng nơ-ron tích chập (Convolution Neutral Network - CNN) để phân loại, chẩn đoán ung thư. Viết các báo cáo và bài báo khoa học. Tiếp tục tiến hành đo đạc trên các mô da và vú (trong mô bình thường và ung thư) đồng thời thử nghiệm tính ổn định và tính an toàn của thiết bị.

Số hồ sơ lưu: 22715

### **30224. Tâm thần học**

89359. 11-2023 Nghiên cứu xây dựng quy trình điều trị bệnh nghiện game bằng thuốc an thần

**kinh và chống trầm cảm tại Hải Phòng/ TS. Đoàn Hồng Quang, TS. Đàm Đức Thắng; BSKKII. Phan Thị Yến; BSKKI. Vũ Đức Ninh; BSKKI. Nguyễn Thị Mừng; BSKKI. Lương Công Tráng; BSKKI. Nguyễn Thị Hà; BSKKI. Trương Văn Tú; BSKKI. Đỗ Thị Kiều Lan; ThS. Nguyễn Thị Nhung; BS. Đặng Tiến Thành; BS. Quách Ngọc Anh; BS. Nguyễn Thị Linh; BS. Đỗ Thị Phương Linh; BS. Đỗ Thị Hồng Nhung; BS. Nguyễn Phương Hậu - Hải Phòng - Bệnh viện tâm thần Hải Phòng, 2023; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tổng quan một số vấn đề lý thuyết về bệnh nghiện game và điều trị bệnh nghiện game. Nghiên cứu sử dụng bộ công cụ chuẩn đoán ICD-11 và trắc nghiệm tâm lý để đề xuất cách khám sàng lọc và tiêu chuẩn lựa chọn bệnh nhân nghiện game. Nghiên cứu phương pháp điều trị bệnh nghiện game bằng thuốc an thần kinh (Olanzapine) và chống trầm cảm (Sertraline). Đề xuất quy trình điều trị bệnh nghiện game bằng thuốc an thần kinh (Olanzapine) và chống trầm cảm (Sertraline). Tổ chức điều trị bệnh nghiện game bằng thuốc (Olanzapine) và chống trầm cảm (Sertraline) theo quy trình đã đề xuất. Hoàn thiện quy trình điều trị bệnh nghiện game bằng thuốc an thần kinh (Olanzapine) và chống trầm cảm (Sertraline).

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.021

### **30228. Y học tổng hợp và nội khoa**

89011. 11-2023 Khảo sát giá trị của dấu hiệu lắng đọng rễ thần

**kinh trong bệnh lý hẹp ống sống thắt lưng do thoái hóa trên cộng hưởng từ tại Bệnh viện Đa khoa Lâm Đồng/ BS.CKII. Bùi Hoàng Hải Thủy, ThS.BS. Lê Thanh Nhuận; BS.CKII. Bùi Văn Nhân; BS.CKI. Nguyễn Minh Thu; BS.CKI. Nguyễn Thị Thu Hương; BS.CKI. Nguyễn Thái Sơn; CN.KTV. Ngô Cát Anh Đài; CN.KTV. Lê Thị Cẩm Tú; CD.KTV. Nguyễn Hữu Phước; CN. Trịnh Thị Thái Thanh - Đà Lạt, Lâm Đồng - Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng, 2022; 01/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Biểu hiện lâm sàng đầu tiên của hẹp ống sống thắt lưng do thoái hóa là những cơn đau âm ỉ không đặc hiệu vùng thắt lưng dễ bị bỏ qua hay nhầm lẫn với triệu chứng bệnh thận, dần dần diễn tiến thành đau cách hồi thần kinh. Đặc điểm đau cách hồi thần kinh là đau vùng mông, đùi hoặc đau lan xuống chi dưới kèm với mỗi hai chân khiến bệnh nhân không thể đứng lâu hay đi bộ một quãng đường ngắn – đau tăng khi đi hoặc đứng và giảm khi nghỉ ngơi hoặc gập thân mình ra phía trước. Nếu không điều trị kịp thời sẽ tiến triển nặng gây yếu liệt hay tàn phế khó cải thiện sinh hoạt đi lại bình thường.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-005

**89163. 11-2023 Hiệu quả can thiệp với các vấn đề liên quan đến sử dụng kháng sinh tại khoa nội tổng hợp Bệnh viện II Lâm Đồng/ DS.CKI. Nguyễn Thị Nguyệt, BS.CKI. Trần Phương Nam; BS.CKI. Lê Khắc Đạo; BS.CKI. Võ**

**Minh; BS.CKI. Moul Toàn; BS. Phạm Nhật Quang; DS. Cao Bảo Ngọc; DS. Phạm Ngọc Bảo Quyên - Bảo Lộc, Lâm Đồng - Bệnh viện II tỉnh Lâm Đồng, 2022; 01/2022 - 09/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Khảo sát các DRP, mức độ ảnh hưởng và các yếu tố liên quan và đánh giá hiệu quả can thiệp với các DRP trong sử dụng kháng sinh tại khoa nội tổng hợp bệnh viện II Lâm Đồng. Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên các bệnh nhân được điều trị với kháng sinh tại khoa nội tổng hợp, trong khoảng thời gian từ 01/01/2019 - 30/06/2019 (giai đoạn trước can thiệp) và từ 01/01/2022 - 30/06/2022 (giai đoạn sau can thiệp). DRP liên quan đến kháng sinh được xác định và phân loại dựa theo hướng dẫn của mạng lưới chăm sóc dược Châu Âu (2019). Sau đó, các DRP được đánh giá về mức độ ảnh hưởng trên lâm sàng bởi hội đồng chuyên gia theo thang điểm của Dean & Barber. Các yếu tố liên quan đến DRP được xác định bằng mô hình hồi quy logistic đa biến. Các biện pháp can thiệp được thực hiện và đánh giá hiệu quả. DRP kháng sinh chiếm tỉ lệ khá cao và chủ yếu là liều kháng sinh chưa phù hợp. Cần chú ý hiệu chỉnh liều theo chức năng thận cho từng loại kháng sinh, đặc biệt trên bệnh nhân có độ thanh thải creatinin  $\leq 50$  mL/phút, để có thể tối ưu hóa việc sử dụng kháng sinh.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-012

### **30308. Bệnh truyền nhiễm**

**89318. 11-2023 Nghiên cứu vai trò của con đường tín hiệu ức chế**

điểm kiểm soát miễn dịch PD-1/PD-L1 và IDO/TPO-Kyn-AnR đối với hậu quả lâm sàng ở bệnh nhân nhiễm vi rút viêm gan B mạn tính/ TS. Nghiêm Xuân Hoàn, TS. Ngô Tất Trung; PGS.TS. Lê Hữu Song; BS. Mai Thanh Bình; TS. BS. Bùi Tiến Sỹ; CN. Đào Phương Giang; ThS. Trần Thị Thanh Huyền; BS. Nguyễn Thị Thúy; BS. Nguyễn Thị Huyền Trang; PGS.TS. Tp Velavan - Hà Nội - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu mối liên quan của các biến thể di truyền của gen PDCD1 (mã hóa PD-1) và CD274 (mã hóa PD-L1) đối với tính cảm nhiễm HBV và tiến triển lâm sàng ở bệnh nhân nhiễm HBV mạn tính. Đánh giá mức độ biểu hiện của PD-1, PD-L1 và đặc điểm hóa quần thể tế bào CD4+CD25+Foxp3+Tregs ở các bệnh nhân viêm gan B mạn tính. Đánh giá mức độ biểu hiện của các enzyme giáng hóa Tryptophan (IDO/TDO) và nồng độ huyết thanh kynurenine ở các bệnh nhân viêm gan B mạn tính.

Số hồ sơ lưu: 22820

### **30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc**

87791. 11-2023 **Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của một số loài thuộc họ Thông đất (Lycopodiaceae) tại Việt Nam/** TS. Vũ Hương Giang, PGS.TS. Ninh Khắc Bản; TS. Trần Mỹ Linh; TS. Lê Quỳnh Liên; TS. Trần Hồng Quang; TS. Nguyễn

Xuân Cường; ThS. Nguyễn Chi Mai - Hà Nội - Viện Hoá sinh biển, 2022; 12/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá đặc điểm sinh học của họ Thông đất ở một số khu vực nghiên cứu. Nghiên cứu sàng lọc loài có hoạt tính sinh học phân bố tại một số khu vực. Phân tích thành phần hóa học của một số loài thuộc họ Thông đất có tiềm năng về hoạt tính sinh học tại khu vực nghiên cứu, từ đó xác định một số hợp chất quý có giá trị y dược trong họ Thông đất ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22382

89312. 11-2023 **Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học tinh dầu của một số loài trong họ Cúc (Asteraceae) ở Miền Bắc và Bắc Trung Bộ Việt Nam/** PGS. TS. Trần Minh Hợi, TS. Hoàng Văn Chính; TS. Nguyễn Huy Hùng; TS. Đặng Việt Hậu; ThS. Trần Đức Bình; ThS. Doãn Hoàng Sơn; CN. Đặng Hồng Duyên - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập tiêu bản, mẫu vật, xác định tên khoa học và lập danh lục thành phần loài có tinh dầu trong họ Cúc (Asteraceae) ở Miền Bắc và Bắc Trung Bộ Việt Nam. Nghiên cứu giá trị sử dụng của các loài trong họ Cúc (Asteraceae) ở Miền Bắc và Bắc Trung Bộ Việt Nam. Xác định hàm lượng và nghiên cứu thành phần hóa học của tinh dầu ở các bộ phận (rễ, thân, lá, hoa, quả) của các loài phân bố ở các vùng sinh thái khác nhau

(chú ý những loài lần đầu tiên được phân tích hoá học về tinh dầu, loài có giá trị kinh tế hay khoa học, loài có số lượng cá thể lớn, loài có khả năng khai thác và có thể thuần hóa trong trồng trọt) để tạo nguồn nguyên liệu hàng hoá phục vụ cho các lĩnh vực sản xuất trong nước và xuất khẩu. Thử hoạt tính sinh học (hoạt tính độc cấp tính và ức chế sinh trưởng) đối với bộ gây các loài muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết ở Miền Bắc và Bắc Trung Bộ Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22815

#### 30404. Hoá dược học

88415. 11-2023 **Nghiên cứu tạo chế phẩm nanoliposome chứa chất bảo vệ bức xạ có nguồn gốc tự nhiên hỗ trợ xạ trị ung thư/** TS. Nguyễn Minh Hiệp, ThS. Phạm Ngọc Duy; ThS. Võ Kim Hải; ThS. Vũ Ngọc Bích Đào; CN. Nguyễn Ngọc Thùy Trang; CN. Phạm Bảo Ngọc; ThS. Lê Xuân Cường; ThS. Nguyễn Trọng Hoàng Phong; CN. Lê Văn Toàn; CN. Trần Thanh Mai - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Hạt Nhân, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp các Lip-BVBX (SIL, AST, TOC, QUE và RES). Khảo sát khả năng BVBX của Lip-BVBX (Lip-CUR, Lip-SIL, Lip-AST, Lip-TOC, Lip-QUE và Lip-RES) lên các dòng tế bào lành khác nhau (tế bào lympho người và nguyên bào sợi người (tế bào HF)). Khảo sát khả năng kết hợp giữa các chất BVBX có nguồn gốc tự nhiên (sử dụng hỗn hợp Lip-BVBX) trong việc nâng cao

hiệu quả BVBX cho tế bào lành. Nghiên cứu tiền đề cho pha nghiên cứu kế tiếp bằng việc khảo sát sơ bộ đánh giá tác động của các Lip-BVBX có nguồn gốc tự nhiên (hoặc hỗn hợp Lip-BVBX) lên các dòng tế bào ung thư khác nhau (dòng tế bào ung thư gan HepG2, dòng tế bào ung thư phổi A549 và dòng tế bào ung thư vú MCF-7).

Số hồ sơ lưu: 22615

88915. 11-2023 **Nghiên cứu phát triển một số sản phẩm kháng nấm Malassezia spp. gây bệnh phổ biến trên da người từ nguồn thảo dược Việt Nam/** TS. Trần Bảo Trâm, TS. Vũ Xuân Tạo; ThS. Phan Diệp Tú; ThS. Đỗ Thị Kim Trang; ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai; ThS. Nguyễn Thị Hiền; KS. Trần Bình Minh; Lê Quân; TS. Phạm Thị Minh Hạnh; CN. Đào Ngọc Ánh - Hà Nội - Trung tâm Sinh học Thực nghiệm, 2023; 06/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá hiệu quả kháng nấm Malassezia (*M. furfur*, *M. globosa*) của tinh dầu và dịch chiết của một số loại thảo dược ở Việt Nam. Xây dựng công thức và quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm thảo dược từ hỗn hợp tinh dầu và dịch chiết thảo dược kháng nấm Malassezia (*M. furfur*, *M. globosa*) quy mô 50 Lít/mẻ. Xây dựng công thức và quy trình sản xuất dầu gội đầu từ chế phẩm thảo dược hỗ trợ điều trị kháng nấm Malassezia (*M. furfur*, *M. globosa*) gây bệnh trên da người.

Số hồ sơ lưu: 22669

**30405. Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất học (bao gồm cả độc chất học lâm sàng)**

89257. 11-2023 **Tạo chủng Aspergillus niger tái tổ hợp sinh tổng hợp enzym xylanase hoạt tính cao định hướng ứng dụng làm thực phẩm chức năng/ PGS. TS. Đỗ Thị Tuyên, TS. Đào Thị Mai Anh; TS. Nguyễn Sỹ Lê Thanh; TS. Nguyễn Thị Thảo; ThS. Lê Thanh Hoàng - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2023; 04/2019 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đề tài áp dụng các thành tựu của thế giới vào hoàn cảnh cụ thể Việt Nam, khẳng định thêm các giá trị khoa học và công nghệ mà thế giới đã áp dụng vào lĩnh vực nghiên cứu sản xuất các chế phẩm có hoạt tính sinh học nguồn gốc sinh học bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Kết quả của đề tài cùng góp phần vào sự đa dạng chủng giống ở Việt Nam và cung cấp các dữ liệu về xây dựng vector chuyên biểu hiện ở các hệ thống tế bào chủ này của thế giới

Số hồ sơ lưu: 22781

**30499. Dược học khác**

89418. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển sản xuất và tiêu thụ cây dược liệu gắn với liên kết theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Yên Bái/ TS. Nguyễn Anh Đức; TS. Nguyễn Tuấn Sơn PGS; TS. Lê Ngọc Hương; TS. Nguyễn Thị Ngọc Thương; TS. Trần Mạnh Hải; Ths. Trần Nguyên Thành; Ths. Trần Quốc Toàn; PGS.TS. Ninh Thị Phíp; Ths. Đặng Nam Phương; CN. Vũ Thị Mỹ Huệ - Hà Nội - Học viện**

Nông nghiệp Việt Nam, 2023; 12/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, phân tích cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng sản xuất, tiêu thụ cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2016-2020. Phân tích tiềm năng, lợi thế, cơ hội và thách thức đối với phát triển sản xuất cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Yên Bái thời gian tới. Dự báo xu hướng phát triển sản xuất cây dược liệu, gắn sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn đến năm 2030. Đề xuất định hướng và giải pháp đẩy mạnh phát triển sản xuất và tiêu thụ cây dược liệu gắn với liên kết theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Yên Bái đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: YBI-38-2022

**30503. Công nghệ liên quan đến xác định chức năng của ADN, protein, enzym và tác động của chúng tới việc phát bệnh; đảm bảo sức khỏe (bao gồm cả chẩn đoán gen, các can thiệp điều trị trên cơ sở gen (dược phẩm trên cơ sở gen**

87814. 11-2023 **Nghiên cứu đa hình gen kháng nguyên bạch cầu HLA ở người Việt Nam và tạo kit xác định nguy cơ dị ứng thuốc Carbamazepine, Allopurinol/ PGS. TS. Nguyễn Thị Vân Anh, PGS.TS. Nguyễn Đình Thắng; PGS.TS. Trịnh Hồng Thái; PGS.TS. Nguyễn Văn Liệu; PGS.TS. Nguyễn Văn Hùng; TS. Trần Ngọc Quý; CN. Chu Văn Sơn; TS. Nguyễn Thị Hồng Loan; TS. Nguyễn Thị Tú Linh; BS. Nguyễn Đoàn Thủy - Hà Nội -**

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2023; 12/2019 - 02/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở dữ liệu về đa hình gen kháng nguyên bạch cầu HLA (locus A, B) ở người Việt Nam liên quan đến nguy cơ dị ứng thuốc carbamazepine, allopurinol. Báo cáo mối liên quan giữa một số allele HLA và một số dấu ấn phân tử khác (nếu có) tới nguy cơ dị ứng thuốc carbamazepine, allopurinol ở người Việt Nam. Xây dựng được quy trình chế tạo kit xác định allele HLA-B\*15:02, HLAA\*31:01 và quy trình chế tạo kit xác định allele HLA-B\*58:01. Sản xuất 50 bộ kit xác định allele HLA-B\*15:02, HLA-A\*31:01 và 50 bộ kit xác định allele HLA-B\*58:01 và đánh giá hiệu quả của kit trong sàng lọc gen HLA liên quan đến nguy cơ dị ứng thuốc.

Số hồ sơ lưu: 22439

89218. 11-2023 **Nghiên cứu đặc điểm hệ gen người Việt Nam liên quan đến lây nhiễm và diễn biến của bệnh nhân COVID-19/ PGS.** TS. Nguyễn Hải Hà, ThS. Vũ Phương Nhung; TS. Nguyễn Đăng Tôn; TS. Nguyễn Thùy Dương; ThS. Ma Thị Huyền Thương; ThS. Trần Thị Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hoa; CN. Nguyễn Hoài Nam; TS. Đinh Thị Thu Hằng; TS. Hoàng Văn Tổng; TS. Phạm Ngọc Thạch; TS. Nguyễn Thị Thanh Hải - Hà Nội - Viện Nghiên cứu hệ gen, 2023; 06/2020 - 01/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ gen của bệnh nhân COVID-19. Xác định

được một số biến thể gen liên quan đến lây nhiễm và diễn biến của bệnh nhân COVID-19. Mẫu bệnh là người Việt Nam, đã được xét nghiệm realtime PCR dương tính với SARSCoV-2, được theo dõi và điều trị tại Việt Nam. Bệnh nhân lây nhiễm từ nguồn bệnh trong nước hoặc nước ngoài. Mẫu bệnh có đầy đủ hồ sơ bệnh án bao gồm số liệu lâm sàng và cận lâm sàng... Mẫu DNA sử dụng cho giải trình hệ gen mã hóa tách chiết từ mẫu máu của bệnh nhân. Ngoài ra, với các trường hợp bệnh có diễn biến nặng, chúng tôi sẽ chuẩn bị mẫu RNA của bệnh nhân thu tại các thời điểm khác nhau để phân tích thêm. Mẫu đối chứng là đối tượng người Việt Nam đã được xét nghiệm realtime PCR âm tính với SARS-CoV-2 không có một trong các biểu hiện lâm sàng của bệnh. Bệnh nhân và người tham gia nghiên cứu (thuộc nhóm chứng) được giải thích mục đích nghiên cứu và xác nhận tình nguyện tham gia nghiên cứu. Mẫu máu ngoại vi của các đối tượng nghiên cứu thuộc nhóm mẫu bệnh và đối chứng được thu vào ống có chất chống đông EDTA (2-5 ml máu/đối tượng) và giữ ở -20oC cho đến khi sử dụng.

Số hồ sơ lưu: 22778

#### 4. Khoa học nông nghiệp

87288. 11-2023 **Phục tráng và xây dựng quy trình canh tác theo hướng hữu cơ giống lúa đặc sản Nàng Nhen thơm vùng Bảy núi, tỉnh An Giang./ PGS.** TS. Lê Việt Dũng, PGS.TS Võ Công Thành; TS. Quan Thị Ái Liên; ThS. Nguyễn Thị

Ngọc Hân; ThS. Trần Thị Phương Thảo; ThS. Nguyễn Ngọc Cẩm; KTV. Đái Phương Mai; KTV. Võ Quang Trung; ThS. Nguyễn Tuấn Vũ; KTV. Nguyễn Thành Tâm - An Giang - Trường Đại Học Cần Thơ, 2020; 10/2014 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phục tráng giống lúa đặc sản Nàng Nhen thơm gốc ban đầu vùng Bảy Núi, tỉnh An Giang và được Cục Trồng trọt công nhận là giống cho sản xuất thử. Xây dựng quy trình canh tác theo hướng hữu cơ giống lúa đặc sản Nàng Nhen thơm đã được phục tráng cho 02 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Số hồ sơ lưu: AGG-2022-010

87291. 11-2023 **Nghiên cứu tuyển chọn cây đầu dòng các giống bản địa và phát triển các giống cây ăn quả tiềm năng phục vụ phát triển ngành cây ăn quả cho tỉnh An Giang/** ThS. Nguyễn Nhật Trường, TS. Trần Thị Oanh Yến; TS. Bùi Thị Ngọc Lan; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Diễm; KS. Nguyễn Vũ Sơn; KS. Bùi Thị Mỹ Bình; KS. Lê Thị Cẩm Tú; ThS. Trần Thị Mộng Tuyền; KS. Phạm Văn Nghiệp; KS. Dương Ánh Đông; ThS. Phan Văn Út. - An Giang - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2020; 12/2015 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Công nhận 02-05 cây đầu dòng cho mỗi chủng loại cây ăn quả Chóc, xoài Thanh ca đen, Mãng cầu ta. Tuyển chọn 02-05 cá thể tốt Nhân Mỹ Đức, Sầu riêng Núi cho bảo

tồn. Cây giống được nhân từ cây đầu dòng Chóc, xoài Thanh ca đen, Mãng cầu ta; cá thể tốt Nhân Mỹ Đức, Sầu riêng Núi: mỗi loại cây 100 cây giống (đúng giống, sinh trưởng khỏe, không bị sâu bệnh...). Quy trình nhân giống tiên tiến: 05 quy trình cho 05 loại cây.

Số hồ sơ lưu: AGG-2022-011

87293. 11-2023 **Ứng dụng quy trình sản xuất giống cá chạch lấu (Mastacembelus favus) theo quy mô nông hộ tại tỉnh An Giang/** ThS. Ngô Thị Hạnh, KS. Trần Hoàng Phúc; KS. Đặng Minh Thoại; TS. Phan Phương Loan; Lê Văn Lệnh - An Giang - Trung tâm Giống thủy sản An Giang, 2022; 03/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tỷ lệ thành thực trong quá trình nuôi vỗ cá chạch lấu: từ 70-80%. Sinh sản nhân tạo cá chạch lấu tỷ lệ thụ tinh đạt  $\geq 50\%$ , tỷ lệ nở  $\geq 50\%$ , tỷ lệ sống ương giống 20-30%. Chọn 04 điểm tham gia xây dựng mô hình. Mỗi điểm tham gia dự án đầu tư 120 kg cá bố mẹ, sản xuất được 40.000 con cá giống, được bố trí ương trong bể lót bạt/composite với mật độ ương 1.000 con/m<sup>3</sup>, tổng số lượng con giống từ dự án cỡ 10-12 cm là 160.000 con sau 90 ngày ương. Tổ chức tập huấn 02 lớp tập huấn cho 40 học viên là nông dân tâm huyết với nghề nuôi trồng thủy sản trong tỉnh An Giang (20 học viên/lớp). Tổ chức 1 buổi hội thảo tổng kết dự án với 60 đại biểu tham dự

Số hồ sơ lưu: AGG-2022-012



87645. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ rau an toàn tỉnh An Giang/** PGS.TS. Phạm Thị Minh Tâm, ThS. Nguyễn Thị Thúy Liễu, Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh; TS. Trần Độc Lập, Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh; ThS. Nguyễn Văn Cường, Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh; ThS. Nguyễn Anh Tuấn, Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh; TS. Nguyễn Thị Quỳnh Thuận, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp miền Nam; ThS. Nguyễn Thị Huệ, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh; ThS. Nguyễn Phạm Hồng Lan, Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh; KS. Dương Thị Hồng Dung, Công ty TNHH MTV TM - DV Phan Nam; ThS. Đặng Thanh Phong, Chi cục Bảo vệ thực vật An Giang; Nguyễn Văn Trí - Công ty TNHH MTV TM - DV Phan Nam; ThS. Nguyễn Hữu An - Chi cục Bảo vệ thực vật An Giang - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, 2020; 04/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng quy trình/mô hình sản xuất rau khô qua, dưa leo, xà lách, cải ngọt và cà chua cherry đạt tiêu chuẩn VietGAP (Đã có giấy chứng nhận VietGAP), và chuỗi liên kết sản xuất –tiêu thụ cho 5 sản phẩm RAT trên cho địa phương. Chuyển giao năm quy trình kỹ thuật và xây dựng mô hình sản xuất rau đạt tiêu chuẩn VietGAP bao gồm cà chua cherry trồng trong nhà màng tại

Công ty TNHH TM DV Phan Nam đạt tiêu chuẩn VietGAP. Đào tạo được 20 cán bộ kỹ thuật đạt tiêu chuẩn. Xây dựng và bước đầu phát triển thị trường cho sản phẩm RAT tỉnh An Giang. Để phát triển bền vững chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm RAT cho tỉnh An Giang cần có các giải pháp như hỗ trợ đầu vào cho các hộ sản xuất, chính sách giá thu mua sản phẩm cho hộ sản xuất an toàn. Song song đó, chính quyền cần tạo điều kiện xúc tiến liên kết tìm đầu ra cho sản phẩm an toàn; ví dụ như đẩy mạnh liên kết với công ty TNHH TM DV Phan Nam và các đơn vị liên kết thu mua khác như các siêu thị tại địa phương, mở rộng liên kết với các bếp ăn, nhà hàng tại các trường học ở địa phương.

Số hồ sơ lưu: AGG-2022-013

87661. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình lúa - cá sạch tại tỉnh An Giang/** PGS.TS. Nguyễn Duy Cần, TS. Cao Quốc Nam; ThS. Phạm Văn Trọng Tính; ThS. Nguyễn Thành Trực; KS. Châu Quốc Mộng; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Đệ; KS. Lê Sơn Trang; PGS. TS. Lam Mỹ Lan; ThS. Nguyễn Văn Hiệu; TS. Vũ Anh Pháp; TS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Nguyễn Phước Thành; TS. Nguyễn Hoàng Huy - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021; - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng mô hình lúa-cá sạch được xem là một trong những biện pháp canh tác để hạn chế ảnh hưởng xấu đến môi trường và gia tăng thu nhập. Kết quả của phân tích hạch toán từng phần

cho thấy lợi nhuận và thu nhập từ lúa ở mô hình luân canh lúa-cá tăng lần lượt 26,4% và 16,8% so với độc canh lúa và các chỉ tiêu này có thể tăng cao hơn nếu được bán với giá cao hơn của sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP. Kết quả thí nghiệm ở cả 2 điểm nghiên cứu của mô hình xen canh và luân canh lúa-cá, về lợi ích kinh tế cho thấy thu nhập và lợi nhuận mang lại chưa cao như kỳ vọng nhưng mô hình này mang lại lợi ích và giá trị cao về bảo vệ môi trường, hướng đến canh tác nông nghiệp bền vững, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp, canh tác lúa sinh thái, an toàn và đạt theo tiêu chuẩn VietGAP, tiềm năng gắn kết mô hình lúa-cá với hoạt động phát triển du lịch của địa phương.

Số hồ sơ lưu: AGG-2022-015

87662. 11-2023 **Nghiên cứu phát triển mô hình nông nghiệp đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang**/ TS. Cao Quốc Nam, ThS. Nguyễn Văn Nhiều Em; PGS.TS. Lê Nguyễn Đoàn Khôi; TS. Vũ Anh Pháp; ThS. Huỳnh Đào Nguyên; ThS. Võ Thanh Mạnh - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021; 04/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng cơ sở lý thuyết phục vụ xây dựng NNĐT cho tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. - Phân tích, chọn lựa mô hình ưu việt, nông nghiệp sinh thái đô thị theo hướng giá trị cao, liên kết sản xuất với phát triển du lịch sinh thái hiệu quả và bền vững; nâng cao thu nhập cho người dân đô thị. - Xây dựng các mô

hình NNĐT theo từng khu vực khác nhau, theo hướng liên kết sản xuất và tiêu thụ kết hợp du lịch sinh thái, ứng dụng công nghệ cao, nâng cao giá trị gia tăng, tăng thu nhập cho người dân, an toàn cho người tiêu dùng (theo tiêu chuẩn VietGAP), thân thiện với môi trường và phát triển bền vững. Đề xuất được các định hướng và giải pháp chủ yếu để tổ chức thực hiện, liên kết sản xuất - tiêu thụ và phát triển nhân rộng mô hình NNĐT ở TP. Long Xuyên và TP. Châu Đốc, tỉnh An Giang hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: AGG-2022-016

87685. 11-2023 **Phục tráng và xây dựng quy trình canh tác theo hướng hữu cơ giống lúa đặc sản Nàng Nhen thơm vùng Bảy núi, tỉnh An Giang**/ PGS.TS. Lê Việt Dũng, PGS.TS Võ Công Thành; TS. Quan Thị Ái Liên; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Hân; ThS. Trần Thị Phương Thảo; ThS. Nguyễn Ngọc Cẩm; KTV. Đái Phương Mai; KTV. Võ Quang Trung; ThS. Nguyễn Tuấn Vũ; KTV. Nguyễn Thành Tâm - An Giang - Trường Đại Học Cần Thơ, 2020; 10/2014 - 08/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Mô hình ảnh hưởng phân hữu cơ trên giống Nàng Nhen được thực hiện trong vụ mùa 2019. Ba mô hình được bố trí theo thể thức ngẫu nhiên. Sử dụng giống Nàng Nhen địa phương và áp dụng các kỹ thuật canh tác theo truyền thống của nông dân vùng Bảy Núi. Mô hình sử dụng giống NN1 được phục tráng trong các bước khảo nghiệm cơ bản và

khảo nghiệm sản xuất, mô hình áp dụng kỹ thuật canh tác theo hướng hữu cơ bằng việc sử dụng 300 Kg phân hữu cơ vi sinh có thành phần như sau: hữu cơ 18%, đạm tổng số: 2%;, P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>hh 2%, K<sub>2</sub>O hh 1% CaO 0,05%, MgO 0,15%, B 300ppm, Zn 500 ppm, Cu 300ppm, nấm đối kháng *Tricoderma* sp1 106cfu/g + kết hợp bón phân vô cơ 50kg/ha phân 20-20-15. Ba mô hình được thực hiện tại xã An Cư huyện Tịnh Biên.

Số hồ sơ lưu: AGG-2022-018

87708. 11-2023 **Nghiên cứu nâng cao chuỗi giá trị cá lóc tỉnh An Giang đạt tiêu chuẩn VietGAP/ TS.** Lý Thị Thanh Loan, ThS. Trần Anh Dũng; KS. Phan Hoàng Minh; TS. Lê Thị Kim Loan; TS. Trương Khắc Hiếu; KS. Trát Thị Kim Duyên; ThS. Huỳnh Quốc Tịnh; ThS. Trang Trường Nhân - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn Thủy sản Thanh Loan, 2021; 04/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá, phân tích hiện trạng và yêu cầu thị trường sản phẩm cá lóc; thực trạng chuỗi giá trị cá lóc và các giải pháp nâng cao giá trị chuỗi cá lóc. Nội dung 2: Đánh giá hiện trạng ương cá lóc giống và nuôi thương phẩm (nuôi thịt) của tỉnh An Giang. Xây dựng vùng sản xuất giống đạt chứng nhận Global GAP và vùng nuôi thương phẩm đạt chứng nhận VietGAP. Xây dựng mô hình điểm chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ cá lóc An Giang, có gắn kết đơn vị thu mua tiêu thụ. Nghiên cứu xây

dựng/cải tiến quy trình chế biến các sản phẩm từ cá lóc thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: AGG-2022-019

87981. 11-2023 **Đánh giá tác động gây vẩy nhiễm vi sinh vật trên sản phẩm thịt heo từ các cơ sở giết mổ gia súc tại An Giang/ BSTY.** Trần Thị Lệ Triệu, ThS. Huỳnh Thị Minh Tâm; ThS. Lâm Cẩm Hoa - An Giang - Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ Nông nghiệp, 2021; 10/2020 - 10/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm của thịt gia súc theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 7046:2009. Qua phân tích 228 mẫu gồm 60 mẫu thịt heo và 168 mẫu môi trường giết mổ, tỷ lệ vẩy nhiễm vi khuẩn *E. Coli*, *Salmonella* spp. và *Staphylococcus aureus* trên thịt tại các cơ sở giết mổ lần lượt là 78,33%, 10,00% và 16,67%. Tỷ lệ vẩy nhiễm *E.coli*, *Staphylococcus aureus* và *Salmonella* spp. trên mẫu môi trường của các cơ sở giết mổ lần lượt là 82,14%, 41,67% và 15,48%. Có 34/60 mẫu thịt heo đạt cả 03 chỉ tiêu *E. coli*, *Staphylococcus aureus* và *Salmonella* theo TCVN 7046:2009, chiếm tỷ lệ 56,67%. Trong đó cơ sở giết mổ nhỏ lẻ đạt 15/30 mẫu (50,00%), cơ sở tập trung đạt 19/30 mẫu (63,34%).

Số hồ sơ lưu: AGG-2022-002

88231. 11-2023 **Khảo sát chất lượng khí thải, tăng trọng và tỷ lệ bệnh hô hấp trên gà khi phun chế phẩm men vi sinh (*Bacillus* sp,**

*Trichoderma sp...*) và enzyme lên chất độn chuồng trong chăn nuôi gà thịt công nghiệp tại Vĩnh Long/ ThS. Nguyễn Thị Xuân Linh; ThS. Phan Minh Duyên; ThS. Lữ Ngọc Thảo - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Vĩnh Long, 2023; 10/2022 - 04/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định nồng độ khí thải trong và ngoài chuồng nuôi gà chuyên thịt để đánh giá ảnh hưởng của chế phẩm men vi sinh (*Bacillus sp*, *Trichoderma sp...*) và enzyme lên chất lượng không khí (sự phát thải khí NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S). Đánh giá sự tăng trọng bình quân, tỷ lệ bệnh hô hấp trên gà chuyên thịt khi nuôi trên chất độn chuồng có phun chế phẩm men vi sinh (*Bacillus sp*, *Trichoderma sp...*) và enzyme. Đề ra giải pháp phù hợp trong chăn nuôi gà công nghiệp qui mô lớn, giảm thiểu ô nhiễm không khí xung quanh, góp phần bảo vệ môi trường.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS006.2022-0000345

88255. 11-2023 **Xây dựng quy trình chế biến sản phẩm kẹo dẻo từ nước ép trái tươi**/ TS. Trần Nghĩa Khang, Trịnh Thanh Duy - An Giang - Trường đại học An Giang, 2021; 10/2020 - 09/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu chế biến kẹo dẻo trái tươi được thực hiện nhằm tận dụng nguồn nguyên liệu đặc sản của Huyện Tri Tôn, An Giang để tạo ra sản phẩm mới, đa dạng hóa các loại kẹo trên thị trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy, trái tươi ở 35 ngày tuổi có độ chín phù hợp để chế biến

kẹo dẻo. Phương pháp xử lý nhiệt tối ưu là chần ở nhiệt độ 80°C trong 2 phút. Dịch trái tươi được pha loãng với nước theo tỉ lệ 1:1, không cần tách tannin và được bổ sung 65% đường, 20% gelatine, 3% dịch siro đường, cô đặc ở nhiệt độ 85°C trong 5 phút và rót khuôn tạo hình sẽ thu được sản phẩm kẹo dẻo có cảm quan và dinh dưỡng cao. Sản phẩm có thể được bảo quản tốt trong túi zip PA kết hợp túi PE.

Số hồ sơ lưu: AGG-2022-014

88327. 11-2023 **Xây dựng quy trình chế biến gia vị nấu bún cá**/ TS. Nguyễn Duy Tân, ThS. Võ Thị Xuân Tuyên - An Giang - Trường đại học An Giang, 2023; 11/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Bún cá được xem là món ăn đặc trưng của người dân Đồng bằng Sông Cửu Long, được kinh doanh mua bán ở hầu hết các tỉnh thành trong khu vực. Nhằm đáp ứng nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng. Nghiên cứu được thực hiện nhằm xây dựng quy trình chế biến sản phẩm gia vị nấu bún cá (dạng paste và dạng túi lọc). Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ phối trộn nguyên liệu Ngải bún/Nghệ/Sả được lựa chọn là 2/2/1,5 (w/w/w). Nồng độ ethanol 80% và tỷ lệ dung môi/nguyên liệu là 25/1 (mL/g); nhiệt độ và thời gian trích ly tối ưu là 85°C trong thời gian 50 phút. Sản phẩm gia vị bún cá dạng túi lọc cũng đạt tiêu chuẩn an toàn vi sinh vật theo TCVN 7693-2004 cho sản phẩm tương tự.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-001

88328. 11-2023 **Xây dựng quy trình chế biến 02 sản phẩm nước xạ đen và nước xạ đen - mủ trôm đóng lon/** ThS. Diệp Kim Quyên, TS. Trần Nghĩa Khang; ThS. Trịnh Thanh Duy - An Giang - Trường đại học An Giang, 2022; 05/2021 - 07/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đề tài nghiên cứu chế biến nước giải khát từ xạ đen kết hợp với mủ trôm nghiên cứu phát triển sản phẩm nước giải khát có tính chức năng, góp phần đa dạng hóa sản phẩm từ cây xạ đen trên thị trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng về chất lượng, hỗ trợ sức khỏe và an toàn vệ sinh thực phẩm. Sản phẩm đã được công ty TNHH Thảo An Khang triển khai bán thử nghiệm trên 5.000 lon thăm dò thị trường tại các hội chợ xúc tiến thương mại trong tỉnh với giá 15.000 VND/lon và nhận được sự ủng hộ rất lớn từ khách hàng.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-002

88329. 11-2023 **Đa dạng hóa sản phẩm chế biến từ trái dâu xanh (*Baccaurea sapida*) trồng tại huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang./** ThS. Nguyễn Thị Ngọc Giang, ThS. Trần Xuân Hiên; TS. Lê Thị Thúy Hằng; ThS. Phan Việt Thắng - An Giang - Trường đại học An Giang, 2022; 10/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát ảnh hưởng nồng độ enzyme pectinase và cellulase thủy phân thịt và vỏ dâu xanh đến chất lượng dịch quả; khảo sát ảnh hưởng nhiệt độ và thời gian thủy phân thịt và vỏ dâu xanh đến chất lượng dịch

quả; khảo sát ảnh hưởng tỷ lệ pha loãng dịch quả và dịch cỏ ngọt đến chất lượng nước dâu xanh; khảo sát ảnh hưởng nhiệt độ và thời gian thanh trùng đến chất lượng nước dâu xanh;

theo dõi sự thay đổi chất lượng nước dâu xanh trong thời gian bảo quản. Bước đầu khảo sát mức độ chấp nhận của người tiêu dùng đối với sản phẩm nước dâu xanh và mứt dâu xanh. Kết quả nghiên cứu đạt như sau: Bước đầu khảo sát khả năng chấp nhận của người tiêu dùng cho thấy, người tiêu dùng đánh giá rất cao về các tính chất cảm quan của nước dâu xanh và mứt dâu xanh (mức điểm 7-8). Với giá bán dự kiến 7.000đ/chai 250ml sản phẩm nước dâu xanh và 35.000đ/keo 70g sản phẩm mứt dâu xanh được người tiêu dùng sẵn lòng mua nếu sản phẩm nước dâu xanh và mứt dâu xanh xuất hiện trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-003

88330. 11-2023 **Xây dựng quy trình chế biến bột hòa tan và mứt đông từ dưa lưới (*Cucumis melo* L.) tại tỉnh An Giang/** ThS. Trần Xuân Hiên, TS. Lê Thị Thúy Hằng; ThS. Lê Thị Thúy Loan; TS. Nguyễn Tấn Hùng - An Giang - Trường đại học An Giang, 2022; 05/2021 - 07/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát ảnh hưởng nồng độ enzyme pectinase (0; 0,2; 0,4; 0,6%) và nhiệt độ thủy phân dịch quả (45; 50; 55; 60°C) đến chất lượng bột dưa lưới; khảo sát ảnh hưởng tỷ lệ phối trộn gum arabic (6; 8; 10; 12; 14%) đến chất lượng bột dưa

lưới; khảo sát ảnh hưởng tỷ lệ phối trộn maltodextrin (1; 2; 3; 4; 5%) đến chất lượng bột dừa lưới; khảo sát ảnh hưởng thời gian sấy microwave (11; 12; 13; 14; 15 phút) đến chất lượng bột dừa lưới; khảo sát ảnh hưởng nhiệt độ sấy (60; 65; 700C) và độ ẩm dừng (6; 8; 10%) bằng không khí nóng đến chất lượng bột dừa lưới; thử nghiệm phối chế tạo bột dừa lưới uống liền tiện dụng; theo dõi sự thay đổi chất lượng bột dừa lưới hòa tan trong thời gian bảo quản. Bước đầu khảo sát mức độ chấp nhận của người tiêu dùng đối với sản phẩm bột dừa lưới hòa tan và mút đông dừa lưới. Bước đầu khảo sát khả năng chấp nhận của người tiêu dùng cho thấy, người tiêu dùng đánh giá rất cao về các tính chất cảm quan của bột dừa lưới hòa tan và mút đông dừa lưới (mức điểm 7-8). Với giá thành dự kiến 400.000đ/kg/sản phẩm bột dừa lưới hòa tan và 350.000đ/kg/sản phẩm mút đông dừa lưới được người tiêu dùng sẵn lòng mua nếu sản phẩm bột dừa lưới hòa tan và mút đông dừa lưới xuất hiện trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-004

88338. 11-2023 **Ảnh hưởng của việc bổ sung hỗn hợp bột nghệ, sả và tỏi đến năng suất tăng trưởng và chất lượng của gà nòi nuôi tại An Giang.**/ TS. Nguyễn Tuyết Giang, TS. Lê Thị Thúy Hằng - An Giang - Trường đại học An Giang, 2022; 11/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu được tiến hành nhằm khảo sát ảnh hưởng của hỗn

hợp thảo dược từ nghệ, sả và tỏi đến khả năng tăng trưởng, năng suất thân thịt, chất lượng thịt ức và hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi gà Nòi tại tỉnh An Giang. Việc bổ sung hỗn hợp thảo dược cũng làm tăng màu đỏ và màu vàng của thịt ức, giảm tỷ lệ mất nước và tăng hàm lượng đạm thô trong thịt. Phân tích hiệu quả kinh tế cho thấy nghiệm thức T100 có hiệu quả kinh tế cao hơn so với các nghiệm thức khác. Tóm lại, hỗn hợp thảo dược được bổ sung ở mức 1,0% trong khẩu phần có tác dụng cải thiện năng suất tổng thể của đàn gà.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-006

88339. 11-2023 **Xác định tác nhân và thử nghiệm chủng xạ khuẩn có khả năng phòng trị bệnh loét thân, thối gốc, chảy nhựa cây mít Thái (*Artocarpus heterophyllus* Lam).**/ TS. Nguyễn Phú Dũng, ThS. Võ Thị Hương Dương; ThS. Văng Thị Tuyết Loan - An Giang - Trường đại học An Giang, 2022; 11/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định tác nhân và khả năng phòng trị của chủng vi xạ khuẩn đối kháng đối với bệnh nứt thân chảy nhựa trên cây Mít Thái (*Artocarpus heterophyllus* Lam.). Kết quả cho thấy, các chủng xạ khuẩn phân lập và nguồn *Streptomyces violascens* không thể hiện đối kháng với chủng nấm và khuẩn gây bệnh. Kết quả định danh được tác nhân gây bệnh nấm *Phytophthora palmivora*, vi khuẩn *Pseudomonas aeruginosa* và lựa chọn được chủng khuẩn đối

kháng *Bacillus amyloliquefaciens* trên cây mít ở Châu Đốc và Châu Phú, tỉnh An Giang cho hiệu quả đối kháng tốt nhất dựa vào trình tự gen vùng 16S rRNA trên GenBank với độ tương đồng lần lượt tương ứng 100%; 99,78 – 99,86% và 99,79 – 99,93%.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-008

88354. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình cánh đồng lớn theo phương châm 4H/** TS. Nguyễn Công Thành, ThS. Bùi Đình Đường; TS. Dương Văn Hây; ThS. Phan Đức Huy Nhã; ThS. Đỗ Trọng Nhân; CN. Nguyễn An Vil; ThS. Nguyễn Trọng Trung; ThS. Lê Thanh Bình; KS. Hồ Thị Lưu Ly; TS. Trần Thị Ngọc Bích - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu và Phát triển nông nghiệp hữu cơ Á Châu, 2022; 09/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng mô hình cánh đồng lớn theo phương châm 4 H, nhằm xây dựng cánh đồng mẫu lớn 100 ha canh tác lúa áp dụng quy trình sản xuất hữu cơ. Xây dựng ý thức, trách nhiệm đối với sức khỏe của cộng đồng và môi trường của mỗi người nông dân tham gia đề tài và đã được tổ chức đánh giá độc lập ControlUnion công nhận đạt các tiêu chuẩn hữu cơ quốc tế EU, USDA và JAS. Thông qua kết quả nghiên cứu, đề tài đã đề xuất định hướng các giải pháp phát triển nhân rộng mô hình sản xuất lúa hữu cơ theo phương châm 4 H trong tương lai. Qua đề tài đã đăng 04 bài báo được xuất bản trên các Tạp chí có uy tín quốc tế.

Vượt 02 bài của kế hoạch đề ra. Thực hiện đề tài đã đào tạo được 04 cán bộ kỹ thuật sau Đại học vượt yêu cầu kế hoạch đề ra (03 người).

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-003

88592. 11-2023 **Cải thiện chuỗi giá trị sản phẩm Lúa, Chôm chôm và cam Sành tại huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long/** TS. Lê Quốc Điền; KS. Huỳnh Văn Tấn; KS. Nguyễn Văn Hà; ThS. Đỗ Hồng Tuấn; KS. Phạm Tấn Hảo; KS. Nguyễn Phước Sang; TS. Huỳnh Ngọc Hải; KS. Huỳnh Văn Tám; KS. Nguyễn Văn Danh; KS. Nguyễn Văn Bình; TS. Đoàn Hữu Tiên - Vĩnh Long - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2023; 01/2018 - 10/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Phân tích được thực trạng và xác định trở ngại chính yếu trong chuỗi giá trị sản phẩm lúa, chôm chôm, cam sành tại huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long. Đề xuất giải pháp cải thiện chuỗi giá trị sản phẩm lúa, chôm chôm, cam sành tại huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long. Xây dựng 3 mô hình thí điểm chuỗi giá trị cho lúa, chôm chôm và cam sành tại huyện Trà Ôn tỉnh Vĩnh Long.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI005.2023-0000281

88594. 11-2023 **Nghiên cứu chọn tạo giống và hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh một số cây ăn quả chủ lực (chuối, xoài, sầu riêng, nhãn) phục vụ nội tiêu và xuất khẩu cho các tỉnh Nam Bộ/** TS. Trần Thị Oanh Yến, ThS. Nguyễn Nhật Trường; TS. Nguyễn

Văn Hòa; TS. Võ Hữu Thoại; TS. Lê Quốc Điền; TS. Nguyễn Văn Phong; TS. Trần Thị Mỹ Hạnh; TS. Mai Văn Trị; ThS. Đào Thị Bé Bảy; TS. Đoàn Hữu Tiến - Tiền Giang - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2023; 05/2017 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá các vùng trồng thích hợp cho sản xuất hàng hóa chuối, xoài, sầu riêng ở các tỉnh Nam Bộ (vùng truyền thống, vùng mới tiềm năng). Quy trình kỹ thuật thâm canh tổng hợp cho 04 loại cây trồng (quy trình cho mỗi cây gồm: giống, các vùng trồng ở phía Nam, xử lý đất, phân bón hữu cơ/vô cơ, tưới nước, bao quả, cơ giới hóa trong sản xuất, phòng trừ một số đối tượng sâu bệnh gây hại chính...) bảo đảm năng suất tăng  $\geq 10\%$  so với sản xuất đại trà, chất lượng quả đạt tiêu chuẩn xuất khẩu hoặc tiêu thụ trong nước. Quy trình được Cục Trồng trọt ban hành, 12 Mô hình thử nghiệm trình diễn giống, gói kỹ thuật, tổng diện tích mô hình 20 ha, năng suất cao. Xác định được các cây giống, vườn giống (tại điểm nghiên cứu bộ giống) đủ điều kiện đề cung cấp cây con, mắt ghép của các giống được tuyển chọn.

Số hồ sơ lưu: 22635

89177. 11-2023 **Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật sản xuất rau cần nước đạt chuẩn VietGAP tại xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai/** KS. Lê Thị Chung, TS. Nguyễn Duy Năng Trần Thị Liên; Vũ Mạnh Hà; Võ Thuý Quỳnh; Lê Thị Ánh; Lê Thị Vân; Đỗ Văn Quỳ; Trịnh Việt Nga; Hoàng Văn Hiệu; Âu Thị Ngọc Ánh; Trần

Minh Thịnh; Lê Thị Quỳnh Như - Đồng Nai - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển bền vững, 2023; 05/2020 - 08/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Sản xuất rau cần nước được chứng nhận VietGAP và liên kết tiêu thụ sản phẩm cho nhà vườn ở xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Đánh giá được hiện trạng sản xuất rau cần nước ở xã Gia Kiệm so sánh với các tiêu chí của VietGAP, từ đó đưa ra giải pháp khắc phục các điểm chưa phù hợp; Hoàn thiện quy trình kỹ thuật canh tác rau cần nước ở xã Gia Kiệm nhằm tăng năng suất, chất lượng và đạt yêu cầu VietGAP. Chuyển giao kỹ thuật thông qua tập huấn, hội thảo; Xây dựng mô hình sản xuất rau cần nước đạt chuẩn VietGAP với quy mô 6,6 ha được cấp giấy chứng nhận VietGAP, năng suất tăng  $\geq 10\%$ ; hiệu quả kinh tế tăng  $\geq 10\%$ . Xây dựng nhãn hiệu tập thể “Rau cần nước Gia Kiệm”; Xây dựng mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm rau cần nước thông qua hợp đồng được ký kết.

Số hồ sơ lưu: DNI-2023-04

89190. 11-2023 **Xây dựng mô hình nuôi trồng nấm mối đen (*Xerula radicata*) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk/** ThS. Ngô Thị Xuân (Chủ nhiệm đề tài); KS. Mai Xuân Hai (Thư ký); ThS. Lê Thị Loan; KS. Nguyễn Thị Thủy; CN. Bùi Phương Nam; KS. Cao Thị Phúc; KS. Phạm Thị Minh Duy; CN, Nguyễn Thị An. - Đắk Lắk - Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây



dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, 2023; 12/2021 - 01/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội và sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong phòng, chống BLHĐ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp nhằm nâng cao sự phối hợp vai trò gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phòng, chống BLHĐ trên địa bàn tỉnh trong thời gian sắp tới. Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phòng, chống BLHĐ. Làm rõ thực trạng về vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội và sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong phòng, chống BLHĐ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đề xuất quan điểm, giải pháp nâng cao sự phối hợp giữa vai trò gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phòng, chống BLHĐ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Xây dựng mô hình giả thuyết về sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phòng, chống BLHĐ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Xây dựng tài liệu tuyên truyền về phòng, chống BLHĐ.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-017

89193. 11-2023 “**Nghiên cứu giải pháp và áp dụng công nghệ thu, trữ nước ngầm tầng nông kết hợp bơm sử dụng năng lượng tái tạo để cấp nước tưới cho cây công nghiệp của tỉnh Đắk Lắk trong điều kiện biến đổi khí hậu**”/ PGS.TS. Hoàng Ngọc Tuấn (Chủ nhiệm nhiệm vụ); ThS. Nguyễn

Ngọc Vinh (Thư ký); TS. Đặng Đình Doan; ThS. Nguyễn Văn Lục; ThS. Đoàn Tiến Đạt; ThS. Đặng Thị Nga; CN. Nguyễn Văn Hết; KS. Võ Thị Tuyết; KS. Lê Văn Tuấn; KS. Nguyễn Thúy Hằng; KS. Bạch Hồng Nam; ThS. Lê Thị Sương. - Đắk Lắk - Viện Khoa học Thủy lợi miền Trung và Tây Nguyên, 2023; 01/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tổng quan kết quả nghiên cứu về công nghệ thu, trữ nước ngầm tầng nông, bơm Va và năng lượng mặt trời phục vụ sản xuất trên thế giới, ở Việt Nam cũng như địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đánh giá hiện trạng tưới và xác định được nhu cầu cấp nước tưới cho cây công nghiệp tại các vùng thường xuyên bị hạn năm ngoài hệ thống công trình thủy lợi. Đề xuất được giải pháp và tích hợp công nghệ thu, trữ nước ngầm tầng nông kết hợp bơm sử dụng năng lượng tái tạo để cấp nước tưới cho cây công nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể của từng khu vực, tập trung cho những vùng khó khăn ngoài khu tưới của công trình thủy lợi và thường xuyên bị hạn hán của tỉnh Đắk Lắk trong điều kiện biến đổi khí hậu.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-018

89237. 11-2023 **Nghiên cứu và phát triển giống lúa mùa nổi trong hệ thống canh tác lúa cá cho vùng ngập lũ tỉnh Đồng Tháp.**/ TS. Nguyễn Thúy Kiều Tiên; TS. Trần Đình Giỏi; ThS. Trần Thu Thảo; ThS. Phạm Công Trứ; TS. Trịnh Quang Khương; ThS. Trần Anh

Thái; ThS. Nguyễn Văn Hiếu; KS. Dương Phú Xuân; ThS. Phạm Hoàng Phi - Viện Lúa Đồng bằng sông Cửu Long - Viện Lúa Đồng bằng Sông Cửu Long, 2019; 09/2018 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hiện nay các giống lúa mùa nổi được thay thế dần bằng các giống lúa cao sản do nhu cầu gia tăng sản lượng lương thực cũng như hiệu quả kinh tế nhưng đổi lại là đã làm cạn kiệt nguồn gen quý của các giống lúa mùa nổi và mất đi vẻ đẹp hoang sơ của những cánh đồng lúa nổi mùa nước lũ. Với chiến lược sống chung với lũ, những vùng đất thường xuyên bị ngập sâu thuộc các huyện Thanh Bình, Hồng Ngự và Tam Nông của tỉnh Đồng Tháp hoàn toàn có thể phát triển diện tích lúa mùa nổi kết hợp với nuôi trồng thủy sản như cá, tôm càng xanh. Đây cũng là một hướng nghiên cứu thuận lợi cho việc khôi phục và bảo tồn nguồn gen các giống lúa mùa nổi và trở lại hệ thống canh tác lúa tự nhiên không cần bón phân, thuốc bảo vệ thực vật, đồng thời khôi phục lại hệ sinh thái nông nghiệp tự nhiên, không hóa chất qua đó cũng sẽ phục hồi lại nguồn tài nguyên thủy sản tự nhiên thân thiện với môi trường.

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-009

**89277. 11-2023 Nghiên cứu và phát triển vùng sản xuất dược liệu Hoài Sơn (củ mài) tại huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng theo chuỗi giá trị sản phẩm./** TS. Nguyễn Minh Tuấn, Đặng Thị Tố Nga; Ngô Thị Ánh Ngọc; Nguyễn Văn Hồng; Đỗ Hoàng

Chung; Phạm Thị Thu Huyền; Hứa Thị Toàn; Nguyễn Ngọc Lan; Lục Văn Kỳ - Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên - Trường Đại học Nông lâm, Đại học Thái Nguyên, 2023; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng sản xuất và lựa chọn đất đai địa điểm trồng thích hợp cho cây Hoài sơn. Xây dựng mô hình theo dõi, đánh giá cây dược liệu Hoài Sơn theo chuỗi giá trị sản phẩm, quy mô 0,3ha tại xã Vũ Minh, huyện Nguyên Bình. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc thu hái dược liệu Hoài sơn tại xã Vũ Minh huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.

Nội dung 4: Tổ chức tập huấn chuyển giao kỹ thuật và tổ chức hội nghị đầu bờ.

Số hồ sơ lưu: 12

**89280. 11-2023 Nghiên cứu kỹ thuật nhân giống và phát triển cây tam thất tại huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng/** ThS. Nông Thị Nga., Nông Mạnh Hùng; Lê Thao Giang; Nông Minh Huế - Hội Nông dân huyện Hà Quảng - Hội Nông dân huyện Hà Quảng, 2022; 02/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra thu thập mẫu giống cây tam thất tại các xã trên địa bàn huyện thông nông. Hoàn thiện xây dựng quy trình kỹ thuật nhân giống cây tam thất bằng hạt. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng cây tam thất. Xây dựng mô hình trồng cây Tam thất tại huyện Thông Nông, tỉnh Cao

Bằng theo hướng tiêu chuẩn “Thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc”(GACP-WHO). Thu hoạch, sơ chế, bảo quản theo hướng tiêu chuẩn « thực hành tốt trồng trọt và thu hái cây thuốc » (GACP-WHO) và xác định hàm lượng hợp chất saponins trong củ Tam thất được trồng tại mô hình. Tập huấn chuyên gia quy trình kỹ thuật nhân giống và quy trình kỹ thuật trồng cây Tam thất cho địa phương.

Số hồ sơ lưu: 13

89370. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình sản xuất hoa Cát tường, Lily lùn tại Hải Phòng/ TS.** Bùi Thanh Tùng, ThS. Vũ Đức Dũng; ThS. Lê Thùy Dương; ThS. Bùi Cảnh Đức; ThS. Vũ Thị Chuyên; KS. Trịnh Thị Tươi; ThS. Trần Thu Nga; CN. Lương Thị Hồng Lệ; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Trang; KS. Đặng Văn Tâm; KS. Đào Mạnh Hùng; ThS. Dương Thị Lâm; ThS. Hà Tân; KS. Phạm Văn Quyết; KS. Nguyễn Công Nguyên; KS. Vũ Thành Lâm; KS. Cao Minh Tuấn; ThS. Phạm Thị Hoa - Hải Phòng - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hải Phòng, 2023; 09/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết có liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc hoa cát tường, lily lùn. Dự thảo mô hình sản xuất hoa thương phẩm cát tường, lily lùn. Thực nghiệm mô hình sản xuất hoa thương phẩm cát tường, lily lùn. Hoàn thiện mô hình

sản xuất hoa thương phẩm cát tường, lily lùn. Đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật mô hình sản xuất hoa thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.027

89377. 11-2023 **Hỗ trợ quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu tập thể “Liên Khê” cho sản phẩm quả na, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng/ TS.** Phạm Công Nghiệp, KS. Nguyễn Thị Diệu Linh; ThS. Lê Thủy Ngân; CN. Nguyễn Thanh Nga; KS. Lê Tiến Vỹ; CN. Nguyễn Minh Trí; CN. Đào Thị Hương; Đỗ Đức Chung; Nguyễn Thị Nhung; Lê Văn Khôi; Nguyễn Văn Hùng; Nguyễn Huy Chuân - Hải Phòng - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2023; 12/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và quản lý, sử dụng nhãn hiệu tập thể “Liên Khê”. Xây dựng và vận hành mô hình quản lý, khai thác và phát triển nhãn hiệu tập thể “Liên Khê” cho sản phẩm quả na, xã Liên Khê, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Phát triển thị trường cho sản phẩm quả na xã Liên Khê mang nhãn hiệu tập thể. Tăng cường, nâng cao năng lực cho các tác nhân tham gia mô hình.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.033

89544. 11-2023 **Ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng chuỗi giá trị các sản phẩm từ cá lóc đầu Nhím (Channa sp.) tại tỉnh Thái Nguyên/ TS.** Lê Minh Châu;

KS. Nguyễn Văn Tùng; TS. Bùi Ngọc Sơn; TS. Trần Văn Thăng; TS. Đặng Thị Mai Lan; TS. Nguyễn Thu Trang; KS. Hoàng Đức Luân; TS. Vũ Thị Hạnh; TS. Hồ Thị Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Hường - Thái Nguyên - Trung tâm Đào tạo, Nghiên cứu và Phát triển thủy sản - Trường Đại học Nông lâm, 2022; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng chuỗi giá trị các sản phẩm từ cá lóc đầu Nhím trong ao đất và trong bể tại Thái Nguyên góp phần khai thác có hiệu quả tiềm năng mặt nước, tăng thu nhập từ nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ thủy sản, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-17

89641. 11-2023 **Nghiên cứu quy trình sản xuất ống hút từ cây cỏ Lác ở Trường trung học cơ sở thị trấn Chợ Vàm, huyện Phú Tân, An Giang**/ CN. Nguyễn Hữu Chí, CN. Nguyễn Thị Nhan; CN. Trần Thị Thanh Tuyền - An Giang - Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật - UBND huyện Phú Tân, 2022; 11/2021 - 10/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu quy trình sản xuất ống hút từ cây cỏ Lác (cây Thủy trúc) trong nhà trường nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy và là tiền đề định hướng các em học sinh khởi nghiệp, sáng tạo. Học sinh nắm được quy trình sản xuất ống hút từ cây cỏ Lác và tạo ra được sản phẩm ống hút làm từ cây cỏ Lác hoàn thiện. Việc thực hiện

quy trình sản xuất nhỏ trong nhà trường, giúp cho các phẩm chất và năng lực của HS được phát triển một cách tối đa. Nhiều HS đã tin hơn trong giao tiếp và xử lý công việc được giao. HS được định hướng nghề nghiệp có thể lựa chọn được nghề nghiệp phù hợp trong tương lai, tạo ra nhiều lợi ích cho cuộc sống, giúp nền kinh tế nước nhà phát triển ngày một tốt hơn.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-009

89649. 11-2023 **Nghiên cứu chất lượng cuộc sống người khuyết tật hệ vận động tại thị xã Tân Châu, An Giang.**/ BS. Dương Văn Bình, BS. Nguyễn Hồng Hạnh; BS. Trần Thị Thoại Nhi; BS. Ngô Ngọc Trường Vỹ; BS. Trần Duy Khánh; BS. Dương Lê Hiền Thục; KS. Nguyễn Văn Toàn; BS. Nguyễn Trọng Nhân; BS. Nguyễn Thành Đức; BS. Nguyễn Huỳnh Như - An Giang - Trung tâm y tế thị xã Tân Châu, 2023; 11/2021 - 01/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Mô tả thực trạng người khuyết tật vận động tại thị xã Tân Châu. Mô tả đặt điểm và nhu cầu hỗ trợ của người khuyết tật hệ vận động tại thị xã Tân Châu, An Giang. Đánh giá chất lượng cuộc sống của người khuyết tật vận động tại thị xã Tân Châu, An Giang. Xác định các yếu tố liên quan: gia đình, kinh tế, văn hóa xã hội, thể dục thể thao, Y tế, tâm lý,... Đề xuất giải pháp duy trì và nâng cao chất lượng cuộc sống người khuyết tật hệ vận động tại thị xã Tân Châu, An Giang.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-013

89658. 11-2023 **Nghiên cứu thử nghiệm hoạt chất Kali silicate và Nano silica lên sinh trưởng, năng suất, phẩm chất và phòng trị bệnh phấn trắng cây dưa leo (*Cucumis sativus* L.) tại tỉnh An Giang/** ThS. Võ Thị Xuân Tuyền, ThS. Văng Thị Tuyết Loan; TS. Nguyễn Duy Tân - An Giang - Trường đại học An Giang, 2023; 01/2022 - 03/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Bệnh phấn trắng trên cây dưa leo trồng ở An Giang là một trong những bệnh hại quan trọng làm giảm năng suất, tăng chi phí do nông dân phải sử dụng nhiều loại thuốc hóa học để phòng trị bệnh và không an toàn cho người sử dụng. Do đó nghiên cứu về tác dụng của Silic cung cấp qua lá ở dạng Kali silicate (50, 100, 150 & 300 mg/L) và Nano silica (30, 60, 120 & 240 mg/L) được tiến hành ở phòng thí nghiệm, nhà lưới và ngoài đồng ruộng để đánh giá ảnh hưởng của Silic lên khả năng phòng trị bệnh phấn trắng, năng suất và phẩm chất dưa leo. Kết quả thí nghiệm ghi nhận tác nhân gây bệnh phấn trắng trên dưa leo tại An Giang là loài do nấm *Podosphaera xanthii*.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-014

89667. 11-2023 **Xác định giá trị khoa học của các loài nấm dược liệu thuộc họ Linh chi (*Ganodermataceae*) ở tỉnh Đắk Lắk và phát triển thành sản phẩm thương mại/** PGS.TS Nguyễn Phương Đại Nguyên(chủ nhiệm

nhiệm vụ); ThS. Nguyễn Hữu Kiên (Thư ký); TS. Nguyễn Phi Hùng; TS. Tô Đạo Cường; ThS. Phạm Thị Huyền Thoa; ThS. Trần Thị Kim Thi; ThS. Trần Thị Thanh Thảo; ThS. Nguyễn Thị Thủy; TS. Trần Thị Thu Hiền; ThS. Vũ Thị Hà; ThS. Ngô Thị Ngọc Yến; KS. Lê Thụy Vân Nhi; CN. Võ Thị Thu Nguyệt. - Đắk Lắk - Trường Đại học Tây Nguyên, 2023; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định giá trị khoa học của họ nấm linh chi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và phát triển thương mại hóa một số sản phẩm từ nấm linh chi. Lập bộ Cơ sở dữ liệu về các loài nấm dược liệu thuộc họ Nấm Linh chi ở khu vực tỉnh Đắk Lắk. Sàng lọc hoạt tính sinh học của 5-7 loài nấm thu được tại tỉnh Đắk Lắk. Xây dựng quy trình nhân giống và nuôi trồng một loài Nấm Linh chi (*Ganoderma* sp.) có giá trị kinh tế cao của tỉnh Đắk Lắk. Lập mô hình nuôi trồng Nấm Linh chi (*Ganoderma* sp.) của tỉnh Đắk Lắk tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Xây dựng được quy trình nhân giống và nuôi trồng một số loài Nấm Linh chi (*Ganoderma lucidum*) tiềm năng để làm nguyên liệu sản xuất chế phẩm. Xây dựng được quy trình công nghệ tạo chế phẩm chứa các hoạt chất sinh học cao từ nấm Linh chi Đắk Lắk. Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm cao Linh chi, sản phẩm rượu Linh chi. Nghiên cứu sản xuất được 03 sản phẩm thương mại từ Nấm Linh chi: Cao uống liền Linh chi, Nấm

Linh chi, Rượu Linh chi đảm bảo theo quy định ATTP hiện hành.

Số hồ sơ lưu: ĐL40-2023-019

#### **40101. Nông hoá**

88931. 11-2023 **Nghiên cứu thực trạng độ phì nhiêu và giải pháp sử dụng hợp lý đất xám bạc màu vùng Đông Nam Bộ/** TS. Nguyễn Văn Đạo, TS. Vũ Mạnh Quyết; TS. Nguyễn Quang Hải; ThS. Bùi Bích Lương; ThS. Lê Thị Mỹ Hào; ThS. Phạm Đức Thụy; ThS. Nguyễn Toàn Thắng; KS. Nguyễn Thị Thúy Nga; ThS. Đỗ Thị Thanh Trúc; TS. Trần Công Khanh - Hà Nội - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng độ phì nhiêu của đất xám bạc màu vùng Đông Nam Bộ. Xác định các yếu tố hạn chế của đất xám bạc màu đối với một số cây trồng chủ lực vùng Đông Nam Bộ. Đề xuất cơ cấu cây trồng phù hợp với thực trạng chất lượng đất xám bạc màu cho từng tiểu vùng thuộc vùng Đông Nam Bộ. Đề xuất giải pháp kỹ thuật nhằm cải thiện chất lượng đất xám bạc màu phục vụ sản xuất các cây trồng chủ lực của vùng Đông Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 22672

#### **40102. Thổ nhưỡng học**

89002. 11-2023 **Nghiên cứu đánh giá khả năng hấp phụ photpho và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu lực phân lân trong canh tác lúa vùng Đồng bằng sông Hồng/** TS. Đào Minh Trường, PGS.TS. Lưu Thế Anh; TS. Trần Thị Tuyết

Thu; TS. Nguyễn Thị Thủy - Hà Nội - Viện Tài nguyên và Môi trường, 2022; 06/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định các dạng tồn tại và mức độ hấp phụ của photpho trong đất trồng lúa vùng Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH). Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực phân lân trong canh tác lúa vùng ĐBSH. Thu thập dữ liệu bản đồ đất vùng ĐBSH tỷ lệ 1/250.000 và ảnh vệ tinh Landsat, Sentinel-2 vùng ĐBSH; Thu thập và kế thừa các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực và phạm vi nghiên cứu của đề tài. Thu thập các số liệu và thông tin về tình hình trồng lúa và sử dụng phân bón, các loại phân lân hay sử dụng trong canh tác lúa của các địa phương trong vùng ĐBSH. Thu thập các tài liệu, kết quả nghiên cứu đã có về các vấn đề liên quan đến đề tài từ các sách, bài báo trong và ngoài nước. Tổng hợp và xử lý cơ sở dữ liệu bằng các công cụ và phần mềm chuyên dụng như SPSS, Excel, XLStat, ArcGIS, ENVI, ERDAS IMAGINE,... phục vụ thực hiện các nội dung nghiên cứu của đề tài.

Số hồ sơ lưu: 22214

89073. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất phương án định cư ổn định lâu dài và giải pháp sử dụng đất hợp lý tại các vùng có nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu tỉnh Hòa Bình/** TS. Nguyễn Quang Dũng, TS. PCN. Vũ Xuân Thanh TS. Vũ Xuân Thanh (Phó chủ nhiệm); ThS. Đặng Thị Thu Lan; PGS.TS. Lê Thái Bạt; PGS.TS.

Nguyễn Văn Vượng; TS. Nguyễn Văn Thung; ThS. Cao Phương Nhung; ThS. Đỗ Minh Phương; ThS. Nguyễn Hồng Trường; PGS.TS. Cao Việt Hà; PGS.TS. Trần Thị Diệu Oanh; TS. Thiều Thị Thu Hương; KTS. Nguyễn Quốc Hoàng; TS. Lương Thị Thu Hoài; ThS. Phạm Thế Tuyên; ThS. Nguyễn Thị Thu Nam; ThS. Trần Đình Thắng; KS. Trần Bảo Nam; TS. Phạm Nguyễn Hà Vũ - Hòa Bình - Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, 2023; 09/2019 - 02/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá về độ tin cậy, tính thời sự của thông tin. Hiệu chỉnh thông tin: Với bản đồ, hiệu chỉnh các sai khác hình học, hệ chiếu và quy chuẩn về tỷ lệ cần sử dụng. Xác định hệ số hiệu chỉnh giữa số liệu thống kê với số liệu tổng hợp từ bản đồ. Xác định những thông tin còn thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu để điều tra bổ sung. Xác định phương án định cư ổn định, lâu dài giúp nâng cao hiệu quả đầu tư của nhà nước; đề xuất các giải pháp sử dụng đất hợp lý phục vụ phát triển kinh tế xã hội, góp phần đảm bảo và ổn định đời sống cho người dân tại các vùng có nguy cơ ảnh hưởng của thiên tai (sạt lở đất và lũ quét), biến đổi khí hậu gây ra tại tỉnh Hòa Bình.

Số hồ sơ lưu: 22700

### **40103. Cây lương thực và cây thực phẩm**

87914. 11-2023 Nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật chiếu xạ gamma, nguồn Co-60 có hoạt độ 236 Ci, trong tạo nguồn vật liệu

**khởi đầu cho chọn tạo giống lúa/** ThS. Đoàn Văn Sơn, ThS. Nguyễn Thị Huệ; TS. Võ Thị Minh Tuyên; KS. Hoàng Minh Trang; KS. Nguyễn Thị Hảo; ThS. Đoàn Thị Minh Thúy; ThS. Nguyễn Thị Hồng - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu và xác định liều lượng chiếu xạ thích hợp khi sử dụng máy chiếu xạ Gamma caell trong chọn tạo vật liệu lúa; Đánh giá các dòng các dòng đột biến ở thế hệ M4, M5, M6 thu nhận được, chọn lọc các dòng đột biến có biểu hiện kiểu hình của 1 trong những đặc tính về năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu sâu bệnh hại chính (bạc lá, đạo ôn, rầy nâu) và điều kiện bất thuận (hạn, mặn, đổ ngã...) khác biệt so với giống gốc. Chiếu xạ liều 200Gy và 250Gy vào hạt ứớt ở thời điểm 66h hoặc chiếu xạ liều 300 và 350Gy vào hạt lúa khô cho tần số biến dị cao hơn với nhiều đột biến có ý nghĩa chọn giống hơn so với các liều xạ và thời điểm khác. Chọn lọc và đánh giá qua các thế hệ, từ 105 cá thể xuất hiện biến dị có ý nghĩa chọn giống ở thế hệ M2, đã thu được 95 cá thể đột biến ở thế hệ M3, thế hệ M4 đã chọn lọc được 82 dòng đột biến.

Số hồ sơ lưu: 22209

87935. 11-2023 Nghiên cứu phương pháp lai nhiều bố mẹ (MAGIC - Multi-parent advanced generation intercross) phục vụ mục tiêu chọn giống lúa chất lượng cao mang đa gen kháng sâu

**bệnh, điều kiện bất thuận tại Việt Nam/** ThS. Lưu Thị Thúy, ThS. Vũ Thị Nhung; ThS. Phạm Văn Tính; KS. Trần Thanh Mai; KS. Nguyễn Đức Trung; ThS. Nguyễn Quang Vụ; TS. Phạm Thiên Thành; TS. Nguyễn Văn Khởi - Hải Dương - Viện cây lương thực và cây thực phẩm, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Bước đầu áp dụng phương pháp lai nhiều bố mẹ (MAGIC - Multi - parent advanced generation intercross) phục vụ mục tiêu chọn giống lúa chất lượng cao mang đa gen kháng bệnh, điều kiện bất thuận tại Việt Nam. Tạo được 1 dòng trung gian có các đặc điểm nông sinh học phù hợp với điều kiện canh tác lúa tạo Việt Nam và tích hợp được ít nhất 02 tính kháng với sâu bệnh hại chính, điều kiện bất thuận. Bổ sung thêm các dòng, giống lúa mới thông qua quá trình thu thập thực tế ngoài sản xuất, các giống địa phương trong nước và nhóm giống nhập nội thông qua quá trình hợp tác, trao đổi nguồn gen.

Số hồ sơ lưu: 22203

**88323. 11-2023 Nghiên cứu khai thác và phát triển hai giống dong riêng đỏ Nguyên Bình và Na Rì cho một số tỉnh miền núi phía Bắc/** ThS. Lê Thị Loan, TS. Hoàng Thị Nga; ThS. Nguyễn Thị Bích Thủy; KS. Nguyễn Thị Hương; TS. Vũ Đăng Toàn; ThS. Nguyễn Văn Kiên; KS. Phạm Thị Thùy Dương; ThS. Nguyễn Thị Quyên; ThS. Phạm Ngọc Thịnh; KS. Đinh Văn Duyệt - Hà Nội - Trung tâm Tài nguyên

Thực vật, 2022; 03/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra thông tin, đánh giá bổ sung đặc điểm nông sinh học của 02 giống dong riêng đỏ Nguyên Bình và dong riêng đỏ Na Rì. Nghiên cứu, xây dựng quy trình phục tráng 02 giống trên và xây dựng quy trình kỹ thuật canh tác cho 02 giống dong riêng đỏ sau phục tráng. Tiến hành xây dựng mô hình sản xuất hàng hoá cho giống dong riêng đỏ Nguyên Bình trên quy mô 10 ha tại Cao Bằng và xây dựng mô hình sản xuất hàng hoá cho giống dong riêng đỏ Na Rì trên quy mô 10 ha tại Bắc Kạn.

Số hồ sơ lưu: 22576

**88353. 11-2023 Xây dựng mô hình chế biến một số sản phẩm trà xanh chất lượng cao từ cây sen nhằm đa dạng hóa các sản phẩm trà của tỉnh Phú Thọ./** KS. Nguyễn Thị Bích Ngọc, Th.S. Đỗ Thị Kim Ngọc; ThS. Phạm Thanh Bình; TS. Cao Ngọc Phú; KS. Lê Trung Hiếu; ThS. Nguyễn Lê Đạo; ThS. Cao Hoàng ; KS. Nguyễn Thị Thùy Linh ; KS. Nguyễn Văn Bảo - Phú Thọ - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2023; 03/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, đánh giá bổ sung thông tin phục vụ việc triển khai thực hiện dự án. Hoàn thiện các quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm trà sen chất lượng cao. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất trà lá sen dạng viên. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất trà ướp hoa sen sấy nguyên bông. Hoàn thiện quy



trình công nghệ sản xuất trà ướp hoa sen. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho các sản phẩm trà sen chất lượng cao. Xây dựng mô hình chế biến các sản phẩm trà sen chất lượng cao. Đào tạo, tập huấn và thông tin tuyên truyền kết quả dự án: Đào tạo, tập huấn. Tổ chức hội thảo khoa học. Tuyên truyền, phổ biến kết quả dự án.

Số hồ sơ lưu: PTO - 2023 - 06

88739. 11-2023 **Nghiên cứu chọn tạo giống đậu xanh và vùng năng suất cao cho các tỉnh phía Nam/** TS. Hồ Huy Cường, ThS. Trương Thị Thuận; ThS. Đỗ Thị Xuân Thùy; KS. Đặng Thị Thu Trang; ThS. Phan Trần Việt; KS. Bùi Ngọc Thao; ThS. Mạc Khánh Trang; ThS. Nguyễn Văn Chương; ThS. Bùi Quang Định; TS. Nguyễn Ngọc Quát - Bình Định - Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Duyên hải Nam trung bộ, 2023; 01/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn tạo giống đậu xanh có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất từ 2,0 - 2,5 tấn/ha, kháng trung bình với bệnh khảm vàng (MYMD), phù hợp để canh tác theo phương thức cơ giới hóa, thích hợp với các tỉnh phía Nam và giống vùng có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất từ 1,5 - 2,0 tấn/ha, hàm lượng dầu trên 53%, nhiễm trung bình với bệnh đốm lá (CLS), phù hợp để canh tác theo phương thức cơ giới hóa, thích hợp với các tỉnh phía Nam. Xây dựng quy trình canh tác cho giống đậu xanh và vùng mới chọn tạo, năng suất đạt từ 2,0 tấn/ha trở lên đối với

cây đậu xanh và 1,5 tấn trở lên đối với cây vùng và thích hợp với các tỉnh phía Nam. Xây dựng mô hình trình diễn giống và quy trình canh tác mới đối với cây đậu xanh và vùng, năng suất đạt từ 2,0 tấn/ha trở lên đối với cây đậu xanh và 1,5 tấn trở lên đối với cây vùng, hàm lượng dầu trên 53% đối với cây vùng và hiệu quả kinh tế cao hơn 15% so với canh tác truyền thống.

Số hồ sơ lưu: 22645

89029. 11-2023 **Ứng dụng nhân rộng mô hình quản lý tổng hợp rầy nâu, bệnh vàng lùn – lùn xoắn lá hại lúa tại huyện Cát Tiên/** KS. Phạm Bá Bình, KS. Nguyễn Cát Tiên; CN. Trần Văn Tiêu; CN. Nguyễn Thị Chiến - Cát Tiên, Lâm Đồng - Trung tâm Nông nghiệp huyện Cát Tiên, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Cát Tiên là huyện nằm ở phía Tây Nam của tỉnh Lâm Đồng, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trong đó cây lúa là một trong hai loại cây trồng có diện tích lớn nhất, những năm gần đây hệ thống thủy lợi, đường sá nội đồng không ngừng được đầu tư, đó là những thuận lợi cơ bản của việc phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa. Với địa hình nằm tiếp giáp với huyện Đạ Tẻh là vùng trọng điểm của cây lúa ở tỉnh Lâm Đồng, cũng là địa phương thường xuyên xảy ra dịch rầy nâu hại lúa trong những năm qua nên nguy cơ lây lan gây hại trên địa bàn huyện là rất lớn. Được sự chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện cùng với sự phối hợp của các cấp, các

ngành trong việc ứng dụng khoa học kỹ thuật phòng trừ rầy nâu và bệnh vàng lùn-lùn xoắn lá hại lúa nhằm bảo vệ năng suất và chất lượng lúa nâng cao hiệu quả sản xuất, phục vụ cho thương hiệu “Lúa - Gạo Cát Tiên” góp phần phát triển kinh tế của địa phương.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-010

89066. 11-2023 **Quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Gạo Diên Sanh” theo hướng sản xuất hữu cơ/ CN.** Thái Thị Nga, CN. Nguyễn Thiện Phúc; CN. Phạm Thị Thái Linh; KS. Trần Thanh Vinh; KS. Nguyễn Tư; KS. Phan Khắc Hương - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị, 2021; 10/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát, điều tra vùng trồng lúa để thiết lập cơ chế bảo hộ, quản lý và khai thác nhãn hiệu chứng nhận “Gạo Diên Sanh”. Xác định những tiêu chí, đặc tính cần chứng nhận của sản phẩm gạo chất lượng cao mang nhãn hiệu chứng nhận “Gạo Diên Sanh”. Thiết lập hệ thống tổ chức, hệ thống các phương tiện, điều kiện để quản lý và khai thác giá trị nhãn hiệu chứng nhận “Gạo Diên Sanh”; Xây dựng phương án quảng bá và tiếp cận thị trường nhằm nâng cao giá trị gạo vùng Diên Sanh huyện Hải Lăng.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_87.2022

#### **40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả**

58381. 11-2023 **Tạo lập, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng**

**nhận “Rau an toàn Quảng Yên” cho sản phẩm rau của thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh/ KS.** Dur Văn Châu, - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2015; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tạo lập và quản lý nhãn hiệu chứng nhận “Rau an toàn Quảng Yên”. Quy hoạch và phát triển sản xuất rau an toàn Quảng Yên mang nhãn hiệu chứng nhận. Phát triển thị trường và quảng bá sản phẩm “Rau an toàn Quảng Yên” mang nhãn hiệu chứng nhận. Tăng cường năng lực cho các tác nhân chuỗi giá trị rau an toàn Quảng Yên. Theo dõi, đánh giá và tổng kết dự án rút ra các bài học kinh nghiệm.

Số hồ sơ lưu: QNH-0048-2017

87808. 11-2023 **Sản xuất thử giống chè Shan LP18 tại một số tỉnh miền núi phía Bắc/ TS.** Nguyễn Hữu La, TS. Nguyễn Thị Hồng Lam; PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn; TS. Nguyễn Ngọc Bình; TS. Nguyễn Thị Minh Phương; TS. Trần Xuân Hoàng; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; ThS. Nguyễn Thị Kiều Ngọc; ThS. Phạm Thị Như Trang; ThS. Nguyễn Hoài Thu - Phú Thọ - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc, 2023; 03/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Giống chè shan LP18 được công nhận lưu hành, năng suất > 5 tấn/ha ở tuổi 4, điểm thử nếm chè xanh, chè đen > 17 điểm cho vùng miền núi phía Bắc. Hoàn thiện 03 quy trình (01 Quy trình kỹ thuật nhân giống chè shan LP18; 01 quy trình kỹ thuật

trồng và thâm canh giống shan LP18; 01 quy trình chế biến chè xanh, chè đen chất lượng cao từ sản phẩm của giống shan LP18). Các quy trình được thông qua Hội đồng KH-CN cấp cơ sở; Sản xuất  $\geq 1,0$  triệu bầu chè giống shan LP18 đạt tiêu chuẩn xuất vườn phục vụ mở rộng diện tích chè LP18 tại các tỉnh thực hiện dự án; Sản xuất  $\geq 45$  ha chè thương phẩm (giống chè shan LP18) năng suất, chất lượng cao (năng suất  $> 5$  tấn/ha ở tuổi 4, điểm thử nếm chè xanh, chè đen  $> 17$  điểm cho vùng miền núi phía Bắc) sản phẩm đảm bảo ATTP; Tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho 240 hộ sản xuất về các kỹ thuật nhân, trồng và thâm canh giống chè shan LP18.

Số hồ sơ lưu: 22413

87910. 11-2023 **Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen quýt Khốp và cam Khe Mây, Hà Tĩnh/ TS. Vũ Việt Hưng, PGS.TS. Nguyễn Quốc Hùng; TS. Nguyễn Thị Tuyết; ThS. Đặng Thị Mai; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Vương Sỹ Biên; ThS. Dương Xuân Thương; KS. Nguyễn Thị Bích Hồng; KS. Võ Tá Tài; KS. Nguyễn Xuân Toàn - Hà Nội - Viện nghiên cứu rau quả, 2023; 01/2018 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Bảo tồn, khai thác và phát triển được nguồn gen quýt Khốp và cam Khe Mây tại Hà Tĩnh, góp phần tăng thu nhập của người dân, phục vụ xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Đánh giá được đặc điểm nông sinh học chính và giá trị kinh tế của nguồn gen quýt Khốp

và cam Khe Mây; Xây dựng được Quy trình nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản quýt Khốp và cam Khe Mây; Tuyển chọn bổ sung được từ 5 - 10 cây đầu dòng, tạo được 25 cây S0, 100 cây S1 cho mỗi loại nguồn gen; Xây dựng vườn nhân giống trong nhà cách ly cho mỗi loại nguồn gen (500m<sup>2</sup> /nguồn gen), công suất 5.000 cây giống/nguồn gen/năm; Xây dựng được mô hình trồng mới (5 ha/nguồn gen) đảm bảo tỷ lệ sống đạt tối thiểu 95%; Xây dựng được mô hình thâm canh (3 ha/nguồn gen) có năng suất và hiệu quả kinh tế tăng thêm 15% so với đại trà.

Số hồ sơ lưu: 22248

87948. 11-2023 **Nghiên cứu nhân giống dựa bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào và kỹ thuật thâm canh dựa trồng giống nuôi cấy mô/ TS. Phạm Thị Phương Thúy, ThS. Nguyễn Ngọc Trai; ThS. Thái Thị Thanh Trọn; ThS. Nguyễn Hoàng Xuân Thảo; ThS. Sơn Thị Thanh Nga; ThS. Mai Thị Thu Gà; PGS.TS. Nguyễn Văn Đồng; ThS. Tống Thị Hường; ThS. Đinh Thị Thu Ngân; ThS. Nguyễn Thị Hoà - Trà Vinh - Trường Đại học Trà Vinh, 2022; 05/2017 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào, kết hợp với các giải pháp canh tác để bảo tồn, lưu giữ, nhân giống và phát triển một số giống dựa có giá trị kinh tế cao, phục vụ chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn mới tại tỉnh Trà Vinh. Tạo được mô

sẹo (callus) in vitro một số giống dứa có giá trị khoa học và kinh tế cao của Việt Nam (dứa Sáp /dứa Dứa) để làm vật liệu cho quá trình tạo tế bào tiền phôi - mô sẹo phôi hóa dứa. Tạo được tế bào tiền phôi - mô sẹo phôi hóa dứa (phôi vô tính, phôi soma) từ mô sẹo (callus) dứa và tái sinh được cây dứa từ mô sẹo phôi hóa của dứa ("Dứa vô tính"-in vitro). Thiết lập được quy trình đưa cây "Dứa vô tính -in vitro" ra trồng và chăm sóc ở nhà lưới/ vườn ươm.

Số hồ sơ lưu: 22306

88343. 11-2023 **Nghiên cứu chọn tạo giống và biện pháp kỹ thuật sản xuất một số cây ăn quả chủ lực (cam, bưởi, sầu riêng, chôm chôm) trong điều kiện xâm nhập mặn tại Nam Bộ/** TS. Võ Hữu Thoại, TS. Nguyễn Ngọc Thi; TS. Mai Văn Trị; TS. Trần Thị Oanh Yến; ThS. Lê Thị Hoàng Trúc; ThS. Nguyễn Nhật Trường; ThS. Đặng Thị Kim Uyên; TS. Trần Thị Mỹ Hạnh; ThS. Nguyễn Vũ Sơn - Tiền Giang - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2023; 01/2017 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tuyển chọn dòng/giống gốc ghép cam, bưởi, sầu riêng và chôm chôm chịu mặn. Tiến hành chọn giống thương phẩm cam, bưởi không hoặc ít hạt và dòng chôm chôm triển vọng. Hoàn thiện quy trình sản xuất cho các giống cam Sành, bưởi Da xanh tại vùng xâm nhập mặn. Xây dựng mô hình và chọn tổ hợp gốc/mắt ghép giống cam Sành không hạt LD6 và bưởi Da xanh chịu mặn ngoài đồng.

Số hồ sơ lưu: 22585

88349. 11-2023 **Sản xuất thử nghiệm giống nhãn LD11 cho các tỉnh phía Nam/** ThS. Đào Thị Bé Bảy, TS. Nguyễn Văn Hòa; TS. Trần Thị Oanh Yến; KS. Hồ Thị Ngọc Hải; KS. Huỳnh Văn Chánh; ThS. Đoàn Thị Cẩm Hồng; TS. Trần Thị Mỹ Hạnh; ThS. Nguyễn Nhật Trường; KS. Nguyễn Thành Nhân; KS. Lê Ánh Như Quỳnh - Tiền Giang - Viện cây ăn quả Miền Nam, 2020; 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình nhân giống nhãn LD11 bằng phương pháp ghép, tỷ lệ cây đạt tiêu chuẩn xuất vườn đạt trên 90%, tỷ lệ cây sống sau ghép cải tạo đạt trên 80%. Nghiên cứu hoàn thiện quy trình trồng, thâm canh giống nhãn LD11, năng suất năm thứ tư sau trồng đạt 10 tấn quả, giai đoạn kinh doanh ổn định đạt tối thiểu 15 tấn/ha, độ dày thịt quả trung bình 5,8mm, khối lượng hạt nhỏ (1,8g). Sản xuất thử giống nhãn LD11, đồng thời tiến hành đào tạo tập huấn kỹ thuật nhân giống, thâm canh nhãn LD11 cho 150 lượt người và công nhận chính thức giống nhãn LD11

Số hồ sơ lưu: 22586

88361. 11-2023 **Sản xuất thử nghiệm giống nho NH01-152 tại Ninh Thuận và Bình Thuận/** ThS. Phạm Văn Phước, ThS. Nại Thành Nhân; TS. Mai Văn Hào; TS. Phan Công Kiên; ThS. Võ Minh Thư; ThS. Nguyễn Văn Chính; ThS. Trịnh Thị Vân Anh; ThS. Phan Văn Tiêu; KS. Nguyễn Thị Liễu; KS. Đỗ Ty -

Ninh Thuận - Viện nghiên cứu bông và phát triển nông nghiệp Nha Hồ, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về sản xuất nho. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống nho NH01-152, quy trình kỹ thuật canh tác cho giống nho NH01-152 tại Ninh Thuận và Bình Thuận cho năng suất cao, chất lượng tốt phục vụ ăn tươi và chế biến. Sản xuất thử, nhân giống, trồng thương phẩm 10 ha nho NH01-152. Tiến hành đào tạo, tập huấn cho cán bộ kỹ thuật và nông dân thực hiện dự án

Số hồ sơ lưu: 22587

89022. 11-2023 **Nghiên cứu khảo nghiệm giống mận chín sớm Bắc Hà tại tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2019-2021/** Nguyễn Bá Thế, KS. Phí Đình Bắc; ThS. Đinh Thị Thu Hà; KS. Nguyễn Mạnh Dương; KS. Vũ Văn Cường; ThS. Đỗ Thị Bắc - Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh Lào Cai - Trung tâm giống nông nghiệp tỉnh Lào Cai, 2023; 07/2019 - 07/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiến hành thí nghiệm so sánh giống nhằm đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển cho năng suất và chất lượng của cây mận tím, sử dụng giống đối chứng tại Bắc Hà là cây mận Tam Hoa, tại Si Ma Cai là cây mận Tả Van; Xây dựng vườn cây đầu dòng, ứng dụng công nghệ cao duy trì trong 3 năm nâng cao chất lượng cây đầu dòng; Nghiên cứu xây dựng quy trình trồng và chăm sóc cây mận chín sớm Bắc Hà; Nghiên

cứ xây dựng quy trình trồng và chăm sóc cây mận chín sớm làm mô hình mẫu; Hội thảo, hội nghị, đào tạo, tập huấn.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2023-054

89031. 11-2023 **Nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật trồng thâm canh, rải vụ quả và liên kết sản xuất Na dai (Annona squamosa) theo hướng hàng hóa tại vùng đồi huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình/** ThS. Đỗ Thị Bích Phượng, KS. Đàm Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Phạm Duy Phú; ThS. Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Lê Quốc Việt; ThS. Mai Đức An; ThS. Nguyễn Thị Thu Hoài; ThS. Mai Xuân Long; KS. Vũ Chí Công. - Ninh Bình - Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao và Xúc tiến thương mại, 2023; 01/2021 - 07/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng thành công mô hình trồng Na dai đạt năng suất từ 7 - 7,5 tấn/ha, kích cỡ trung bình 200-250 g/quả theo tiêu chuẩn VietGAP và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho vùng trồng (QR CODE); Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật thâm canh, rải vụ quả na dai phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của huyện Nho Quan; Xây dựng mô hình trồng Na dai theo hướng hàng hóa tại vùng đồi huyện Nho Quan; Xây dựng chứng nhận VietGAP và hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm (QR Code) cho sản phẩm Na của mô hình; Đánh giá hiệu quả, tuyên truyền để nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-016-2023

89063. 11-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình trồng cây Cam V2 tại huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình/** ThS. Đinh Văn Khiêm, KS. Phạm Văn Trung; ThS. Lê Tiến Lực; ThS. Nguyễn Quốc Huy; KS. Đỗ Văn Miên; ThS. Triệu Văn Giang; KS. Đinh Thế Lữ; TC. Nguyễn Thị Mỹ; TC. Phạm Thị Lý; ThS. Bùi Xuân Thư. - Ninh Bình - Hội làm vườn tỉnh Ninh Bình, 2023; 01/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng thành công mô hình trồng cây Cam V2 với diện tích 04 ha tại huyện Nho Quan, năng suất năm thứ 3 sau trồng đạt 15 tấn/ha/năm; Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng cây Cam V2 phù hợp với điều kiện của huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình; Điều tra đánh giá hiện trạng triển vọng phát triển cây ăn quả có múi trên địa bàn huyện Nho Quan; Đánh giá hiệu quả, tuyên truyền để nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: NBH-KQNC-017-2023

89171. 11-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để xây dựng và vận hành chuỗi rau, củ, quả trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2018-2020/** KS. Nguyễn Phúc Tín, KS. Võ Nguyễn Minh Tuyên; ThS. Phạm Tiến Hưng; ThS. Phạm Đình Hải; KS. Phạm Thị Phương Thảo; CN. Hà Hữu Dũng; ThS. Đoàn Thị Mai Hương; KS. Nguyễn Thị Phương Nhung; KS. Lê Vũ

Linh; CN. Nguyễn Thị Mỹ Duyên; KS. Ngô Hoài Nam; ThS. Lê Đỗ Hoàng Việt; Phan Quốc Hoàng - Đà Lạt, Lâm Đồng - Chi cục Quản lý Chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản Lâm Đồng, 2022; 12/2018 - 10/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Dự án: “Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để xây dựng và vận hành chuỗi rau, củ, quả trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng” đã cơ bản thực hiện đảm bảo nội dung theo thuyết minh và đạt được mục tiêu đề ra: Áp dụng thành công nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm rau, củ, quả có thể mạnh của tỉnh; hình thành chuỗi sản phẩm, nâng cao khả năng tiêu thụ rau, quả an toàn, nâng cao uy tín thương hiệu rau, quả của Lâm Đồng tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho cộng đồng dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Lâm Đồng. Số hồ sơ lưu: LDG-2023-017

89172. 11-2023 **Phát triển mô hình trồng lan rừng tại huyện Bảo Lâm/** CN. Trần Thị Hệ, CN. Trần Thị Ngân; KS. Nguyễn Thị Nguyệt Tú; KS. Nông Thị Nga - Bảo Lâm, Lâm Đồng - Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Nông Lâm nghiệp Lâm Đồng, 2022; 04/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đáp ứng nhu cầu chơi hoa lan ngày càng tăng cũng như phục vụ ngành du lịch phát triển ở Bảo Lâm nói riêng, và tỉnh Lâm Đồng nói chung cần thiết phải đầu tư để công nghiệp hóa ngành sản xuất hoa lan từ

khâu nhân giống thông qua phương pháp nuôi cấy mô cho đến việc điều chỉnh các chế độ tối ưu chăm sóc phát triển và ra hoa trong nhà kính nhằm cung cấp cho thị trường nguồn giống chất lượng. Dựa trên những cơ sở đó, Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Nông lâm nghiệp Lâm Đồng thực hiện dự án: “Phát triển mô hình trồng lan rừng tại huyện Bảo Lâm” với mục đích bảo tồn nguồn gen và phát triển sản xuất hàng hóa các sản phẩm hoa lan đặc hữu của tỉnh Lâm Đồng, cung cấp nguồn giống lan bản địa có chất lượng cao cho thị trường

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-018

89173. 11-2023 **Nhân giống một số loài lan rừng bản địa giá trị cao tại huyện Lâm Hà/** CN. Trần Thị Hệ, CN. Trần Thị Ngân; CN. Phạm Thụy Thúy Bảo Anh; KS. Nông Thị Nga - Lâm Hà, Lâm Đồng - Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Nông Lâm nghiệp Lâm Đồng, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Để đáp ứng nhu cầu chơi hoa lan ngày càng tăng cũng như phục vụ ngành du lịch phát triển ở Lâm Hà nói riêng, và tỉnh Lâm Đồng nói chung cần thiết phải đầu tư để công nghiệp hóa ngành sản xuất hoa lan từ khâu nhân giống thông qua phương pháp nuôi cấy mô cho đến việc điều chỉnh các chế độ tối ưu chăm sóc phát triển và ra hoa trong nhà kính nhằm cung cấp cho thị trường nguồn giống chất lượng. Dựa trên những cơ sở đó, Trung tâm Nghiên cứu thực nghiệm Nông lâm nghiệp Lâm Đồng thực hiện dự án: “Nhân giống một số

loài lan rừng bản địa giá trị cao tại huyện Lâm Hà” với mục đích bảo tồn nguồn gen và phát triển sản xuất hàng hóa các sản phẩm hoa lan đặc hữu của tỉnh Lâm Đồng, cung cấp nguồn giống lan bản địa có chất lượng cao cho thị trường.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-019

89174. 11-2023 **Xác định nguyên nhân hiện tượng biến dạng quả măng cụt trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và giải pháp khắc phục/** ThS. Khúc Duy Hà, TS. Lại Tiến Dũng; ThS. Đỗ Xuân Đạt; ThS. Trương Xuân Cường; TS. Nguyễn Thị Ngọc Trúc; KS. Nguyễn Hải Thắng; KS. Nguyễn Thị Sen; ThS. Lưu Hoàng Ca; KS. Phạm Thị Lê Hương - Đà Lạt, Lâm Đồng - Viện Bảo vệ thực vật, 2022; 11/2020 - 01/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thu thập, phân tích và giám định các tác nhân gây hại trên 40 mẫu quả măng cụt bị hiện tượng biến dạng và bị sâu bệnh hại, đã xác định được nguyên nhân gây hiện tượng biến dạng quả măng cụt. Triển khai xây dựng đủ số lượng 10 thí nghiệm nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật xử lý hiện tượng biến dạng quả tại Bảo Lộc và Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng. Xây dựng 03 mô hình quản lý hiện tượng biến dạng quả măng cụt và 02 quy trình canh tác cây măng cụt cho 02 vùng sinh thái khác nhau (khu vực ba huyện phía Nam và khu vực Bảo Lâm, Bảo Lộc). Tiến hành tổ chức hội nghị tập huấn kỹ thuật, hội thảo đầu bờ, thăm quan mô hình tại

huyện Đa Huoai và thành phố Bảo Lộc

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-020

89269. 11-2023 **Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận Nấm hương Sa Pa cho sản phẩm nấm hương của thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai/** Lê Vũ Huyền, Đào Thu Hương; Th.S. Tăng Đức Khương; Nguyễn Thanh Hương; Đào Thúy Nga; Nguyễn Huyền Trang; Nguyễn Thị Hải Yên; Nguyễn Mạnh Tài; Trần Thị Lan Hương - Công ty cổ phần sở hữu công nghiệp Investip - Công ty CP Sở hữu công nghiệp Investip, 2023; 12/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng hồ sơ đăng ký nhãn hiệu chứng nhận Nấm hương Sa Pa; Xây dựng hệ thống quản lý NHCN Nấm hương Sa Pa; Quảng bá và phát triển sản phẩm mang NHCN.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2023-057

89473. 11-2023 **Nghiên cứu ảnh hưởng của một số chất chống hóa nâu và chất điều hòa sinh trưởng thực vật lên quá trình nhân giống in vitro cây lan Dendrobium pensod/** Phạm Thị Thu Nhi, ThS. Nguyễn Thanh Tài; ThS. Phạm Quang Thắng; KS. Vũ Thị Thu Thảo; KS. Phạm Quỳnh Anh; KS. Phạm Minh Nguyệt; KS. Trịnh Hoài Phương; ThS. Phan Thủy Quyên - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu xác định được thời gian ngâm mẫu với acid ascorbic, PVP và bạc nitrat thích hợp để giảm hiện tượng tiết phenol của mẫu sau khử trùng và nồng độ acid ascorbic, PVP và bạc nitrat thích hợp để giảm hiện tượng tiết phenol sau khử trùng tạo điều kiện cho sự tạo chồi từ đó xác định được ảnh hưởng của nồng độ của BA riêng lẻ đến sự tái sinh chồi từ PLBs và h môi trường khoáng phù hợp cho tăng trưởng chồi và tạo rễ in vitro để nhân giống in vitro cây Dendrobium pensoda nhằm nhân nhanh số lượng cây giống đáp ứng nhu cầu thị trường.

Số hồ sơ lưu: TPHCM-2023-001

#### **40105. Cây công nghiệp và cây thuốc**

77862. 11-2023 **Trồng thử nghiệm một số cây dược liệu trên địa bàn huyện Cam Lộ/** ThS. Phạm Việt Thanh, ThS. Trần Hoài Linh; CN. Lê Hải Hưng; KS. Mai Chiêm Khê; CN. Lê Xuân Thử - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cam Lộ - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cam lộ, 2017; 08/2017 - 06/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Lựa chọn phương pháp gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch và ứng dụng các công nghệ tiên tiến để xây dựng 05 mô hình trồng thử nghiệm một số cây dược liệu, với quy mô 3,54ha, trong đó: Nguu tất: 01ha, Sinh địa: 01ha và Trạch tả: 01ha; Bạch chỉ: 3.000m<sup>2</sup>, Hoài Sơn: 1.55m<sup>2</sup> để đánh giá khả năng thích nghi và hiệu quả kinh tế. Nghiên cứu, chọn lọc và hoàn thiện các quy trình kỹ thuật sản xuất và sơ chế một số



cây dược liệu có hiệu quả kinh tế cao, phù hợp làm cơ sở khoa học cho việc phát triển vùng sản xuất dược liệu trên địa bàn huyện Cam Lộ trong thời gian tới. Sau khi thực hiện thành công các mô hình, tiến hành lập kế hoạch triển khai để chuyển giao, nhân rộng và phát triển trên địa bàn, huyện, tỉnh.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_61.2019

87933. 11-2023 **Nghiên cứu tuyển chọn giống và biện pháp kỹ thuật quản lý tổng hợp một số cây dược liệu chủ lực (Đình lăng, chè dây, giáo cỏ lam, đương quy, ba kích) cho vùng trồng chính/ PGS.** TS. Ninh Thị Phíp, ThS. Nguyễn Thị Sơn; TS. Nguyễn Mai Thơm; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hải; PGS.TS. Trần Văn Quang; ThS. Nguyễn Phương Mai; TS. Vũ Thị Hoài; PGS.TS. Vũ Ngọc Thắng; TS. Dương Thị Duyên; TS. Bùi Văn Dũng; KS. Đinh Nguyệt Thu; ThS. Lê Thị Phương Lan - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2023; 01/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tuyển chọn và công nhận giống sản xuất thử ít nhất: 01 - 02 giống đình lăng năng suất thân rễ khô 5-6 tấn/ha (sau trồng 3 năm), hàm lượng axit oleanolic  $\geq 0,01\%$ ; 01 - 02 giống chè dây năng suất thân lá khô đạt 1,5- 2,0 tấn/ha/năm, hàm lượng dihydromyricetin  $\geq 18\%$ ; 01 - 02 giống ba kích năng suất rễ khô đạt 2-3 tấn/ha (sau trồng 5 năm), định lượng tectoquinon, rubiadin  $\geq 0,1\%$ ; 01 - 02 giống đương quy nhật bản năng suất rễ củ khô đạt 2-3 tấn/ha/năm, chất chiết trong dược

liệu  $\geq 35\%$ ; 01 - 02 giống giáo cỏ lam năng suất thân lá khô  $\geq 5$  tấn/ha/năm, hàm lượng Saponin toàn phần  $\geq 4,2\%$ . Hoàn thiện được quy trình nhân giống; đề xuất tiêu chuẩn chất lượng cây giống, hạt giống cho 5 loại cây dược liệu chủ lực; xây dựng được vườn tập đoàn và vườn giống gốc (cây mẹ) của các giống được công nhận sản xuất thử, quy mô 500 m<sup>2</sup>/ 1 loại cây dược liệu chủ lực (Đình lăng, Đương quy Nhật bản, Giáo cỏ lam, Ba kích và chè dây) tại các vùng trồng chính của doanh nghiệp. Xác định được danh mục; đặc điểm sinh học, sinh thái; quy luật phát sinh, phát triển của một số loài sâu bệnh hại chính trên 5 loại cây dược liệu chủ lực (Đình lăng, Đương quy Nhật Bản, Giáo cỏ lam, Ba kích và chè dây). Hoàn thiện được quy trình quản lý tổng hợp phù hợp với GACP-WHO trên 5 loại cây dược liệu Đình lăng, Đương quy Nhật Bản, Giáo cỏ lam, Ba kích và chè dây, các quy trình được Cục trồng trọt ban hành.

Số hồ sơ lưu: 22202

88115. 11-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống và dược liệu Kim ngân (*Lonicera japonica* Thunb.) và Bạch chỉ (*Angelica dahurica* (Fisch. ex Hoffm.) Benth. & Hook.f. ex Franch. & Sav) theo GACP-WHO tại tỉnh Hà Nam/ DS.** Nguyễn Huy Tùng, DS. Bùi Ngọc Hoàn; CN. Vũ Quốc Lập; ThS. Nguyễn Văn Thông; TS. Phan Thúy Hiền; ThS. Đào Văn Núi; ThS. Trần Hữu Khánh Tân; ThS. Nguyễn Thị Duyên - Hà Nam - Công ty cổ phần

Dược Thanh Liêm Medipharma, 2022; 08/2019 - 07/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao, tiếp nhận, ứng dụng thành công và nhân rộng trên địa bàn các quy trình công nghệ sản xuất cây giống, trồng cây thương phẩm, thu hoạch sơ chế 6 dược liệu Kim ngân, Bạch chỉ theo GACP-WHO; Ứng dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật để xây dựng thành công mô hình sản xuất giống, trồng trọt và sơ chế biến cây dược liệu Kim ngân (*Lonicera japonica* Thunb.) và Bạch chỉ (*Angelica dahurica*(Fisch. ex Hoffm.) Benth. & Hook.f. ex Franch. & Sav) theo GACP - WHO nhằm góp phần tăng hiệu quả kinh tế, năng suất, chất lượng dược liệu, tăng thu nhập cho người dân tại tỉnh Hà Nam.

Số hồ sơ lưu: 21911

88360. 11-2023 **Nghiên cứu tuyển chọn giống Sacha inchi phù hợp cho vùng sinh thái phía Bắc/** ThS. Vũ Văn Quang, ThS. Phạm Thị Ngọc Yến; TS. Nguyễn Văn Mười; PGS.TS. Nguyễn Thị Trâm; ThS. Lê Văn Thành (A); ThS. Vũ Thị Bích Ngọc; ThS. Lê Văn Thành (B); KS. Nguyễn Thị Ngọc Thúy; ThS. Nguyễn Thị Bích Hồng - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu Sacha trong nước và trên thế giới. Tiến hành thu thập vật liệu Shacha trong nước và ngoài nước. Đồng thời, đánh giá nguồn vật liệu trong vườn ươm và đánh giá, phân loại tư

liệu hóa nguồn vật liệu trong vườn trồng. Nghiên cứu lai tạo tổ hợp mới, nhân vô tính dòng ưu tú và đánh giá ở các vùng sinh thái.

Số hồ sơ lưu: 22589

88789. 11-2023 **Hoàn thiện công nghệ vi nhân giống quy mô công nghiệp cho các dòng bạch đàn lai CU82, CU98 và UG24/** ThS. Trần Thị Doanh, KS. Nguyễn Thị My ; ThS. Lê Hà Nguyên; KS. Phạm Thị Thơm; KS. Nguyễn Thị Huệ; CN. Trần Thị Ánh Nguyệt; KS. Nguyễn Minh Đức; KS. Vũ Ngọc Dũng; KS. Nguyễn Thị Lai; KS. Ngô Thị Phần - Quảng Ninh - Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ khoa học Thái Dương, 2023; 07/2017 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện và triển khai công nghệ vi nhân giống các dòng bạch đàn lai UG24, CU82 và CU98 theo hướng công nghiệp tại địa phương đạt công suất trên 5 triệu cây/năm cho 3 dòng bạch đàn lai mới UG24, CU82 và CU98. Xây dựng 0.1 ha vườn cây đầu dòng cho 3 dòng bạch đàn lai mới UG24, CU82 và CU98. Sản xuất 10 triệu cây giống cho 3 dòng bạch đàn lai bằng kỹ thuật nuôi cấy in vitro và xây dựng 3 mô hình trình diễn, quy mô 10ha/mô hình. Đào tạo tập huấn 100 cán bộ khoa học và công nghệ, cán bộ kỹ thuật và nông dân có hiểu biết về kỹ thuật nhân giống và tạo cây giống ngoài vườn ươm các dòng bạch đàn lai.

Số hồ sơ lưu: 22661

89035. 11-2023 **Nghiên cứu trồng Sâm Ngọc Linh dưới giàn che tại xã Lùng Phình, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai/** Ma Xua Nam, Nguyễn Xuân Trường Nguyễn Xuân Trường; Lê Thị Thu; Nguyễn Thị Duyên; Nguyễn Thị Thu Thủy; Nguyễn Thị Huệ; Hoàng Long Cường; Hoàng Văn Tùng; Nguyễn Thu Huyền - Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Bắc Hà - Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện Bắc Hà, 2022; 03/2019 - 04/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống cây sâm Ngọc Linh bằng phương pháp nhân giống hữu tính; Xây dựng mô hình vườn nhân giống sâm Ngọc Linh; Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng cây sâm Ngọc Linh dưới giàn che.; Xây dựng mô hình trồng sâm Ngọc Linh theo tiêu chuẩn GACP - WHO; Chọn lọc xây dựng vườn cây mẹ sâm Ngọc Linh; Đào tạo, tập huấn, hội thảo.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2023-055

89088. 11-2023 **Nghiên cứu bệnh học, đa dạng loài và quan hệ phát sinh chủng loại của tuyến trùng ký sinh trên cây dược liệu ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Thị Duyên, TS. Trịnh Quang Pháp; TS. Nguyễn Thị Ánh Dương; ThS. Nguyễn Hữu Tiền; TS. Lê Thị Mai Linh - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, đánh giá khả năng gây hại, phổ ký chủ, ngưỡng gây hại của tuyến trùng thực vật ký sinh cây

dược liệu, đánh giá các yếu tố vô sinh và hữu sinh ảnh hưởng tới chúng. Phân loại, nghiên cứu mối quan hệ phát sinh, tiến hóa của tuyến trùng thực vật ký sinh cây dược liệu sử dụng các phương pháp hiện đại, cung cấp dữ liệu hình thái và các mã vạch DNA cho nghiên cứu tuyến trùng trong tương lai. Cung cấp hình ảnh chẩn đoán và thông tin về dịch hại, xây dựng cơ sở dữ liệu về tuyến trùng thực vật ký sinh cây dược liệu để nâng cao nhận thức của nông dân, học sinh, sinh viên và nâng cao năng lực nghiên cứu các cán bộ làm công tác bảo vệ thực vật để phát triển cây dược liệu một cách bền vững.

Số hồ sơ lưu: 22711

89097. 11-2023 **Nghiên cứu nhân giống và trồng thử nghiệm cây lan Kim tuyến (*Anoectochilus sp*) tại vùng Bắc Hướng Hóa/** CN. Bùi Thị Tân Diệu, ThS. Đào Ngọc Hoàng; KS. Hà Thị Thu Hiền; KS. Nguyễn Hương; ThS. Lê Mậu Bình; KS. Nguyễn Thị Minh Huyền; Phạm Trường Học; Nguyễn Hữu Ngọc - Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Trị - Trung Tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Trị, 2022; 09/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá điều kiện sinh trưởng và phát triển của cây Lan Kim tuyến trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (vùng Bắc Hướng Hóa). Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật nhân giống cây lan Kim tuyến (*Anoectochilus sp.*) bằng phương pháp nuôi cấy mô

(thực hiện tại Trung tâm); Sản xuất được 5.000 cây giống cây lan Kim tuyến đạt tiêu chuẩn; Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây lan Kim tuyến trong nhà màng tại vùng Bắc Hướng Hóa. Quy mô: 300m<sup>2</sup>; Số lượng: 35.000 cây. Đánh giá được khả năng sinh trưởng và phát triển; năng suất, chất lượng của Lan Kim tuyến trồng tại mô hình (vùng Bắc Hướng Hóa); Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc cây lan Kim tuyến thương phẩm phù hợp với điều kiện khí hậu vùng Bắc Hướng Hóa.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_98.2022

89099. 11-2023 **Nghiên cứu, xây dựng mô hình thí nghiệm một số giống cà phê chè có triển vọng trên địa bàn huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị/** Th.S. Trần Cẩm, Th.S. Nguyễn Thanh Tùng; KS. Nguyễn Bảy; Th.S Lê Chí Công; KS. Dương Hồng Phong; KS. Lê Thị Tú; KS. Hoàng Công Châu; KS. Hồ Quốc Trung; KS. Nguyễn Xuân Thế.  
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Trị - Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Trị, 2021; 07/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng thành công mô hình thí nghiệm các giống mới (TN6, TN7, TN9 và THA1) so với giống đối chứng là Catimor tại 01 vùng nghiên cứu có cùng điều kiện canh tác và sinh thái giống nhau; Chọn được 02 giống lai nổi trội có năng suất cao gồm TN7 và TN9. Các giống lai sinh trưởng khỏe, năng suất trung bình lần lượt là 2,56 và 2,61 tấn nhân/ha, các giống có khối lượng

100 nhân đạt >16 g, tỷ lệ hạt trên sàng 16 đạt trung bình trên 87%, chất lượng nước uống cải thiện hơn so với giống Catimor. Chọn được giống tự thụ THA1 là giống có dạng cây thấp tán chặt, chất lượng thử nếm cao hơn Catimor, hàm lượng caffeine < 1,6% và năng suất trung bình là 2,36 tấn nhân/ha, khối lượng 100 nhân trung bình đạt 17,0 g, tỷ lệ hạt trên sàng 16 đạt >90% và kháng rất cao với bệnh gỉ sắt. Đây là giống thuần được nhân giống bằng hạt.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_100.2022

89168. 11-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong trồng một số loài trà hoa vàng (Camellia ssp.) phục vụ sản xuất trà túi lọc ở Lâm Đồng/** CN. Nguyễn Văn Quang, ThS. Nguyễn Như Chương; TS. Lương Văn Dũng; ThS. Trần Thị Mỹ Linh; ThS. Nguyễn Văn Linh; ThS. Huỳnh Nhân Ái; ThS. Trương Ngọc Thảo Vy; ThS. Võ Thị Hương; ThS. Lê Thị Minh Châu; KS. Võ Thị Quỳnh; CN. Lê Văn Quyền - Đà Lạt, Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ Lâm Đồng, 2022; 12/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện và chuyển giao 03 quy trình kỹ thuật về nhân giống, trồng chăm sóc cây trà hoa vàng thương phẩm, thu hoạch, chế biến thành trà túi lọc từ trà hoa vàng; các quy trình này áp dụng phù hợp với các địa phương, dễ dàng tiếp thu. Hoàn thiện quy trình sản xuất trà túi lọc từ trà hoa vàng. Thực hiện khảo nghiệm 3 công thức chế biến

trà túi lọc từ trà hoa vàng. Đào tạo được 08 kỹ thuật viên, các kỹ thuật viên có kiến thức cơ bản có thể hướng dẫn cho các hộ dân và góp phần phổ biến kiến thức cho các hộ dân khác góp phần nhân rộng kết quả của dự án, tập huấn cho 165 lượt người, sau tập huấn các hộ nông dân đã tiếp thu tốt các kỹ thuật và áp dụng vào mô hình sản xuất tại hộ mình có hiệu quả cao.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-016

89265. 11-2023 **Trồng thử nghiệm cây cỏ ngọt (*Stevia rebaudiana* Bertoni) theo tiêu chuẩn VietGAP, gắn liền với chế biến và định hướng theo chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)/** ThS. Nguyễn Trung Nghĩa;; Phan Trung Thông; Nguyễn Văn Lâm; Phạm Thị Ngọc Quý; Trần Thị Hồng Sương; Phan Thị Hồng Thái - Hợp tác xã Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ nông nghiệp Thanh Xuân. - Hợp tác xã Sản xuất - Thương mại và Dịch vụ nông nghiệp Thanh Xuân., 2023; 05/2022 - 07/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng được mô hình trồng cây cỏ ngọt theo tiêu chuẩn VietGAP, gắn liền với công nghệ chế biến và định hướng sản phẩm theo chương trình OCOP.

Số hồ sơ lưu: 07/2023-QLKH-CN-CS

89274. 11-2023 **Trồng vùng nguyên liệu và cải tiến công nghệ chiết xuất tinh dầu trầm gió/** KS. Dương Hồng Sinh, Dương Hồng Sinh; Trần Duy Hà; Lê Thị Thanh

Hạnh; Võ Huyền Trang; Nguyễn Thị Kim Liên; Bà Lưu Thị Huệ - Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình - Công ty Cổ phần Việt Trung Quảng Bình., 2023; 09/2012 - 08/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình trồng 60.000 cây giống trầm gió Quảng Bình trên diện tích 02ha. Theo dõi đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển và hàm lượng tinh dầu và tỷ lệ 1,8 cineole có trong tinh dầu. Từ đó hoàn thiện qui trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cây trầm gió Quảng Bình phù hợp trên địa bàn của Công ty. Hoàn thiện và làm chủ công nghệ chiết xuất tinh dầu trầm tiên tiến phù hợp với năng lực của công ty.

Số hồ sơ lưu: 08/2023-QLKH-CN-CS

#### **40106. Bảo vệ thực vật**

87840. 11-2023 **Nghiên cứu một số sinh vật hại trên cây hoa, cây cảnh, cây xanh thảm cỏ và một số biện pháp phòng chống sâu, bệnh hại chính trong khu vực Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh/** TS. Đỗ Thị Thu Lai, Cử nhân. Nguyễn Văn Hoàng ThS. Xuân Thị Lê; TS. Hoàng Xuân Lam; TS. Lê Mai Nhật; ThS. Bùi Thị Hải Yến; TS. Nguyễn Đức Huy; ThS. Phạm Quang Tuấn; KS. Nguyễn Thị Tâm; ThS. Lê Đình Thao; CN. Trịnh Thị Hằng; KS. Nguyễn Thị Hồng Lê; KS. Nguyễn Thị Thúy; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Dung - Hà Nội - Ban Quản lý Quảng trường Ba Đình, 2022; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá được thực trạng sinh vật gây hại cây hoa lâu năm, cây cảnh, cây xanh và thảm cỏ khu vực Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Quảng trường Ba Đình. Xác định được một số chế phẩm sinh học có hiệu quả tốt trong phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng giúp việc quản lý sinh vật gây hại cây trồng, cây cảnh khu vực lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh có hiệu quả, đảm bảo an toàn cho môi trường trong khu vực.

Số hồ sơ lưu: 22415

88439. 11-2023 **Nghiên cứu hiện trạng bệnh vàng lá - thối rễ cây có múi (cam, bưởi) ở vùng Bắc Trung Bộ và tạo được phân hữu cơ vi sinh *Trichoderma* để phòng trừ.**/ ThS. Nguyễn Tiến Dũng, KS. Nguyễn Tiến Duy; TS. Nguyễn Đắc Bình Minh; PGS.TS. Trần Ngọc Lân; ThS. Phan Lệ Nga; KS. Nguyễn Văn Lam; KS. Quách Thị Hạnh; KS. Nguyễn Thị Hiền; KS. Nguyễn Thị Minh Trang; ThS. Đinh Thị Vân Anh; ThS. Trần Văn Cảnh - Hà Nội - viện nghiên cứu và phát triển vùng, 2023; 05/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá được hiện trạng và xác định được các nguyên nhân gây bệnh vàng lá - thối rễ cây có múi (cam, bưởi) ở vùng Bắc Trung bộ. Hoàn thiện được quy trình kỹ thuật sản xuất chế phẩm vi sinh *Trichoderma* và quy trình kỹ thuật sản xuất phân hữu cơ vi sinh *Trichoderma*. Sản xuất được 100kg chế phẩm vi sinh *Trichoderma* (mật độ nấm *Trichoderma* đạt 10 8 CFU/g) và 100 tấn phân hữu cơ vi sinh

*Trichoderma* (mật độ nấm *Trichoderma* đạt 10 6 CFU/g) theo QCVN 01-189:2019/BNNPTNT. Xây dựng được quy trình kỹ thuật phòng trừ bệnh vàng lá thối rễ bằng chế phẩm và phân bón hữu cơ vi sinh *Trichoderma* trên cây có múi (cam, bưởi). Xây dựng được mô hình ứng dụng chế phẩm và bón phân hữu cơ vi sinh *Trichoderma* cho cây cam và cây bưởi trên địa bàn huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Số hồ sơ lưu: 22435

88794. 11-2023 **Nghiên cứu quản lý tổng hợp bọ xít muỗi (*Helopeltis spp.*) hại trên một số cây trồng chủ lực (điều, chè, bơ và cà phê chè) tại Lâm Đồng và phụ cận/** TS. Lại Tiến Dũng, TS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Đỗ Xuân Đạt; ThS. Khúc Duy Hà; TS. Nguyễn Quang Cường; ThS. Đỗ Minh Đức; KS. Phạm Thị Thu Trang; ThS. Phạm Duy Trọng; ThS. Trần Xuân Hiền; KS. Võ Thị Hồng Thúy - Hà Nội - Viện Bảo vệ thực vật, 2023; 12/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá ảnh hưởng của điều kiện khí hậu và hệ thống canh tác đến diễn biến và mức độ gây hại của bọ xít muỗi ở Lâm Đồng và vùng phụ cận. Xác định đặc điểm sinh học, sinh thái học cơ bản của bọ xít muỗi tại Lâm Đồng và vùng phụ cận. Đề xuất giải pháp quản lý tổng hợp bọ xít muỗi có hiệu quả và bền vững. Xây dựng mô hình áp dụng giải pháp quản lý tổng hợp bọ xít muỗi trên 04 cây trồng chủ lực (điều,

chè, bơ và cà phê chè) tại Lâm Đồng và vùng phụ cận.

Số hồ sơ lưu: 22659

89184. 11-2023 **Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học từ cây sỏ, cây dầu giun và cây nghệ rằm để phòng trừ một số côn trùng gây hại trên cây chanh dây/** KS. Nguyễn Thị Liên, ThS. Đỗ Thị Mai Trinh; ThS. Lê Thanh Bình; CN. Hồ Thị Nguyệt; ThS. Nguyễn Đào Thanh Hương; ThS. Nguyễn Bá Thọ - Tp. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Viện Ứng dụng Công nghệ tại thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học từ cây Sỏ (*Camellia oleifera*), tinh dầu cây Dầu giun (*Chenopodium ambrosioides*) và cây Nghệ rằm (*Polygonum hydropiper* L), quy mô 20 L/m<sup>2</sup>. Đánh giá hiệu quả phòng trừ một số côn trùng chính gây hại trên cây chanh dây của chế phẩm sinh học.

Số hồ sơ lưu: 21835

#### **40107. Bảo quản và chế biến nông sản**

77859. 11-2023 **Sản xuất thử nghiệm tinh bột nghệ trên dây chuyền thiết bị công nghệ quy mô 30 kg tinh bột nghệ/ngày tại tỉnh Quảng Trị/** PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn, TS. Nguyễn Văn Huế; TS. Võ Văn Quốc Bảo; TS. Nguyễn Đức Chung; ThS. Lê Thanh Long; ThS. Trần Ngọc Khiêm; ThS. Đào Thị Thanh Thảo; ThS. Tống Thị Quỳnh

Anh; ThS. Nguyễn Thị Diễm Hương; ThS. Trần Thanh Quỳnh Anh; KS. Võ Quyết Tiến; CN. Phạm Thị Ngọc Anh - Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế - Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế, 2016; 03/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra thực trạng sau thu hoạch có liên quan đến hàm lượng curcumin trong củ nghệ tươi tại tỉnh Quảng Trị. Xây dựng quy trình sản xuất tinh bột nghệ. Chuyển giao quy trình công nghệ sản xuất tinh bột nghệ. Xây dựng lắp đặt dây chuyền thiết bị sản xuất tinh bột nghệ. Công bố hợp quy chất lượng và xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm tinh bột nghệ trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_57.2019

89083. 11-2023 **Xây dựng mô hình Ứng dụng công nghệ sấy tiên tiến để chế biến và bảo quản nâng cao giá trị chuỗi quả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị/** KS. Trần Ngọc Tuấn, CN. Hoàng Văn Thám; CN. Lê Thị Hà Nhiên; CN. Nguyễn Quý Minh; KS. Lê Thị Minh Nguyệt - Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Trị - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Trị, 2020; 10/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Chọn lựa và lắp đặt được hệ thống sấy lạnh, giá thành hợp lý đảm bảo các thông số kỹ thuật về dải nhiệt độ sấy, khả năng tuần hoàn gió, khả năng tự động hóa điều chỉnh các chế độ một cách linh động... Sản phẩm 100kg chuỗi sấy dẻo nguyên

quả đạt các chỉ tiêu chất lượng. Đóng gói hoàn thiện sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_93.2022

89124. 11-2023 **Nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật bảo quản sau thu hoạch và chế biến sản phẩm bột bơ, dầu bơ tại Quảng Trị/PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn, Ths. Tống Thị Quỳnh Anh; Nguyễn Văn Huế; Nguyễn Thị Vân Anh; Nguyễn Đức Chung; Nguyễn Thị Diễm Hương; Hồ Sỹ Vượng; Trần Thanh Quỳnh Anh; Lê Thanh Long; Nguyễn Ngọc Huỳnh. - Trường Đại học Nông Lâm - Trường Đại học Nông Lâm, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Xây dựng bộ tiêu chí kỹ thuật về độ chín thu hái của quả bơ sau thu hoạch. Xây dựng quy trình công nghệ sau thu hoạch đối với quả bơ nhằm kéo dài thời hạn bảo quản từ 25 - 30 ngày, với tỷ lệ hư hỏng dưới 10%. Xây dựng được quy trình công nghệ chế biến một số sản phẩm từ quả bơ: bột bơ, dầu bơ đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Xây dựng quy trình công nghệ sau thu hoạch đối với quả bơ nhằm kéo dài thời hạn bảo quản từ 25 - 30 ngày, với tỷ lệ hư hỏng dưới 10%. Xây dựng quy trình công nghệ chế biến một số sản phẩm từ quả bơ: bột bơ, dầu bơ đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm. Xây dựng được hai mô hình đảm bảo yêu cầu tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm về sản phẩm dầu bơ tinh chất và quả bơ tươi sau bảo quản.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_104.2023

### **40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác**

84066. 11-2023 **Nghiên cứu khảo nghiệm tập đoàn giống lúa thuần mới ngắn ngày, chất lượng cao và phục tráng giống HC95/KS. Hoàng Minh, KS. Lê Thị Sương; KS. Lê Thị Quỳnh Trang; KS; Hà Xuân Nam; KS. Hồ Thị Lại; KS. Mai Tiên Nghĩa - Trung tâm Giống cây trồng - Vật nuôi Quảng Trị - Trung tâm Giống cây trồng - Vật nuôi Quảng Trị, 2019; 06/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Nghiên cứu, khảo nghiệm tập đoàn giống lúa thuần mới, ngắn ngày, có tiềm năng về năng suất và chất lượng. Qua kết quả nghiên cứu, chọn ra được giống lúa có đủ tiêu chuẩn để bổ sung vào cơ cấu bộ giống lúa chủ lực của tỉnh. Tiến hành thực hiện phục tráng giống lúa HC95 đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại Trại giống lúa Vĩnh Thủy. Tổ chức hội đồng chuyên môn đánh giá kết quả khảo nghiệm và phục tráng. Tổ chức hội nghị đầu bờ tại các điểm thực hiện khảo nghiệm: Đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển, khả năng thích ứng với điều kiện thời tiết khí hậu, khả năng chống chịu sâu bệnh, dự kiến năng suất.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_64.2020

88337. 11-2023 **Nghiên cứu sản xuất chế phẩm vi sinh phục vụ cải tạo đất trồng rau, mầu bị thoái hóa trên địa bàn tỉnh Phú Thọ./ TS. Phan Quốc Hưng, ThS. Nguyễn Tú Điệp; TS. Vũ Thị Hoàn; ThS. Vũ**



Thị Xuân Hương; ThS. Nguyễn Thọ; ThS. Nguyễn Xuân Hoàng; TS. Nguyễn Xuân Hòa; TS. Nguyễn Thế Bình; KS. Hà Văn Tú - Phú Thọ - Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên đất và môi trường., 2022; 03/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá tình hình thoái hóa đất tại một số vùng trồng cây rau, màu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Điều tra, khảo sát đánh giá tình hình canh tác rau, màu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Nghiên cứu tuyển chọn và định danh các chủng vi sinh vật phục vụ sản xuất chế biến vi sinh. Nghiên cứu, phân lập vi khuẩn từ các mẫu thu thập được. Đánh giá mức độ an toàn và tính đối kháng của các chủng giống vi sinh vật tuyển chọn và định danh giống vi sinh vật được tuyển chọn. Xây dựng quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh và quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh cải tạo đất trồng rau, màu bị thoái hóa. Tổ chức sản xuất thử nghiệm chế phẩm vi sinh. Hoàn thiện quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh cải tạo đất trồng rau, màu bị thoái hóa. Tập huấn kỹ thuật sử dụng chế phẩm vi sinh.

Số hồ sơ lưu: PTO - 2023 - 03

89078. 11-2023 **Nghiên cứu thành phần sâu bệnh hại, diễn biến một số dịch hại chính và biện pháp quản lý tổng hợp trên giống chanh leo Đài Nông 1 tại Quảng Trị/** ThS. Trần Minh Tuấn, ThS. Nguyễn Văn Khoa; ThS. Bùi Phước Trang; KS. Nguyễn Hữu Tâm; ThS. Võ Xuân Thành; ThS. Lê Thị Hiền Lương; ThS. Nguyễn Thái Bình; KS.

Nguyễn Xuân Thế; KS; Phạm Thị Phương Thảo; ThS. Nguyễn Tuấn Lộc - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật tỉnh Quảng Trị - Chi cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Quảng Trị, 2021; 06/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định thành phần dịch hại trên giống chanh leo Đài Nông 1 tại Quảng Trị. Theo dõi, đánh giá diễn biến, quy luật phát sinh gây hại của một số dịch hại chính trên giống chanh leo Đài Nông 1 tại Quảng Trị. Khảo nghiệm hiệu lực sinh học một số loại thuốc phòng trừ những đối tượng dịch hại chính, xác định loại thuốc tối ưu để khuyến cáo cho người sản xuất. Xây dựng mô hình thử nghiệm các biện pháp quản lý tổng hợp dịch hại nhằm tạo ra sản phẩm chanh leo đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm. Nghiên cứu, đề xuất ban hành quy trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên cây chanh leo để làm cơ sở ban hành Quy trình sản xuất chanh leo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_90.2022

89095. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây vừng đen (mè đen) và chế biến đóng chai thành các sản phẩm từ hạt vừng đen, thích ứng với biến đổi khí hậu/** KS. Đào Văn Khánh, CN. Trần Kiên Tiến; KS. Đào Văn Khánh; CN; Lê Hải Hưng; KS. Mai Chiém Khê; ThS. Trần Trung Nguyên; CN. Từ Linh Vũ - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Cam Lộ - Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện

Cam lộ, 2022; 10/2019 - 04/2022.  
(Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất vùng đen năng suất cao, an toàn theo hướng VietGAP. Xây dựng mô hình thử nghiệm 0,5 ha cây vùng đen F1, giống ĐH1 tại huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, Xây dựng thương hiệu các sản phẩm, gồm: (dầu vùng đen Super Green, bơ vùng đen Super Green, hạt vùng đen rang đóng chai Super Green) nhằm nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm của vùng đen đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_96.2022

89537. 11-2023 **Xây dựng mô hình bưởi Diễn đạt chứng nhận hữu cơ trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.**/ ThS. Lê Hồng Thiệt, Th.S. Nguyễn Minh Tuấn; Th.S. Trần Anh Tú; ThS. Quyền Mạnh Cường; ThS. Phan Văn Đạo; ThS. Nguyễn Ngọc Dung; ThS. Trần Thái Ninh; ThS. Bùi Thị Việt Oanh - Tỉnh Phú Thọ - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, 2023; 01/2021 - 07/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin phục vụ xây dựng mô hình, lựa chọn được vườn thực hiện dự án. Lựa chọn được một số loại thuốc BVTV, phân bón có thể sử dụng trong sản xuất bưởi hữu cơ. Chuyển giao công nghệ áp dụng kỹ thuật trong quá trình sản xuất. Tập huấn, chuyển giao kỹ thuật của dự án, thực hiện các thử nghiệm để hoàn thiện tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, 100 lượt người làm cán bộ nông nghiệp, cán

bộ khuyến nông và nông dân. Xây dựng 01 mô hình bưởi diễn thời kỳ kinh doanh đạt chứng nhận hữu cơ quy mô 03 ha được cấp giấy chứng nhận hữu cơ theo TCVN 11041-1:2017 và TCVN 11041-2:2017. Hội thảo, tuyên truyền, phổ biến kết quả dự án.

Số hồ sơ lưu: PTO - 2023 -12

74190. 11-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ nhân giống và xây dựng mô hình vườn ươm cây lâm nghiệp chất lượng cao tại Quảng Trị/** TS. Phạm Xuân Đình; ThS. Vũ Đức Bình; ThS. Nguyễn Thị Thanh Nga; ThS. Nguyễn Hải Thành; ThS. Lê Công Định; ThS. Hà Văn Thiện; ThS. Nguyễn Thị Thúy Nga; KS. Lê Thị Như Nguyệt; KS. Trần Anh Trung - Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung bộ - Trung tâm Khoa học Lâm nghiệp Bắc Trung bộ, 2019; 09/2016 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống Keo lao BV33, BV73, BV75 bằng công nghệ nuôi cấy mô tế bào tại Quảng Trị; Nghiên cứu hoàn thiện quy trình công nghệ giâm hom cải tiến tại Quảng Trị. Xây dựng vườn giâm hom cây lâm nghiệp chất lượng cao tại tỉnh Quảng Trị. Tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật nhân giống Keo lai. Tổ chức 01 lớp tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật nhân giống nuôi cấy mô Keo lai dòng BV33, BV73, BV75 và 01 lớp tập huấn công nghệ giâm hom cải tiến.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_55.2019

77863. 11-2023 **Nghiên cứu ứng dụng Hệ thống cảm biến trong điều khiển, theo dõi, giám sát từ xa quá trình chăm sóc cây nông nghiệp/** ThS. Võ Văn Tâm, KS. Trần Ngọc Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Anh Trang; CN. Lê Văn Quyết Thắng; CN. Nguyễn Thị Hải Yên; ThS. Nguyễn Mai Thùy Anh; CN. Lê Thái Sơn; ThS. Trần Tịnh Nhi; KS. Nguyễn Chính Trực; KS. Lê Kim Chi - Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Trị - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Trị, 2018; 08/2018 - 08/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu sử dụng công nghệ cảm biến trong điều khiển, theo dõi, giám sát từ xa quá trình nuôi dưỡng và phát triển cây nông nghiệp trong nhà kính. Từ đó giúp người sản xuất giảm được chi phí giá thành và nhân công trong việc chăm sóc cây trồng.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_62.2019

89103. 11-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ bảo tồn và phát triển cây lan Giả hạc (*Dendrobium anosmum*) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị/** ThS. Lê Thiên Vinh, TS. Nguyễn Thị Kim Cúc; ThS. Nguyễn Thị Bích Thu; Ths. Hoàng Hải Nam; KS. Nguyễn Luật; ThS. Hoàng Trung Thông; ThS. Trương Thị Ly Na; ThS. Trương Thị Hồng Phương; PGS.TS Trương Thị Hồng Hải; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang - Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị - Trường Cao đẳng Kỹ thuật Quảng Trị, 2022;

09/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá được tình hình khai thác, mua bán các giống lan Giả hạc của Quảng Trị. Lựa chọn một số giống lan Giả hạc điển hình có giá trị thẩm mỹ, giá trị kinh tế cao để nhân giống và phát triển. Xây dựng và hoàn thiện quy trình nhân giống những loại lan Giả hạc đã lựa chọn bằng phương pháp nuôi cấy in vitro. Xây dựng và hoàn thiện quy trình ươm trồng và chăm sóc cây in vitro lan Giả hạc trong vườn ươm.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_101.2022

89134. 11-2023 **Nghiên cứu khảo nghiệm một số giống thuốc lá vàng có triển vọng nhằm chọn giống phù hợp và hoàn thiện quy trình kỹ thuật, tạo vùng sản xuất nguyên liệu hàng hóa tập trung trên đất cát pha nội đồng và đất cát ven biển tỉnh Quảng Trị/** Phạm Thị Chung, Phạm Văn Ban; Trần Xuân Lộc; Dương Thị Hồng Vân; Võ Thị Tuyết Trinh; Lê Thị Thanh Mai. - Công ty TNHH MTV BH Hoài Bảo - Công ty TNHH MTV BH Hoài Bảo, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng mô hình khảo nghiệm, nghiên cứu về phương pháp bón phân, mật độ, biện pháp phòng trừ sâu bệnh, thu hoạch, phơi hong gió thuốc lá nguyên liệu, nhằm hoàn thiện các quy trình kỹ thuật sản xuất phù hợp với điều kiện vùng cát tỉnh Quảng Trị. Hoàn thiện quy trình sản xuất, sơ chế, bảo quản sản phẩm, đánh giá chất lượng đáp ứng yêu cầu

theo hướng phù hợp với thị trường và tiêu chuẩn nguyên liệu đầu vào của các nhà máy sản xuất thuốc lá điếu trong nước như: Tổng công ty thuốc lá Việt Nam VINATABA; Công ty thuốc lá Đà Nẵng; Công ty thuốc lá Hữu Nghị, làm cơ sở để ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm thuốc vàng nguyên liệu khi mở rộng sản xuất kinh doanh.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_105.2023

89135. 11-2023 **Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây xoài ghép ĐL4 (Đài Loan), cây Sầu riêng Monthong (Thái Lan) và cây Chôm chôm tại xã Hướng Phùng, huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị/ Tạ Sáu, ThS. Lê Mậu Bình; KS. Phan Ngọc Long. - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị, 2022; 07/2019 - 01/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm 5.000m<sup>2</sup> cây xoài ghép ĐL4 - Đài Loan, Sầu riêng Monthong (Thái Lan) và cây Chôm chôm tại xã Hướng Phùng để đánh giá khả năng thích nghi: Theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng và phát triển, tình hình sâu bệnh hại để đánh giá năng suất, sản lượng và hiệu quả kinh tế của mô hình, làm cơ sở khoa học để tham mưu Tỉnh xây dựng chính sách nhân rộng thành vùng trồng cây ăn quả chủ lực, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nhằm phát triển kinh tế-xã hội vùng núi phía Bắc Hướng Hóa. Hoàn thiện các quy trình kỹ thuật trồng thâm canh các giống cây ăn quả này phù hợp với điều kiện

của vùng Bắc Hướng Hóa để khuyến cáo bà con áp dụng nhân rộng sau khi đề tài thành công.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_106.2022

### **40202. Di truyền và nhân giống động vật nuôi**

87786. 11-2023 **Nghiên cứu chọn tạo 02 dòng gà Đông Tảo và 02 dòng gà Móng/ TS. Ngô Thị Kim Cúc, TS. Phạm Văn Sơn; KS. Ngô Thị Thu Hiền; ThS. Đặng Văn Dũng; ThS. Trần Trung Thông; ThS. Phạm Thị Bích Hương; ThS. Nguyễn Thị Tinh; TS. Nguyễn Văn Ba; TS. Nguyễn Văn Trung; TS. Nguyễn Công Định - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2022; 01/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Chọn tạo được 02 dòng trống thuần với số lượng 150 mái và 30 trống. Năng suất trứng/năm đẻ ổn định đạt  $\geq 86$  quả. Chọn tạo được 02 dòng mái thuần với số lượng 250 mái và 40 trống. Có ngoại hình đặc trưng của dòng. Dòng mái thuần gà Đông Tảo: Khối lượng cơ thể lúc 8 tuần tuổi ổn định: con trống 1.100-1.200 g, con mái 800-900g. Năng suất trứng/năm đẻ đạt  $\geq 71$  quả. Dòng mái thuần gà Móng: Khối lượng cơ thể lúc 8 tuần tuổi ổn định: con trống 700-800g, con mái 600-700g. Năng suất trứng/năm đẻ đạt  $\geq 91$  quả. 02 quy trình chăn nuôi cho 2 dòng gà bản địa thuần: gà Đông Tảo và gà Móng.

Số hồ sơ lưu: 22402

87936. 11-2023 **Chọn tạo 2 dòng ngan năng suất cao từ nguồn nguyên liệu ngan Pháp R71SL**

**nhập nội/** ThS. Tạ Thị Hương Giang, TS. Trần Ngọc Tiên; TS. Nguyễn Quý Khiêm; ThS. Nguyễn Thị Minh Hương; ThS. Phạm Thị Huệ; ThS. Phạm Thị Kim Thanh; ThS. Trần Thị Hà; ThS. Đặng Thị Phương Thảo; ThS. Đỗ Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thị Tâm - Hà Nội - Trung tâm nghiên cứu gia cầm Thụy Phương, 2022; 01/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chọn tạo 2 dòng ngan (chọn tạo dòng trống NTP1 theo hướng nâng cao khối lượng cơ thể; chọn tạo dòng mái NTP2 theo hướng nâng cao năng suất trứng), nghiên cứu đánh giá khả năng sản xuất của ngan bố mẹ và con thương phẩm và xây dựng quy trình chăm sóc nuôi dưỡng cho ngan sinh sản và thương phẩm. Từ 4 dòng ngan đơn tính R71SL nhập nội, bằng phương pháp lai cấp tiến tạo thế hệ xuất phát, chọn lọc định hướng qua 3 thế hệ tạo dòng trống theo hướng khối lượng cơ thể cao, dòng mái theo hướng năng suất trứng cao. Từ 2 dòng mới chọn tạo, sử dụng phương pháp lai đơn giản tạo các tổ hợp lai ngan bố mẹ và thương phẩm với 2 dòng ngan VS1, VS2 đã có của Trung tâm. Áp dụng phương pháp phân lô so sánh, ngẫu nhiên hoàn toàn một nhân tố để tìm ra mức ăn thích hợp cho 2 dòng ngan mới, đồng thời tập hợp, phân tích các dữ liệu, áp dụng quy trình chăm sóc nuôi dưỡng thú y phòng bệnh chăn nuôi ngan sinh sản và thương phẩm để đưa ra quy trình chăn nuôi phù hợp.

Số hồ sơ lưu: 22212

87937. 11-2023 **Nghiên cứu tạo con lai giữa gà Lạc Thủy với gà VCN-Z15/** ThS. Trần Quốc Hùng, ThS. Lê Thị Thúy Hà; TS. Nguyễn Thị Mươi; ThS. Phạm Thị Thanh Bình; ThS. Nguyễn Thị Hải; TS. Đào Đoan Trang; ThS. Chu Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân; ThS. Nguyễn Trung Hiếu; KS. Nguyễn Văn Tám - Hà Nội - Trung tâm Thực nghiệm và Bảo tồn vật nuôi - Viện Chăn nuôi, 2022; 01/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Từ hai nguồn gen quý là gà Lạc Thủy bản địa và gà VCN-Z15 nhập nội, bằng phương pháp lai tạo, chọn lọc định hướng qua 4 thế hệ, đề tài đã chọn tạo được 2 dòng gà lông màu LZ và ZL. Ở thế hệ 3 (TH3), dòng trống LZ khối lượng cơ thể (KLCT) lúc 8 tuần tuổi (TT) con trống đạt 941,07g, cao hơn thế hệ xuất phát (THXP) là 131,62g (tăng 16,26%); con mái đạt 721,26g, cao hơn THXP là 102,53g (tăng 16,57%); KLCT 20 TT con trống đạt 2002,77g, con mái đạt 1613,50g; năng suất trứng (NST)/mái/72 tuần tuổi qua 4 thế hệ bình ổn từ 126,90 – 127,91 quả, tiêu tốn thức ăn (TTTA)/10 trứng là 3,15-3,18kg. Chọn lọc tạo được 2 dòng gà: Dòng trống (LZ): Số lượng 300 con (240♀ + 60♂). Khối lượng cơ thể lúc 8 tuần tuổi gà trống  $\geq 850$  g, gà mái đạt 550-650 g, năng suất trứng  $\geq 125$  quả/mái/năm. Dòng mái (ZL): Số lượng 300 con (240♀ + 60♂), năng suất trứng  $\geq 135$  quả/mái/năm. Gà thương phẩm: tỷ lệ nuôi sống  $\geq 94\%$ , khối lượng lúc 17

tuần tuổi: con trống  $\geq 2,0\text{kg}$ ; con mái  $\geq 1,60\text{kg}$ ; tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng  $\leq 3,4$  kg. Xây dựng được quy trình chăn nuôi gà lai sinh sản và thương phẩm.

Số hồ sơ lưu: 22200

88611. 11-2023 **Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen vật nuôi**/ TS. Phạm Công Thiệu, ThS. Phạm Hải Ninh; TS. Nguyễn Công Định; ThS. Trịnh Duy Linh; ThS. Phạm Đức Hồng; KS. Nguyễn Phạm Trung Nguyên; KS. Ngô Thị Lệ Quyên; TS. Nguyễn Khánh Vân; KS. Nguyễn Đức Lâm; ThS. Đào Đức Hào - Hà Nội - Viện Chăn nuôi, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Bảo tồn 15 nguồn gen vật nuôi và 02 nguồn gen ong (ong khóa, ong đá) nhằm đảm bảo sự đa dạng trong từng giống/nguồn gen, tránh lai tạp góp phần bảo tồn sự đa dạng sinh học. Bảo tồn và lưu giữ vật liệu di truyền nguồn gen lợn Ỉ và lợn Chur Prông. Điều tra tìm kiếm thu thập được 02 nguồn gen vật nuôi. Đánh giá sơ bộ được 01 nguồn gen (gà Mã Đà), đánh giá chi tiết được 01 nguồn gen (gà lông chân) và đánh giá sai khác di truyền 01 nguồn gen (vịt bầu Nghĩa Đô). Tư liệu hóa nguồn gen, bổ sung thông tin, ảnh 15 nguồn gen bảo tồn vào phần mềm Vietgen.

Số hồ sơ lưu: 22640

#### **40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi**

87951. 11-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ lên men vi sinh trong chế biến phụ phẩm cây thanh long làm thức ăn cho gia súc**

**nhai lại**/ TS. Đoàn Vĩnh, TS. Phạm Huỳnh Ninh; ThS. Lê Hoàng Bảo Vi; ThS. Lã Thị Thanh Huyền; KS. Nguyễn Duy Khánh; KS. Phạm Ngọc Thảo; KS. Đinh Thị Quỳnh Liên; ThS. Phan Thị Tường Vi; CN. Vũ Minh; KS. Nguyễn Thị Hà - Bình Dương - Phân viện Chăn nuôi Nam Bộ, 2022; 01/2021 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá đánh giá thực trạng tiềm năng nguồn phụ phẩm cây thanh long. - Xác định được 2 công thức ủ chua phụ phẩm cây thanh long làm thức ăn cho gia súc nhai lại. Công thức phối chế thành thức ăn cho gia súc nhai lại trong đó có phụ phẩm cây thanh long ủ chua. Quy trình bảo quản, sử dụng phụ phẩm cây thanh long ủ chua làm thức ăn cho gia súc nhai lại.

Số hồ sơ lưu: 22438

89162. 11-2023 **Nhân rộng mô hình chăn nuôi bò thịt theo hình thức bán thâm canh tại huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng**/ ThS. Phan Công Du, KS. Võ Thị Quỳnh; ThS. Trần Thị Mỹ Linh; CN. Nguyễn Thị Thu Hoài; CN. Lê Văn Quyền; ThS. Huỳnh Nhân Ái - Đà Lạt, Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ Lâm Đồng, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng được 04 mô hình nuôi bò thịt theo hình thức bán thâm canh. Tăng trưởng bình quân từ 0,87 - 1,36 kg/ con/ ngày. Qua quá trình triển khai nhiệm vụ đã tổ chức 01 lớp tập huấn quy trình kỹ thuật chăn nuôi bò thịt theo hình thức bán thâm

canh cho 40 lượt người dân trong vùng tham gia. Người chăn nuôi được trang bị kỹ thuật thông qua tập huấn từ đó làm thay đổi được tập quán chăn nuôi truyền thống, bước đầu mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cho địa phương. Với việc sử dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi bò thịt, môi trường chăn nuôi được cải thiện rõ rệt, hạn chế tối đa mùi hôi, ruồi nhặng, góp phần trong việc xây dựng xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-011

89204. 11-2023 **Nhân rộng mô hình chăn nuôi bò thịt theo hình thức bán thâm canh tại huyện Đam Rông**/ KS. Võ Thị Quỳnh, ThS. Trần Thị Mỹ Linh; CN. Nguyễn Thị Thu Hoài; KS. Lê Thị Phương Hội; CN. Lê Văn Quyền - Đam Rông - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ Lâm Đồng, 2023; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Cơ sở)

Mô hình nuôi truyền thống tại Đam Rông thường nuôi bò theo hình thức chăn thả, rất ít hộ nuôi nhốt để vỗ béo, chưa có kỹ thuật phù hợp, chỉ sử dụng các thức ăn sẵn có một cách tùy ý mà không quan tâm đến việc cho ăn có đảm bảo đủ nhu cầu dinh dưỡng của bò hay không nên tăng trọng của bò thấp hơn so với bò của mô hình và thời gian để bò đạt được khối lượng xuất bán cũng kéo dài hơn so với sử dụng thức ăn phối trộn (12 -18 tháng) gây mất thời gian thu hồi vốn và công lao động.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-023

#### 40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

87784. 11-2023 **Sản xuất thử nghiệm thức ăn bổ sung thay thế phấn hoa cho ong ngoại (Apis mellifera)**/ TS. Trương Anh Tuấn, ThS. Bùi Trọng Diễn; TS. Phạm Đức Hạnh; TS. Lê Văn Huyền; ThS. Nguyễn Thông Thành; ThS. Nguyễn Thị Hoàng Anh; ThS. Lại Mạnh Toàn; ThS. Phạm Ngọc Tuyên; ThS. Nguyễn Quốc Hùng; ThS. Phạm Văn Mạnh - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu Ong và Chuyển giao Công nghệ Chăn nuôi, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng bộ hồ sơ đăng ký lưu hành sản phẩm thức ăn bổ sung thay thế phấn hoa. Xây dựng được quy trình chế biến, bảo quản và sử dụng thức ăn bổ sung thay thế phấn hoa cho ong ngoại dạng bánh, giảm tồn dư protein trong sản phẩm mật ong. Xây dựng 03 mô hình sử dụng thức ăn thay thế phấn hoa dạng bánh (với 2400 đàn ong ngoại) đạt chỉ tiêu: Năng suất mật  $\geq 54\text{kg}/\text{đàn}/\text{năm}$ , tỷ lệ nước trong mật ong  $\leq 23\%$ , năng suất sáp ong  $\geq 1,2\text{kg}/\text{đàn}/\text{năm}$ , năng suất phấn hoa  $\geq 1,5\text{kg}/\text{đàn}/\text{năm}$ .

Số hồ sơ lưu: 22406

89013. 11-2023 **Nhân rộng mô hình chăn nuôi bò thịt theo hình thức bán thâm canh tại các xã vùng dân tộc thiểu số huyện Lạc Dương**/ ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Trang, CN. Nguyễn Nam Hoài; CN. Nguyễn Thụy Anh Thư; CN. Nguyễn Thị Ngọc Ánh; KTV. Kơ Să Ha Jie; KTV. Lơ Mu You Wen; CN. Đỗ Thị Hải - Lạc Dương, Lâm Đồng - Trung tâm Nông nghiệp huyện Lạc

Dương, 2022; 01/2022 - 12/2022.  
(Đề tài cấp Cơ sở)

Triển khai đến các hộ chăn nuôi hình thức chăn nuôi bò thịt bán thâm canh (chăn thả kết hợp nuôi nhốt), thiết kế chuồng trại phù hợp, hợp vệ sinh nhằm chủ động trong công tác phòng chống dịch bệnh, giảm nhân công chăn thả gia súc, xử lý chất thải chăn nuôi bằng đệm sinh học giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tận dụng chất thải phát sinh trong hoạt động chăn nuôi làm phân bón cho cây trồng, hạn chế phát sinh ô nhiễm nguồn nước khu vực thượng nguồn. Phổ biến kỹ thuật vỗ béo bò trước khi xuất bán bò thịt từ đó nâng cao hiệu quả chăn nuôi, góp phần tăng thu nhập cải thiện kinh tế hộ gia đình, ổn định đời sống, dự án đã xây dựng 10 mô hình tại xã Đa Sar và xã Lát.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-007

#### **40205. Bảo vệ động vật nuôi**

87797. 11-2023 “**Nghiên cứu phân lập, định danh một số loài nấm da ở dê, thỏ, chó và chế tạo thuốc trị nấm, xây dựng quy trình phòng trị bệnh**”/ TS. Nguyễn Đức Tân, TS. Nguyễn Văn Thoại; TS. Huỳnh Vũ Vỹ; ThS. Lê Hứa Ngọc Lược; ThS. Lê Đức Quyết; TS. Đỗ Văn Khiên; TS. Nguyễn Thị Thắm; ThS. Trần Văn Trung; TS. Đặng Thanh Hiền; TS. Lê Lập - Khánh Hòa - Phân viện Thú y miền Trung, 2023; 01/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được sự phân bố, thành phần loài, các yếu tố ảnh hưởng đến

tình hình nhiễm nấm da ở dê, thỏ và chó. Chế tạo thành công thuốc trị nấm da ở dê, thỏ và chó. Xây dựng được quy trình phòng, trị bệnh nấm da ở dê, thỏ và chó. Nghiên cứu tình hình nhiễm nấm da ở dê, thỏ và chó tại Việt Nam. Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học nấm da ở dê, thỏ và chó. - Nghiên cứu, chế tạo thuốc trị nấm da ở dê, thỏ và chó. Nghiên cứu, xây dựng quy trình phòng, trị bệnh nấm da ở dê, thỏ và chó.

Số hồ sơ lưu: 22395

88405. 11-2023 **Nghiên cứu chế tạo vacxin nhị giá vô hoạt phòng bệnh đường hô hấp ở lợn do vi khuẩn *Haemophilus parasuis* và *Bordetella bronchiseptica* gây ra**/ TS. Nguyễn Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Xuân Huyền; PGS.TS. Cù Hữu Phú; PGS.TS. Trương Văn Dung; PGS.TS. Phùng Quốc Chương; ThS. Văn Thị Hương; BS. Lê Thị Minh Hằng; ThS. Trần Việt Dũng Kiên; ThS. Lưu Thị Hải Yến; Đào Thị Hảo; Tăng Thị Phương; TS. Trần Thị Thanh Hà; KTV. Đào Thị Toàn - Hà Nội - Viện thú y, 2023; 01/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân lập và tuyển chọn chủng vi khuẩn *H. parasuis* và *B. bronchiseptica* dùng làm giống chế tạo vacxin phòng bệnh cho lợn. Nghiên cứu chế tạo vacxin nhị giá vô hoạt có bổ trợ keo phèn phòng bệnh đường hô hấp cho lợn do vi khuẩn *H. parasuis* và *B. bronchiseptica* gây ra. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng quy trình giữ giống vi khuẩn *H. parasuis* và *B. bronchiseptica* đảm bảo tính kháng



nguyên ổn định, xây dựng quy trình sản xuất vacxin nhĩ giá vô hoạt công nghệ lên men sục khí và xây dựng quy trình bảo quản và sử dụng vacxin

Số hồ sơ lưu: 22597

#### **40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác**

88355. 11-2023 **Xây dựng mô hình nuôi cá sông trong ao và đánh giá hiệu quả kinh tế, khả năng ứng dụng công nghệ nuôi cá sông trong ao tại tỉnh Phú Thọ/Th.S.Phan Thị Yên, ThS.Nguyễn Xuân Việt; TS.Diệp Tố Uyên; TS.Nguyễn Thị Quyên; TS.Bùi Ngọc Thanh; TS.Nguyễn Đắc Triền; TS.Nguyễn Tài Năng; ThS.Triệu Anh Tuấn; TS.Ngô Thế Long; ThS.Phan Thị Phương Thanh - Phú Thọ - Trường Đại học Hùng Vương, 2023; 06/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Điều tra, khảo sát kết hợp tham quan, học tập kinh nghiệm. Khảo sát thu thập số liệu về nguồn nguyên liệu bã sắn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và một số tỉnh lân cận. Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất. Đào tạo kỹ thuật thiết kế, xây dựng hệ thống sông trong ao, Kỹ thuật lắp đặt thiết bị vận hành hệ thống sông trong ao, Kỹ thuật nuôi cá thương phẩm theo công nghệ sông trong ao. Đánh giá khả năng ứng dụng công nghệ sông trong ao (IPRS). Hội thảo khoa học truyền thông nhân rộng mô hình ứng dụng công nghệ sông trong ao(IPRS). Tổ chức 02 cuộc hội thảo về mô hình nuôi thủy sản trong hệ thống sông trong ao.

Số hồ sơ lưu: PTO - 07.2023

89343. 11-2023 **Xây dựng mô hình nuôi thử nghiệm gà nhiều lứa Phú Thọ thương phẩm trên địa bàn thành phố Đồng Hới./ThS.Trương Tấn Huệ, Trương Tấn Huệ; Đoàn Văn Thái; Phạm Thị Bích Liên; Nguyễn Thị Hiền; Hà Hải Lâm; Nguyễn Thị Hồng; Nguyễn Minh Hương. - Công ty TNHH TMDV Sen Việt. - Công ty TNHH TMDV Sen Việt., 2023; 12/2022 - 07/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Xây dựng mô hình nuôi thử nghiệm gà nhiều lứa Phú Thọ lấy thịt với quy mô 1000 con, đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển và thích nghi. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà nhiều lứa Phú Thọ lấy thịt, phù hợp với điều kiện tự nhiên tại tỉnh Quảng Bình.Khảo sát thực tế, xây dựng thuyết minh.Xây dựng mô hình nuôi thử nghiệm gà nhiều lứa Phú Thọ lấy thịt. Theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển, nhiễm bệnh, khả năng thích nghi và hiệu quả kinh tế.Hoàn thiện quy trình kỹ thuật chăn nuôi gà nhiều lứa Phú Thọ lấy thịt, phù hợp với điều kiện tự nhiên tại tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 09/2023-QLKH-CN-CS

#### **40402. Tài nguyên rừng**

88549. 11-2023 **Tác động của suy giảm rừng đối với đời sống tinh thần các dân tộc thiểu số tại chỗ vùng Tây Nguyên/ TS. Phạm Xuân Hoàng, ThS. Phan Quang Trung; TS. Trần Ngọc Thê; ThS.**

Đào Quang Bình; ThS. Nguyễn Thị Lạng; ThS. Lại Thị Vân; TS. Trần Thị Tuyết; ThS. Cao Thị Lan Anh; ThS. Lê Hữu Phước; CN. Phạm Văn Duệ - Đắc Lắc - Viện Khoa học xã hội vùng Tây Nguyên, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng suy giảm TNR vùng Tây Nguyên trong mối quan hệ tác động tới đời sống tinh thần (ĐSTT) các dân tộc thiểu số (DTTS) tại chỗ vùng Tây Nguyên; rút ra các vấn đề cấp thiết; trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp bảo vệ, phát triển bền vững TNR gắn với giữ gìn và phát huy các giá trị ĐSTT các DTTS tại chỗ vùng Tây Nguyên. Nêu lên được những vấn đề lý luận và thực tiễn về mối quan hệ giữa rừng, TNR đối với ĐSTT các DTTS; xác định được những biểu hiện của ĐSTT các DTTS Tây Nguyên trong mối quan hệ với rừng và TNR - Đánh giá thực trạng suy giảm TNR ở vùng Tây Nguyên; thấy được mối quan hệ tác động của suy giảm rừng, TNR đến ĐSTT các DTTS vùng Tây Nguyên. - Đề xuất các giải pháp và khuyến nghị bảo vệ và phát triển bền vững TNR gắn với giữ gìn và phát huy các giá trị ĐSTT các DTTS ở Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 22205

89067. 11-2023 **Nghiên cứu tính đa dạng và bảo tồn họ Tai voi (Gesneriaceae) trên núi đá vôi của Việt Nam/** TS. Đỗ Văn Trường, TS. Lữ Thị Ngân; TS. Huỳnh Thị Thu Huệ; TS. Lưu Đàm Ngọc Anh; ThS. Vũ Thị Thu Hiền; CN. Đinh Diệu Thúy; ThS. Bùi Văn Hương; ThS.

Lê Quỳnh Trang - Hà Nội - Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hệ thống học họ Tai voi ở Việt Nam trên cơ sở hệ thống hiện đại đang được sử dụng rộng rãi; Khám phá tính đa dạng của họ Tai voi trên núi đá vôi của Việt Nam; Đánh giá mối quan hệ phát sinh, vị trí phân loại và giới hạn của một số taxa trong họ Tai voi trên núi đá vôi của Việt Nam; Đánh giá hiện trạng bảo tồn và xác định các mối nguy hại đến bảo tồn của họ Tai voi trên núi đá vôi của Việt Nam; Đề xuất giải pháp tổng thể để bảo tồn các loài Tai voi nguy cấp trên núi đá vôi của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22707

89089. 11-2023 **Nghiên cứu phân loại chi Dẻ Đá (*Lithocarpus* Bl.) ở Việt Nam bằng phương pháp giải trình tự gene thế hệ tiếp theo và phương pháp hình thái học./** TS. Nguyễn Văn Ngọc, TS. Hoàng Thị Bình; TS. Nông Văn Duy; ThS. Hoàng Thanh Sơn; ThS. Trần Thị Nhung - Hà Nội - Trường Đại học Đà Lạt, 2023; 04/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sửa đổi, cập nhật và xây dựng hệ thống phân loại hoàn chỉnh của chi *Lithocarpus*, đồng thời đánh giá chính xác về độ đa dạng thành phần loài của chi này tại Việt Nam. Thu thập và xây dựng được cơ sở dữ liệu, hệ thống tiêu bản mới các loài thuộc chi *Lithocarpus*. Xây dựng mối quan hệ phát sinh loài của chi *Lithocarpus*. Làm sáng tỏ vấn đề phân loại của

các tổ hợp loài có hình thái gần nhau, mô tả các loài chưa biết có phân bố tại Việt Nam. Xác định chính xác số lượng loài *Lithocapus*.

Số hồ sơ lưu: 22710

89333. 11-2023 Sản xuất thử nghiệm và hoàn thiện kỹ thuật trồng rừng một số giống tiên bộ kỹ thuật Keo lá tràm (AA42, AA53, AA56, AA92, AA95) cung cấp gỗ lớn tại vùng Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ/ TS. Trần Hữu Biển, TS. Nguyễn Kiên Cường; ThS. Phan Thị Ngọc Anh; ThS. Kiều Phương Anh; TS. Nguyễn Thanh Minh; ThS. Đỗ Thị Ngọc Hà; ThS. Phùng Văn Tĩnh; KS. Cửu Đặng Sỹ; CN. Đoàn Xuân Hùng; ThS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Đặng Thanh Quỳnh - Đồng Nai - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2022; 01/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng 2 ha khảo nghiệm giống mở rộng cho vùng mới tại vùng Nam Trung Bộ các dòng Keo lá tràm AA42, AA53, AA56, AA92, AA95. Xây dựng được 4 ha thí nghiệm hoàn thiện công nghệ làm đất và bón phân trên hai vùng Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ (2 ha/vùng). Xây dựng 30 ha mô hình sản xuất thử nghiệm trên hai vùng Đông Nam Bộ và Nam Trung Bộ (15 ha/vùng) năng suất đạt 20 m<sup>3</sup>/ha/năm và tỷ lệ gỗ xẻ đạt trên 40% đến kỳ khai thác. Xây dựng báo cáo và công nhận được ít nhất 2 giống Keo lá tràm cho vùng mới. Hoàn thiện được 1 quy trình kỹ thuật trồng rừng thâm canh Keo lá tràm (Biện pháp làm đất và bón phân được Viện

Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam công nhận cấp cơ sở). Chuyển giao giống và kỹ thuật trồng rừng thâm canh năng suất cao bằng các giống Keo lá tràm AA42, AA53, AA56, AA92, AA95.

Số hồ sơ lưu: 22817

### 40403. Quản lý và bảo vệ rừng

87781. 11-2023 Đào tạo nâng cao năng lực cho các doanh nghiệp về quản lý chuỗi hành trình sản phẩm có nguồn gốc từ gỗ (CoC) theo tiêu chuẩn của Chương trình chứng nhận chứng chỉ rừng quốc tế (PEFC)/ TS. Trần Thế Liên, TS. Trương Tất Đơ; TS. Vũ Tấn Phương; ThS. Nguyễn Hoàng Tiệp; ThS. Đào Lê Huyền Trang; ThS. Hà Thị Thu; ThS. Nguyễn Văn Diện; ThS. Khuất Thị Lan Anh - Hà Nội - Tổng cục Lâm nghiệp, 2022; 04/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cập nhật được bộ tài liệu hướng dẫn thực hiện theo Tiêu chuẩn PEFC (CoC) cho sản phẩm có nguồn gốc từ gỗ; Xây dựng được bộ tài liệu bài giảng tập huấn cho các doanh nghiệp chế biến gỗ; Đào tạo, tập huấn được cho ít nhất 60 doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu đồ gỗ trong cả nước về quản lý chuỗi hành trình sản phẩm có nguồn gốc từ gỗ (CoC) theo tiêu chuẩn của chương trình chứng nhận chứng chỉ rừng quốc tế quốc tế (PEFC). Mở rộng khảo sát đánh giá năng lực và nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp. Xây dựng thêm các hướng dẫn kỹ thuật cho từng loại hình doanh nghiệp và các hướng dẫn kỹ thuật sâu cho từng chuyên đề. Mở rộng đối tượng và phạm vi tập huấn

về thực hiện chuỗi hành trình sản phẩm và hệ thống trách nhiệm giải trình theo tiêu chuẩn PEFC.

Số hồ sơ lưu: 22440

#### **40405. Giống cây rừng**

87968. 11-2023 **Bảo tồn nguồn gen cây rừng/** TS. La Ánh Dương, PGS.TS. Phí Hồng Hải; TS. Trần Văn Tiên; TS. Lê Sơn; ThS. Cán Thị Lan; ThS. Doãn Hoàng Sơn; ThS. Hoàng Thanh Sơn; KS. Hà Huy Nhật; ThS. Triệu Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Quốc Toàn; PGS.TS. Trần Ngọc Hải; ThS. Lê Phương Triều ; TS. Trần Hữu Biền; TS. Nguyễn Văn Thọ; TS. Lê Thị Thủy; ThS. Phan Đức Chính; ThS. Quách Mạnh Tùng; ThS. Lưu Thế Trung; ThS. Đỗ Thị Minh Hiền; KS. Đỗ Thanh Tùng; ThS. Đồng Thị Ứng; KS. Lê Ngọc Anh - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được khu phân bố, đặc điểm lâm học, chọn lọc và thu hái được hạt giống của ít nhất 30 cá thể Hoàng đàn giả tại Tuyên Quang, Quảng Ninh và Gia Lai. Đánh giá được mức độ đa dạng di truyền nguồn gen Bách tán đài loan. Lưu trữ, bảo quản an toàn cho 3904 lô hạt giống, bổ sung được ít nhất 30 lô hạt giống Hoàng đàn giả cho ngân hàng gen hạt giống. Xác định được phương pháp nhân giống cho Hoàng đàn giả và chăm sóc được cây con của các nguồn gen Sến mật, Bách tán đài loan, Gụ lau. Xây dựng được 1,0 ha rừng trồng bảo tồn chuyên chỗ Gụ lau và chăm sóc, bảo vệ được 6,0 ha rừng trồng bảo tồn

chuyên chỗ Trúc vuông, Trúc hóa long, Cát sâm, Trà hoa vàng, Sưa đỏ, Đỗ quyên lá nhọn, Thiết đỉnh, Trắc, trong đó 1,0ha Trúc vuông, Trúc hóa long được trồng bổ sung đảm bảo mật độ.

Số hồ sơ lưu: 22186

#### **40407. Bảo quản và chế biến lâm sản**

88938. 11-2023 **Ứng dụng Khoa học và Công nghệ xây dựng mô hình sản xuất viên nén sinh học từ phế phụ phẩm sau chế biến gỗ làm nhiên liệu đốt cho dân dụng, công nghiệp và phục vụ xuất khẩu tại tỉnh Yên Bái/** KS. Đoàn Tuấn Huy, Đinh Văn Thi; TS. Bùi Duy Ngọc; ThS. Lê Thị Hưng; ThS. Nguyễn Văn Giáp; TS. Nguyễn Văn Định; CN. Hoàng Văn Thắng; CN. Nguyễn Thanh Tú; Hoàng Thị Thủy - Yên Bái - Chi nhánh Công ty cổ phần Netma tại Yên Bái, 2023; 03/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình công nghệ, thiết bị sản xuất viên nén sinh học tận dụng phế phụ phẩm chế biến gỗ rừng trồng công suất khoảng 36.000 tấn sản phẩm/năm. Sản phẩm Viên nén gỗ đáp ứng yêu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu theo tiêu chuẩn ISO 17225:2014. Đơn vị chủ trì - Chi nhánh Công ty Cổ phần Netma tại Yên Bái tiếp nhận và làm chủ được quy trình công nghệ sản xuất viên nén sinh học từ phế phụ phẩm chế biến gỗ rừng trồng đáp ứng yêu cầu tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Đào tạo 05 kỹ thuật viên cơ sở làm chủ được công nghệ và tập

huấn cho 50 công nhân có kỹ năng tốt vận hành trang thiết bị công nghệ. Tuyên truyền quảng bá, giới thiệu về dự án cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn trong và ngoài tỉnh.

Số hồ sơ lưu: 22677

#### **40501. Sinh lý và dinh dưỡng thủy sản**

87883. 11-2023 **Đánh giá đáp ứng sinh trưởng, sinh lý, miễn dịch và khả năng chống lại vi khuẩn của cá chim (*Tranchinotus blochii*) cho ăn thức ăn có protein thủy phân cá ngừ/** TS. Phạm Đức Hùng, PGS.TS. Lê Minh Hoàng; TS. Ngô Văn Mạnh; TS. Nguyễn Văn Minh; ThS. Phan Văn Út - Nha Trang - Trường Đại học Nha Trang, 2023; 09/2019 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiệu quả của protein thủy phân từ cá ngừ lên sinh trưởng, tiêu hóa, sinh lý, miễn dịch và khả năng chống lại vi khuẩn *Vibrio* sp ở cá chim giai đoạn giống. Xác định kỹ thuật thủy phân đầu và nội tạng cá ngừ và đánh giá giá trị dinh dưỡng và trình tự của peptides từ nguồn protein thủy phân. Đánh giá độ tiêu hóa các thành phần dinh dưỡng của thức ăn và độ tiêu hóa các chất dinh dưỡng của nguyên liệu là protein thủy phân từ đầu và nội tạng cá ngừ ở cá chim giống. Xác định hiệu quả của protein thủy phân từ đầu cá ngừ lên sinh trưởng, thành phần sinh hóa, đáp ứng sinh lý, miễn dịch và khả năng chống lại vi khuẩn *Vibrio* sp ở cá chim giống. Xác định hiệu quả của protein thủy phân từ

nội tạng cá ngừ lên sinh trưởng, thành phần sinh hóa, đáp ứng sinh lý, miễn dịch và khả năng chống lại vi khuẩn *Vibrio* sp ở cá chim giống. Đánh giá hiệu quả của dịch thủy phân cá ngừ lên men khi thay thế hoàn toàn bột cá trong thức ăn cho cá chim giống.

Số hồ sơ lưu: 22215

#### **40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản**

87946. 11-2023 **Nghiên cứu chọn giống cá tra (*Pangasianodon hypophthalmus*) nâng cao sinh trưởng/** ThS. Nguyễn Đình Hùng, ThS. Trần Hữu Phúc; TS. Nguyễn Văn Sáng; KS. Võ Thị Hồng Thắm; ThS. Nguyễn Thanh Vũ; KS. Nguyễn Huỳnh Duy; KS. Phạm Đăng Khoa; KS. Nguyễn Thế Vương; ThS. Đặng Văn Trường; ThS. Nguyễn Thị Đăng - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2023; 01/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Chọn tạo đàn cá tra sinh trưởng nhanh: Chọn lọc được đàn cá tra bố mẹ chọn giống có tốc độ tăng trưởng nhanh thể hệ thứ tư (G4), số lượng 200 cặp cá bố mẹ, hiệu quả chọn giống thực tế trên 10% so với đàn cá chọn giống tăng trưởng thể hệ thứ ba (G3). Đánh giá khả năng kháng bệnh gan thận mỡ của đàn cá tra chọn giống tăng trưởng thể hệ thứ tư (G4) thông qua thí nghiệm cảm nhiễm bệnh gan thận mỡ trên 100 gia đình cá giống G4, bằng phương pháp cảm nhiễm cá tiếp xúc cá (cohabitant method) và có bổ sung vi khuẩn vào môi trường nước. Sản xuất và phát

tán 5.000 con cá bố mẹ hậu bị (1,0 kg/con) chọn giống tăng trưởng nhanh được sinh sản từ bố mẹ chọn lọc G3, đàn cá hậu bị phát tán được tuyển lựa theo cá thể (những cá có kích cỡ lớn nhất được ưu tiên tuyển chọn) và được đánh dấu chỉ vị trí DCWT trước khi chuyển giao.

Số hồ sơ lưu: 22243

88096. 11-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu (*Mastacembelus favus* Hora, 1923) tại tỉnh An Giang/** KS. Tạ Thanh Huy, ThS. Phan Thúy An; KS. Nguyễn Tuấn Anh; KS. Nguyễn Phước Sang; KS. Nguyễn Công Hậu; KS. Nguyễn Văn KyN - An Giang - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phố Thị 365, 2022; 10/2019 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận, chuyển giao các quy trình công nghệ về sản xuất giống, ương giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu. Xây dựng mô hình sản xuất giống, ương giống cá chạch lấu với quy mô diện tích 3.000m<sup>2</sup>, sản xuất được 1.000.000 cá giống có kích cỡ (chiều dài trung bình 10 cm/con). Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá chạch lấu với quy mô diện tích 1,5 ha; năng suất đạt 15-20 tấn/ha, kích cỡ trung bình 300-350 g/con. Phát triển thành công công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá chạch lấu nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế, phát triển bền vững trong lĩnh vực nuôi thủy sản góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh An Giang.

Số hồ sơ lưu: 21907

88341. 11-2023 **Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ sản xuất giống cá tầm Nga (*Acipenser gueldenstaedtii* Brandt, 1833) và cá tầm Xi-bê-ri (*Acipenser baerii* Brandt, 1869) tại tỉnh Lâm Đồng/** KS. Kiều Quốc Đức, Nguyễn Việt Long; Nguyễn Thị Tâm; CN. Hồ Nữ Như Thảo; ThS. Trần Văn Dũng; TS. Nguyễn Việt Thùy; KS. Nguyễn Anh Tiến - Lâm Đồng - Công ty TNHH Đà Lạt Caviar, 2023; 04/2019 - 10/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao và làm chủ các quy trình công nghệ sản xuất giống cá tầm cho đơn vị chủ trì. Tiến hành xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ tại 06 đơn vị (đơn vị chủ trì và 05 đơn vị phối hợp). Đào tạo kỹ thuật viên cho đơn vị chủ trì (05 người), 05 đơn vị phối hợp (mỗi đơn vị 01 người) và tập huấn kỹ thuật cùng với tham quan đầu bờ cho 200 lượt người dân học hỏi

Số hồ sơ lưu: 22581

88820. 11-2023 **Bảo tồn , lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực Nam Bộ /** ThS. Nguyễn Hữu Thanh, ThS. Đặng Văn Trường; ThS. Đặng Thị Nguyên Nhân ; ThS. Hà Thị Kiều Nga - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2023; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập bổ sung 3 nguồn gen: 10 cá hồ sọc nhỏ (*D. undecimradiatus*); 10 cá mó đầu

khum (*C. undulatus*); 10 cá dứa (*P. krempfi*). Bảo tồn, lưu giữ an toàn 7 nguồn gen thủy hải sản. Tỷ lệ sống các nguồn gen thủy hải sản > 90%. Số lượng cụ thể: cá mó đầu khum (35 con), cá dứa (62 con), cá vồ cò (24 con), cá vồ đém (45 con), cá hồ sọc nhỏ (69 con), cá sừ (71 con), cá trê PQ (58 con). Đánh giá đặc điểm hình thái, khả năng thích nghi điều kiện nuôi, đặc điểm dinh dưỡng và sinh trưởng cho 7 nguồn gen thủy hải sản. Xác định chính xác tên khoa học nguồn gen cá dứa đang lưu giữ. Đánh giá đặc điểm sinh học sinh sản và thăm dò khả năng sinh sản 02 nguồn gen cá hồ sọc nhỏ và cá dứa trong điều kiện lưu giữ. Hoàn thiện cập nhật thông tin các nguồn gen bảo tồn, lưu giữ lên website của Viện Nghiên cứu Nuôi trồng thủy sản 2.

Số hồ sơ lưu: 22662

88902. 11-2023 **Ứng dụng di truyền phân tử và di truyền số lượng để chọn giống ốc hương (*Babylonia areolata*) và tu hài (*Lutraria rhynchaena*) sinh trưởng nhanh**/ TS. Thái Thanh Bình, ThS. Hoàng Thị Phương Hồng ; TS. Nguyễn Đình Quang Duy ; KS. Vũ Đình Tý ; TS. Nguyễn Nguyễn Thành Nhơn ; ThS. Nguyễn Thị Hiền ; ThS. Nguyễn Mạnh Hà ; ThS. Đỗ Trung Kiên ; GS. TS. Chris Austin ; TS. Han Gan Ming - Bắc Ninh - Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản, 2023; 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập bổ sung quần đàn ốc hương và ước tính các thông số di truyền cơ bản của tính trạng sinh

trưởng trên đàn ốc hương chọn giống. Xây dựng mô hình sản xuất giống ốc hương bằng nguồn bố mẹ thế hệ thứ 2. Ước tính các thông số di truyền cơ bản của tính trạng sinh trưởng trên đàn tu hài chọn giống và đánh giá kết quả mô hình sản xuất giống tu hài bằng nguồn bố mẹ thế hệ thứ 2. Xây dựng bộ chỉ thị SNP liên quan đến tính trạng tăng trưởng của tu hài và ốc hương.

Số hồ sơ lưu: 22674

88935. 11-2023 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực miền Trung**/ TS. Nguyễn Văn Hùng, KS. Kiều Tiến Trung; CN. Nguyễn Thị Thanh Hoa; KS. Lê Trung Hậu; ThS. Hoàng Thị Châu Long; ThS. Nguyễn Thị Hương; TS. Phan Đình Phúc; Ks. Phạm Bá Quyền ; ThS. Phan Thị Lệ Anh; Trần Đình Tiến - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2023; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập mới nguồn gen hải sâm gai số lượng 100 con, khối lượng trung bình 0,25 kg/con. Thu thập bổ sung 1 nguồn gen hải sâm lựu số lượng 59 con khối lượng trung bình 0,9 kg/con. Lưu giữ an toàn mẫu vật sống của 18 nguồn gen, trong đó có 8 nguồn gen thủy sản và 10 nguồn gen vi tảo biển. Đánh giá nguồn gen thủy sản và vi tảo biển. Xây dựng cơ sở dữ liệu cho 18 nguồn gen, bao gồm 8 nguồn gen thủy sản, 10 nguồn gen vi tảo biển. Giới thiệu, trao đổi tư liệu và nâng cao chất lượng nguồn gen.

Số hồ sơ lưu: 22667

89360. 11-2023 **Xây dựng mô hình sản xuất giống nhân tạo và nuôi thương phẩm cá Chạch lấu (*Mastacembelus favus*) Hora, 1923 tại Hải Phòng/** ThS. Nguyễn Thúy Hằng, KS. Lê Xuân Đài; KS. Ngô Văn Bản; CN. Trương Thị Hằng; CN. Nguyễn Văn Hiếu; CN. Bùi Minh Hiền; CN. Vũ Thị Soát; CN. Nguyễn Văn Sơn - Hải Phòng - Trường Trung cấp Nông nghiệp Thủy sản, 2023; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tiếp nhận công nghệ chuyển giao và đào tạo kỹ thuật. Xây dựng mô hình sản xuất giống nhân tạo cá Chạch Lấu. Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Chạch Lấu từ nguồn giống nhân tạo trong ao đất và bể xi măng. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Cá Chạch Lấu có thể sinh trưởng và phát triển tốt trong điều kiện của Hải Phòng; Có thể thành thực và tái phát dục tốt trong điều kiện nuôi vỗ với tỷ lệ thành thực > 90%; Sức sinh sản của cá Chạch Lấu trong điều kiện nuôi vỗ thành thực sau 2 - 3 tháng: 2.100 - 2.700 trứng/ kg cá cái; Tỷ lệ thụ tinh: 62 - 69%; Tỷ lệ nở: 92 - 96%; Tỷ lệ sống từ bột lên hương: 56 - 64%; Tỷ lệ sống từ hương lên giống: 65% - 79,7%.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.022

#### **40503. Bệnh học thủy sản**

88939. 11-2023 **Nghiên cứu tạo chế phẩm vi sinh đối kháng *Vibrio spp.* gây bệnh hoại tử gan tụy cấp trên tôm sú và tôm thẻ chân trắng/** ThS. Võ Hồng Phượng, TS. Lê Hồng Phước; TS. Nguyễn Thị Ngọc Tĩnh; ThS. Đặng Ngọc Thủy; ThS.

Nguyễn Thanh Trúc; TS. Võ Nguyễn Xuân Quế; ThS. Trần Thị Như Thủy; ThS. Lê Thị Bích Thủy; CN. Trần Minh Thiện; ThS. Nguyễn Công Thành - TP. Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2023; 07/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân lập và sàng lọc các chủng vi khuẩn có khả năng đối kháng với *Vibrio spp.* gây bệnh hoại tử gan tụy cấp trên tôm. Xây dựng quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh đối kháng *Vibrio spp.* gây hoại tử gan tụy cấp trên tôm. Xây dựng quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh trong nuôi tôm sú và tôm thẻ chân trắng quy mô 500-1000 m<sup>2</sup>. Ứng dụng chế phẩm vi sinh trên các mô hình nuôi.

Số hồ sơ lưu: 22675

89037. 11-2023 **Nghiên cứu tác nhân gây đốm trắng nội tạng cá Nheo mỹ nuôi lồng và biện pháp phòng trị/** PGS. TS. Trương Đình Hoài, ThS. Vũ Đức Mạnh; PGS. TS. Kim Văn Vạn; ThS. Đoàn Thị Ninh; TS. Đoàn Thanh Loan; ThS. Nguyễn Công Thiết; ThS. Mai Văn Tùng; ThS. Nguyễn Thị Dung; ThS. Trần Thị Trinh - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu về cá nheo Mỹ (*Ictalurus punctatus* Rafinesques, 1818). Điều tra, thu mẫu cá nheo Mỹ nuôi lồng bị bệnh ở khu vực phía Bắc. Kiểm tra nội, ngoại ký sinh trùng ký sinh trên da, mang, gan, ruột cá nheo Mỹ nuôi lồng. Nuôi cấy, phân lập và nhận dạng vi khuẩn gây bệnh. Theo dõi,



phòng và trị bệnh đốm trắng nội tạng cá nheo Mỹ nuôi lồng.

Số hồ sơ lưu: 22684

#### **40504. Nuôi trồng thủy sản**

87844. 11-2023 **Nghiên cứu chế tạo vật liệu nano-oxit composit đa chức năng ứng dụng trong xử lý amoni ô nhiễm môi trường nước nuôi trồng thủy hải sản/** ThS. Hoàng Chí Kiên, Phạm Hồng Nam; Phạm Hải Anh; Phạm Ngọc Chức; Nguyễn Xuân Trường; Nguyễn Đức Núi - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Ứng dụng và Đổi mới Công nghệ, 2022; 07/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện quy trình sản xuất vật liệu xúc tác Mg-Al-LDH, Mg-Al/Bentonit và ứng dụng vào thực tế; Sử dụng vật liệu xúc tác Mg-Al-LDH, Mg-Al/Bentonit vào xử lý nước ao nuôi tôm thẻ chân trắng tại Hải Hậu- Nam Định; Xây dựng quy trình sử dụng vật liệu Mg-Al-LDH, Mg-Al/Bentonit vào xử lý nước ao nuôi tôm

Số hồ sơ lưu: 22392

87934. 11-2023 **Ứng dụng khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình nuôi Hàu Thái Bình Dương thương phẩm tại khu vực Bắc Trung Bộ/** ThS. Thân Văn Tự, ThS. Thái Sơn; ThS. Nguyễn Tiến Anh; CN. Phan Xuân Tiến; KS. Bùi Thị Minh; KS. Trần Huy Hải; KS. Trương Thị Hiền - Hà Tĩnh - Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Hà Tĩnh, 2023; 09/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng mô hình nuôi Hàu Thái Bình Dương thương phẩm với diện tích 0,7ha tại 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh; mật độ 2.500 mảnh hàu giống/100m<sup>2</sup> (10-15 hàu giống/mảnh), sản lượng 2,5 tấn/100m<sup>2</sup> (250 tấn/ha), sản lượng đạt 175 tấn/đề tài/vụ, tỷ lệ sống > 60%. Tập huấn kỹ thuật cho 100 hộ dân vùng ven biển (50 hộ dân/tỉnh) nắm vững quy trình kỹ thuật nuôi Hàu Thái Bình Dương thương phẩm. Tạo nghề sinh kế góp phần nâng cao thu nhập cho người dân vùng ven biển

Số hồ sơ lưu: 22428

88418. 11-2023 **Xây dựng mô hình sản xuất giống chất lượng cao và nuôi cua biển thương phẩm (*Scylla sp.*) tại Hải Phòng/** Nguyễn Hùng Cường, Lương Thái Hoàng; Nguyễn Diễm; Nguyễn Thị Tho; Phạm Văn Bảo; Trần Tuấn Anh; Nguyễn Thị Huệ; Vũ Văn Khiêm; Nguyễn Xuân Thành - Hải Phòng - Công ty TNHH phát triển thủy sản Hoàng Hương, 2023; 10/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chuyển giao và tiếp nhận làm chủ được các quy trình kỹ thuật công nghệ sản xuất cua giống, nuôi cua thương phẩm. Xây dựng thành công các mô hình: Mô hình sản xuất cua giống công suất: 10 triệu con giống/năm (kích cỡ 11,2cm), Mô hình nuôi cua thương phẩm từ nguồn giống cua có chất lượng được sản xuất từ Dự án. Quy mô 2 ha, năng suất trên 3 tấn/ha, thời gian nuôi 4-5 tháng, trọng lượng cua đạt 300 – 500g/con. Xây dựng thành công mô

hình ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất giống chất lượng cao và nuôi cua biển thương phẩm (*Scylla sp.*) tại Hải Phòng.

Số hồ sơ lưu: 22616

88451. 11-2023 **Đánh giá thực trạng nhiễm bẩn chất thải nhựa ở một số loài thủy hải sản nuôi trồng vùng ven biển Bắc Bộ/** TS. Hà Thị Thu Huệ, CN. Đỗ Nhật Huỳnh; TS. Đỗ Quang Trung; PGS.TS. Lưu Thế Anh; ThS. Nguyễn Thị Vinh; TS. Nguyễn Vũ Giang; TS. Dương Thị Lịm; TS. Trần Đình Trinh - 2023 - Viện Tài nguyên và Môi trường, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá được thực trạng nuôi trồng thủy hải sản vùng ven biển Bắc Bộ. Đánh giá được mức độ nhiễm bẩn hạt nhựa theo các kích thước khác nhau trong môi trường sống của khu vực nuôi trồng thủy hải sản vùng ven biển Bắc Bộ. Đánh giá được mức độ nhiễm bẩn hạt nhựa theo các kích thước khác trong một số loài hải sản (tôm, cá, ngao, hàu) nuôi trồng thủy hải sản vùng ven biển Bắc Bộ. Đánh giá rủi ro môi trường đối với hoạt động nuôi trồng thủy hải sản vùng ven biển Bắc Bộ

Số hồ sơ lưu: 22407

88795. 11-2023 **Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá chình hoa (*Anguilla marmorata*) đạt năng suất, hiệu quả kinh tế cao tại tỉnh Quảng Bình/** KS. Lê Minh Thành, CN. Lê Hà Giang; KS. Đặng Ngọc

Phương; CN. Hoàng Thị Hằng; Võ Văn Thành; Từ Thị Thanh Hương; Dương Công Đường; Lê Thị Hòa - Quảng Bình - Công ty TNHH Dịch vụ Kim Long Việt Nam, 2023; 02/2019 - 07/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát, lựa chọn điểm và thiết kế, lắp đặt thiết bị công trình ương nuôi cho dự án. Chuyển giao và tiếp nhận quy trình công nghệ ương giống và nuôi thương phẩm cá chình. Xây dựng mô hình ương giống và nuôi thương phẩm cá chình hoa. Phòng và trị bệnh trong quá trình ương nuôi. Nghiên cứu điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm. Đào tạo kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn cho người dân.

Số hồ sơ lưu: 22660

88993. 11-2023 **Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất giống ba ba gai (*Palea steindachneri*) toàn đực /** ThS. Nguyễn Mạnh Hà, PGS. TS. Thái Thanh Bình; ThS. Nguyễn Đắc Hải; ThS. Đinh Xuân Sinh; ThS. Lê Phi Hùng; ThS. Đỗ Đăng Khoa - Bắc Ninh - Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan kết quả nghiên cứu về sản xuất giống ba ba gai và chuyển đổi giới tính của một số đối tượng bò sát, lưỡng cư ở trong và ngoài nước. Điều tra hiện trạng sản xuất giống ba ba gai tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Nghiên cứu nuôi vỗ và thu trứng ba ba gai. Nghiên cứu mùa vụ và nhiệt độ ấp trứng phù hợp. Đánh giá tỷ lệ

chuyển giới tính ba ba gai và xây dựng quy trình sản xuất giống ba ba gai đơn tính đực.

Số hồ sơ lưu: 22679

89021. 11-2023 **Nghiên cứu chọn tạo giống cá chép lai có năng suất, chất lượng cao giữa cá chép Hungary và chép V1 tại tỉnh Lào Cai/** Đỗ Thành Luân, Nguyễn Xuân Nhân Ths. Nguyễn Thị Thu Bình; Ths. Nguyễn Tiến Dũng; KS. Trần Anh Tuấn; KS. Bùi Văn Ngọc; Ks. Tạ Văn Khánh; Ks. Vũ Đình Hòa - Trung tâm Giống Nông nghiệp tỉnh Lào Cai - Trung tâm giống nông nghiệp tỉnh Lào Cai, 2022; 09/2020 - 02/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu kỹ thuật lai tạo chọn giống để xây dựng quy trình; Thực hiện di truyền chọn giống cá chép hậu bị

Số hồ sơ lưu: LCI-UD-2022-053

89039. 11-2023 **Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm ngao giá/** ThS. Nguyễn Văn Tuấn, ThS. Nguyễn Thanh Hoa; ThS. Nguyễn Thị Thủy; ThS. Nguyễn Văn Quyền; ThS. Nguyễn Văn Sơn; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh; KS. Đinh Thế Anh; KS. Vũ Thị Liên; ThS. Trần Thị Nhung; KS. Trần Thị Linh - Bắc Ninh - Trường Cao đẳng Kinh tế, Kỹ thuật và Thủy sản, 2023; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan nghiên cứu trong nước và quốc tế về ngao giá. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất giống và quy trình công nghệ nuôi

thương phẩm ngao giá. Xây dựng mô hình sản xuất giống ngao giá ở quy mô thương mại. Xây dựng mô hình nuôi thương phẩm ngao giá ở quy mô thương mại.

Số hồ sơ lưu: 22687

89065. 11-2023 **Nghiên cứu, xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong nuôi cá chình lồng tại Quảng Trị/** CN. Trần Văn Bên, KS. Nguyễn Ngọc Lương; KS. Lê Văn Mẫn; CN. Nguyễn Quang Tỉnh; CN. Hoàng Thị Vân Anh - Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị - Hội Nông dân tỉnh Quảng Trị, 2021; 11/2019 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong nuôi cá chình lồng tại Quảng Trị là mô hình phù hợp với phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng phát triển bền vững. Xây dựng quy trình kỹ thuật , vừa tạo ra sản phẩm đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm là giải pháp tối ưu cho phát triển nuôi cá chình lồng hiện tại và tương lai , mang lại lợi nhuận về kinh tế , bảo vệ môi trường, làm thay đổi nhận thức , cách làm và mang lại hiệu quả kinh tế cho người nuôi trồng thủy sản. Từ những lý do trên, việc triển khai thực hiện đề tài khoa học là việc làm cần thiết.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_86.2022

89082. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất giống cá Leo - Wallago attu (Bloch & Schneider, 1801) phù hợp tại tỉnh Quảng Trị/** ThS. Võ Đức

Nghĩa; ThS. Trần Thị Thúy Hằng; ThS. Nguyễn Đức Thành; TS. Nguyễn Anh Tuấn; TS. Nguyễn Văn Huy; ThS. Trần Thị Thu Sương; ThS. Trần Nguyên Ngọc; TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; KS. Phạm Thị Luận - Trường Đại học Nông Lâm Huế - Trường Đại học Nông Lâm Huế, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Quy trình kỹ thuật nuôi vỗ thành thục cá Leo trong điều kiện nuôi nhốt. Quy trình kỹ thuật kích thích cho đẻ và thụ tinh nhân tạo cá Leo. Quy trình kỹ thuật ương giống cá Leo giai đoạn cá hương. Quy trình kỹ thuật ương giống cá Leo giai đoạn cá giống. Quy trình kỹ thuật nuôi thương phẩm cá Leo phù hợp với điều kiện tự nhiên tỉnh Quảng Trị.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_92.2022

89094. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**/ KS. Phan Thị Mỹ Nhung, ThS. Nguyễn Công Khanh; ThS. Phan Văn Phương; KS. Trần Hữu Phương; CN. Nguyễn Xuân Phương; KS. Trần Ngọc Tuấn - Trạm Khuyến nông huyện Gio Linh - Trạm Khuyến nông huyện Gio Linh, 2021; 12/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng thành công mô hình nuôi tôm hai giai đoạn ứng dụng công nghệ cao, nhằm tăng năng suất, chất lượng, hạn chế rủi ro, giảm việc sử dụng kháng sinh và giảm chi phí đầu tư thức ăn trong suốt quá trình nuôi. Xây dựng được 01 mô hình

nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh 02 giai đoạn ít thay nước quy mô 700m<sup>2</sup> với mật độ nuôi 300 con/m<sup>3</sup>, tỷ lệ sống trên 80 % kích cỡ tôm đạt trung bình 50 con/kg Hệ thống xử lý nước cấp và nước thải Tổ chức được 01 cuộc hội thảo đầu bờ và 01 cuộc hội thảo khoa học lấy ý kiến chuyên gia.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_95.2022

89254. 11-2023 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ bùn ao nuôi cá tra**/ TS. Hoàng Văn Tám, ThS. Mai Thanh Trúc; ThS. Đỗ Đình Đan; ThS. Nguyễn Thị Kim Thoa; ThS. Nguyễn Đức Hoàng; KS. Đỗ Thị Thanh Trúc; KS. Nguyễn Văn Mạnh; ThS. Trần Thị Lụa; ThS. Nguyễn Việt Hiệp; ThS. Trần Quang Minh - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được quy trình công nghệ và sản xuất thành công phân hữu cơ vi sinh từ bùn ao nuôi cá tra. Tuyển chọn được bộ giống vi sinh vật xử lý bùn ao nuôi cá tra và bộ giống vi sinh vật hữu hiệu sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ bùn ao nuôi cá tra. Đề xuất được quy trình công nghệ sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ bùn ao nuôi cá tra với quy mô 1 tấn/m<sup>2</sup>. Đề xuất được quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh vật để sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh từ bùn ao nuôi cá tra. Sản xuất được 5 tấn phân hữu cơ vi sinh từ bùn ao nuôi cá tra đạt tiêu chuẩn phân bón

hữu cơ vi sinh theo tiêu chuẩn của Nghị định 18/217/NĐ- CP.

Số hồ sơ lưu: 22780

89268. 11-2023 **Xây dựng nhãn hiệu tập thể Cá chép lai Bảo Thắng cho sản phẩm cá chép lai của huyện Bảo Thắng tỉnh Lào Cai/** Th.S. Tăng Đức Khương, Lê Vũ Huyền; Đào Thu Hương; Nguyễn Thanh Hương; Đào Thúy Nga; Nguyễn Huyền Trang; Nguyễn Thị Hải Yến; Nguyễn Mạnh Tài; Đỗ Hồng Quân - Công ty CP Sở hữu công nghiệp Investip - Công ty CP Sở hữu công nghiệp Investip, 2023; 12/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xác lập quyền bảo hộ nhãn hiệu tập thể cá chép lai Bảo Thắng cho sản phẩm cá chép lai của huyện Bảo Thắng; Xây dựng hệ thống công cụ quản lý NHTT theo quy định; Xây dựng mô hình quản lý sản phẩm cá chép lai Bảo Thắng; Xây dựng các phương tiện quảng bá hình ảnh của sản phẩm cá chép trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: LCI-KQ-2023-056

#### **40507. Bảo quản và chế biến thủy sản**

88351. 11-2023 **“Nghiên cứu ứng dụng công nghệ enzyme xử lý chất thải rắn chế biến tôm nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường”/** PGS. TS. Phí Quyết Tiến, ThS. Nguyễn Thị Thu An; TS. Nguyễn Tiến Thành; TS. Phạm Thanh Huyền; TS. Nguyễn Thị Thanh Lợi; TS. Quách Ngọc Tùng; ThS. Nguyễn Văn Thế; ThS. Đặng Thị Thùy Dương; ThS. Bùi Thị Liên; TS. Lê

Thị Minh Thành - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học, 2023; 01/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về công nghệ thu hồi protein và chitin từ chất thải rắn chế biến tôm. Đánh giá hiện trạng môi trường công nghệ xử lý chất thải rắn chế biến tôm và đánh giá nguyên liệu chất thải rắn chế biến tôm để thu hồi protein và chitin. Nghiên cứu lựa chọn chế phẩm enzyme trong thu hồi protein từ đầu/vỏ tôm. Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ thu hồi protein từ đầu, vỏ tôm bằng chế phẩm sinh học, quy mô 300 kg nguyên liệu/ngày. Đồng thời, tiến hành nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất chitin từ đầu, vỏ tôm quy mô 100 kg nguyên liệu/ngày và đánh giá hiệu quả môi trường, kinh tế của quy trình.

Số hồ sơ lưu: 22582

#### **40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác**

89522. 11-2023 **Chuẩn hóa kỹ thuật LAMP phát hiện bệnh gan thận mũ trên cá tra tại tỉnh Đồng Tháp/** ThS. Nguyễn Tâm Đồng, ThS. Nguyễn Tâm Đồng; KSTY. Lê Vy; BSTY. Nguyễn Phạm Văn Châu; BSTY. Trương Bảo Trân; BSTY. Trương Tấn Định - Đồng Tháp - Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản tỉnh Đồng Tháp, 2021; 10/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Kỹ thuật LAMP đã được chuẩn hóa để phát hiện vi khuẩn *Edwardsiella ictaluri* gây bệnh gan thận mũ trên cá Tra.

Phương pháp này rất đơn giản và nhanh, sản phẩm của phản ứng LAMP có thể được xác định sau 60 phút phản ứng ở một điều kiện nhiệt độ là 63°C. Một số điều kiện tối ưu cho phản ứng LAMP dùng để khuếch đại gene *eip18* đã được xác định như nhiệt độ (63°C), thời gian phản ứng (45 phút), nồng độ dNTPs (1.4 mM), ion Mg<sup>2+</sup> (8 mM), Nồng độ SYBR Green I là 1X. Độ đặc hiệu so với một số loài vi khuẩn thường gây bệnh trên Thủy Sản *Aeromonas hydrophila* (ATCC 35654), *Streptococcus iniae*, *Flavobacterium columnare* là 100%. Quy trình cho phép ngưỡng phát hiện tối thiểu là 0,249fg/μl đến 2,49fg/μl. Độ nhạy, độ đặc hiệu của kỹ thuật LAMP so với Realtime PCR trong nghiên cứu này lần lượt là 100% và 85,15%. Hệ số Kappa là K= 0,79 nằm trong khoảng tương đồng cao.

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-012

#### **40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;**

87780. 11-2023 **Nghiên cứu chọn tạo giống cà phê chè chất lượng cao phục vụ sản xuất cho các vùng trồng chính/** ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai, ThS. Lại Thị Phúc; ThS. Đinh Thị Tiểu Oanh; ThS. Đào Thị Lan Hoa; ThS. Lê Văn Bốn; ThS. Vũ Thị Danh; ThS. Lê Văn Phi; ThS. Nguyễn Đình Thoảng; TS. Hoàng Quốc Trung; KS. Nông Khánh Nương; KS. Trần Thị Bích Ngọc; KS. Trần Hoàng Ân; KS. Nguyễn Phương Thu Hương; KTV.

Hạ Thục Huyền - Đắk Lắk - Viện khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp Tây Nguyên, 2023; 07/2018 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chọn tạo và phát triển giống cà phê chè chất lượng cao được trồng ở các vùng sinh thái phù hợp, chống chịu một số loại sâu bệnh hại chính, canh tác theo quy trình sản xuất cà phê bền vững và được công nhận, bảo hộ là giống chủ lực trong sản xuất ở các vùng trồng cà phê chè trên toàn quốc. Xây dựng các mô hình sản xuất, mô hình trình diễn và chuyển giao các giống cà phê chè mới vào sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 22412

87788. 11-2023 **Bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và giống thủy sản khu vực Miền Bắc/** ThS. Nguyễn Hải Sơn, TS. Võ Văn Bình; KS. Ngô Khánh Thùy Linh; ThS. Lê Ngọc Khánh; TS. Vũ Văn In; KS. Nguyễn Huy Hưng; ThS. Đỗ Xuân Hải; ThS. Đặng Minh Dũng; ThS. Đỗ Mạnh Dũng; ThS. Phạm Thành Công - Bắc Ninh - Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập mới nguồn gen cá Nheo sông (*Silurus asotus*), cá Bò (*Pseudobagrus fulvidroco*), ốc Đụn đực (*Tectus pyramis*); Thu thập bổ sung nguồn gen cá Hồng vằn (*Lutjanus sebae*), cá Rai (*Neolissochilus benasi*), cá Mát (*Onychostoma laticeps*) và Trai bàn mai (*Atrina vexillum*); Bảo tồn, lưu giữ an toàn 10 nguồn gen cá, 05 nguồn gen nhuyễn thể và 05 nguồn gen vi tảo; Định danh lại nguồn gen

cá Trê phi bằng phương pháp sinh học phân tử; Đánh giá sơ bộ nguồn gen cá Nheo sông, cá Bò, ốc Đụn đực; Đánh giá chi tiết 03 nguồn gen cá (cá Hồng vằn, cá Rai, cá Mát), 01 nguồn gen nhuyễn thể (Trai bàn mai) và 05 nguồn gen vi tảo; Hoàn thiện việc cập nhật thông tin các nguồn gen bảo tồn, lưu giữ trên website của nhiệm vụ; Trao đổi thông tin, cung cấp nguồn gen với các đơn vị của nhiệm vụ

Số hồ sơ lưu: 22421

88326. 11-2023 **Lưu giữ và bảo quản nguồn gen nông nghiệp nhập nội phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo (Năm 2023)**/ ThS. Vũ Thị Ngọc, PGS.TS. Nguyễn Bá Hiên; ThS. Lê Thị Soi; ThS. Cam Thị Thu Hà; PGS.TS. Phạm Hồng Ngân; TS. Vũ Ngọc Lan; ThS. Vũ Thị Xuân Bình; TS. Phạm Quang Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Anh; ThS. Nguyễn Trung Đức; TS. Hoàng Đăng Dũng; KS. Đinh Nguyệt Thu - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lưu giữ và bảo quản nguồn gen nông nghiệp nhập nội tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam nhằm phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo. Lưu giữ an toàn và đánh giá 15 mẫu giống lan dục liệu, 20 mẫu giống hoa hiên, 30 mẫu giống dưa thơm, 03 nguồn gen vi khuẩn, 03 nguồn gen virus. Bổ sung vào nguồn gen nông nghiệp nhập nội 20 mẫu giống cây hoa sen (10 giống sen làm cảnh, 10 giống sen lấy hạt), 20 mẫu giống ngô ngọt. Tiến hành lưu

giữ và bước đầu đánh giá các đặc điểm nông sinh học của nguồn gen cây hoa sen và ngô ngọt.

Số hồ sơ lưu: 22577

88348. 11-2023 **Lưu giữ và bảo quản nguồn gen nông nghiệp nhập nội phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo (Năm 2021)**/ ThS. Vũ Thị Ngọc, PGS.TS. Nguyễn Bá Hiên; ThS. Lê Thị Soi; ThS. Cam Thị Thu Hà; PGS.TS. Phạm Hồng Ngân; TS. Vũ Ngọc Lan; ThS. Vũ Thị Xuân Bình; TS. Phạm Quang Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Anh; ThS. Nguyễn Trung Đức; TS. Hoàng Đăng Dũng; KS. Đinh Nguyệt Thu. - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 01/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lưu giữ và bảo quản nguồn gen nông nghiệp nhập nội tại Học viện Nông nghiệp Việt Nam nhằm phục vụ công tác nghiên cứu và đào tạo. Lưu giữ an toàn và đánh giá 15 mẫu giống lan dục liệu, 20 mẫu giống hoa hiên, 30 mẫu giống dưa thơm, 03 nguồn gen vi khuẩn, 03 nguồn gen virus. Bổ sung vào nguồn gen nông nghiệp nhập nội 20 mẫu giống cây hoa sen (10 giống sen làm cảnh, 10 giống sen lấy hạt), 20 mẫu giống ngô ngọt. Tiến hành lưu giữ và bước đầu đánh giá các đặc điểm nông sinh học của nguồn gen cây hoa sen và ngô ngọt.

Số hồ sơ lưu: 22583

#### **40602. Các công nghệ tế bào trong nông nghiệp**

87787. 11-2023 **Nghiên cứu sự tương tác của một số nhân tố**

phiên mã là cơ chất của MAP kinase với các protein và gen khác trong việc đáp ứng với các yếu tố môi trường bất lợi ở cây *Arabidopsis*/ PGS.TS. Nguyễn Xuân Cảnh, PGS.TS. Đồng Huy Giới; TS. Nguyễn Thị Thúy Hạnh; TS. Phùng Thị Thu Hà; TS. Phạm Tuấn Anh; ThS. Phạm Thị Huyền Trang - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2022; 12/2017 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định được cơ chế tương tác giữa các protein MPK với một số nhân tố phiên mã đã được xác định là cơ chất hoặc có khả năng là cơ chất của MPK trong điều kiện phòng thí nghiệm. Sàng lọc và xác định được mối tương tác giữa một số nhân tố phiên mã đã được xác định là cơ chất của MPK với các protein khác và các trình tự ADN đặc hiệu trên promoter của các gen đích trong điều kiện phòng thí nghiệm và tế bào sống. Phân tích chức năng của mối tương tác giữa một số nhân tố phiên mã đã được xác định là cơ chất của MPK với các nhân tố khác đã xác định ở cây trong quá trình đáp ứng các điều kiện bất lợi từ môi trường như khô hạn, nồng độ muối cao, áp suất thẩm thấu lớn, nhiệt độ thấp hoặc sâu, bệnh hại.

Số hồ sơ lưu: 22394

#### **499. Khoa học nông nghiệp khác**

89361. 11-2023 **Xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm "Gà đồi Trấn Yên", "Mật ong Trấn Yên", "Miến đao Quy Mông"** của huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái/ Tiến sĩ Hà Quang Trung, 1. Tiến sĩ

Hồ Lương Xinh 2. Tiến sĩ Bùi Đình Hoà 3. Thạc sĩ Bùi Xuân Hồng 4. Tiến sĩ Trần Lệ Thị Bích Hồng 5. Tiến sĩ Hồ Văn Bắc 6. Tiến sĩ Bùi Thị Thanh Tâm 7. Thạc sĩ Trần Thị Ngọc 8. Thạc sĩ Nguyễn Mạnh Thắng 9. Kỹ sư Lưu Bá Hiên - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông Lâm, 2023; 12/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác lập quyền đối với Nhãn hiệu chứng nhận (NHCH) cho sản phẩm "Gà đồi Trấn Yên", Nhãn hiệu tập thể (NHHT) cho các sản phẩm "Mật ong Trấn Yên", "Miến Đao Quy Mông", nhằm quản lý tốt hơn chất lượng, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Xây dựng hệ thống văn bản, công cụ quản lý và phát triển Nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm "Gà đồi Trấn Yên", Nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm "Mật ong Trấn Yên", "Miến Đao Quy Mông" của huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: YBI-22-2021

89421. 11-2023 **Xác lập quyền nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm "Khoai tím Lục Yên", "Cá bống Lục Yên" của huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái/** TS. Nguyễn Thị Kim Thúy; Ths. Nguyễn Đức Duy; Ths. Ninh Khắc Bẩy; Ths. Nguyễn Quang Huy; KS. Mai Thị Như Trang; Ths. Nguyễn Văn Huân; CN. Nguyễn Hồng; Ths. Trần Quốc Tuấn; BS. Trần Văn Hoan - Hà Nội - Trung tâm Phát triển công nghệ cao, 2023; 12/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)



Điều tra, khảo sát thực trạng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm “Khoai môn tím Lục Yên”, “Cá bống Lục Yên” tỉnh Yên Bái. Xây dựng hệ thống quản lý, sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm “Khoai môn tím Lục Yên”, “Cá bống Lục Yên” tỉnh Yên Bái. Xây dựng hệ thống quảng bá, khai thác giá trị Nhãn hiệu chứng nhận các sản phẩm “Khoai môn tím Lục Yên”, “Cá bống Lục Yên” tỉnh Yên Bái. Nâng cao năng lực cho tổ chức và cá nhân được hưởng lợi trong vùng Nhãn hiệu chứng nhận. Triển khai thí điểm trao (cấp) quyền sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm

Số hồ sơ lưu: YBI-50-2022

89469. 11-2023 **Xác lập quyền đối với nhãn hiệu chứng nhận “Tranh đá quý Lục Yên” cho sản phẩm tranh đá quý huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.**/ Tiến sĩ Hoàng Xuân Trường, Kỹ sư Nguyễn Thị Phương; Kỹ sư Nguyễn Thị Diệu Linh; Cử nhân Trương Khánh Tấn ; Thạc sĩ Lê Thủy Ngân; Tiến sĩ Phạm Công Nghiệp; Cử nhân Đoàn Ngọc Tuấn; Thạc sĩ Phạm Trung Kiên; Thạc sĩ Lê Viết Đại; Nghệ nhân Trần Mạnh Tú. - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2023; 12/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Báo cáo khảo sát về thực trạng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm “Tranh Đá Quý Lục Yên”. Xây dựng Bản mô tả tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm “Tranh Đá Quý Lục Yên”. Xây dựng Bản đồ khu vực địa

lý tương ứng với NHCN cho sản phẩm. Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật sản xuất sản phẩm Tranh Đá Quý Lục Yên mang Nhãn hiệu chứng nhận. Xây dựng Hệ thống các văn bản quản lý và sử dụng NHCN. Xây dựng Hệ thống quảng bá, khai thác giá trị NHCN cho sản phẩm. (Nhãn mác, tờ rơi, standee, biển hiệu, website). Hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử bằng mã QR code đối với sản phẩm. Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm “Tranh Đá Quý Lục Yên” của huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Số hồ sơ lưu: 202108YB

## 5. Khoa học xã hội

76773. 11-2023 **Thực trạng di dân nông thôn - thành thị và ảnh hưởng đến vấn đề an sinh xã hội ở tỉnh An Giang/** TS. Phạm Thị Thúy, ThS. Trần Thị Kim Liên; ThS. Hoàng Thu Hằng; TS Trần Thị Hiền; ThS. Nguyễn Thái Ngọc Hà; CN. Nguyễn Lan Tuyền - An Giang - Trung Tâm Nghiên cứu KHXH & NV, 2022; 04/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn vấn đề di dân nông thôn – thành thị và ảnh hưởng của nó đến tình trạng an sinh xã hội ở Việt Nam. Thực trạng di dân nông thôn – thành thị ở tỉnh An Giang. Đánh giá sự tác động của hiện tượng di dân từ nông thôn - đô thị đến vấn đề an sinh xã hội ở tỉnh An Giang. Dự báo xu hướng di dân nông thôn - thành thị ở tỉnh An Giang đến năm 2030. Đề xuất giải pháp để phát huy các tác động tích cực và hạn chế tác động tiêu cực của

hiện tượng di dân nông thôn - thành thị ở tỉnh An Giang giai đoạn 2020 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-002

88340. 11-2023 **Ảnh hưởng của môi trường nhà trường đến hiệu quả giảng dạy, sự thỏa mãn nghề nghiệp và áp lực công việc của giáo viên trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh An Giang.**/ TS. Nguyễn Thị Hiền, NCS. Đỗ Thị Cường; PGS. TS. Phan An; TS.GVC. Nguyễn Hoàng Hà; TS, NCVC. Bùi Thị Minh Hằng; TS. Hồ Việt Hiệp; ThS. Trần Tuấn Khanh; ThS. NCV. Trần Tuấn Khanh; ThS. NCV. Nguyễn Thị Khánh; ThS. NCV. Võ Thịnh; ThS. Lê Trọng Trí - An Giang - Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục, 2021; 06/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá nhận thức của giáo viên về các nhân tố môi trường nhà trường.Đánh giá tác động giữa các nhân tố môi trường nhà trường với hiệu quả giảng dạy, sự thỏa mãn nghề nghiệp và áp lực công việc của giáo viên.Đánh giá sự tác động giữa hiệu quả giảng dạy, sự thỏa mãn nghề nghiệp và áp lực công việc của giáo viên.Xây dựng và ứng dụng mô hình quản lý giáo dục hướng đến môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh, hiệu quả và sáng tạo.Xây dựng hệ thống các giải pháp nhằm cải thiện môi trường nhà trường, hướng đến nâng cao hiệu quả giảng dạy, sự thỏa mãn nghề nghiệp, đồng thời giảm thiểu áp lực công việc của giáo viên.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-001

89058. 11-2023 **Biên soạn tài liệu hướng dẫn học tập và vận dụng Triết học Mác - Lênin dành cho chương trình trung cấp lý luận chính trị/** ThS. Lê Thị Ngọc Nữ; ThS. Thái Thị Quyên; ThS. Trần Thị Thanh Thúy; ThS. Lê Thị Hồng Nhiên; ThS. Nhan Thanh; ThS. Trần Thị Mỹ Duyên - Vĩnh Long - Trường Chính Trị Phạm Hùng, 2023; 10/2022 - 06/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Làm rõ hơn những nội dung trọng tâm của giáo trình trung cấp lý luận chính trị (phần triết học Mác – Lênin) do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành năm 2021, đồng thời định hướng cho học viên cách thức vận dụng lý luận vào thực tiễn. Làm nguồn tài liệu tham khảo hỗ trợ cho học viên trong thời gian tự nghiên cứu môn triết học Mác – Lênin góp phần nâng cao chất lượng dạy và học tại Trường Chính trị Phạm Hùng.Biên tập thành bộ tài liệu hướng dẫn học tập và vận dụng triết học Mác – Lênin (lưu hành nội bộ) bám sát nội dung giáo trình trung cấp lý luận chính trị do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành năm 2021.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS014.2022-0000353

89064. 11-2023 **Xây dựng hệ thống bộ đề thi phục vụ học phần Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong chương trình đào tạo trung cấp lý luận chính trị/** ThS. Nguyễn Văn Tới; ThS. Nguyễn Toàn Thắng; ThS.

Nguyễn Thị Hồng Sang; ThS. Lê Văn Dũng; ThS. Võ Thị Mai Hương; ThS. Nguyễn Văn Sơn; ThS. Lê Thị Kim Liên - Vĩnh Long - Trường Chính Trị Phạm Hùng, 2023; 10/2022 - 06/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu, xây dựng các bộ đề tự luận, trắc nghiệm và vấn đáp của học phần Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị để tạo thành ngân hàng đề thi chuẩn để phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu. Đồng thời ứng dụng ngân hàng đề thi vào việc đánh giá kết quả học tập của học viên bảo đảm tính khách quan, chính xác, khoa học, phù hợp với chương trình đào tạo Trung cấp lý luận chính trị mới được ban hành.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS015.2022-0000354

89235. 11-2023 **Những biến đổi về đạo đức, lối sống của giới trẻ ở tỉnh Đồng Tháp hiện nay.**/ TS. Nguyễn Văn Biết; TS. Lương Thanh Tân; ThS. Kiều Thế Lâm; ThS. Nguyễn Thanh Hùng; ThS. Phạm Ngọc Hân; ThS. Trần Phong Vũ; ThS. Nguyễn Minh Phú; CN. Nguyễn Thị Thúy Lam; CN. Nguyễn Hồ Anh Thụy; ThS. Ngô Thị Thủy; CN. Nguyễn Văn Thanh Tài. - Đồng Tháp - Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đồng Tháp, 2020; 11/2019 - 11/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Để giúp giới trẻ có bản lĩnh vững vàng, giúp họ có “sức đề kháng” trước những tác động tiêu

cực của nền kinh tế thị trường và xu thế mở cửa, hội nhập hiện nay, ngày càng trưởng thành, vững vàng hơn trong cuộc sống, để xứng đáng trở thành nguồn lực quan trọng có đóng góp nhiều mặt cho đất nước nói chung, tỉnh Đồng Tháp nói riêng, chúng ta cần tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho họ. Bởi giáo dục đạo đức, lối sống cho giới trẻ là một trong những yếu tố đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đội ngũ trí thức và nguồn nhân lực chất lượng cao cho tỉnh Đồng Tháp trong hiện tại và tương lai.

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-011

89236. 11-2023 **Hoàn thiện và phát triển mô hình Tổ Nhân dân tự quản gắn với phát huy quyền con người, quyền công dân trên địa bàn các huyện, thành phố biên giới của tỉnh Đồng Tháp.**/ TS. Võ Thị Tuyết Hoa; Ths. Nguyễn Quang Thành; TS. Nguyễn Quốc Trung; Ths. Phan Thị Minh Hiền - Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp - Trường chính trị tỉnh Đồng Tháp, 2020; 05/2022 - 04/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu tổng thể tất cả các vai trò, chức năng của Tổ Nhân dân tự quản tập trung phân tích, làm rõ đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện và phát triển Tổ Nhân dân tự quản gắn với vai trò phát huy, bảo vệ và thúc đẩy quyền con người, quyền công dân dựa trên các quy định của Hiến pháp năm 2013. Đề xuất giải pháp hoàn thiện tại các địa phương này nói riêng và ở tỉnh

Đồng Tháp nói chung trong thời gian tới; có như vậy, các tổ mới được duy trì hoạt động lâu dài, hiệu quả và phát triển hơn nữa.

Số hồ sơ lưu: DTP-2023-010

89264. 11-2023 **Xây dựng, quản lý và phát triển nhãn hiệu chứng nhận “Thạch An” cho các sản phẩm từ cây Thạch Đen của huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.**/ TS. Vũ Quỳnh Nam, TS Nguyễn Thị Nga; PGS.TS Trần Chí Thiện; PGS.TS Trần Nhuận Kiên; PGS.TS Trần Đình Tuấn; PSG.TS Đỗ Thị Thúy Phương; TS Ma Thị Hương; TS Nguyễn Thị YẾN; ThS Đào Thị Hương; ThS Tạ Việt Anh; TS Nguyễn Thị Phương Thảo; ThS Nông Trung Hiếu - Trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh, 2022; 07/2019 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hồ sơ đăng ký NHCN “Thạch An” cho các sản phẩm từ cây Thạch Đen của huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Xây dựng các đặc tính chứng nhận của NHCN “Thạch An” cho các sản phẩm từ cây Thạch Đen của huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất, chế biến và bảo quản các sản phẩm từ cây Thạch Đen mang NHCN “Thạch An” của huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Xây dựng logo mang NHCN “Thạch An” cho các sản phẩm từ cây Thạch Đen của huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Xây dựng bản đồ khu vực địa lý tương ứng với NHCN “Thạch An” cho các sản phẩm từ cây Thạch Đen

của huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Xây dựng quy chế quản lý và sử dụng NHCN “Thạch An” cho các sản phẩm từ cây Thạch Đen của huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Xây dựng và hoàn thiện hồ sơ đăng ký bảo hộ NHCN “Thạch An” cho các sản phẩm từ cây Thạch Đen của huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Xây dựng mô hình quản lý và phát triển NHCN “Thạch An” cho các sản phẩm từ cây Thạch Đen của huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Hoạt động hỗ trợ quảng bá và phát triển NHCN “Thạch An” cho các sản phẩm từ cây Thạch Đen của huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Số hồ sơ lưu: 11

89278. 11-2023 **Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc của Công an xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.**/ Nguyễn Minh Cường, - Trung tá; CN. Bùi Nhị Hòa - Thiếu tá; CN. Nguyễn Minh Nguyệt - Trung tá; CN. Nguyễn Hoàng Minh - Thượng úy; ThS. Hà Duy Linh - Nha Trang, Khánh Hòa - Công an tỉnh Khánh Hòa, 2023; 04/2022 - 04/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát, làm rõ đặc điểm tình hình có liên quan và thực trạng công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTK của Công an cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa từ năm 2019 đến năm 2022. Đánh giá những kết quả đạt được, đặc biệt chỉ rõ những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót

trong công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ của Công an cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa từ năm 2019 đến 2022. Trên cơ sở đó, đưa ra một số dự báo tình hình và các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ của Công an cấp xã ở tỉnh Khánh Hòa trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/346

89357. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị Lễ hội Ngũ Linh Từ trên địa bàn huyện Tiên Lãng/** ThS. Nguyễn Ngọc Huy, Mai Đàm Thanh Vân; Bùi Văn Đồi; Phạm Văn Hải; Phạm Xuân Hòa; Phạm Văn Giang; Trần Đình Nhuận; Vũ Minh Đức; Hoàng Mạnh Đạt; Lương Quang Phước; Nguyễn Gội; Nguyễn Trọng Phiêu; Uông Thị Thảo; Trần Thị Xi - Hải Phòng - UBND huyện Tiên Lãng, 2023; 12/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Một số vấn đề lý luận và kinh nghiệm bảo tồn, quản lý, phát huy giá trị lễ hội truyền thống. Đánh giá thực trạng bảo tồn, quản lý, phát huy giá trị Lễ hội Ngũ Linh Từ trên địa bàn huyện Tiên Lãng. Đề xuất các giải pháp quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị Lễ hội Ngũ Linh Từ trên địa bàn huyện Tiên Lãng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.020

89423. 11-2023 **Xây dựng hệ thống học liệu, phương pháp giảng dạy và đánh giá các môn Lý luận chính trị phù hợp với mô hình giảng đường thông minh tại**

**Trường Đại học Khánh Hòa/** Võ Văn Dũng, - TS. Trần Thị Yên Ninh - TS. Lưu Mai Hoa - ThS. Nguyễn Hữu Anh - ThS. Võ Thị Thu Trang - Nha Trang, Khánh Hòa - Bệnh viện đa khoa tỉnh Khánh Hòa, 2023; 04/2022 - 06/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hệ thống học liệu, phương pháp giảng dạy và đánh giá có thể áp dụng được ngay tại khoa Lý luận cơ bản Trường Đại học Khánh Hòa từ năm học 2023-2024. Hệ thống học liệu của 02 môn học, môn học Triết học Mác- Lênin và môn học tư tưởng Hồ Chí Minh. 02 cuốn sách hướng dẫn đã được xuất bản có thể đưa vào thư viện để làm học liệu chính cho sinh viên Trường Đại học Khánh Hòa sử dụng, hoặc có thể tái bản để bán lại cho sinh viên nếu sinh viên có nhu cầu mua.

Số hồ sơ lưu: ĐKKQ/349

89434. 11-2023 **Phát triển du lịch bền vững cho huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai trong bối cảnh hiện nay/** PGS. TS Nguyễn Hải Quang, ThS Nguyễn Minh Thoại; ThS Lê Thị Hà My; ThS Nguyễn Thị Hồng Gấm; ThS Nguyễn Thị Yên - TPHCM - Đại học Kinh tế Luật, 2023; 12/2020 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Huyện Vĩnh Cửu có tài nguyên du lịch nhân văn phi vật thể phù hợp với phát triển du lịch văn hóa - lịch sử. Cơ sở hạ tầng giao thông đến các điểm du lịch tại huyện Vĩnh Cửu đã có bước cải thiện đáng kể, hệ thống điện, chiếu sáng, cấp thoát nước, viễn thông cũng đáng ứng được yêu

cầu cơ bản cho hoạt động du lịch. Tình hình an ninh trật tự tại huyện nói chung và các khu du lịch nói riêng của huyện Vĩnh Cửu được các đối tượng đánh giá tương đối tốt. Nhìn chung các hoạt động du lịch đã được quan tâm đến bảo tồn thiên nhiên và ít gây ô nhiễm môi trường.

Số hồ sơ lưu: DNI-2023-09

89540. 11-2023 **Xây dựng hệ thống du lịch thông minh phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên/** PGS.TS. Nguyễn Hữu Công; TS. Phạm Đăng Tứ; TS. Tạ Thành Nam; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Bùi Thị Xuân; ThS. Vũ Thành Vinh; ThS. Vũ Hoàng Nam; ThS. Triệu Thành Nam; ThS. Nguyễn Hữu Khánh; TS. Vũ Văn Đam; ThS. Hoàng Thị Hồng Hạnh; ThS. Dương Thế Ngọc; ThS. Đỗ Tuấn Bách; ThS. Nguyễn Thị Hải Yến; ThS. Trần Ngọc Hà; ThS. Nguyễn T. Thùy Linh; ThS. Đỗ Thị Xuân; ThS. Ngô Thị Vân; CN. Trương Cao Dũng; ThS. Đỗ Huyền Trang; CN. Nguyễn T. Đan Phương; ThS. Đồng T. Thu Trang; ThS. Đỗ T. Hoài Thu; ThS. Nguyễn Thị Giang; ThS. Bùi Thị Thu Trí; ThS. Nguyễn T. Bích Diệp; ThS. Lý Thị Nhiên; ThS. Vũ Hoàng Nam; TS. Phạm Quốc Tuấn; TS. Dương Minh Nhật; CN. Hoàng Đình Tuấn; CN. Lê Thế Cường; CN. Lý Anh Tuấn; CN. Trần Khánh Duy; CN. Nguyễn Xuân Kiên; CN. Trần Thái Nguyên; CN. Nguyễn Thị Thảo; CN. La Đức Hải; CN. Nguyễn Thu Trang; CN. Nguyễn Hoàng Linh Trang; CN. Đào Thị Hồng Nhung - Thái Nguyên - Đại học Thái Nguyên, 2022;

12/2018 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ (Công nghệ GIS, GPS, Công nghệ thông tin và truyền thông) nhằm phát triển ngành du lịch tỉnh Thái Nguyên theo 16 hướng hiện đại, góp phần bảo tồn và giữ gìn văn hóa dân tộc, lan tỏa giá trị văn hóa phi vật thể, lịch sử quê hương. Nâng cao hiệu quả công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, phát triển du lịch theo hướng hiện đại; phù hợp với xu thế hướng dẫn du lịch thông minh trong xã hội đang ngày càng phát triển; góp phần nâng cao chất lượng du lịch, thu hút du khách trong và ngoài nước thăm quan du lịch tỉnh Thái Nguyên. Phát triển kênh kết nối thường xuyên giữa cộng đồng du khách, doanh nghiệp du lịch và nhà quản lý tạo cơ hội nắm bắt nhanh chóng và đáp ứng kịp thời tình hình, thị hiếu của du khách, đem lại lợi ích cho các bên, góp phần phát triển ngành kinh tế du lịch tỉnh Thái Nguyên.

Số hồ sơ lưu: TNN-2023-16

89619. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu số môn Lịch sử phục vụ khai thác, sử dụng trong dạy học cho học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Quảng Bình/** ThS. Nguyễn Thị Sáu, Nguyễn Thị Hải Yến; Nguyễn Thị Hồng Vân; Trần Lương Vương - Trung tâm Thông tin và Thống kê Khoa học và công nghệ Quảng Bình - Trường THPT chuyên Võ Nguyên Giáp, 2023; 11/2022 - 08/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng cơ sở dữ liệu và thiết kế Website quản lý dữ liệu môn Lịch sử lớp 10 phục vụ khai thác, sử dụng trong dạy học cho học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Xây dựng cơ sở dữ liệu số môn Lịch sử lớp 10 (Chương trình ban hành kèm theo Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), theo chủ đề, bài học để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập. - Thiết kế Website quản lý và phục vụ khai thác, sử dụng trong dạy học cho học sinh THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 15/2023-QLKHCN

89646. 11-2023 **Giải pháp nâng cao ý thức chính trị cho cán bộ là người dân tộc Khmer góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng ở huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang hiện nay./** ThS. Nguyễn Xuân Mỹ, ThS. Lê Châu Mỹ Hoa; ThS. Dương Xuân Dũng; ThS. Lê Hữu Lợi; ThS. Bùi Thị Kim Chung; ThS. Nguyễn Mạnh Hà; Ông Trần Văn Hợp. - An Giang - Trường chính trị Tôn Đức Thắng, 2023; 03/2022 - 02/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá về ý thức chính trị của cán bộ người dân tộc Khmer trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo tinh thần Nghị quyết 35/NQ-TW của Bộ Chính trị tại đơn vị hiện nay. Đối với cán bộ là người dân tộc Khmer. Đối với cán bộ không phải là người dân

tộc Khmer. Báo cáo khoa học sẽ là tài liệu tham khảo cho giảng dạy ở Trường Chính trị Tôn Đức Thắng và Trung tâm chính trị các huyện, thị, thành trong tỉnh đối với công tác trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo tinh thần Nghị quyết 35/NQ-TW của Bộ Chính trị tại đơn vị hoặc cơ sở.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-011

89648. 11-2023 **Xây dựng Quy chế làm việc mẫu của Ban Chấp hành Đảng bộ thực hiện mô hình Bí thư đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ở tỉnh An Giang/** ThS. Lê Thị Thu Hồng, ThS. Nguyễn Sơn Hải; ThS. Lê Thị Bích Chi; ThS. Đỗ Ngọc Qui; CN. Đoàn Đức Định; ThS. Phạm Thị Ngọc Hân - An Giang - Trường chính trị Tôn Đức Thắng, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng Quy chế làm việc mẫu của Ban Chấp hành Đảng bộ thực hiện mô hình Bí thư đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ở tỉnh An Giang là vấn đề vừa bức xúc vừa cấp bách nhằm góp phần thực hiện tốt mô hình Bí thư đảng ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc tỉnh An Giang theo chủ trương của Tỉnh ủy. Kết quả điều tra xã hội học ở 02 lớp này đã giúp cho nhóm nghiên cứu bổ sung hoàn thiện chương trình, nội dung Quy chế làm việc mẫu của Ban Chấp hành Đảng bộ thực hiện mô hình Bí thư đảng ủy đồng thời là

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ở tỉnh An Giang.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-012

89661. 11-2023 **Công tác xây dựng Đảng về đạo đức của đảng bộ cấp xã ở tỉnh An Giang - Thực trạng và giải pháp/** ThS. Dương Thị Bích Thủy, ThS. Nguyễn Sơn Hải; ThS. Lê Thị Bích Chi; CN. Trần Vũ Minh; ThS. Đỗ Ngọc Qui; CN. Nguyễn Thanh Lam; CN. Dương Phước Tường - An Giang - Trường chính trị Tôn Đức Thắng, 2022; 03/2022 - 02/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xác định tầm quan trọng và yêu cầu khách quan của công tác xây dựng Đảng về đạo đức trong giai đoạn cách mạng hiện nay; xây dựng 03 nội dung đánh giá kết quả của nhiệm vụ, với 16 chỉ tiêu cụ thể làm cơ sở để đánh giá thực trạng xây dựng Đảng về đạo đức của đảng bộ cấp xã ở tỉnh An Giang. Đánh giá những thành tựu đạt được, những hạn chế, khó khăn, tìm nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm về xây dựng đạo đức của đảng bộ cấp xã ở tỉnh An Giang. Yếu tố tác động đến công tác xây dựng Đảng về đạo đức của đảng bộ cấp xã ở tỉnh An Giang; xác định mục tiêu, yêu cầu đối với công tác xây dựng Đảng về đạo đức làm cơ sở để đề xuất các giải pháp góp phần xây dựng Đảng về đạo đức của đảng bộ cấp xã ở tỉnh An Giang trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: AGG-2023-016

### **50101. Tâm lý học nói chung**

87929. 11-2023 **Những vấn đề tâm lý - xã hội của trẻ em có bố mẹ đi làm xa: thực trạng và các giải pháp trợ giúp đối với trẻ em/** PGS. TS. Nguyễn Văn Lược, TS. Trần Hà Thu; PGS.TS. Trịnh Thị Linh; TS. Trương Quang Lâm; TS. Nguyễn Bá Đạt - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2023; 03/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về những vấn đề tâm lý – xã hội của trẻ em có bố mẹ đi làm xa; Làm rõ những vấn đề mà trẻ em của những gia đình có cha mẹ đi làm xa gặp phải về đời sống tâm lý, học tập và việc thực hiện chức năng sống hàng ngày. Nhận diện được những yếu tố bảo vệ, yếu nguy cơ đối với trẻ trong bối cảnh cha mẹ các em đi làm xa. Đề xuất được những giải pháp trợ giúp phù hợp giúp trẻ em có bố mẹ đi làm xa hạn chế và/hoặc vượt qua những vấn đề mà trẻ gặp phải trong học tập, cuộc sống.

Số hồ sơ lưu: 22211

### **50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh**

88365. 11-2023 **Phát triển hoạt động kinh doanh casino gắn với du lịch ở Việt Nam/** ThS. Vũ Thanh Tùng, ThS. Hà Nhật Linh; ThS. Nguyễn Huy Đạt; ThS. Phạm Thanh Sơn; TS. Nguyễn Anh Tùng; ThS. Đinh Thị Hải Phong; ThS. Nghiêm Vân Trang; CN. Nguyễn Anh Tuấn; CN. Nguyễn Thị Quỳnh Trang; CN.



Hàn Bích Ngọc - Hà Nội - Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, 2022; 11/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu một số lý luận cơ bản về quản lý kinh doanh casino và kinh nghiệm quốc tế về ngành kinh doanh này trong đó tập trung nghiên cứu về cơ chế, chính sách, mô hình quản lý và định hướng phát triển casino gắn với du lịch và rút ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Đánh giá về thực trạng về khung khổ pháp lý và quản lý nhà nước đối với kinh doanh casino gắn với du lịch tại Việt Nam; trong đó tập trung đánh giá, phân tích những bất cập, hạn chế và những vấn đề đặt ra đối với công tác quy hoạch, định hướng phát triển, quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh này tại Việt Nam. Trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế và thực trạng kinh doanh casino gắn với du lịch tại Việt Nam để phân tích xu hướng, khả năng phát triển và đề xuất kiến nghị về định hướng phát triển thị trường casino tại Việt Nam giai đoạn 2020 - 2030 nhằm hoàn thiện khung khổ pháp lý, nâng cao hiệu quả quản lý đối với hoạt động kinh doanh này

Số hồ sơ lưu: 22594

88393. 11-2023 **Nghiên cứu nâng cấp, xây dựng bổ sung chức năng Hệ thống thông tin thống kê phục vụ tích hợp các chỉ tiêu kinh tế - xã hội lên hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ/ ThS.** Nguyễn Ngọc Quang, Vũ Thị Thu Hằng; Tạ Thị Hồng; Nguyễn Văn Hưng; Nguyễn Đức Minh; Đặng Vũ

Trường; Lê Thị Thùy Dung; Trần Thị Thu Hà; Mai Quốc Trường; Vũ Văn Luân; Đoàn Thị Diệp; Lương Tiến Chung; Trịnh Thị Thu Hiền; Vương Thị Kim Anh; Bạch Minh Tuấn; Trần Thị Hồng Nhung; Lương Thị Hải Linh; Vũ Thị Hường; Ma Thị Luận; Nguyễn Kim Nhung; Hoàng Thị Đức Hạnh; Bùi Minh Anh; Lê Mạnh Linh; Lê Việt Phương - Hà Nội - Trung tâm Thông tin, 2022; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu các yêu cầu tích hợp số liệu, các yêu cầu báo cáo về chỉ tiêu kinh tế - xã hội mà Bộ Xây dựng chủ trì báo cáo lên hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Tìm hiểu hệ thống chỉ tiêu kinh tế - xã hội hiện đang áp dụng tại hệ thống thông tin thống kê Bộ Xây dựng và theo yêu cầu mà Bộ Xây dựng chủ trì báo cáo lên hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ. Qua đó, đề xuất các phương án lựa chọn, phương án nâng cấp, xây dựng bổ sung các phân hệ chức năng nhằm nâng cao kết quả thiết kế, nghiên cứu, xây dựng bổ sung, nâng cấp chức năng phần mềm. Các kết quả kết nối liên thông với hệ thống báo cáo Chính phủ và các hệ thống khác.

Số hồ sơ lưu: 22603

88470. 11-2023 **Nghiên cứu ảnh hưởng của các rào cản xanh trong thương mại đến xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh thực thi EVFTA/ TS.** Nguyễn Thị Thu Hiền, TS. Vũ Thị Thanh Huyền; PGS.TS. Phan Thế Công; TS. Dương Hoàng

Anh; TS. Phạm Thị Minh Uyên; TS. Trần Việt Thảo; ThS. Hồ Thị Mai Sương; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Hương; Nguyễn Vũ Trà Ly; Nguyễn Phương Hà - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ được cơ sở lý luận về các rào cản xanh và tác động của rào cản xanh đến xuất khẩu hàng hóa trong bối cảnh thực thi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA); Xây dựng được mô hình nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng của các rào cản xanh đến XKNS; Phân tích được thực trạng XKNS Việt Nam vào thị trường EU và nhận diện các rào cản xanh của EU có ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam; Phân tích được định lượng tác động của các rào cản xanh đến xuất khẩu một số nông sản Việt Nam vào thị trường EU; Đề xuất được các giải pháp và kiến nghị nhằm đẩy mạnh XKNS Việt Nam vượt qua các rào cản xanh của thị trường EU trong bối cảnh thực thi EVFTA.

Số hồ sơ lưu: 22314

88501. 11-2023 **Xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập ở Việt Nam trong bối cảnh mới/** PGS. TS. Ngô Tuấn Nghĩa, ThS. Hà Thị Vân Anh; PGS.TS. Nguyễn Minh Quang; PGS.TS. Đoàn Xuân Thủy; PGS.TS. Hoàng Thị Bích Loan; PGS.TS. Nguyễn Khắc Thanh; PGS.TS. Đinh Thị Nga; TS. Tạ Thị Đoàn - Hà Nội - Học viện

Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ hơn cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại; thực hiện nhận diện những thành công, hạn chế cũng như nguyên nhân của các thành công, hạn chế về xây dựng đồng bộ thể chế phát triển theo yêu cầu phù hợp chuẩn mực nền kinh tế thị trường hiện đại, đầy đủ ở Việt Nam; đề xuất giải pháp tiếp tục xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại ở Việt Nam tới năm 2030, tầm nhìn 2045.

Số hồ sơ lưu: 22183

88741. 11-2023 **Các động thái đầu tư quốc tế trong bối cảnh Covid-19 và hàm ý cho Việt Nam/** ThS. Nguyễn Thị Hiền, TS. Nguyễn Hồng Thu; TS. Nguyễn Thị Hồng Tâm; ThS. Lê Thị Thu Hương; ThS. Hoàng Thị Hồng Minh; CN. Lê Thu Hà; ThS. Nguyễn Trần Minh Trí; CN. Trần Thị Thu Thủy; ThS. Nguyễn Thanh Nhã - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2023; 11/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát lý luận về đầu tư quốc tế và thực trạng, đặc điểm đầu tư quốc tế trong bối cảnh Covid-19. Phân tích và đánh giá tác động của các dòng dịch chuyển đầu tư quốc tế và động thái dịch chuyển đầu tư quốc tế của một số nước. So sánh FDI của Việt Nam trước và trong bối

cảnh Covid-19, đánh giá tác động của động thái đầu tư quốc tế đối với những cơ hội và thách thức của Việt Nam. Đề xuất hàm ý cho Việt Nam nhằm tăng cường thu hút FDI một cách có hiệu quả trong giai đoạn 2021-2030

Số hồ sơ lưu: 22655

88788. 11-2023 **Lãnh đạo, học tập tổ chức và hiệu suất cao – Bằng chứng thực nghiệm tại các doanh nghiệp du lịch ở Việt Nam/** PGS. TS. Mai Ngọc Khương, TS. Lê Đình Minh Trí; TS. Nguyễn Ngọc Duy Phương; ThS. Đỗ Thanh Tùng; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Lê Quang Vinh - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Quốc tế, 2023; 02/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở lý thuyết của các vấn đề liên quan đến phong cách lãnh đạo, học tập của tổ chức và hiệu suất cao, phát triển cơ sở lý thuyết về tác động của lãnh đạo và học tập của tổ chức lên nền hiệu suất cao của doanh nghiệp. Thực trạng của ngành du lịch và môi trường hoạt động của các doanh nghiệp du lịch tại Việt Nam. Nghiên cứu phương pháp phân tích định lượng nhằm xác định chính xác mức độ tác động của các yếu tố và giúp tăng khả năng dự báo chính xác của mô hình phát triển từ đề tài.

Số hồ sơ lưu: 22663

88932. 11-2023 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn của việc ứng dụng kinh tế tuần hoàn để phát triển bền vững hợp tác xã nông nghiệp hiện nay/** TS. Tạ Hồng

Lĩnh, TS. Nguyễn Lê Trang; TS. Hoàng Thanh Tùng; TS. Hoàng Xuân Trường; ThS. Phạm Thị Hạnh Thơ; TS. Phạm Thị Thu Hà - Hà Nội - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2023; 01/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở khoa học, thực tiễn và kinh nghiệm các nước trên thế giới về phát triển kinh tế tuần hoàn ứng dụng trong phát triển hợp tác xã nông nghiệp. Đánh giá thực trạng thể chế chính sách hỗ trợ và ứng dụng trong các hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam. Thực trạng và nhu cầu phát triển, ứng dụng kinh tế tuần hoàn ở các hợp tác xã nông nghiệp. Đề xuất giải pháp chiến lược ứng dụng kinh tế tuần hoàn cho các hộ sản xuất và hợp tác xã đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 22668

88987. 11-2023 **Lý thuyết phát triển bền vững vùng và gợi mở hướng nghiên cứu ở Việt Nam trong bối cảnh mới/** ThS Bùi Việt Cường, TS. Lê Thị Thu Hiền; TS. Nguyễn Đức Đồng; TS. Lê Anh Vũ; ThS. Nguyễn Thị Đào; TS. Bùi Quang Bình; ThS. Trần Minh; ThS. Nguyễn Thị Thục; ThS. Đỗ Thị Ngân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, 2023; 01/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa và cập nhật các lý thuyết phát triển bền vững vùng trên cơ sở xem xét các giả định, khái niệm, vấn đề cơ bản và mối quan hệ giữa các khái niệm, vấn đề đó. Hệ thống hóa các chính sách phát triển vùng trên cơ sở các ý tưởng, mục

tiêu và công cụ can thiệp. Phân tích và đánh giá chính sách vùng ở một số nước trên thế giới. Gợi mở các hướng nghiên cứu chính liên quan đến phát triển bền vững vùng và chính sách vùng ở Việt Nam thời gian tới, đặt trong bối cảnh phát triển mới.

Số hồ sơ lưu: 22676

### **50202. Kinh doanh và quản lý**

87852. 11-2023 **Cơ sở lý luận và thực tiễn để xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam/** ThS. Trần Thanh Hải, ThS. Nguyễn Thị Hồng Vân; ThS. Trần Minh Trang; CN. Trần Thị Thanh; CN. Hoàng Đức Minh; CN. Trần Ngọc Bình; CN. Hồng Hồng Ngọc; ThS. Bùi Anh Dũng; ThS. Nguyễn Thị Trọng Nghĩa; CN. Ngô Thu Hương - Hà Nội - Cục Xuất nhập khẩu, 2022; 04/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng luận cứ khoa học để đề xuất bộ tiêu chí xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam và thể hiện hàng hóa sản xuất tại Việt Nam, là cơ sở tham khảo cho quá trình xây dựng các văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện trong nước. Nghiên cứu cơ sở lý luận về cách xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam. Rà soát các quy định của Việt Nam về việc xác định và thể hiện xuất xứ đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam cũng như cách thể hiện trên chứng từ thương mại, hồ sơ hải quan, bao bì/nhãn mác của hàng hóa. Phân tích các yếu tố tác động đến việc xác định hàng hóa sản xuất tại Việt Nam. Đề xuất nguyên tắc hoặc bộ tiêu chí dùng để xác định hàng hóa

sản xuất tại Việt Nam và cách thể hiện trên bao bì/nhãn hàng hóa.

Số hồ sơ lưu: 22264

87919. 11-2023 **Định hướng và giải pháp điện tử hóa Hệ thống Quản lý văn bản điều hành ngành Tài chính giai đoạn 2021-2030/** ThS. Nguyễn Hồng Đoàn, ThS. Nguyễn Thị Mai Dung; ThS. Đỗ Thị Minh Phương; ThS. Nguyễn Hồng Hà; CN. Trần Thị Hương Lành; ThS. Bùi Thị Thùy Duyên; KS. Lê Thành Trung; ThS. Hoàng Minh Hiền; ThS. Bùi Doãn Bảo Châu; ThS. Hoàng Ngọc Hưng - Hà Nội - Cục Tin học và Thống kê tài chính, 2022; 11/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về quy định hệ thống hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về điện tử hóa công tác Quản lý văn bản điều hành. Hai là, sự cần thiết và yêu cầu của điện tử hóa hệ thống quản lý văn bản điều hành. Phân tích, đánh giá: (i) hiện trạng về hệ thống quản lý văn bản và điều hành; (ii) nhân tố ảnh hưởng, thuận lợi và khó khăn trong quản lý văn bản điều hành. Đánh giá về hệ thống quản lý văn bản điều hành ngành Tài chính hiện nay. Nghiên cứu, đề xuất giải pháp điện tử hóa hệ thống quản lý văn bản điều hành ngành Tài chính giai đoạn 2021 đến năm 2030 bao gồm một số nội dung chính sau: (i) định hướng, quy hoạch chung; (ii) giải pháp, lộ trình ứng dụng thành quả của công nghệ thông tin vào hệ thống quản lý văn bản và điều hành; (iii) đánh giá các rủi ro trong quá trình triển khai thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 22232

87941. 11-2023 **Hoàn thiện chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp của Việt Nam/** ThS. Trương Bá Tuấn, CN. Lê Minh Khiêm; ThS. Nguyễn Thu Trang; ThS. Phan Thị Hồng Nhung; CN. Nguyễn Thị Thương Huyền; ThS. Đoàn Danh Tuấn Anh; ThS. Trần Thị Hà; TS. Trần Thị Thu Nhung; ThS. Trương Huỳnh Thắng; ThS. Hoàng Hồng Quang - Hà Nội - Vụ Chính sách thuế, Bộ Tài chính., 2022; 12/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, làm rõ một số vấn đề tổng quan chung về thuế chính sách thu nhập doanh nghiệp (TNDN); khung khổ và tiêu chí đánh giá chính sách thuế TNDN; thách thức và các yêu cầu đặt ra đối với cải cách chính sách thuế TNDN; Tổng hợp, phân tích kinh nghiệm quốc tế về chính sách thuế TNDN và rút ra các hàm ý chính sách và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam; Phân tích thực trạng chính sách thuế TNDN của Việt Nam, bao gồm đánh giá về kết quả đạt được, chỉ ra những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân; Phân tích, dự báo bối cảnh, chỉ rõ các yêu cầu đặt ra đối với việc hoàn thiện chính sách thuế TNDN của Việt Nam; đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách thuế TNDN của Việt Nam; điều kiện và lộ trình thực hiện.

Số hồ sơ lưu: 22201

87943. 11-2023 **Thương mại nông sản giữa Việt Nam và Trung Quốc trong bối cảnh mới/** TS. Nguyễn Thị Phương Hoa, ThS. Nguyễn Phương Liên; TS. Đặng Thị

Thúy Hà; ThS. Hà Thu Thủy; TS. Giáp Thị Vịnh; TS. Ngô Thị Mỹ; Thái Thị Anh Thư; Trần Thị Thúy Lan - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ thực trạng và đánh giá về thương mại nông sản giữa Việt Nam và Trung Quốc trong 10 năm gần đây (từ năm 2012-2021). Làm rõ bối cảnh mới và tác động của nó đối với thương mại nông sản giữa Việt Nam và Trung Quốc trong thập niên thứ 3 của thế kỷ XXI. Chỉ ra cơ hội và thách thức đối với thương mại nông sản giữa Việt Nam và Trung Quốc, đặc biệt là xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang Trung Quốc, từ đó nêu lên kiến nghị, giải pháp đối với Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22296

87945. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng định mức dự toán của các công tác dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng/** ThS. Nguyễn Anh Khoa, ThS. Trần Vũ Hằng Nga; ThS. Phạm Trọng Đoàn; ThS. Vũ Hồng Hoa; ThS. Trần Thị Tĩnh; ThS. Hoàng Thị Thùy Linh; ThS. Vũ Văn Tuấn; KS. Hà Thanh Tâm; KS. Nguyễn Việt Anh; KS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; KS. Đỗ Thị Phương Nam - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2020; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Từ cơ sở lý luận và các nghiên cứu tổng quan, đồng thời kết hợp với việc đánh giá thực trạng hiện nay về tình hình quản lý công tác dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng, thực hiện tiến hành xây dựng định mức

dự toán và khung mức chi phí cho các công tác dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng và đề xuất Bộ Xây dựng công bố để làm cơ sở tham khảo trong việc định giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng.

Số hồ sơ lưu: 22223

88138. 11-2023 **Phát triển mạng lưới các cá nhân, tổ chức có hoạt động hỗ trợ đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo/** Nguyễn Thị Thu Giang, PGS.TS. Trương Gia Bình; Lữ Thành Long; An Ngọc Thao - Hà Nội - Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam, 2022; 10/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thành lập và ra mắt mạng lưới nhà đầu tư trong lĩnh vực ICT; Tổ chức Hội nghị đánh giá thực trạng và nhu cầu của các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, tập đoàn về ICT. Tăng cường các hoạt động mạng lưới kết nối hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST hoặc mạng lưới đầu tư khởi nghiệp ĐMST ở quy mô địa phương, quốc gia, quốc tế. Thu hút nhà đầu tư từ các thành phần kinh tế, hiệp hội tham gia hoạt động đầu tư cho cá nhân, nhóm/doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST. Liên kết hoạt động của các cá nhân, tổ chức hỗ trợ, nhà đầu tư trong nước và mở rộng quan hệ hợp tác với nước ngoài.

Số hồ sơ lưu: 21918

88350. 11-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để sửa đổi, bổ sung quy định về kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu**

**thông trên thị trường/** ThS. Cao Thị Bích Hà, ThS. Nguyễn Tuấn Anh; ThS. Lê Mai Oanh; CN. Doãn Đình Dũng; CN. Vũ Thị Hoà; ThS. Trần Thị Kim Dung; CN. Nguyễn Thị Thuý Nga; KS. Vũ Đại Dương; CN. Nguyễn Tiến Trung; CN. Nguyễn Văn Hoàn; ThS. Nguyễn Thị Thanh Lịch - Hà Nội - Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu, đánh giá thực trạng triển khai áp dụng Thông tư số 26/2012/TTBKHCN và 12/2017/TT-BKHCN. Nghiên cứu các quy định về việc kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường, đáp ứng được các yêu cầu về quản lý, phù hợp với tình hình thực tế công tác quản lý nhà nước về chất lượng hàng hóa lưu thông trên thị trường, phù hợp với tình hình diễn biến về chất lượng hàng hóa. Tiến hành xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 26/2012/TT-BKHCN và 12/2017/TT-BKHCN

Số hồ sơ lưu: 22579

88394. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng Suất vốn đầu tư xây dựng công trình nhà ở theo tiêu chí công trình xanh/** TS. Nguyễn Tấn Vinh, ThS. Hoàng Trọng Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; TS. Tạ Ngọc Bình; CN. Nguyễn Thị Hồng Thanh; CN. Trần Ngọc Hiến; ThS. Trần Thu Hoài; KS. Trần Thanh Huyền; KS. Nguyễn Quốc Bảo; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lan - Hà Nội - Viện Kinh Tế Xây Dựng, 2023; 06/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn về công trình xanh; tiêu chí công trình xanh tại Việt Nam và lược khảo kinh nghiệm một số quốc gia. Tổng kết thực trạng phát triển và xác định tổng mức đầu tư, suất vốn đầu tư xây dựng công trình nhà ở cao tầng theo tiêu chí công trình xanh ở một số đô thị tại Việt Nam. Nghiên cứu xây dựng các chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng công trình nhà ở cao tầng theo tiêu chí công trình xanh.

Số hồ sơ lưu: 22605

88404. 11-2023 **Hoàn thiện báo cáo tài chính nhà nước phù hợp với thông lệ quốc tế/** ThS. Nguyễn Mạnh Cường, ThS. Nguyễn Thị Hiền; PGS.TS. Lê Hùng Sơn; PGS.TS. Nguyễn Thị Phương Hoa; ThS. Khương Thị Quỳnh Hương; CN. Nguyễn Văn Hào; ThS. Trần Thị Thu Hương; ThS. Lưu Thị Thanh Nhung; ThS. Phạm Thị Huyền; ThS. Dương Thị Thúy Hà - Hà Nội - Kho bạc nhà nước, 2023; 11/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý luận chung về Báo cáo tài chính nhà nước theo thông lệ quốc tế. Tìm hiểu thực trạng Báo cáo tài chính nhà nước tại Việt Nam giai đoạn 2018-2020. Qua đó đưa ra một số giải pháp hoàn thiện Báo cáo tài chính nhà nước phù hợp với thông lệ quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 22599

88495. 11-2023 **Xây dựng mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh vùng Tây Bắc/** TS. Phạm Lê Thảo, ThS. Nguyễn

Thanh Nga; ThS. Trần Thị Kim Oanh; ThS. Phạm Tố Linh; ThS. Vũ Ngọc Bích; TS. Nguyễn Xuân Hòa; ThS. Hoàng Hoa Quân; ThS. Trần Thị Lan; ThS. Hứa Thị Ngọc Yến; ThS. Đào Thu Trang - Hà Nội - Vụ Lữ hành, 2022; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về mô hình phát triển du lịch theo hướng tăng trưởng xanh (TTX); Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và trong nước trong việc xây dựng mô hình phát triển du lịch theo hướng TTX cho điểm đến du lịch và bài học cho vùng Tây Bắc; Đánh giá hiện trạng mô hình phát triển du lịch theo hướng TTX ở vùng Tây Bắc; Xây dựng mô hình phát triển du lịch theo hướng TTX vùng Tây Bắc (mô hình chung cho điểm du lịch) và xây dựng mô hình phát triển du lịch theo hướng TTX cho một điểm du lịch cụ thể trong khu du lịch quốc gia Sa Pa, triển khai áp dụng thử mô hình; Đề xuất giải pháp triển khai áp dụng mô hình cho vùng Tây Bắc.

Số hồ sơ lưu: 22204

88628. 11-2023 **An ninh kinh tế từ góc độ an ninh con người: Nghiên cứu đề xuất bộ chỉ báo áp dụng thử nghiệm tại Việt Nam/** TS. Lưu Thị Lịch, ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; CN. Đặng Thị Quỳnh Anh; TS. Đào Thị Minh Hương; TS. Phí Hồng Minh; ThS. Nguyễn Thị Nga - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Con người, 2023; 01/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa cơ sở lý luận về an ninh kinh tế từ góc độ an ninh con

người; Nhận diện các chỉ báo đo lường an ninh kinh tế và thực tiễn tính toán chỉ số an ninh kinh tế từ góc độ an ninh con người ở một số nước; Đánh giá cảm nhận của người dân về bộ chỉ báo đo lường an ninh kinh tế ở Việt Nam; Thử nghiệm tính toán chỉ số an ninh kinh tế từ góc độ an ninh con người ở Việt Nam theo bộ chỉ báo đề xuất. Đề xuất Kiến nghị chính sách nhằm hoàn thiện bộ chỉ báo an ninh kinh tế từ góc độ an ninh con người.

Số hồ sơ lưu: 22636

88643. 11-2023 **Nghiên cứu hướng dẫn phương pháp, nội dung và xây dựng các chỉ tiêu kiểm soát trong Quy hoạch Xây dựng khu chức năng. Thí điểm cho khu du lịch/** ThS. Lê Thị Thúy Hà, ThS. Cao Sỹ Niêm; ThS. Đỗ Cao Duy; KS. Đỗ Văn Thịnh; ThS. Đào Phương Thanh; ThS. Mai Đức Thanh; KS. Lê Thị Linh; KTS. Vũ Trọng Hùng; ThS. Trương Minh Ngọc; ThS. Phan Thị Vân Anh - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu phương pháp, nội dung quy hoạch xây dựng khu du lịch phát triển bền vững. Xây dựng các chỉ tiêu kiểm soát trong quy hoạch xây dựng khu du lịch. Xây dựng Dự thảo hướng dẫn phương pháp, nội dung và các chỉ tiêu kiểm soát trong quy hoạch xây dựng khu du lịch.

Số hồ sơ lưu: 22648

89077. 11-2023 **Quản lý và phát triển nhãn hiệu tập thể Rượu men lá Ba Nang, nhãn hiệu chứng nhận Nước mắm Cửa Việt/** CN. Trần Thiềm, CN. Hồ Bảo Quốc; KS. Lê Thanh Nam; KS. Võ Quyết Tiến; ThS. Võ Văn Tâm; CN. Nguyễn Trường; CN. Trần Hữu Hải; CN. Lê Văn Thắng; CN. Võ Thị The - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị, 2021; 12/2019 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng và vận hành có hiệu quả hệ thống văn bản, quy trình, thủ tục thực hiện công tác quản lý NHTT Rượu men lá Ba Nang và NHCN Nước mắm Cửa Việt. Xây dựng hệ thống nhận diện sản phẩm cho các sản phẩm Rượu men lá Ba Nang, Nước mắm Cửa Việt. Xây dựng và công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nhằm phát triển NHTT Rượu men lá Ba Nang, NHCN Nước mắm Cửa Việt, giúp ngăn chặn hiện tượng sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng nhái, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người sản xuất và tiêu dùng. - Xây dựng hệ thống TXNG và sử dụng tem TXNG cho sản phẩm nước mắm Cửa Việt.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_89.2022

89137. 11-2023 **Giải pháp chống thất thu thuế từ lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn/** CN. Thái Minh Giao, CN. Cao Thị Diệu Huyền; CN. Nguyễn Thị Bích Thủy; ThS. Lê Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Chí Bạc; ThS. Ngô Thị Thiện; ThS. Hồ Thị Bích Hưng;



ThS. Trần Thị Ánh Hồng; ThS. Phạm Thanh Phong; CN. Nguyễn Huỳnh Thế Vinh - Hà Nội - Tổng cục Thuế, 2023; 11/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp, khái quát những đặc trưng cơ bản của lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản thất thu thuế, làm rõ các mô hình trốn thuế của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn, chỉ ra nguyên nhân của thất thu thuế đối với lĩnh vực này. Đồng thời, nghiên cứu những vấn đề lý luận về chống thất thu thuế từ lĩnh vực kinh doanh khách sạn nhà hàng, chỉ rõ nội dung, nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động chống thất thu thuế từ lĩnh vực kinh doanh khách sạn, nhà hàng của cơ quan thuế. Tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế về chống thất thu thuế từ lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn qua đó rút ra những bài học có thể áp dụng vào thực tiễn Việt Nam; Phân tích, đánh giá thực trạng thất thu thuế và chống thất thu thuế từ lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn chỉ ra thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những vấn đề đặt ra trong chống thất thu thuế trong thời gian qua và hiện nay; Đưa ra quan điểm và đề xuất các giải pháp về chống thất thu thuế từ lĩnh vực kinh doanh nhà hàng, khách sạn trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 22719

89138. 11-2023 **Phát triển dịch vụ thuế ở Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế/** ThS. Lê

Bích Thảo, CN. Nguyễn Thị Bích Hạnh; ThS. Lê Duy Minh; ThS. Võ Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Dung; CN. Nguyễn Thị Hoài Dung; ThS. Phan Thị Minh Hậu; ThS. Đinh Vương Thế; ThS. Trần Tú Anh; ThS. Doãn Thu Thủy - Hà Nội - Tổng cục Thuế, 2023; 11/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp hệ thống hóa cơ sở lý luận về dịch vụ thuế, phát triển dịch vụ thuế. Tổng hợp kinh nghiệm quốc tế liên quan đến việc phát triển và quản lý dịch vụ thuế, rút ra bài học kinh nghiệm ứng dụng cho Việt Nam. Phân tích, đánh giá thực trạng phát triển dịch vụ thuế ở Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam. Trên cơ sở đó, nêu lên những vướng mắc, hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động cũng như sự phát triển dịch vụ thuế tại Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế. Đề xuất các giải pháp, lộ trình phù hợp nhằm phát triển dịch vụ thuế ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế định hướng lấy người nộp thuế làm trung tâm, là đối tượng phục vụ trong thời gian tới (đến năm 2030).

Số hồ sơ lưu: 22718

### **50299. Kinh tế học và kinh doanh khác**

88139. 11-2023 **Xây dựng và triển khai chương trình trao đổi các chủ thể của Hệ sinh thái khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo của Việt Nam với nước ngoài/** An Ngọc Thao, PGS.TS. Trương Gia Bình; Mai Duy Quang; Nguyễn Thị Thu Giang; Nguyễn Ngọc Huyền - Hà Nội - Hiệp hội Phần mềm và Dịch

vụ Công nghệ thông tin Việt Nam, 2023; 10/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổ chức các hoạt động giao lưu, trao đổi và kết nối hợp tác quốc tế giữa các chủ thể hệ sinh thái khởi nghiệp của Việt Nam và các nước trong khu vực, đặc biệt là thị trường Đài Loan, Malaysia... năm 2020 và 2021. Tổ chức hoạt động truyền thông, quảng bá, xây dựng các video clip, các bài viết về các Startup trong lĩnh vực ICT (bằng tiếng Anh và tiếng Việt), đăng tải lên các phương tiện truyền thông của quốc gia và quốc tế. Mở rộng thị trường, kết nối đầu tư quốc tế cho doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST. Trao đổi nhân lực chất lượng cao trong và ngoài nước về khởi nghiệp ĐMST. Trao đổi kinh nghiệm, học tập mô hình, kết nối quốc tế về cơ chế chính sách hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST

Số hồ sơ lưu: 21916

**88537. 11-2023 Marketing địa phương nhằm thu hút FDI cho các khu công nghiệp(KCN) trên địa bàn một số tỉnh, thành phố của Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Hoàng Việt, GS.TS. Nguyễn Bách Khoa; TS. Cao Tuấn Khanh; ThS. Phan Đình Quyết; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Nguyệt; ThS. Lưu Thị Thuỳ Dương; ThS. Nguyễn Hoàng Nam; ThS. Đào Lê Đức; ThS. Vũ Thị Thuỳ Linh - Hà Nội - Trường Đại học Thương Mại, 2017; 01/2016 - 12/2017. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập mô hình lý thuyết về marketing địa phương và chào hàng thị trường (CHTT) nhằm thu hút FDI

vào các KCN ở cấp địa phương (tỉnh, thành phố). Đánh giá thực trạng triển khai hoạt động marketing địa phương nói chung và CHTT nhằm thu hút FDI vào các KCN tại một số tỉnh, thành phố của Việt Nam. Đề xuất một số giải pháp, kiến nghị hoàn thiện marketing địa phương thu hút FDI cho các KCN trên địa bàn một số tỉnh, thành phố của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22630

**88593. 11-2023 Nghiên cứu áp dụng phương pháp ước lượng phạm vi nhỏ đối với chỉ tiêu thống kê cấp huyện ở Việt Nam/** CN. Vũ Thị Lan Phương, ThS. Vũ Thị Vân Anh; CN. Nguyễn Thị Kim Oanh; ThS. Nguyễn Văn Đoàn; ThS. Lê Văn Dục; ThS. Hoàng Lê Tuyên; ThS. Hoàng Văn Thức; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; ThS. Tô Thúy Hạnh; ThS. Nguyễn Văn Dũng; ThS. Nguyễn Trường Sơn - Hà Nội - Viện Khoa học Thống kê, 2021; 05/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tập trung vào nghiên cứu phương pháp ước lượng phạm vi nhỏ đối với chỉ tiêu thống kê cấp huyện ở Việt Nam, thông qua phương pháp như: phương pháp tổng hợp, tổng thu t các tài liệu trong nước và quốc tế; phương pháp chuyên gia (tham vấn, tổ chức hội thảo khoa học); phương pháp nghiên cứu định lượng. Xác định mục tiêu chung là cung cấp các phương pháp và quy trình thực hiện ước lượng phạm vi nhỏ đối với các chỉ tiêu thống kê nói chung, trong đó có chỉ tiêu thống kê cấp

huyện theo quy định hiện hành ở Việt Nam nói riêng mà các cuộc điều tra mẫu hiện nay chưa đảm bảo tính đại diện.

Số hồ sơ lưu: 22634

88632. 11-2023 **Nghiên cứu phát triển dịch vụ đêm phục vụ khách du lịch tại Việt Nam/** TS. Trần Phương Mai, ThS. Đinh Thị Thanh Hiền; TS. Đỗ Thị Thanh Hoa; ThS. Nguyễn Thị Lan Hương; ThS. Nguyễn Hoàng Mai; CN. Vũ Chiến Thắng; TS. Nguyễn Thị Quỳnh Hoa; TS. Nguyễn Thu Hạnh; TS. Hồ Trung Thành; TS. Trịnh Lê Anh; ThS. Phan Ngọc Mai Phương; TS. Trần Huy Đức - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển du lịch, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, phân tích và tổng hợp, góp phần hệ thống hoá cơ sở lý luận về dịch vụ đêm phục vụ khách du lịch với những nội dung: khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò của dịch vụ đêm phục vụ khách du lịch cũng như những tác động liên quan cùng lý thuyết cơ bản về điều kiện phát triển lĩnh vực này; Phần cơ sở thực tiễn đã nghiên cứu kinh nghiệm của nhiều quốc gia đồng thời làm rõ bối cảnh và cơ sở thực tiễn về phát triển dịch vụ đêm phục vụ khách du lịch tại Việt Nam. Tập trung làm rõ tiềm năng và thực trạng phát triển dịch vụ đêm phục vụ khách du lịch tại Việt Nam. Trong đó, nghiên cứu đã tiến hành phân tích dựa trên những tài liệu, số liệu sơ cấp và thứ cấp để chỉ rõ được những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức và những tác động của

dịch vụ đêm phục vụ khách du lịch ở Việt Nam. Nghiên cứu chỉ rõ quan điểm, định hướng phát triển lĩnh vực này, đưa ra những nguyên tắc và khung tiêu chí đối với dịch vụ đêm phục vụ khách du lịch phù hợp với thực trạng ở Việt Nam. Đồng thời, công trình cũng đề xuất những nhóm giải pháp cụ thể góp phần gợi ý cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển dịch vụ đêm phục vụ khách du lịch của Việt Nam, tăng cường quản lý hiệu quả và phát triển bền vững lĩnh vực này trong tương lai.

Số hồ sơ lưu: 22642

88634. 11-2023 **Mô hình kinh tế chia sẻ trong du lịch tại Việt Nam/** TS. Lê Quang Đăng, TS. Trương Sỹ Vinh; TS. Lê Văn Minh; TS. Vũ Nam; TS. Lê Ngọc Tuấn; TS. Phạm Lê Thảo; ThS. Trần Thị Hồng Trang; ThS. Nguyễn Thùy Vân; ThS. Bùi Thị Nhẹ; ThS. Nguyễn Văn Gia; GS.TS. Nguyễn Văn Đính; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh - Hà Nội - Viện nghiên cứu phát triển du lịch, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa và bổ sung một số vấn đề lý thuyết về mô hình kinh tế chia sẻ trong du lịch; Đánh giá hiện trạng mô hình kinh tế chia sẻ trong lĩnh vực du lịch ở Việt Nam hiện nay; Xác lập khung mô hình kinh tế chia sẻ trong du lịch; Đưa ra những giải pháp, khuyến nghị chính sách thúc đẩy mô hình kinh tế chia sẻ trong du lịch ở Việt Nam. Xây dựng cơ sở khoa học, khung mô hình và những giải pháp thúc đẩy mô hình

kinh tế chia sẻ trong du lịch tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22638

88645. 11-2023 **Kinh tế tuần hoàn - lý thuyết, thực tiễn và kiến nghị cho Việt Nam/** TS. Nguyễn Đình Chúc, ThS. Bùi Việt Cường; TS. Trần Thị Thu Hương; TS. Trần Quốc Trung; TS. Lê Thị Thu Hiền; ThS. Nguyễn Thị Thục; CN. Nguyễn Thị Ánh Vân; ThS. Nguyễn Hồng Anh; TS. Triệu Thanh Quang - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, 2023; 01/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp, khái quát hoá cơ sở lý luận về kinh tế tuần hoàn dựa trên các nghiên cứu quốc tế và trong nước đã được thực hiện. Nghiên cứu và tổng kết những mô hình kinh tế tuần hoàn được áp dụng của các quốc gia đi trước, gồm cả các quốc gia phát triển và đang phát triển. Nghiên cứu, tổng kết thực tiễn Việt Nam có liên quan đến kinh tế tuần hoàn trên các mặt: quy định pháp lý, các xu hướng phát triển. Kiến nghị và đề xuất nguyên tắc, cách tiếp cận, gợi mở định hướng và giải pháp phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22647

89368. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp tăng cường khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hải Phòng/** PGS.TS Đỗ Thị Mai Thơm, ThS. Hà Văn Trường; TS. Đỗ Thị Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Văn Đức;

TS. Mai Khắc Thành; TS. Phùng Mạnh Trung; TS. Đào Văn Thi; TS. Hoàng Thị Phương Lan; TS. Hoàng Chí Cương; TS. Hoàng Thị Thúy Phương; TS. Tô Văn Tuấn; ThS. Lê Chiến Thắng; ThS. Nguyễn Minh Trang; ThS. Phạm Ngọc Thanh; ThS. Đỗ Thanh Tùng; ThS. Phan Hải Hà; ThS. Bùi Thị Thu Hằng - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2023; 12/2021 - 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận về khả năng gia nhập chuỗi giá trị toàn cầu của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Thực trạng khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu trong 3 lĩnh vực: ô tô, đóng tàu và điện tử của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Dự báo tình hình và điều kiện tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Giải pháp tăng cường khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu trong 3 lĩnh vực: ô tô, đóng tàu và điện tử của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.026

**50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..**

87836. 11-2023 **Vận dụng quan điểm kiến tạo xã hội vào hoạt động quản lý lớp của giáo viên tiểu học tại Việt Nam/** TS. Ngô Vũ Thu Hằng, TS. Nguyễn Thị Liên; ThS. Nguyễn Thị Hằng; TS. Trần Thị Hà; TS. Vũ Thị Mai Hương; TS. Vũ Ngọc Tú - Hà Nội - Trường Đại học

sur phạm Hà Nội, 2023; 11/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Những nguyên lí của quan điểm kiến tạo xã hội (KTXH) có thể được vận dụng vào trong hoạt động quản lí lớp (QLL) của GV tiểu học ở Việt Nam. Thực trạng của hoạt động QLL của GV tiểu học ở Việt Nam hiện nay và mức độ vận dụng quan điểm KTXH vào trong hoạt động QLL. Đặc điểm của hoạt động QLL của GV tiểu học theo quan điểm KTXH, biện pháp QLL xây dựng dựa theo quan điểm KTXH phù hợp với GV tiểu học ở Việt Nam. Thực hiện biện pháp QLL được xây dựng theo quan điểm KTXH cho GV tiểu học ở Việt Nam. Đánh giá biện pháp QLL được xây dựng theo quan điểm KTXH cho GV tiểu học ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22301

87867. 11-2023 **Nghiên cứu đô thị tri thức và các phương pháp học sâu tích hợp trong một số bài toán trợ giúp ra quyết định/ PGS. TS. Phạm Văn Hải, TS. Đặng Tuấn Linh; TS. Trần Ngọc Thăng; PGS.TS. Võ Trương Như Ngọc; TS. Phạm Minh Chuẩn; ThS. Cù Kim Long; ThS. Nguyễn Thọ Thông - Hà Nội - Viện Công nghệ Thông tin và Truyền thông, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Đưa ra các quyết định theo thuật toán trên cây quyết định trong truy vấn đối tượng, thuộc tính dựa trên tri thức của chuyên gia suy diễn của Đồ thị tri thức kết hợp với phương pháp học sâu để học dữ liệu; Nâng cao hiệu quả chính xác mô hình học sâu

với lập luận xấp xỉ để ra quyết định phân loại các đối tượng cho các dữ liệu ảnh, dữ liệu không có cấu trúc có nhiều thuộc tính; Trợ giúp quyết định kết hợp với tri thức chuyên gia và dữ liệu có cấu trúc, không có cấu trúc để phân tích hành vi người dùng. Xây dựng nhóm nghiên cứu mạnh kết hợp tinh hoa của các nhà toán học, nhà khoa học máy tính, trí tuệ nhân tạo và các nhà khoa học trong lĩnh vực y tế, sức khỏe. Đẩy mạnh quan hệ hợp tác nghiên cứu khoa học với các nhóm nghiên cứu khác, đặc biệt là với nhóm nghiên cứu ứng dụng toán học, trí tuệ nhân tạo, khoa học máy tính từ Viện Toán - Tin và Viện CNTT-TT, trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 22252

87939. 11-2023 **Nghiên cứu, xây dựng khung chương trình tuyên truyền về sở hữu trí tuệ cho lứa tuổi học sinh tiểu học và trung học cơ sở/ ThS. Trịnh Thu Hải, CN. Lê Thị Hạnh; CN. Phùng Phương Hồng; CN. Phạm Thanh Loan; CN. Hoàng Mai Chi; ThS. Bùi Khánh Linh; CN. Trần Anh Tuấn; CN. Vũ Thị Thúy Liên; CN. Trịnh Thị Vân Anh; CN. Hoàng Thị Anh - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu, Đào tạo và Hỗ trợ, Tư vấn, 2021; 09/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Xây dựng được khung chương trình tuyên truyền về sở hữu trí tuệ (SHTT) dành cho lứa tuổi học sinh tiểu học và trung học cơ sở góp phần tạo dựng văn hóa SHTT và khuyến khích, thúc đẩy, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, ý thức tôn trọng

quyền SHTT cho nhóm đối tượng này. Tổ chức triển khai thí điểm được trên thực tế một (01) trong số các nội dung của khung chương trình đã xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 22189

**88452. 11-2023 Nghiên cứu giải pháp phát triển chất lượng cán bộ giảng viên tại các cơ sở giáo dục đào tạo của Bộ Giao thông vận tải trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0/** Tiến sỹ. Trần Thế Tuấn, TS. Nguyễn Việt Thắng; TS. Nguyễn Hùng Cường; TS. Đỗ Quang Hưng; TS. Vũ Thị Hải Anh; ThS. Công Vũ Hà Mi; ThS. Nguyễn Thị Dung; ThS. Đào Khánh Hưng; ThS. Nguyễn Văn Bình; KS. Trần Thị Thu - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2023; 01/2022 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu phát triển chất lượng cán bộ giảng viên tại các cơ sở giáo dục đào tạo của Bộ Giao thông vận tải. Mục tiêu cụ thể là đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển nguồn nhân lực tại cơ sở giáo dục và đào tạo của ngành Giao thông vận tải đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: 22405

**88479. 11-2023 Nghiên cứu rà soát, cập nhật, xây dựng mới chương trình và giáo trình đào tạo kiểm định viên phương tiện đo nhóm 2 đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về đo lường trong hoạt động chỉ định các tổ chức kiểm định hiệu chuẩn/** KS. Trịnh Xuân Tùng, CN. Lê Quang Lâm; KS. Bùi Trung Dũng; KS. Dương Quốc

Thao; ThS. Nguyễn Thị Kim Dung; ThS. Đường Hồng Sơn; TS. Đỗ Đức Nguyên; TS. Ngô Ngọc Anh; TS. Phạm Thanh Bình; ThS. Phạm Hồng Minh; TS. Nguyễn Duy Thảo - Hà Nội - Trung tâm Đào tạo Nghiệp vụ Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, 2022; 06/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện chương trình, giáo trình đào tạo cập nhật theo Thông tư 07/2019/TT-BKHCN; phục vụ quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được Tổng cục giao là đào tạo kiểm định viên đo lường trong ngành Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và tại các tổ chức được chỉ định kiểm định phương tiện đo nhóm 2 và các tổ chức/doanh nghiệp có liên quan. Đáp ứng nhu cầu đào tạo/bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định/hiệu chuẩn và tổ chức được Tổng cục TĐC chỉ định kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 2 và chuẩn đo lường Đáp ứng nhu cầu đào tạo phục vụ quản lý nhà nước về đo lường trong hoạt động chỉ định các tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 22257

**88487. 11-2023 Nghiên cứu xây dựng khung năng lực số và chương trình đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho các doanh nghiệp/** ThS. Nguyễn Văn Long, TS. Đinh Đức Thiện; ThS. Lê Ngọc Bảo; ThS. Hà Thị Huê; ThS. Lê Quang Nhật; CN. Lê Kiên Cường; ThS. Phạm Thị Huyền Trang; CN. Phạm Thị Kim Nhung; ThS. Bùi Thị Hậu; ThS. Nguyễn Phạm Hùng - Hà

Nội - Trường Đào tạo, Bồi dưỡng Cán bộ quản lý Thông tin và Truyền thông, 2022; 01/2022 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tiếp cận các tài liệu sẵn có trong nước và nước ngoài để tìm hiểu thực trạng về chuyển đổi số doanh nghiệp tại Việt Nam. Trên cơ sở đó, đề xuất khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng tại trường. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng nguồn nhân lực chuyển đổi số tại doanh nghiệp ở Việt Nam; nhu cầu, yêu cầu về kỹ năng số cho doanh nghiệp để xây dựng khung chương trình bồi dưỡng về chuyển đổi số và khung năng lực số cho doanh nghiệp. Khảo sát, phân tích xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số của doanh nghiệp tại Việt Nam. Đề xuất khung năng lực số và khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 22231

88493. 11-2023 **Đẩy mạnh hợp tác giữa cơ sở giáo dục đại học và doanh nghiệp trong hoạch định chiến lược, quản trị rủi ro và hợp tác công tư/** PGS. TS. Đào Thị Thu Giang, PGS.TS. Trần Thị Kim Anh; TS. Nguyễn Lệ Hằng; TS. Nguyễn Thị Hồng Vân; TS. Đào Thị Hương; TS. Nguyễn Thị Tùng Lâm; ThS. Vũ Thị Kim Oanh; TS. Đỗ Minh Hoàng; TS. Đặng Thị Huyền Hương; ThS. Nguyễn Phương Chi - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2022; 06/2019 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng hợp các vấn đề lý luận và thực tiễn về mô hình hợp

tác giữa cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) với doanh nghiệp (DN) trong hoạch định chiến lược, quản trị rủi ro và hợp tác công tư; Kinh nghiệm của một số nước trong khu vực và trên thế giới về liên kết giữa CSGDĐH với DN trong hoạch định chiến lược, quản trị rủi ro và hợp tác công tư và bài học cho Việt Nam; Phân tích thực trạng hợp tác giữa CSGDĐH với DN tại Việt Nam trong hoạch định chiến lược, quản trị rủi ro và hợp tác công tư. Đề xuất hệ thống giải pháp và kiến nghị nhằm thúc đẩy quá trình hợp tác giữa CSGDĐH với DN trong hoạch định chiến lược, quản trị rủi ro và hợp tác công tư.

Số hồ sơ lưu: 22210

89130. 11-2023 **Quản lý tối ưu nguồn tài nguyên cho hệ thống học liên kết/** TS. Nguyễn Công Lượng, TS. Nguyễn Đình Chi - Hà Nội - Trường Đại học PHENIKAA, 2023; 04/2020 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

So sánh và đánh giá hiệu suất như độ chính xác của việc huấn luyện mô hình mạng nơ-ron, tốc độ hội tụ, đạt được bởi hệ thống học liên kết hiện tại và hệ thống máy học truyền thống. Xây dựng các vấn đề quản lý tài nguyên mới trong hệ thống học liên kết nhằm tối đa hóa hiệu suất như độ chính xác của huấn luyện mô hình mạng nơ-ron, độ trễ huấn luyện và mức tiêu thụ năng lượng trong hệ thống học liên kết. Đề xuất áp dụng các thuật toán tối ưu để giải quyết các vấn đề quản lý tài nguyên trong hệ thống học liên kết.

Phân tích hiệu suất của các thuật toán tối ưu hóa. Đánh giá hiệu suất của các thuật toán tối ưu hóa bằng cách thay đổi các tham số mô phỏng.

Số hồ sơ lưu: 22722

### **50302. Giáo dục chuyên biệt**

88423. 11-2023 **Phát triển năng lực khởi nghiệp cho sinh viên trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam/** TS. Phạm Đình Tuyên, TS. Nguyễn Cao Lãnh; CN. Nguyễn Minh Hiếu; ThS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Lê Đỗ Đạt; TS. Hoàng Tuấn Nghĩa; KTS. Nguyễn Thị Thu Thủy; ThS. Phạm Thu Trang; ThS. Nguyễn Thùy Trang; CN. Hoàng Thị Lê - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2023; 01/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khởi nghiệp hiện đã trở thành phong trào quốc gia, lan tỏa trong nhiều lĩnh vực và địa phương. Đề phong trào khởi nghiệp chuyển sang một giai đoạn mới, đưa Việt Nam trở thành một quốc gia mạnh về khởi nghiệp, cần phải thực hiện nhiều chương trình, đề án, trong đó có việc đào tạo khởi nghiệp tại các trường đại học, theo từng ngành. Vì vậy, nội dung nghiên cứu của đề tài về phát triển năng lực khởi nghiệp trong lĩnh vực xây dựng là mới. Đề tài không chỉ đề xuất nội dung của Chương trình khung đào tạo khởi nghiệp mà còn đề xuất Chương trình khung về truyền thông; Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc nâng cao năng lực khởi nghiệp cho sinh viên trong lĩnh vực xây dựng. Đề tài cũng tạo lập và phát triển phần mềm khảo sát

và đánh giá tâm thức sinh viên dựa trên mô hình Big Five: talaai.com.vn, làm căn cứ phát triển các chương trình đào tạo nói chung và đào tạo năng lực khởi nghiệp nói riêng cho sinh viên trong lĩnh vực xây dựng, thí điểm tại trường Đại học Xây dựng Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 22617

88635. 11-2023 **Ứng dụng giải pháp khoa học quản lý lượng vận động bằng thiết bị đo công suất trong huấn luyện vận động viên đội xe đạp đường trường nam và nữ hướng đến trình độ Olympic/** TS. Võ Quốc Thắng, PGS.TS. Nguyễn Hoàng Minh Thuận; ThS. Nguyễn Văn Sung; TS. Nguyễn Thành Lê Trâm; ThS. Bùi Thị Thu Dung; ThS. Phạm Thanh Tú; ThS. Võ Châu Tường; ThS. Nguyễn Hoàng Anh Phong; ThS. Ngô Quốc Tiến; CN. Lê Bửu An - Tp. Hồ Chí Minh - Trung tâm Huấn Luyện thể thao quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập luận cứ khoa học, cơ sở lý luận và thực tiễn công tác quản lý lượng vận động đội tuyển nam và nữ Xe đạp đường trường (XDĐT) quốc gia. Xây dựng quy trình ứng dụng thiết bị quản lý lượng vận động bằng thiết bị đo công suất trong huấn luyện vận động viên (VDV) XDĐT nam và nữ quốc gia. Đề xuất quy trình ứng dụng thiết bị quản lý lượng vận động bằng thiết bị đo công suất trong huấn luyện VDV XDĐT nam và nữ quốc gia.

Số hồ sơ lưu: 22637



88903. 11-2023 **Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác tiêu chuẩn hóa, chuyên gia đánh giá sự phù hợp của các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp/** ThS. Bùi Ngọc Bích, ThS. Hoa Xuân Hòa; TS. Phùng Mạnh Trường; TS. Ngô Thị Ngọc Hà; ThS. Mần Thùy Giang; ThS. Mai Thu Phương; CN. Phạm Thị Hải Yến; CN. Đặng Thùy Linh; ThS. Trần Ngọc Chính - Hà Nội - Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, 2023; 02/2022 - 04/2023. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổ chức rà soát, cập nhật, thẩm định và phê duyệt 03 bộ chương trình, tài liệu đào tạo nghiệp vụ tiêu chuẩn hóa cơ bản, nâng cao cho thành viên ban kỹ thuật và bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp. Xây dựng mới 02 bộ chương trình và tài liệu đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý theo ISO 21001; ISO 22301. Đào tạo nghiệp vụ tiêu chuẩn hóa và chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý.

Số hồ sơ lưu: 22670

### **50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác**

77864. 11-2023 **Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị thông qua hoạt động dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới hiện nay/** Lê Thị Hương, Nguyễn Thị Thu Thủy; Phạm Hữu Huyện; Phạm Thế Kiên; Phan Minh Tiến; Đinh Thị Hồng Vân; Hoàng Kim Toàn; Nguyễn Xuân Hiếu; Lê Quang Vũ - Quảng Trị - Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Trị, 2019; -

05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực trạng giáo dục kỹ năng sống (GDKNS) thông qua hoạt động dạy học cho học sinh tiểu học tỉnh Quảng Trị, trên cơ sở đó xây dựng chương trình GDKNS và đề xuất các biện pháp GDKNS cho học sinh tiểu học ở tỉnh Quảng Trị nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Số hồ sơ lưu: KHCNQTI6

88332. 11-2023 **Hỗ trợ hoạt động, liên kết của các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại các trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức chính trị - xã hội/** Huỳnh Văn Chương, TS. Hoàng Kim Toàn; ThS. Trương Thanh Hùng; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Dũng; ThS. Lưu Mạnh Cường; ThS. Nguyễn Ái Quỳnh; CN. Nguyễn Văn Huân - Thừa Thiên Huế - Đại học Huế, 2019; 03/2019 - 03/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổ chức các khóa đào tạo và thực hành về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các cán bộ, giảng viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp trên địa bàn các tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế. Đồng thời, tổ chức các khóa tập huấn về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho các cá nhân/nhóm có tiềm năng phát triển hoặc có ý tưởng khởi nghiệp. Mở chuỗi hội thảo chuyên đề về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Tiến hành mở khóa huấn luyện kỹ năng thuyết trình về dự án và tổ chức chương trình Demo Dạy mở rộng.

Số hồ sơ lưu: 22580

88407. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống giải pháp, chính sách gắn kết hoạt động khoa học, công nghệ và đào tạo đối với đại học định hướng nghiên cứu dưới tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0/** TS. Nghiêm Xuân Huy, TS. Bùi Vũ Anh; PGS.TS. Nguyễn Hội Nghĩa; GS. Nguyễn Lộc; PGS.TS. Hoàng Văn Hải; PGS.TS. Vũ Văn Yên; PGS.TS. Lê Đức Ngọc; PGS.TS. Vũ Văn Tích; TS. Trần Thị Hoài; TS. Phạm Thị Thanh Hải - Hà Nội - Viện Đảm bảo chất lượng giáo dục, 2021; 11/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu yếu tố tác động chủ yếu của cách mạng công nghiệp 4.0 (CMCN 4.0) đối với sự gắn kết giữa hoạt động khoa học, công nghệ và đào tạo tại các trường đại học nghiên cứu. Dự báo các tác động của CMCN 4.0 tới hoạt động khoa học, công nghệ, đào tạo và sự gắn kết giữa hoạt động khoa học, công nghệ với đào tạo tại các trường đại học ở Việt Nam. Làm rõ thực trạng gắn kết hoạt động khoa học, công nghệ và đào tạo tại 02 Đại học Quốc gia và một số trường đại học có hoạt động nghiên cứu KH-CN mạnh ở Việt Nam. Qua đó, đề xuất các giải pháp, chính sách gắn kết hoạt động khoa học, công nghệ và đào tạo đối với đại học định hướng nghiên cứu ở Việt Nam, nhằm thích ứng với tác động của CMCN 4.0

Số hồ sơ lưu: 22613

88740. 11-2023 **Nghiên cứu khả năng áp dụng mô hình học tập**

**kết hợp (Blended learning) nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo luật trong bối cảnh tự chủ đại học/** TS. Đinh Thị Phương Hoa, TS. Hà Thị Thanh Thủy; TS. Đoàn Trung Kiên; PGS.TS. Vũ Thị Lan Anh; TS. Lê Đình Nghị; PGS.TS. Nguyễn Bá Bình; TS. Đoàn Thị Tố Uyên; TS. Nguyễn Thắng Lợi; TS. Tôn Quang Cường; PGS.TS. Lê Thị Thu Hiền; ThS. Trần Phương Anh; ThS. Đào Thị Tâm; ThS. Nguyễn Hải Anh; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Đồng Hoàng Minh - Hà Nội - Trường Đại học Luật Hà Nội, 2022; 03/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lí luận về mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) trong đào tạo luật hiện nay ở Việt Nam. Xây dựng mô hình học tập kết hợp (Blended Learning) trong đào tạo luật tại Trường Đại học Luật Hà Nội trong bối cảnh tự chủ đại học. Đề xuất các giải pháp triển khai áp dụng mô hình dạy học kết hợp (Blended Learning) nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo luật trong bối cảnh tự chủ đại học hiện nay ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22654

89365. 11-2023 **Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tại thành phố Hải Phòng/** ThS. Nguyễn Văn An, TS. Nguyễn Xuân Quang; CN. Nguyễn Thị Huyền Trang - Hải Phòng - Hội Khoa học phát triển nguồn nhân lực, nhân tài thành phố Hải Phòng, 2023; 07/2022

- 03/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận về vấn đề có liên quan. Đánh giá thực trạng và dự báo nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đào tạo, bồi dưỡng nhân lực khoa học và công nghệ thành phố Hải Phòng đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.024

#### **50401. Xã hội học nói chung**

87932. 11-2023 **Cộng đồng người Việt Nam ở Liên bang Nga và SNG 1991 - 2018/** PGS. TS. Đặng Minh Đức, TS. Vũ Thụy Trang; PGS.TS. Nguyễn An Hà; ThS. Nguyễn Thanh Lan; ThS. Phan Anh Dũng; PGS.TS. Nguyễn Chí Hiếu; PGS.TS. Nguyễn Văn Hồng; TS. Đinh Ngọc Thắng; GS.TS. Nguyễn Huy Hoàng; GS.TS. Sergei V.Ryazansev; Roman V.Manshin; Artem S.Lukyanets; Elena E.Pismenaya; Marina N.Khramova; Vadim A.Bezverbny; ThS. Trần Đình Hưng; Chủ Thị Nhuận; ThS. Trịnh Thị Hiền; ThS. Trịnh Thành Vinh; Lê Thị Kim Oanh; ThS. Trần Thị Khánh Hà; ThS. Lê Thanh Vạn; TS. Đào Bảo Ngọc; ThS. Hồ Thị Thu Huyền; ThS. Đỗ Hồng Huyền; ThS. Phạm Thị Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Khánh Vân; ThS. Nguyễn Đức Phúc; TS. Nguyễn Trọng Hải - Hà Nội - Viện Nghiên

cứu Châu Âu, 2022; 12/2019 - 12/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích những nhân tố tác động đến cộng đồng người Việt Nam đang sinh sống và làm việc tại LB Nga và SNG (Ucraina và Belarus) giai đoạn 1991 - 2018; Phân tích các chính sách của LB Nga và một số nước SNG (Ucraina và Belarus) đối với người lao động di cư đang sinh sống ở quốc gia này. Nghiên cứu thực trạng sinh sống làm việc của cộng đồng người Việt Nam tại Nga, Ucraina và Belarus, những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức cũng như những đóng góp của Cộng đồng đối với nước sở tại và quê hương; Nghiên cứu đánh giá được tiềm năng, vai trò và triển vọng của cộng đồng người Việt Nam ở Nga, Ucraina và Belarus; Nghiên cứu đưa ra quan điểm, phương hướng, kiến nghị, đề xuất các giải pháp chính sách nhằm phát triển Cộng đồng người Việt tại Nga, Ucraina và Belarus cũng như phát huy vai trò, đóng góp của Cộng đồng trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 22185

88478. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế, xã hội, môi trường của các tỉnh, thành ven biển Việt Nam/** TS. Nguyễn Thủy Lan, PGS.TS. Nguyễn Xuân Dũng; TS. Lê Văn Hùng; TS. Võ Xuân Vinh; TS. Trần Thế Tuấn; TS. Cao Tuấn Phong; TS. Nguyễn Xuân Tùng; ThS. Ngô Huy Biên; ThS. Đồng Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Quyên; TS. Bùi Kim Thanh - Hà Nội - Văn

phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2023; 07/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng CSDL kinh tế, xã hội, môi trường của các tỉnh, thành ven biển Việt Nam nhằm cung cấp dữ liệu thống nhất, cập nhật, chuẩn xác phục vụ việc triển khai Chương trình trọng điểm cấp bộ “Khoa học xã hội và nhân văn về biển của Việt Nam phục vụ mục tiêu bảo vệ và phát triển đất nước” của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Xây dựng khung nghiên cứu về cơ sở dữ liệu của các địa phương ven biển trên 3 lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường. Xác định rõ bộ khái niệm công cụ, nguyên tắc, tiêu chí và nội dung dữ liệu cần xây dựng.

Số hồ sơ lưu: 22272

89371. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp phát huy nguồn lực của người Hải Phòng ở nước ngoài/** ThS. Nguyễn Thị Bích Dung, ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương; ThS. Trần Lê Thu Hằng; ThS. Nguyễn Thị Tuyết Mai; ThS. Đỗ Quang Minh; ThS. Nguyễn Thị Thanh Phương; ThS. Lê Thị Hạnh; CN. Mai Quang Thọ; ThS. Trần Ngọc Hương; ThS. Lê Ngọc Minh; CN. Nguyễn Tố Như; CN. Nguyễn Thùy Liên; ThS. Đỗ Bích Huệ; CN. Vũ Thị Mai; CN. Vương Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Tú Thanh - Hải Phòng - Sở Ngoại vụ thành phố Hải Phòng, 2023; 11/2021 - 05/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết có liên quan.

Đánh giá thực trạng nguồn lực người Hải Phòng ở nước ngoài (NHPONN), đánh giá thực trạng nhân tố ảnh hưởng, và phân tích tác động của các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả thu hút nguồn lực. Đánh giá thực trạng phát huy nguồn lực của NHPONN giai đoạn 2015-2020 về số lượng, điều kiện kinh tế, trình độ học vấn, quốc gia sinh sống, thực trạng huy động nguồn lực vật chất, bao gồm kiều hối, nguồn lực đầu tư, thương mại, xã hội-nhân đạo-từ thiện, và nguồn lực phi vật chất bao gồm: nguồn lực trí thức NHPONN, lĩnh vực thông tin, tuyên truyền, quảng bá. Đề xuất các giải pháp phát huy nguồn lực của NHPONN giai đoạn đến năm 2030 với 7 nhóm giải pháp tương đồng với cấu trúc các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả thu hút được đề xuất đảm bảo hiệu quả, thiết thực.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.028

### **50402. Nhân khẩu học**

88438. 11-2023 **Quá trình hội nhập xã hội của cộng đồng di dân miền Bắc tại vùng đồng bằng sông Cửu Long (Trường hợp huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu)/** TS. Nguyễn Thu Vân, ThS. Mai Thị Mỹ Vị; TS. Trần Thị Nhung; ThS. Vũ Thị Thu Thanh; TS. Huỳnh Thị Ngọc Tuyết; PGS.TS. Phạm Hồng Nhật; ThS. Nguyễn Thị Phương Yên; ThS. Trịnh Thị Lệ Hà; ThS. Nguyễn Thị Soa; ThS. Nguyễn Thị Kim Nương - TP. Hồ Chí Minh - Viện Khoa học xã hội vùng Nam

Bộ, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu quá trình hội nhập xã hội và các chiến lược hội nhập của cộng đồng di dân miền Bắc, những đóng góp của cộng đồng di dân miền Bắc trong sự phát triển kinh tế - xã hội tại vùng đất mới. Khuyến nghị về mặt chính sách trong việc xây dựng các hệ thống chính sách về di dân, quy hoạch dân cư và khả năng thích ứng của cộng đồng trước những thay đổi của môi trường, của ĐDKH vùng ĐBSCL.

Số hồ sơ lưu: 22437

**50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội**

87930. 11-2023 **Cảm nhận hạnh phúc của trẻ em Việt Nam/** PGS. TS. Trương Thị Khánh Hà, KS. Đỗ Thị Ngát; CN. Hoàng Thị Ngọc Bích; ThS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thái Học; ThS. Nguyễn Khương Duy; ThS. Vũ Quang Hà; ThS. Lê Thị Hiền; ThS. Hoàng Lê Tuyên; ThS. Nguyễn Thị Vân; ThS. Nguyễn Thị Liên; CN. Nguyễn Thị Nga - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2022; 11/2020 - 11/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tìm hiểu thực trạng cảm nhận hạnh phúc của trẻ em và những yếu tố ảnh hưởng đến cảm nhận hạnh phúc của trẻ em. Đánh giá chất lượng các mối quan hệ xã hội tốt là yếu tố đứng đầu giúp trẻ cảm thấy hài lòng và hạnh phúc với cuộc sống

(37,1% câu trả lời). Tiếp theo là có các mối quan hệ gia đình tốt đẹp, và cuối cùng là tham gia vào các hoạt động và giải trí vui vẻ, thú vị. Nói cách khác, trẻ em tham gia nghiên cứu mô tả sự hài lòng và hạnh phúc trong cuộc sống của các em theo các mối quan hệ giữa các cá nhân trong gia đình và xã hội, tham gia vào các hoạt động cụ thể, chủ yếu là làm những điều thú vị và đạt được mục tiêu mong muốn

Số hồ sơ lưu: 22430

87931. 11-2023 **Phát triển thị trường văn hóa ở Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI đến nay/** TS. Trần Thị Thủy, CN. Nguyễn Thị Ánh Thuận; ThS. Chử Thị Bích Thu; ThS. Nguyễn Văn Nguyên; ThS. Nguyễn Diệu Hương; ThS. Lưu Thị Thu Hương; PGS.TS. Vũ Thị Phương Hậu; TS. Nguyễn Quốc Việt; CN. Trần Thị Thúy Lan - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá cơ sở để Trung Quốc phát triển thị trường văn hoá từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Đánh giá thực trạng và những vấn đề đặt ra trong quá trình Trung Quốc phát triển thị trường văn hoá từ đầu thế kỷ XXI đến nay. Phân tích tác động và xu thế phát triển thị trường văn hoá Trung Quốc trong thời gian tới, qua đó đề xuất định hướng và giải pháp đối với Việt Nam. Đề tài đánh giá sâu sự phát triển thị trường văn hoá ở Trung Quốc từ đầu thế kỷ XXI đến nay, từ đó đề xuất định hướng và giải pháp cho Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22217

88411. 11-2023 **Nghiên cứu và xây dựng câu lạc bộ nghề truyền thống nhằm đảm bảo phát triển sinh kế bền vững của đồng bào dân tộc thiểu số tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai/** ThS. Nông Bằng Nguyên, ThS. Lê Thị Thòả; TS. Nguyễn Thị Tám; ThS. Hoàng Thị Thanh Hương; ThS. Sa Thị Thanh Nga; TS. Hà Thị Hồng Vân; TS. Kiều Thanh Nga; ThS. Vũ Quốc Thiện; ThS. Lưu Thị Thu Hương; ThS. Vũ Thị Huyền Ly - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2023; 10/2020 - 03/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xây dựng khung lý luận về việc hình thành mô hình câu lạc bộ nghề truyền thống dân tộc thiểu số nhằm đảm bảo sinh kế bền vững. Đánh giá thực trạng nghề dệt thổ cẩm và nghề mộc truyền thống, và các câu lạc bộ nghề truyền thống của dân tộc Gia-rai tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Xây dựng câu lạc bộ nghề dệt thổ cẩm và điêu khắc mộc của dân tộc Gia-rai tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Từ đó, đề xuất một số giải pháp, kiến nghị về mặt chính sách với các cấp chính quyền địa phương nhằm phát triển nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số, lực lượng nghệ nhân và các doanh nghiệp có hỗ trợ sinh kế cho dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Số hồ sơ lưu: 22600

88545. 11-2023 **Ảnh hưởng của văn hóa làng xã truyền thống đối với thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt**

**Nam/** TS. Đỗ Thị Kim Hoa , ThS. Nguyễn Hồng Đức ; PGS.TS. Nguyễn Thu Nghĩa ; TS. Trần Tuấn Phong; TS. Vũ Thị Thu Hằng ; ThS. Phạm Thị Hường ; ThS. Hoàng Thị Thúy An; ThS. Nguyễn Như Quỳnh - Hà Nội - Viện Triết học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trên cơ sở phân tích một số vấn đề lý luận cùng với nghiên cứu thực trạng về sự ảnh hưởng của văn hóa làng xã truyền thống đối với thực hiện dân chủ cơ sở, đề tài đưa ra một số giải pháp chủ yếu nhằm phát huy những ảnh hưởng tích cực và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa làng xã truyền thống đối với việc thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam. Làm rõ những vấn đề lý luận về văn hóa làng xã truyền thống, thực hiện dân chủ cơ sở và nội dung, phương thức ảnh hưởng của văn hóa làng xã truyền thống đến thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam. Phân tích thực trạng ảnh hưởng của văn hóa làng xã truyền thống đến thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam hiện nay. Đề xuất một số giải pháp phát huy ảnh hưởng tích cực, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của văn hóa làng xã truyền thống đối với thực hiện dân chủ cơ sở ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22194

88990. 11-2023 **Thực hành giải trí của thanh niên nông thôn vùng trung du Bắc Bộ hiện nay/** TS. Đinh Mỹ Linh, ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Trần Đức Tùng; ThS. Hoàng Thị Thu Hằng; ThS. Lương Thu Trang; TS. Nguyễn Mỹ Thanh; CN. Phạm Thị Nga; CN. Nguyễn

Thu Hương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Văn hóa, 2023; 06/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận và địa bàn nghiên cứu về thực hành văn hóa của thanh niên. Bối cảnh của các thực hành giải trí của thanh niên nông thôn hiện nay. Thực trạng các thực hành giải trí của thanh niên nông thôn vùng Trung du Bắc Bộ. Một số vấn đề trong thực hành giải trí của thanh niên nông thôn vùng Trung du Bắc Bộ hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22681

89105. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất tiêu chí đánh giá phong trào thi đua “Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới”**/ ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền, ThS Hoàng Anh Thơ; CN. Đinh Lê Hải Huyền; CN. Đoàn Thị Tú Quyên; ThS. Nguyễn Thị Bảo Nga; ThS. Phạm Thị Huyền; ThS. Phạm Thị Ngọc Minh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Diên; ThS. Vũ Thị Hoa; TS. Phùng Thị Quỳnh Trang. - Hà Nội - Văn Phòng TW Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2022; 05/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phong trào thi đua “Xây dựng người Phụ nữ Việt Nam thời đại mới” nhiệm kỳ 2022-2027 là phong trào thi đua mới với các nội dung, tiêu chí mới, đặt ra yêu cầu cần phải nghiên cứu xây dựng tiêu chí đánh giá việc thực hiện phong trào thi đua ở các tỉnh/thành được thống nhất, đồng bộ, đảm bảo tính thực chất, khách quan, hiệu quả, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong các cấp Hội và

phong trào phụ nữ cả nước. Việc xây dựng các tiêu chí đánh giá phong trào thi đua là thực hiện đúng quy định trong Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 07/4/2014 của Bộ Chính trị “Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng”, trong đó nêu rõ: phong trào thi đua phải có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân; phải có sơ, tổng kết đánh giá phong trào...

Số hồ sơ lưu: 02/HPN.BO.02/22

89151. 11-2023 **Cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm đề xuất chính sách thai sản cho phụ nữ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện**/ ThS. Đàm Thị Vân Thoa, ThS. Cao Minh Quý; ThS. Nguyễn Thị Kim Ngọc; CN. Lê Anh Trang; ThS. Đỗ Thị Thơm; ThS. Nguyễn Thị Thanh Thu - Hà Nội - Ban Chính sách - Luật pháp, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2021; 04/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phân tích cơ sở lý luận của việc đề xuất chính sách thai sản cho phụ nữ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; phân tích thực trạng về việc tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện về độ tuổi tham gia, mức đóng, phương thức đóng, thời gian đóng, việc thụ hưởng chế độ, thực tiễn thai sản ở phụ nữ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; các yếu tố ảnh hưởng đến việc tham gia (tham gia, thay đổi, tạm dừng, chấm dứt...) bảo hiểm xã hội tự nguyện ở phụ nữ: thu nhập, việc làm, địa bàn lao động, nhận thức, nhu cầu, sự ủng hộ của

gia đình, kỳ vọng, việc thực hiện trách nhiệm của phụ nữ trong gia đình; những tác động của thai sản không có chính sách bảo hiểm đến thể chất, tinh thần của phụ nữ; phân tích tính khả thi và các cấu phần của chính sách thai sản tích hợp trong bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Số hồ sơ lưu: HPN-2021-004-CS

89154. 11-2023 **Nghiên cứu hiệu quả của việc sử dụng thẻ hội viên liên kết trong tập hợp và quản lý hội viên của Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Hồ Chí Minh và đề xuất, kiến nghị/** ThS. Bùi Thị Hồng, CN. Phạm Thị Thọ; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Linh; CN. Lương Thị Thủy; ThS. Vũ Thị Thúy Hạnh; ThS. Phạm Thúy Quỳnh; CN. Hoàng Tuấn Khang; CN. Dương Đức Độ; ThS. Nguyễn Thị Hồng Diên; Trần Thị Phi yến - Hà Nội - Ban Tổ chức, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, 2021; 04/2021 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Kiến nghị trước mắt thực hiện thí điểm phát hành thẻ hội viên thông minh đồng bộ với dữ liệu của phần mềm quản lý cán bộ, hội viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, với sự hỗ trợ của đối tác đủ mạnh. Còn để thực hiện làm thẻ hội viên liên kết phát hành rộng rãi, đồng bộ trong hệ thống Hội thì cần có một nghiên cứu trên diện rộng, nhất là địa bàn khó khăn, miền núi. Ngoài ra, đề tài cũng kiến nghị cần chủ động đề xuất với Bộ Công an để được liên kết, khai thác thông tin từ phần mềm Dữ liệu dân cư quốc gia, nhất là thông tin liên quan đến số căn cước công dân

để phục vụ công tác quản lý của tổ chức Hội trong quá trình làm thẻ cấp cho hội viên. Nghiên cứu xây dựng ứng dụng di động (App) hội viên trên cơ sở đồng bộ dữ liệu từ phần mềm quản lý cán bộ, hội viên, tích hợp với các tính năng liên kết của thẻ hội viên thông minh và các kênh truyền thông của Hội.

Số hồ sơ lưu: HPN-2021-001-CS

89199. 11-2023 **Xây dựng, nhân rộng mô hình du lịch dựa vào cộng đồng tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng/** PGS. TS. Nguyễn Tấn Vinh, ThS. Hứa Huy Hoàng; TS. Nguyễn Văn Điền; ThS. Nguyễn Thị Oanh; ThS. Phan Hoàng Ngọc Anh; ThS. Trịnh Thị Phượng; ThS. Phạm Mai Phương; ThS. Lương Quang Huy; ThS. Đinh Hoàng Anh Tuấn; ThS. Trương Ngọc Minh - Đà Lạt, Lâm Đồng - Học viện Chính trị khu vực II, 2023; 11/2021 - 04/2023. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hoàn thiện cơ sở khoa học để xây dựng mô hình DLDVCD; Thực hiện điều tra, khảo sát thực địa phủ rộng khắp địa bàn của huyện Đơn Dương, trong đó trực tiếp làm việc tại 7 địa điểm bao gồm: thị trấn Thanh Mỹ, thị trấn D'Ran, xã Ka Đơn, xã Tu Tra, xã Lạc Xuân, xã Pró, xã Quảng Lập. Đây là các địa bàn trọng điểm, có nhiều tiềm năng, lợi thế trong phát triển sản phẩm, dịch vụ về du lịch nói chung, DLDVCD nói riêng tại huyện Đơn Dương. Xây dựng mô hình du lịch canh nông kết hợp trải nghiệm, khám phá các giá trị văn hoá, làng



nghe của đồng bào dân tộc Chu Ru tại huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng. Tổ chức đánh giá hiệu quả các sản phẩm, dịch vụ trong mô hình. Đề xuất giải pháp nhằm duy trì phát triển, nhân rộng mô hình mẫu DLDVCD tại huyện Đơn Dương.

Số hồ sơ lưu: LDG-2023-021

### **50499. Xã hội học khác**

88413. 11-2023 **Nghiên cứu đánh giá tình hình thực hiện Đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng và đề xuất sửa đổi, bổ sung cho giai đoạn 2021-2030/** ThS. Nguyễn Khánh Long, ThS. Phùng Anh Đức; ThS. Trần Kiều Anh; ThS. Phạm Thanh Thúy; ThS. Hoàng Mạnh Hiệp; ThS. Lê Thu Thủy; Nguyễn Xuân Bách - Hà Nội - Cục Hạ tầng kỹ thuật, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, thu thập tài liệu về quản lý mai táng và nghĩa trang, các cơ chế khuyến khích, thúc đẩy việc sử dụng hỏa táng của một số nước như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc...Điều tra, khảo sát và đánh giá hiện trạng công tác quy hoạch xây dựng mạng lưới nghĩa trang, cơ sở hỏa táng. Qua đó, đề xuất các cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên toàn quốc bao gồm: việc đầu tư xây dựng các cơ sở hỏa táng, sử dụng hình thức hỏa táng và phát triển công nghệ hỏa táng.

Số hồ sơ lưu: 22614

89266. 11-2023 **Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin về người Việt Nam quê Bến Tre định**

**cur ở nước ngoài và đề xuất giải pháp vận động, phát huy nguồn lực/** ThS Trương Minh Nhật, ThS Nguyễn Văn Mến; CN Trần Thị Bích Vân; CN Đỗ Minh Đức; CN Đặng Thị Phương; CN Lê Quang Sách; ThS Nguyễn Vũ Minh Hoàng; CN Nguyễn Tiến Dũng; CN Phạm Thị Xuân Hương; CN Võ Thị Thúy; ThS Phan Thị Lệ Hằng. - Bến Tre - Liên hiệp các Tổ chức Hữu nghị tỉnh Bến Tre, 2023; 04/2022 - 04/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin và đề xuất giải pháp vận động, phát huy nguồn NVNQBTNN góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và tăng cường hợp tác quốc tế của tỉnh trong thời kỳ hội nhập.

Số hồ sơ lưu: BTE-198-2023

### **50501. Luật học**

87764. 11-2023 **Nghiên cứu, đề xuất chính sách thực hiện quyền bề mặt trong quản lý nhà nước về đất đai/** ThS. Phạm Thị Minh Thủy, ThS. Đinh Thu Trang; TS. Dương Thanh An; ThS. Tô Ngọc Vũ; ThS. Nguyễn Thị Lý; ThS. Bùi Hồng Nhung; TS. Nguyễn Đắc Nhân; ThS. Nguyễn Thị Lơ; TS. Tô Văn Hòa; TS. Nguyễn Hữu Thọ - Hà Nội - Viện Chiến lược, Chính sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2023; 07/2020 - 07/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp cơ sở pháp lý về chế định quyền bề mặt, cơ sở khoa học về các chính sách thực hiện quyền bề

mặt; Đề xuất chính sách thực hiện quyền bề mặt trong quản lý nhà nước về đất đai. Để có thể thực thi quyền bề mặt trên thực tế, nhóm nghiên cứu kiến nghị cần hoàn thiện quy định về quyền bề mặt trong pháp luật dân sự, đồng thời cần được cụ thể hoá trong pháp luật chuyên ngành. Đối với pháp luật đất đai, nhóm nghiên cứu kiến nghị cơ quan quản lý nhà nước về đất đai, cụ thể là Vụ Chính sách pháp chế - Tổng cục Quản lý đất đai cần nghiên cứu, xem xét, cân nhắc về những nội dung đề xuất chính sách về đất đai để thực hiện quyền bề mặt mà đề tài đưa ra để có thể bổ sung những quy định về quyền bề mặt trong dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) và Nghị định, Thông tư hướng dẫn chi tiết thi hành sau khi Luật Đất đai được Quốc hội thông qua. Có như vậy thì quyền bề mặt đã được quy định trong Bộ luật Dân sự sẽ được ghi nhận và quy định cụ thể trong pháp luật đất đai. Đây là điều kiện cần thiết để quyền bề mặt có thể được áp dụng trong thực tiễn ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22433

87769. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất đổi mới cơ chế, chính sách về quản lý, sử dụng đất cơ sở tôn giáo tại Việt Nam/** TS. Lê Thị Liên, TS. Đỗ Thị Thanh Hương; TS. Nguyễn Thị Minh Huệ; ThS. Nguyễn Thị Lý; ThS. Nguyễn Huy Đức; ThS. Đào Thị Thanh Lam; ThS. Nguyễn Thị Kim Uyên; ThS. Đào Thị Đạm; TS. Nguyễn Ngọc Huân; ThS. Đỗ Trung Kiên - Hà Nội - Viện nghiên cứu chính sách tôn giáo, 2023; 12/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá được thực trạng quản lý, sử dụng đất cơ sở tôn giáo (nghiên cứu điểm tại một số tỉnh, thành phố đại diện các vùng miền và tổ chức tôn giáo) Đề xuất đổi mới cơ chế, chính sách về quản lý và sử dụng đất cơ sở tôn giáo đảm bảo vừa củng cố khối đại đoàn kết toàn dân đồng thời góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai.

Số hồ sơ lưu: 22434

87890. 11-2023 **Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi/** CN. Hoàng Đức Thành, ThS. Phan Hồng Thủy; ThS. Nguyễn Văn Giang; PGS.TS. Lê Ngọc Thắng; PGS.TS. Nguyễn Tất Viễn; TS. Phạm Quý Ty; CN. Nguyễn Chí Tuấn; CN. Trần Đăng Tiến; ThS. Vừ Bá Thông; ThS. Nguyễn Văn Chí - Hà Nội - Trung tâm bồi dưỡng kiến thức công tác dân tộc, Học viện Dân tộc, 2023; 03/2021 - 03/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Rà soát hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi để phát hiện những quy định pháp luật có mâu thuẫn, chồng chéo chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, nhất quán của hệ thống pháp luật; những quy định, chính sách dân tộc không còn phù hợp với thực tiễn, có vướng mắc, bất cập trong quá trình thực thi; những chính sách dân tộc còn thiếu, chưa được ghi nhận trong các văn bản pháp luật... đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

(DTTS&MN); Đánh giá Quy định của pháp luật hiện hành liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN; Chính sách hiện hành liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN; Đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản có liên quan đến vùng đồng bào DTTS&MN không còn phù hợp để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và chính sách đối với vùng đồng bào DTTS&MN đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 88/2019/NQ-QH14.

Số hồ sơ lưu: 22213

87897. 11-2023 **Nghiên cứu đánh giá thực trạng quản lý tài nguyên nước và đề xuất các định hướng lớn trong việc sửa đổi luật tài nguyên nước/** ThS. Ngô Chí Hướng, CN. Nguyễn Thành Đạt; ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Đỗ Thị Bích Ngọc; ThS. Vũ Kiều Thu; ThS. Đặng Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Quốc Vỹ; ThS. Nguyễn Duy Việt; ThS. Vũ Văn Thủy; ThS. Đặng Minh Cường; CN. Nguyễn Thị Thu Thủy; CN. Bùi Thị Xuân Thu; CN. Trần Khánh Ly; ThS. Châu Hồng Hạnh; KS. Hoàng Trung Hưng - Hà Nội - Cục Quản lý Tài nguyên nước, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá được việc thi hành luật tài nguyên nước năm 2012; Xác định được các vấn đề tồn tại, bất cập và đề xuất các nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa; Kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật tài nguyên nước năm 2012. Nghiên cứu hiện trạng thi hành Luật tài nguyên nước năm 2012; các vấn đề tồn tại, bất cập và

kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật tài nguyên nước năm 2012 để phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế, xã hội, môi trường trong thời kỳ tới; Đề xuất những vấn đề mới bất cập chưa được quy định và kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật tài nguyên nước năm 2012; Dự thảo đề án sửa đổi Luật. Kết quả nghiên cứu của Đề tài là tài liệu phục vụ xây dựng Luật Tài nguyên nước sửa đổi.

Số hồ sơ lưu: 22235

87954. 11-2023 **Nghiên cứu rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật điều tiết về Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật xây dựng/** PGS. TS. Lê Trung Thành, ThS. Hà Văn Lâm; ThS. Trần Tuấn Nhạc; ThS. Lê Đức Thịnh; ThS. Phạm Lê Biên; ThS. Nguyễn Văn Huynh; ThS. Nguyễn Minh Quỳnh; ThS. Phùng Thị Mai Phương; CN. Lê Đình Tứ; KS. Nguyễn Thị Hoàn - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2021; 07/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Mục tiêu của ISO là thúc đẩy sự phát triển của công tác tiêu chuẩn hóa và các hoạt động có liên quan nhằm tạo thuận lợi cho việc trao đổi hàng hóa và dịch vụ trên phạm vi toàn thế giới và phát triển sự hợp tác trong lĩnh vực trí tuệ, khoa học công nghệ và kinh tế. Kết quả của các hoạt động kỹ thuật của ISO là các tiêu chuẩn quốc tế ISO. Phạm vi hoạt động của ISO bao trùm tất cả các lĩnh vực, trừ điện và điện tử thuộc phạm vi trách nhiệm của Ủy ban Điện quốc tế IEC.

Số hồ sơ lưu: 22441

88080. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng hồ sơ vụ việc điển hình trong công tác thi hành án dân sự: Lý luận và thực tiễn/** TS. Nguyễn Văn Nghĩa, ThS. Hoàng Thị Thanh Hoa; TS. Đào Thị Hoài Thu; TS. Nguyễn Minh Khuê; TS. Nguyễn Thanh Phú; TS. Nguyễn Thanh Thủy; TS. Trần Thanh Phương; TS. Nguyễn Quang Thái; TS. Nguyễn Ngọc Vũ; ThS. Hồ Quân Chính; TS. Lê Anh Tuấn; TS. Hoàng Thế Anh; TS. Đặng Đình Quyền; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Cao Việt Hoàng; TS. Chu Quang Thiện; Đặng Minh Quân; Phạm Quốc Nam; Lương Thế Anh; Hoàng Trung Hưng; TS. Đỗ Thị Thu Hằng; ThS. Vũ Thị Thu Thủy - Hà Nội - Học viện tư pháp, 2022; 03/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng hệ luận điểm khoa học để phân tích, làm rõ khái niệm vụ việc Thi hành án dân sự (THADS) điển hình; Xác định các tiêu chí của vụ việc điển hình trong công tác THADS; Xác định nguyên tắc lựa chọn vụ việc điển hình trong công tác THADS; Xác định đặc điểm, phân biệt vụ việc THADS điển hình với các loại việc THADS thông thường khác trong công tác THADS; Đề xuất quy trình lựa chọn hồ sơ vụ việc THADS điển hình; Phân tích tổng quan thực trạng quy định của pháp luật và thực tiễn thi hành một số vụ việc điển hình trong công tác THADS ở Việt Nam qua các thời kỳ và tính hiệu quả trong việc thi hành các vụ việc điển hình trong công tác THADS; Nghiên cứu đề xuất xây dựng một số hồ sơ về vụ việc điển hình trong công tác THADS làm cơ

sở để công bố và áp dụng phổ biến về sau như vụ việc điển hình về thi hành BA, QĐ về HN &GD; vụ việc điển hình về thi hành Bản án, quyết định (BA, QĐ) về kinh doanh, thương mại; vụ việc điển hình về thi hành phần dân sự trong BA, QĐ hình sự; vụ việc điển hình về thi hành các BA, QĐ dân sự; vụ việc thi hành BA, QĐ hành chính (theo dõi THAHC và thi hành phần tài sản trong BA, QĐ hành chính) ở trong nước; và vụ việc thi hành BA, QĐ dân sự, hành chính ở nước ngoài; Đề xuất các giải pháp và các bài học kinh nghiệm từ thực tiễn thi hành các vụ việc điển hình trong công tác THADS.

Số hồ sơ lưu: 22275

89038. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng những định hướng chính sách lớn phục vụ việc sửa đổi, bổ sung Luật Công chứng/** CN. Đặng Kim Hoa, ThS. Vũ Thị Lý; TS. Ninh Thị Hiền; TS. Nguyễn Minh Khuê; ThS. Đình Công Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Vân; TS. Tuấn Đạo Thanh; ThS. Dương Bạch Long; ThS. Chu Văn Khanh; ThS. Hoàng Mạnh Thắng; ThS. Lại Thị Bích Nga; ThS. Phạm Thu Hằng; TS. Nguyễn Thanh Đình; ThS. Đào Duy An; ThS. Vũ Phương Thanh; CN. Nguyễn Văn Hà; ThS. Đỗ Quốc Dũng; ThS. Lê Ngọc Tình; TS. Phan Hoài Nam; Bùi Thị Phương Anh; ThS. Nguyễn Huy Hoàng; Nguyễn Hữu Thắng - Hà Nội - Viện Khoa học pháp lý, 2023; 03/2021 - 11/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận, sự cần thiết và yêu cầu đặt ra đối với việc xây dựng

Luật Công chứng (sửa đổi) trong bối cảnh cải cách tư pháp, cải cách hành chính, thực hiện cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế ở Việt Nam. Xây dựng hệ thống kiến nghị về định hướng 6 chính sách lớn, bao gồm phạm vi công chứng; văn bản công chứng và thủ tục công chứng; công chứng viên; tổ chức hành nghề công chứng; công chứng số và tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên và quản lý nhà nước về công chứng.

Số hồ sơ lưu: 22686

89068. 11-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng quy trình thực hiện và định mức kinh tế - kỹ thuật cho nhóm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, hàng hóa/ CN.** Phùng Quang Minh, ThS. Đỗ Thị Tuyết; ThS. Phạm Công Túc; ThS. Bùi Ngọc Bích; ThS. Thạch Cẩm Anh; ThS. Nguyễn Thị Minh Phương; ThS. Trần Minh Khánh; TS. Đoàn Thị Thanh vân; TS. Hoàng Quốc Việt; ThS. Nguyễn Duy Trinh - Hà Nội - Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, 2022; 05/2021 - 04/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong và ngoài nước về quy trình xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật. Hệ thống hóa cơ sở lý luận về công tác quản lý và lập dự toán tài chính công trong lĩnh vực hoạt động dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước hoạt động xây

dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoạt động giải thưởng chất lượng quốc gia. Nghiên cứu phương pháp luận để xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật cho nhóm dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước lĩnh vực xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoạt động giải thưởng chất lượng quốc gia. Qua đó, đề xuất, kiến nghị xây dựng Thông tư trình Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành các định mức kinh tế- kỹ thuật cho dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và hoạt động giải thưởng chất lượng quốc gia

Số hồ sơ lưu: 22592

89072. 11-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để đề xuất danh mục hàng hóa nguy hiểm loại 5 và loại 8 phải bao gói khi vận chuyển; tiêu chí bao bì chứa đựng hàng nguy hiểm và hàng hóa nguy hiểm bắt buộc phải có người áp tải khi vận chuyển/ TS.** Hoàng Quốc Việt, ThS. Đặng Thanh Huyền; ThS. Trần Thị Thanh Xuân; Trần Văn Hòa; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; Ngô Minh Dương; Hoàng Thị Thúy Hồng; Nguyễn Quốc Tuấn; Đặng Việt Lâm; Nguyễn Thị Minh Phương - Hà Nội - Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, 2023; 06/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng danh mục hàng hóa nguy hiểm thuộc loại 5 và loại 8 cần bao gói khi vận chuyển và danh mục hàng hóa nguy hiểm loại 5 và loại 8 bắt buộc có người áp tải khi vận chuyển. Xây dựng bộ tiêu chí về vật

liệu, bao bì, thùng chứa hàng hóa nguy hiểm loại 5 và loại 8. Lập kế hoạch xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia của Việt Nam về vật liệu, bao bì, thùng chứa cho hàng hóa nguy hiểm loại 5 và loại 8. Xây dựng và trình công bố 04 tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam về bao gói hàng hóa nguy hiểm trong năm 2021.

Số hồ sơ lưu: 22706

89085. 11-2023 **Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp giảm thiểu rủi ro về tài chính trong hợp đồng BOT và BOO tại các dự án về giao thông đường bộ ở Việt Nam/** ThS. Đinh Văn Tuấn, PGS.TS. Nguyễn Đức Minh; TS. Lê Hoàng Anh; ThS. Nguyễn Thị Tú Châm; ThS. Trịnh Thị Diệp Thu; ThS. Hoàng Việt Cường; ThS. Nguyễn Quang Ân; ThS. Đoàn Thị Thu Trang; CN. Đỗ Thị Hà; CN. Chu Thị Ánh Hồng; ThS. Phan Anh Hùng; ThS. Phạm Hạnh Quyên - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2022; 11/2020 - 02/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Giới thiệu tổng quan về tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, một số quy định của pháp luật liên quan đến hợp đồng BOT và BOO. Nghiên cứu cơ sở lý luận về rủi ro và quản lý rủi ro tài chính trong các dự án BOT, BOO về giao thông đường bộ. Thực trạng quản lý rủi ro về tài chính trong dự án BOT, BOO tại các dự án giao thông tại Việt Nam. Định hướng, giải pháp giảm thiểu rủi ro tài chính trong dự án BOT, BOO tại

các dự án giao thông đường bộ ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22708

### **50599. Các vấn đề pháp luật khác**

88738. 11-2023 **Các giải pháp tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các cơ chế hợp tác đa phương và khu vực trong lĩnh vực thi hành án dân sự/** TS. Nguyễn Hữu Huyền, TS. Nguyễn Quang Thái; TS. Trương Thế Côn; TS. Lê Mai Anh; PGS.TS. Nguyễn Minh Hằng; ThS. Trần Văn Thư; TS. Nguyễn Văn Nghĩa; ThS. Lê Thị Kim Dung; ThS. Hoàng Chung Thủy; ThS. Hoàng Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Minh Hằng; ThS. Trần Thị Thu Hiền; ThS. Lê Thị Thu Hiền; TS. Trần Thị Hồng Liên; ThS. Phạm Minh Đức; CN. Hoàng Thị Thảo; ThS. Nguyễn Quang Huy; ThS. Vũ Hà Thu; ThS. Lưu Đức Hưng; ThS. Hoàng Ngọc Bích; ThS. Nguyễn Mai Hương; CN. Nguyễn Phương Nguyên; TS. Đỗ Thị Thu Hằng; ThS. Vũ Thị Thu Thủy - Hà Nội - Học viện tư pháp, 2022; 03/2021 - 09/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu vai trò của việc tham gia các điều ước quốc tế, tổ chức quốc tế đối với việc cải thiện hệ thống thi hành án ở một số quốc gia; kinh nghiệm hợp tác đa phương và khu vực của một số quốc gia và khu vực như Nga, Thái Lan, Liên minh châu Âu, các quốc gia châu Mỹ... để làm cơ sở đề xuất các giải pháp tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các cơ chế hợp tác đa phương và khu vực trong lĩnh vực THADS; Đánh giá thực trạng sự

tham gia của Việt Nam vào các cơ chế hợp tác đa phương và khu vực trong lĩnh vực THADS; Đưa ra các giải pháp tăng cường sự tham gia của Việt Nam vào các cơ chế hợp tác đa phương và khu vực trong lĩnh vực THADS.

Số hồ sơ lưu: 22653

89096. 11-2023 **Đánh giá thực trạng và nghiên cứu đề xuất hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Trị/** ThS. Võ Quốc Hoàng, ThS. Võ Duy Hoàn; ThS. Phan Phi Anh; ThS. Nguyễn Văn Thiệu; CN; Nguyễn Bá Phương; PGS.TS. Nguyễn Hữu Ngữ; TS. Nguyễn Thị Hải; ThS. Nguyễn Tiến Nhật; ThS. Dương Quốc Nỗn; ThS. Hồ Nhật Linh - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị, 2021; 08/2020 - 08/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được thực trạng tình hình giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai tại tỉnh Quảng Trị. Phân tích được nguyên nhân khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai tại tỉnh Quảng Trị. Đề xuất được hệ thống giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp đất đai tại tỉnh Quảng Trị.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_97.2022

### **50601. Khoa học chính trị**

87926. 11-2023 **Chiến lược kết nối của Trung Quốc với các nước Đông Nam Á lục địa giai đoạn hiện nay/** TS. Trần Thị Hải Yến,

ThS. Nguyễn Phương Liên; PGS.TS. Dương Văn Huy; TS. Vũ Thùy Dương; TS. Hoàng Huệ Anh; TS. Trần Thu Minh; CN. Trần Thị Thúy Lan - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đề tài làm rõ cơ sở để Trung Quốc tiến hành thực hiện chiến lược kết nối tại Đông Nam Á lục địa. Đề tài làm rõ cách thức Trung Quốc thực hiện chiến lược kết nối thông qua nội dung “ngũ thông” của BRI, cũng như thông qua cơ chế LMC; Đề tài làm rõ đặc điểm và tác động của chiến lược kết nối này tới các nhân tố liên quan và xu thế thời gian tới; Đề tài gợi mở chính sách cho Việt Nam trong việc chọn lọc và đưa ra những hình thức kết nối hiệu quả với Trung Quốc và các nước Đông Nam Á lục địa khác.

Số hồ sơ lưu: 22381

88114. 11-2023 **Nghiên cứu đổi mới tổ chức và hoạt động của Công đoàn Việt Nam trong điều kiện nước ta tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới/** TS. Lê Cao Thắng, PGS.TS. Vũ Quang Thọ; PGS.TS. Nguyễn Duy Bắc; PGS.TS. Nguyễn Hữu Chí; ThS. Vũ Thị Hoàng Mai; PGS.TS. Hoàng Thị Nga; PGS.TS. Nguyễn Mạnh Quân; ThS. Bùi Hồng Quang; TS. Nguyễn Thị Thùy Yên; TS. Nguyễn Mạnh Thắng; PGS.TS. Mạc Văn Tiến; PGS.TS. Lê Mạnh Hùng; TS. Nguyễn Thu Hà; TS. Nguyễn Thị Thanh Quý; ThS. Phạm Đức Thịnh; TS. Vũ Thị Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Minh Thúy; ThS. Trần

Đức Trung; ThS. Nguyễn Văn Nhì; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Tú; ThS. Ninh Thị Tú; ThS. Trần Thị Định; CN. Trần Khắc Nam; CN. Hoàng Thị Phương Thúy - Hà Nội - Viện Khoa học An toàn và Vệ sinh lao động, 2023; 10/2020 - 09/2022. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Công đoàn Việt Nam; Phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động hoạt động của Công đoàn Việt Nam hiện nay; Phân tích, đánh giá cơ hội, thách thức của tổ chức Công đoàn Việt Nam khi nước ta tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Nghiên cứu và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của công đoàn Việt Nam khi nước ta tham gia các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; Nghiên cứu và đề xuất, xây dựng được kế hoạch hành động của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam trong điều kiện mới; Nghiên cứu và đề xuất các vấn đề liên quan về đổi mới tổ chức và hoạt động công đoàn trong nội dung sửa đổi pháp luật về lao động và công đoàn; sửa đổi Điều lệ Công đoàn Việt Nam tại Đại hội XIII (2023-2028).

Số hồ sơ lưu: 21909

**88450. 11-2023 Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn phục vụ xây dựng Khung chương trình quốc gia về hợp tác kỹ thuật giữa Việt Nam và IAEA về phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử giai**

**đoạn 2021-2026/** ThS. Bùi Thị Thùy Anh, TS. Trần Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Ngọc Huynh; PGS.TS. Lê Ngọc Hà; ThS. Phạm Xuân Linh; ThS. Nguyễn An Trung; ThS. Đỗ Thành Trung; ThS. Nguyễn Thị Thủy; TS. Lê Đức Thảo; ThS. Cao Hồng Lan; ThS. Đinh Ngọc Quang; ThS. Nguyễn Thị Hoàn - Hà Nội - Văn phòng Cục An toàn bức xạ và hạt nhân, 2021; 10/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng Dự thảo Khung chương trình quốc gia về hợp tác kỹ thuật trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử giữa Chính phủ Việt Nam và Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) giai đoạn 2021-2026. Việc hợp tác giữa Việt Nam và IAEA giúp đáp ứng yêu cầu thực tiễn của Việt Nam cũng như của IAEA trong việc đảm bảo an toàn, an ninh hạt nhân, thanh sát hạt nhân và đã có những đóng góp hiệu quả vào việc củng cố năng lực kỹ thuật và nhân lực của Việt Nam trong lĩnh vực An ninh hạt nhân, ứng phó khẩn cấp đối với các sự cố hạt nhân và phóng xạ.

Số hồ sơ lưu: 22410

**88558. 11-2023 Chính sách hướng nam mới của Hàn Quốc: tác động và hàm ý chính sách cho Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Duy Lợi, TS. Hoàng Minh Hằng; PGS.TS. Phạm Quý Long; TS. Nguyễn Thị Thắm; ThS. Lê Hồng Hạnh; ThS. Đào Thị Phương Thảo; TS. Tống Thùy Linh; ThS. Nguyễn Thị Nhân - Hà Nội - Viện Nghiên



cứu Đông Bắc Á, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan cơ sở lý luận, bối cảnh hình thành và các nhân tố tác động đến Chính sách hướng nam mới của Hàn Quốc. Phân tích mục tiêu, nội dung và việc thực hiện Chính sách hướng nam mới của Hàn Quốc. Phân tích tác động của Chính sách hướng nam mới của Hàn Quốc đến khu vực Đông Nam Á và Việt Nam; chỉ rõ thuận lợi và khó khăn, cơ hội và thách thức đối với Hàn Quốc, ASEAN và Việt Nam trong việc thực hiện thành công Chính sách hướng nam mới của Hàn Quốc. Đề xuất hàm ý chính sách cho chính phủ Việt Nam nhằm đề xuất hàm ý chính sách cho Việt Nam nhằm tăng cường hơn nữa quan hệ hợp tác Việt Nam - Hàn Quốc.

Số hồ sơ lưu: 22426

88631. 11-2023 **Chủ trương và lý luận mới của Đại hội XX Đảng Cộng sản Trung Quốc**/ TS. Hoàng Huệ Anh, ThS. Nguyễn Diệu Hương; TS. Trần Thu Minh; ThS. Nguyễn Thanh Giang; ThS. Trần Ánh Tuyết; ThS. Trịnh Quốc Hùng; TS. Nguyễn Mai Phương; TS. Nguyễn Ngọc Anh; CN. Trần Thị Thúy Lan - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Trung Quốc, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan bối cảnh quốc tế của Đại hội 20 Đảng Cộng sản Trung Quốc, tìm hiểu tình hình Trung Quốc trước thềm Đại hội 20, những thành tựu và những vấn đề tồn tại khi thực hiện mục tiêu Đại hội 19. Nêu nên những nội dung chủ yếu của Đại hội

20 Đảng Cộng sản Trung Quốc từ đó phân tích chỉ ra những điểm mới về lý luận, chủ trương của Đại hội 20. Nghiên cứu chỉ ra những tác động của Đại hội 20 đến Trung Quốc nói riêng và đến khu vực và thế giới. Từ đó đưa ra những kiến nghị và đối sách của Việt Nam trước những tác động mà Đại hội 20 Đảng Cộng sản Trung tác động đến.

Số hồ sơ lưu: 22612

88802. 11-2023 **Nghiên cứu tổng kết thực tiễn về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giai đoạn 2008-2022**/ ThS. Bùi Quang Huy, TS. Đỗ Ngọc Hà; TS. Phan Thanh Nguyệt; TS. Lê Văn Cầu; TS. Đặng Vũ Cảnh Linh; TS. Trần Văn Đông; ThS. Vũ Thị Bích Thảo; ThS. Nguyễn Duy Hiệp; Trần Nam Trung; ThS. Nguyễn Tuấn Dũng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2023; 03/2022 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng cơ sở lý luận nghiên cứu tổng kết thực tiễn về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giai đoạn 2008-2022. Đánh giá thực tiễn việc triển khai thực hiện Nghị quyết 25 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giai đoạn 2008-2022. Phân tích những khó khăn, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong triển khai, thực hiện Nghị quyết. Phân tích những vấn đề đặt ra đối với công tác thanh niên trước

những biến đổi của tình hình thanh niên, yêu cầu phát triển thanh niên trong bối cảnh đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng 4.0. Đề xuất các khuyến nghị, giải pháp về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên và nhiệm vụ trọng tâm của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong giai đoạn tới.

Số hồ sơ lưu: 22665

### **50602. Hành chính công và quản lý hành chính**

88474. 11-2023 **Phát triển công nghiệp hỗ trợ ở Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và gợi ý cho Việt Nam/** TS. Phí Hồng Minh, ThS. Phạm Thu Thủy; ThS. Trương Phan Thanh Thủy; TS. Võ Hải Thanh; PGS.TS. Phạm Quý Long; ThS. Trần Thị Mỹ Hoa; TS. Đỗ Thị Ánh; ThS. Nguyễn Ngọc Mai; ThS. Lương Hồng Hạnh; ThS. Phạm Thị Nhung; CN. Nguyễn Thị Nhàn - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp luận cứ khoa học cho các nhà hoạch định chính sách nước ta về các mô hình phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT) cũng như phương thức phát triển CNHT ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan, để từ đó đề xuất các gợi ý chính sách phù hợp cho Việt Nam phát triển CNHT trong bối cảnh hiện nay. Hệ thống hóa cơ sở lý luận, các nhân tố tác động và xây dựng khung phân tích về phát triển CNHT. Làm nổi bật được bối cảnh hội nhập quốc tế, chính sách và thực trạng phát triển

CNHT cũng như vị trí CNHT trong chuỗi giá trị toàn cầu của ba nền kinh tế Nhật Bản, Hàn Quốc, và Đài Loan. So sánh ưu nhược điểm của các phương thức phát triển công nghiệp ở Nhật Bản, Hàn Quốc, và Đài Loan. Đánh giá thực trạng phát triển CNHT cũng như mức độ tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam và chỉ ra các thời cơ và thách thức của Việt Nam trong bối cảnh hiện nay. Đề xuất một số gợi ý chính sách phù hợp cho Việt Nam về phát triển CNHT trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 22285

### **50603. Lý thuyết tổ chức; Hệ thống chính trị; Đảng chính trị**

74149. 11-2023 **Nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn bản, khu phố trên địa bàn tỉnh Quảng Trị/** ThS. Nguyễn Hữu Thánh; ThS. Trần Hoàng; TS. Trần Đức Dương; ThS. Dương Hương Sơn; ThS. Cao Thị Hà; ThS. Nguyễn Thị Hồng Sâm; Lê Thị Thu Huyền; ThS. Trần Hữu Hòa; ThS. Ngô Thị Thu Hà; ThS. Đoàn Văn Hốt - Quảng Trị - Trường Chính trị Lê Duẩn, 2019; 01/2018 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài đã nghiên cứu lý luận chung về cán bộ, công chức cấp xã và hiệu quả hoạt động của những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố; Đánh giá thực trạng hoạt động của đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố của tỉnh Quảng Trị

từ 2014-2018; Quan điểm, phương hướng, mục tiêu và đề xuất các giải pháp, chính sách để nâng cao hiệu quả hoạt động của đội ngũ những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và thôn, tổ dân phố của tỉnh Quảng Trị đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030

Số hồ sơ lưu:

88471. 11-2023 **Lý luận cánh tả thời đại hậu công nghiệp: giá trị, hạn chế và những gợi mở cho Việt Nam/** PGS. TS. Đỗ Minh Hợp, ThS. Nguyễn Thị Mai Hoa; TS. Phạm Thu Trang; ThS. Lê Thúy Hạnh; TS. Lê Thị Sự; TS. Trần Thị Huyền; ThS. Nguyễn Ánh Hồng Minh; ThS. Nguyễn Như Quỳnh - Hà Nội - Viện Triết học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích các nội dung chủ yếu trong lý luận của cánh tả thời đại hậu công nghiệp về xã hội hiện đại, vai trò của tiến bộ sản xuất, khoa học, kỹ thuật trong xã hội hiện đại, nhà nước và cơ cấu trong xã hội hiện đại. Làm sáng tỏ lý luận của cánh tả thời đại hậu công nghiệp về nguồn gốc, bản chất của toàn cầu hóa và phát triển bền vững. Chỉ ra những giá trị và hạn chế trong lý luận của cánh tả thời đại hậu công nghiệp và rút ra ý nghĩa của chúng đối với Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22309

88485. 11-2023 **Mối quan hệ giữa thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo với người đứng đầu cấp ủy cấp huyện trong công tác cán bộ hiện nay (Qua khảo sát**

**ở tỉnh Quảng Ninh, Sơn La)/** TS. Nguyễn Ngọc Ánh, PGS.TS. Lâm Quốc Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Minh Tuấn; PGS.TS. Nguyễn Văn Giang; PGS.TS. Lê Văn Cường; TS. Nguyễn Thị Tố Uyên; TS. Trịnh Thanh Tâm; ThS. Trần Thị Kim Dung; ThS. Đỗ Thị Tú Quyên; ThS. Phạm Thị Thanh Hằng - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận của mối quan hệ giữa thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo với người đứng đầu cấp ủy cấp huyện trong công tác cán bộ. Điều tra, khảo sát thực tế thực trạng mối quan hệ giữa thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo với người đứng đầu cấp ủy cấp huyện trong công tác cán bộ tại tỉnh Quảng Ninh và Sơn La trong hai nhiệm kỳ qua. Đề xuất các giải pháp để giải quyết tốt mối quan hệ giữa thẩm quyền, trách nhiệm của tập thể lãnh đạo với người đứng đầu cấp ủy cấp huyện trong công tác cán bộ.

Số hồ sơ lưu: 22621

88513. 11-2023 **Nghiên cứu hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước về công tác dân tộc giai đoạn 2021-2026/** CN. Cẩm Văn Thanh, TS. Hoàng Xuân Lương; CN. Phạm Thúc Thủy; ThS. Đoàn Thị Thu Hà; TS. Lê Anh Tuấn; ThS. Phan Văn Cương; ThS. Hà Trọng Nghĩa; ThS. Vũ Thị Thúy Nga; TS. Nguyễn Xuân Hùng; ThS. Nông Hồng Thái - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách dân tộc,

2022; 03/2021 - 02/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ cơ sở lý luận về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan quản lý nhà nước (QLNN) về công tác dân tộc (CTDT); cơ quan QLNN về tôn giáo, công tác tôn giáo (CTTG). Nghiên cứu, làm rõ kết quả đạt được, những bất cập, hạn chế trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của: cơ quan QLNN về CTDT; cơ quan QLNN về tôn giáo, CTTG. Nghiên cứu mối quan hệ giữa CTDT và CTTG; căn cứ, cơ sở khoa học để sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy cơ quan QLNN về CTDT, tôn giáo, CTTG. Đề xuất quan điểm, giải pháp hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy cơ quan QLNN về CTDT, tôn giáo, CTTG giai đoạn 2021-2026.

Số hồ sơ lưu: 22626

88551. 11-2023 **Xây dựng Đảng về đạo đức trong đội ngũ đảng viên ở Việt Nam hiện nay/** PGS. TS. Nguyễn Tài Đông, ThS. Nguyễn Ánh Hồng Minh; PGS.TS. Lê Trọng Tuyển; TS. Vũ Thị Kiều Phương; PGS.TS. Nguyễn Thu Nghĩa; PGS.TS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Lê Thúy Hạnh; ThS. Trần Ánh Tuyết; ThS. Trần Thị Tuyết; ThS. Hồ Thị Cần - Hà Nội - Viện Triết học, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số khái niệm cơ bản của đề tài; chỉ ra cách tiếp cận của đề tài và nội dung xây dựng Đảng về đạo đức trong đội ngũ đảng viên ở

Việt Nam hiện nay từ cách tiếp cận đó; khái lược kinh nghiệm xây dựng Đảng về đạo đức trong đội ngũ đảng viên của Trung Quốc và bài học gợi mở cho Việt Nam. Đánh giá thực trạng xây dựng Đảng về đạo đức trong đội ngũ đảng viên ở Việt Nam hiện nay; qua đó, nêu và phân tích một số vấn đề đặt ra từ thực trạng này. Đề xuất một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng Đảng về đạo đức trong đội ngũ đảng viên ở Việt Nam hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22308

### **50699. Khoa học chính trị khác**

89376. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng/** ThS. Lê Trí Vũ, ThS. Nguyễn Thu Thủy; ThS. Lê Văn Khoa; CN. Trần Thị Hồng Vân; CN. Đào Chung Kiên; CN. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Trần Thị Ngoan; ThS. Phạm Hồng Đoàn; ThS. Vũ Thạch; ThS. Trần Thị Thu Bình; CN. Mai Xuân Hiệp - Hải Phòng - Ban Dân vận Thành ủy Hải Phòng, 2023; 12/2021 - 06/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của một số tỉnh, thành phố về thực hiện dân chủ trong doanh nghiệp. Thực trạng sự ảnh hưởng của một số yếu tố nội tại và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp, thực hiện dân chủ trong doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng từ năm 2015 đến 2020. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện

dân chủ trong doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.032

### **50702. Địa lý kinh tế và văn hoá**

87774. 11-2023 **Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 và đề xuất định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2030 ngành tài nguyên và môi trường/** ThS. Đặng Thị Phương Hà, TS. Nguyễn Sỹ Linh; TS. Mai Thanh Dung; TS. Lại Văn Mạnh; TS. Kim Thị Thúy Ngọc; ThS. Hoàng Thanh Hương; TS. Hoàng Hồng Hạnh; TS. Đặng Trung Tú; ThS. Phạm Thị Minh Thủy; TS. Nguyễn Tùng Lâm - Hà Nội - Viện Chiến Lược, Chính Sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2023; 10/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Đề xuất cơ sở khoa học về đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) giai đoạn 2011-2020 trong ngành tài nguyên và môi trường (TN&MT); Đề xuất cơ sở khoa học về xây dựng định hướng phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (khoa học, công nghệ và ĐMST) của ngành TN&MT giai đoạn 2021-2030. Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược KH&CN giai đoạn 2011- 2020 trong ngành TN&MT và xác định được những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế của các kết quả đạt được. Đề xuất định hướng phát triển về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

của ngành TN&MT phù hợp với đặc điểm của ngành và đặc thù của từng lĩnh vực trong ngành.

Số hồ sơ lưu: 22429

87827. 11-2023 **Phát triển kinh tế xanh ở Nam Phi và Nigeria: Gợi ý chính sách cho Việt Nam/** PGS. TS. Lê Phước Minh, TS. Đỗ Đức Hiệp; TS. Nguyễn Xuân Bách; ThS. Phạm Thị Kim Huế; ThS. Trần Hữu Đồng; ThS. Lê Vân; ThS. Hồ Diệu Huyền; ThS. Vũ Li Na - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ khái niệm , nội hàm, nguyên tắc, nhân tố, tiêu chí và mô hình phát triển kinh tế xanh . Tìm hiểu các chiến lược , chính sách , và kế hoạch hành động phát triển kinh tế xanh ở Nam Phi và Nigeria trong thời gian vừa qua , cụ thể tìm hiểu các chính sách ưu tiên để phát triển kinh tế xanh ở hai quốc gia châu Phi này. Nghiên cứu tình hình phát triển kinh tế xanh ở Nigeria và Nam Phi trong thời gian vừa qua trong các lĩnh vực kinh tế xanh chủ chốt như : nông nghiệp xanh , công nghiệp - giao thông - xây dựng xanh , và dịch vụ - tiêu dùng xanh ở Nam Phi và Nigeria. Phân tích và đánh giá những điểm mạnh , những hạn chế và nguyên nhân phát triển kinh tế xanh ở Nam Phi và Nigeria trong thời gian vừa qua . Chỉ ra những cơ hội cũng như những thách thức phát triển kinh tế xanh ở Nam Phi và Nigeria , và dự báo triển vọng phát triển kinh tế xanh ở Nam Phi và Nigeria . Đề từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho

Việt Nam (cả bài học thành công và chưa thành công) và kiến nghị chính sách để Việt Nam điều chỉnh và hoàn thiện Chiến lược quốc gia và Kế hoạch hành động quốc gia về phát triển kinh tế xanh, tăng trưởng xanh của Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050.

Số hồ sơ lưu: 22423

88437. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030, định hướng đến năm 2050/** PGS. TS. Lê Trung Thành, ThS. Hà Văn Lâm; ThS. Nguyễn Thị Tâm; ThS. Lê Đức Thịnh; ThS. Phạm Lê Biên; KS. Lê Văn Kế; ThS. Nguyễn Quang Hiệp; ThS. Đỗ Tiến Trung; ThS. Trần Tuấn Nhạc; KS. Nguyễn Thị Hoàn - Hà Nội - Viện Vật Liệu Xây Dựng, 2020; 05/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng phát triển VLXD nước ta bao gồm đầu tư và sản xuất; chủng loại sản phẩm, chất lượng và thị trường; công nghệ sản xuất; nguyên, nhiên liệu và năng lượng; bảo vệ môi trường. Trong đó, có đối chiếu với các quy hoạch ngành liên về VLXD và tổng kết các vấn đề phát sinh mới trong quá trình phát triển. Đánh giá tiềm năng và nguồn lực để phát triển công nghiệp VLXD bao gồm các yếu tố kinh tế xã hội, nguồn lực tài nguyên khoáng sản và nguồn lực lao động xã hội. Đánh giá tình hình sản xuất, tiêu thụ VLXD trên thế giới, kinh nghiệm quản lý phát triển VLXD của một số nước, tác động của VLXD thế giới

và khu vực đến sự phát triển VLXD Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22442

88446. 11-2023 **Nghiên cứu, tổng kết, hoàn thiện hệ thống lý luận về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã/** PGS.TS. Nguyễn Duy Lợi, TS. Hoàng Minh Hằng; PGS.TS. Phạm Thị Hồng Yến; TS. Phạm Minh Điền; PGS.TS. Trần Kim Chung; PGS.TS. Phạm Quý Long; TS. Lê Minh Hạnh; TS. Lại Lâm Anh; TS. Đỗ Thị Ánh; TS. Phan Cao Nhật Anh; ThS. Đào Thị Phương Thảo; ThS. Nguyễn Thị Hiền; ThS. Nguyễn Ngọc Bé; ThS. Nguyễn Thị Nhân; ThS. Lê Hồng Hạnh - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2023; 10/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa một cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã. Phân tích thực trạng hệ thống lý luận về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã ở Việt Nam. Phân tích thực trạng phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã ở Việt Nam. Đề xuất hoàn thiện hệ thống lý luận về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22425

### **50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị**

87779. 11-2023 **Nghiên cứu đổi mới phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, dịch vụ đô thị, phương pháp xây dựng hệ thống công cụ quản lý chi phí phù hợp với cơ chế thị trường của Việt**

**Nam và thông lệ Quốc tế/** TS. Phạm Văn Khánh, ThS. Bùi Thái Bình; Trương Thị Thu Thanh; Hồ Ngọc Sơn; Hoàng Anh Tuấn; Đặng Hoài Nam; Nguyễn Bắc Thủy; Vũ Quốc Trọng; Nguyễn Thành Nam; Nguyễn Văn Dương; Nguyễn Hoàng Dũng; Bùi Ngọc Lan; Phùng Thị Hương Giang; Nguyễn Thùy Lê; Phùng Hưng; Trần Ngọc Hùng; Dương Văn Cận; Nguyễn Quyết Thắng; Trần Văn Khôi; Nguyễn Văn Trung; Trần Văn Tấn - Hà Nội - Cục Kinh tế xây dựng, 2020; 08/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá tổng thể về cơ chế chính sách, các quy định pháp luật, và thực tiễn triển khai công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng và dịch vụ đô thị sử dụng nguồn vốn nhà nước tại Việt Nam trong những năm gần đây. Đánh giá hiện trạng, những tồn tại, bất cập và nguyên nhân dẫn đến những tồn tại và bất cập các phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, dịch vụ đô thị, phương pháp xây dựng hệ thống công cụ quản lý chi phí trong hệ thống văn bản pháp luật quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng các dự án sử dụng vốn nhà nước tại Việt Nam. Nghiên cứu các tiêu chuẩn, thông lệ và kinh nghiệm triển khai xây dựng phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, dịch vụ đô thị, phương pháp xây dựng hệ thống công cụ quản lý chi phí tại các quốc gia phát triển. Đề xuất mục tiêu, quan điểm, định hướng và giải pháp hoàn thiện các phương pháp xác định chi phí đầu tư xây dựng, dịch vụ đô thị, phương pháp xác định hệ thống công

cụ quản lý chi phí trong hệ thống văn bản pháp luật quản lý chi phí đầu tư xây dựng đối với các dự án sử dụng vốn nhà nước, đảm bảo tính đúng, tính đủ, phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 22424

88309. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng cơ chế thí điểm hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông dân cư, đất đai, giao thông, quy hoạch đô thị và đầu tư xây dựng phát triển đô thị hướng đến phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam/** PGS. TS. Hoàng Vĩnh Hưng, KTS. Bùi Minh Anh; KTS. Nguyễn Quý Kiên; KTS. Trần Đức Nghĩa; ThS. Phạm Thị Khánh Hòa; KS. Phạm Ngọc Anh; CN. Phan Thùy Linh; TS. Hán Minh Cường; KS. Tăng Tiến Việt; ThS. Bạch Ngọc Tùng - Hà Nội - Cục Phát triển đô thị, 2022; 07/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, rà soát các văn bản pháp lý hiện hành quy định về các chỉ tiêu dân cư, đất đai, giao thông, quy hoạch đô thị và đầu tư xây dựng phát triển đô thị; Khảo sát, đánh giá thực trạng công tác quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu khu vực thí điểm; Tổng quan kinh nghiệm quốc tế về mô hình quản lý, duy trì, khai thác và sử dụng dữ liệu đô thị phục vụ phát triển đô thị thông minh; Nghiên cứu đề xuất giải pháp xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu liên thông và cơ chế thí điểm phục vụ xây dựng hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu tại khu vực thí điểm.

Số hồ sơ lưu: 22568

88333. 11-2023 **Đổi mới phương pháp luận về quy hoạch và quản lý phát triển đô thị/** PGS. TS. Lưu Đức Cường, NCS. Lê Kiều Thanh; ThS. Nguyễn Thành Hưng; NCS. Phạm Thị Nhâm; ThS. Nguyễn Xuân Anh; NCS. Vũ Tuấn Vinh; ThS. Nguyễn Hồng Vân; ThS. Cao Sỹ Niêm; TS. Nguyễn Trung Dũng; TS. Lưu Đức Minh; KS. Lê Thanh Bình; ThS. Lê Hoàng Phương; ThS. Phạm Thị Huệ Linh; ThS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; ThS. Nguyễn Hồng Diệp - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2020; 10/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan và nhận diện các vấn đề về phương pháp luận quy hoạch và quản lý phát triển đô thị Việt Nam. Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn cho công tác lập quy hoạch và quản lý phát triển đô thị. Từ đó, đề xuất đổi mới về phương pháp quy hoạch và quản lý phát triển đô thị tại Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22578

88370. 11-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ bản đồ 3D trong quy hoạch đô thị/** ThS. Nguyễn Hoàng Ánh, ThS. Phạm Văn Hiệp; KS. Hoàng Minh Hải; KS. Nguyễn Hương Liên; KS. Trần Tiến Thành; KS. Ngô Văn Hùng; KS. Mai Đình Vương; KS. Ngô Trung Kiên; KS. Trịnh Văn Khảo; KS. Nguyễn Văn Ánh; KS. Nguyễn Bích Hợp; CN. Trần Thị Thủy; KS. Hoàng Thị Bích Thuận; ThS. Nguyễn Hoàng Long; KS. Trần Trung Kiên; KTS. Đỗ Xuân Long; KTS. Nguyễn Thị Hồng Quý; KS. Nguyễn Xuân Nghĩa

- Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2021; 05/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tình hình bản đồ 2D phục vụ công tác lập quy hoạch đô thị hiện nay. Phân tích ưu nhược điểm, nhận diện các vấn đề bất cập cần giải quyết. Tiến hành đánh giá tổng quan về bản đồ 3D và việc ứng dụng bản đồ 3D trong công tác lập Quy hoạch đô thị. Nghiên cứu cơ sở khoa học về bản đồ 3D, ứng dụng trong công tác lập Quy hoạch đô thị. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất quy trình kỹ thuật, yêu cầu nội dung sản phẩm bản đồ 3D. Nghiên cứu ứng dụng bản đồ 3D trong công tác Quy hoạch đô thị và thí điểm xây dựng bản đồ 3D, ứng dụng lập Quy hoạch phân khu một khu vực cụ thể.

Số hồ sơ lưu: 22591

88400. 11-2023 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin trong việc công khai quy hoạch xây dựng các đô thị toàn quốc/** ThS. Nguyễn Ngọc Quang, Vũ Thị Thu Hằng; Đặng Mạnh Tùng; Trần Thị Thu Hà; Vũ Văn Luân; Nguyễn Văn Hưng; Đoàn Thị Diệp; Vương Thị Kim Anh; Đặng Vũ Trường; Hồ Chí Quang; Tạ Quốc Thắng; Nguyễn Tuấn Anh; Hoàng Phương; Nguyễn Bảo Lâm; Vũ Anh Tú; Nguyễn Quang Đức; Phạm Đức Minh; Nguyễn Xuân Thắng; Nguyễn Thị Thúy Vân; Nguyễn Lý Hồng; Đỗ Văn Tuấn; Phạm Thị Vân Anh; Nguyễn Hoàng Lâm - Hà Nội - Trung tâm Thông tin, 2022; 08/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Bộ)



Tổng quan các công tác công khai quy hoạch xây dựng đô thị ở Việt Nam và trên thế giới. Nghiên cứu xây dựng nội dung, quy trình công khai thông tin quy hoạch xây dựng trên Cổng thông tin điện tử. Tiến hành kiểm tra, rà soát, sắp xếp các loại đồ án quy hoạch xây dựng tại các đô thị toàn quốc. Phân tích các loại đồ án quy hoạch xây dựng tại các đô thị toàn quốc. Đồng thời tiến hành nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống công khai quy hoạch xây dựng đô thị.

Số hồ sơ lưu: 22604

88536. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất bộ tiêu chí phân vùng sử dụng đất áp dụng cho lập đồ án quy hoạch chung đô thị/** ThS.Lê Kiều Thanh, TS. Nguyễn Thị Thúy Hằng; TS. Nguyễn Trung Dũng; KTS. Nguyễn Hồng Diệp; TS. Phó Đức Tùng; ThS. Vũ Thúy Nga; KS. Lê Thanh Bình; ThS. Lê Tuấn Kiệt; ThS. Nguyễn Hồng Vân; KS. Hoàng Hưng Minh; KS. Đinh Thị Diệp; KS. Nguyễn Tô San; KS. Phạm Quang Dũng; GS.TS. Lê Hồng Kế; TS. Ngô Anh Tú; ThS. Bạch Song Lâm; ThS. Nguyễn Xuân Phú; ThS. Nguyễn Xuân Quang; TS. Tạ Hoàng Vân; TS. Vũ Hoài Đức - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2022; 06/2020 - 06/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Công tác lập qui hoạch chung đô thị mặc dù đã hoàn thành 100% nhưng thời gian lập quy hoạch cụ thể hóa (QHPK và QHCT) còn gặp nhiều khó khăn về tính thống nhất và

đồng bộ, yêu cầu về tính tuân thủ, cụ thể hóa theo luật về sử dụng đất giữa Quy hoạch chung, Quy hoạch phân khu, Quy hoạch chi tiết, điều chỉnh quy hoạch đô thị còn thiếu luận cứ khoa học và ảnh hưởng tới chất lượng đô thị. Do đó việc đổi mới phương pháp quy hoạch sử dụng đất trong QHC là hết sức cần thiết<sup>1</sup>, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển đất đai đô thị theo quy luật thị trường, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất linh hoạt và chiến lược, khai thác có hiệu quả nhất nguồn lực đô thị, nâng cao chất lượng đô thị, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng BĐKH và hiệu lực hiệu quả công cụ quản lý nhà nước về sử dụng đất đô thị.

Số hồ sơ lưu: 22629

88540. 11-2023 **Nghiên cứu, đề xuất mô hình và giải pháp quản lý phát triển đô thị nén phát triển bền vững/** ThS. Lê Kiều Thanh, Phó giáo sư. Tiến sỹ.Lưu Đức Cường TS. Phó Đức Tùng; KTS. Nguyễn Hoàng Phương; ThS. Cao Sỹ Niêm; ThS. Lê Anh Dũng; TS. Nguyễn Hoàng Minh; GS.TS. Lê Hồng Kế; PGS.TS. Nguyễn Hồng Thục; PGS.TS. Nguyễn Quốc Thông - Hà Nội - Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia, 2021; 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Những chính sách phát triển đô thị nén bền vững sẽ thúc đẩy đổi mới đô thị nhằm tạo ra những lợi thế về ‘quy mô đô thị’, đô thị tập trung mật độ cao, tạo hiệu ứng về tích tụ kinh tế, nâng cao tính cạnh tranh đô thị về quy mô, mặt khác sẽ hạn chế được

tác động tiêu cực của phát triển đô thị nén là quá tải về hạ tầng, đặc biệt là giao thông, tiếp cận hạ tầng xã hội, trường học, công viên vườn hoa, ảnh hưởng tiêu cực về chất lượng môi trường sinh thái như đảo nhiệt đô thị, thông gió tự nhiên, tiêu thụ năng lượng cho điều hòa không khí và chiếu sáng tự nhiên. Với lý do như vậy, đề tài đã tổng kết kinh nghiệm, bài học quốc tế và trong nước về phát triển đô thị . Xây dựng bộ tiêu chí về mô hình đô thị nén phát triển bền vững. Xây dựng Sổ tay hướng dẫn quy hoạch phát triển đô thị nén.

Số hồ sơ lưu: 22628

### **50799. Địa lý kinh tế và xã hội khác**

89098. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng Đề án phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2030/** ThS. Nguyễn Hữu Thắng, CN. Hồ Mỹ Anh; ThS. Tạ Sáu; CN. Trần Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thị Anh Trang; CN. Lê Thị Việt Hà. - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị, 2021; 11/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu xác định quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhu cầu, nhiệm vụ, đề ra các giải pháp, điều kiện và phương án tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm KH&CN tỉnh Quảng Trị phát triển theo định hướng Nghị quyết 20 NQ-TW Hội nghị Trung ương 6 (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ và Chương trình hành động của Tỉnh

ủy. Đề án phát triển KH&CN là cơ sở khoa học để xây dựng kế hoạch hàng năm của các ngành, lĩnh vực về nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ nhằm cung cấp kịp thời luận cứ khoa học và áp dụng kết quả nghiên cứu vào đời sống và sản xuất, phục vụ quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa của Tỉnh.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_99.2022

89114. 11-2023 **Xác lập quyền chỉ dẫn địa lý “chè vàng Quảng Trị” cho các sản phẩm chè vàng của tỉnh Quảng Trị/** ThS. Dương Mạnh Tường, CN. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Thái Thị Khuyên; CN. Nguyễn Lê Hùng; CN. Nguyễn Thị Hường; CN. Hoàng Văn Thám; ThS. Nguyễn Xuân Minh. - Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Trị - Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Trị, 2022; - . (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định tính chất , chất lượng đặc thù Chè vàng Quảng Trị ; Xác định các yếu tố tự nhiên, con người quyết định tính đặc thù về chất lượng của Chè vàng Quảng Trị ; Xác định khu vực địa lý tương ứng với CDĐL Chè vàng Quảng Trị ; Xác lập quyền chỉ dẫn địa lý “Chè vàng Quảng Trị”.

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_102A.2023

### **50801. Báo chí**

88473. 11-2023 **Xây dựng Tạp chí Lý luận chính trị đạt chuẩn quốc tế/** PGS. TS. Nguyễn Thắng Lợi, ThS. Trần Thu Hương; PGS.TS. Hoàng Anh; ThS. Lê Minh Phương;

ThS. Nguyễn Hương Hạnh; ThS. Lê Minh Ngọc; ThS. Lê Bảo Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thùy Linh; GS.TS. Lê Quốc Hội; ThS. Lê Thị Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đối với tạp chí khoa học; tìm hiểu, làm rõ những tiêu chí/ thông lệ quốc tế đối với tạp chí khoa học; tiêu chí/ thông lệ đối với tạp chí khoa học quốc tế. Trên cơ sở tìm hiểu, tham khảo các quy định về chuẩn tạp chí khoa học quốc tế (thông lệ chung) của một số nhà xuất bản, một số cơ sở dữ liệu khu vực và quốc tế. Đề tài sẽ xác định khung lý thuyết để đánh giá thực trạng, định hướng phát triển Tạp chí Lý luận chính trị. Xác định rõ những yêu cầu cụ thể về nội dung, thể thức, loại hình, ngôn ngữ thể hiện đối với một ấn phẩm tạp chí khoa học quốc tế; đồng thời bám sát tôn chỉ mục đích, nhiệm vụ chính trị, chú ý tính đặc thù, tính “cá biệt” của Tạp chí Lý luận chính trị, để từ đó đề xuất các phương án có tính khả thi trong xây dựng Tạp chí Lý luận chính trị chuẩn quốc tế. Để làm được điều đó, đề tài sẽ tập trung làm rõ thực trạng, đánh giá những ưu điểm, hạn chế trong hoạt động xuất bản Tạp chí Lý luận chính trị trước yêu cầu tiêu chí của một tạp chí khoa học chuẩn/thông lệ quốc tế hiện nay. Làm rõ những tiền đề, thuận lợi, khó khăn, thách thức, rào cản, những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong quá trình xây dựng Tạp chí Lý luận

chính trị thành tạp chí khoa học chuẩn quốc tế. Xây dựng lộ trình thực hiện kế hoạch, mục tiêu xây dựng Tạp chí Lý luận chính trị chuẩn quốc tế. Đề xuất giải pháp, kiến nghị nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng Tạp chí Lý luận chính trị chuẩn tạp chí khoa học quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 22292

### **50802. Thông tin học**

87875. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống lưu trữ tài liệu điện tử tại cơ quan Bộ Xây dựng/ ThS. Tạ Quang Vinh, Ông.Nguyễn Ngọc Quang; Bà.Đỗ Tố Quyên; Bà.Đỗ Thị Huệ; Bà.Lê Thị Hà; Bà.Nghiêm Thúy Giang; Ông.Nguyễn Chiến Thắng; Bà.Hoàng Thị Thu Hằng; Bà.Phan Thị Dung; Bà.Trần Bích Ngọc; Bà.Lê Thanh Hà; Bà.Đặng Thị Thu Hằng; Bà.Nguyễn Thị Mai Phương; Bà.Nguyễn Kim Nhung; Ông.Nguyễn Cao Viên; Bà.Nguyễn Kim Chi; Bà.Đông Thị Kim Chung; Bà.Nguyễn Thị Thảo; Ông.Pham Trung Kiên; Bà.Nguyễn Thị Hoài Thu; Bà.Nguyễn Thùy Linh; Bà.Pham Thị Phương; Bà.Nguyễn Thị Hồng Tâm; Bà.Mai Thị Thu Phương; Bà.Đoàn Thị Kim Liên; Ông.Vũ Văn Luân; Ông.Nguyễn Đức Minh; Ông.Nguyễn Văn Hưng; Ông.Đặng Vũ Trường; Ông.Lương Tiến Chung; Bà.Lê Thị Thùy Dung; Bà.Trịnh Thị Thu Hiền; Bà.Tạ Thị Hồng; Ông.Văn Tất Nam; Bà.Lã Thị Mai; Ông.Trần Danh Đại; Bà.Nguyễn Thị Cúc; Bà.Nguyễn Thị Thu Hương; Bà.Bùi Thị Huyền; Bà.Pham Thị Thanh Dung; Bà.Đỗ Thị Huyền; Ông.Đỗ Huy Nam;**

Ông.Phạm Anh Sơn; Ông.Nguyễn Quốc Uy - Hà Nội - Văn phòng Bộ Xây dựng, 2022; 10/2020 - 08/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện hệ thống quy chế và văn bản hướng dẫn nghiệp vụ quản lý tài liệu lưu trữ điện tử hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan Bộ Xây dựng. Xây dựng Lưu trữ điện tử trong cơ quan Bộ Xây dựng. Hướng đến đạt được tối thiểu 80% tài liệu lưu trữ tại các cơ quan nhà nước được tạo lập điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và lưu trữ điện tử (trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác). Hướng đến đạt được tối thiểu 90% Lưu trữ cơ quan thực hiện quy trình khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ trong môi trường mạng (trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác). Hướng đến đạt được tối thiểu 80% tài liệu lưu trữ điện tử hình thành trong các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu vào Lưu trữ lịch sử có thời hạn bảo quản vĩnh viễn được trích xuất chuyển giao vào Lưu trữ lịch sử trong thời hạn 03 năm kể từ khi tài liệu được tạo lập (trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác).

Số hồ sơ lưu: 22391

#### **50804. Thông tin đại chúng và truyền thông văn hoá - xã hội**

88503. 11-2023 **Thông tin tuyên truyền hướng dẫn phòng chống gió, bão cho nhà và công trình/** TS. Vũ Thành Trung, ThS. Đỗ Văn Mạnh; Nguyễn Hồng Hà; Hồ Hữu Thắng; Phan Đăng Dũng; Đặng Tuấn Anh; Nguyễn Ngọc Huy;

Phạm Trung Thành; Tống Sĩ Biên; Đặng Thị Minh Phương - Hà Nội - Viện khoa học công nghệ xây dựng, 2021; 10/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thực hiện các nội dung sử dụng cho thông tin tuyên truyền hướng dẫn phòng chống gió, bão cho nhà và công trình ở Việt Nam, bao gồm các biện pháp phòng chống, gia cường cho nhà và công trình khi chịu gió, bão. Tổng hợp các thông tin chung về gió bão và ảnh hưởng của gió bão lên công trình xây dựng ở Việt Nam. Cung cấp các giải pháp kỹ thuật xây dựng phòng và giảm thiểu thiệt hại do gió, bão cho nhà và công trình đã được áp dụng hiệu quả trong nhiều năm qua. Từ đó, đưa ra tài liệu về các giải pháp kỹ thuật xây dựng phòng và giảm thiểu thiệt hại do gió, bão cho nhà ở và công trình xây dựng và một đoạn phim mô tả lại kết quả nghiên cứu trên. Các sản phẩm này sẽ rất hữu ích cho công tác tuyên truyền phòng chống trước mỗi mùa mưa bão.

Số hồ sơ lưu: 22179

#### **599. Khoa học xã hội khác**

89364. 11-2023 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự đối với người nước ngoài trên địa bàn thành phố Hải Phòng/** TS. Lê Trung Sơn, TS. Lê Anh Quân; ThS. Nguyễn Đăng Trung; ThS. Trần Thành Trung; ThS. Nguyễn Thị Mỹ Trang - Hải Phòng - Công an thành phố Hải Phòng, 2023; 12/2020 - 12/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu những vấn đề cơ bản và tình hình, đặc điểm liên quan đến công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự đối với người nước ngoài tại thành phố Hải Phòng. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự đối với người nước ngoài tại thành phố Hải Phòng. Dự báo và giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự đối với người nước ngoài tại thành phố Hải Phòng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2023.023

## 6. Khoa học nhân văn

89243. 11-2023 **Phục hồi, bảo tồn di sản văn hóa Đá Hai Thông Huệ, xã Đoài Dương, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.**/ CN Lê Chí Thanh, TS. Triệu Thị Kiều Dung; CN. Bé Ngọc Dương; CN. Nguyễn Việt Hùng; CN. Lương Văn La; NNU.T. Chung Văn Hân; CN. Trần Thành; TS. Nguyễn Thị Cẩm Anh; CN. Nguyễn Hồng Lạc - Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Cao Bằng. - Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Cao Bằng., 2023; 04/2020 - 10/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khái quát, điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của Thông Huệ, xã Đoài Dương, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng (cái nôi dung dưỡng di sản văn hóa Đá hai). Lịch sử hình thành và quá trình hoạt động của Đội tuồng Đá hai Thông Huệ đến nay. Xuất xứ và thực trạng của loại hình dân ca Đá hai của các huyện miền Đông của tỉnh. Nghiên cứu, thống kê, tìm hiểu các làn điệu dân

ca Đá hai (tên gọi, âm nhạc từng làn điệu) ở Thông Huệ. Tập hợp, biên tập bộ tài liệu từ các tích truyện cổ xưa và các bài hát hiện nay để làm tập tài liệu phục vụ cho truyền dạy, học tập và lưu giữ. Các giải pháp phục hồi, bảo tồn loại hình Đá hai và phục dựng Đội tuồng Đá hai Thông Huệ.

Số hồ sơ lưu: 10

89276. 11-2023 **Phát huy nguồn lực các tôn giáo đóng góp cho sự phát triển của Đồng Nai.**/ ThS Nguyễn Quốc Vũ, ThS. Lê Thị Hoài; PGS.TS. Đỗ Lan Hiền; ThS. Nguyễn Văn Khang; ThS. Vũ Đình Trung; ThS. Nguyễn Đình Kiên; ThS. Lưu Cẩm Dĩnh; ThS. Lê Thanh Tiến; CN. Nguyễn Thị Kim Ngân; CN. Nguyễn Thanh Quang; ThS. Lại Thị Quốc Toàn; CN. Trần Thị Bích Liên. - Đồng Nai - Ban tôn giáo tỉnh Đồng Nai, 2023; 08/2020 - 05/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu, đánh giá, phân tích làm rõ thực trạng nguồn lực, công tác quản lý nhà nước đối với nguồn lực tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trên cơ sở đó đề xuất, kiến nghị chủ trương, giải pháp nhằm phát huy nguồn lực các tôn giáo ở Đồng Nai đóng góp cho sự phát triển xã hội. Làm rõ thực trạng nguồn lực của các tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Làm rõ thực trạng công tác quản lý Nhà nước đối với nguồn lực của các tôn giáo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Đánh giá thành tựu, khó khăn, hạn chế trong việc phát huy nguồn lực các tôn giáo ở Đồng Nai đóng góp cho sự phát triển của xã hội: Xây dựng giải pháp, kiến nghị

nhằm phát huy nguồn lực các tôn giáo ở Đồng Nai đóng góp cho sự phát triển xã hội: Các giải pháp, kiến nghị cụ thể trong phát huy nguồn lực các tôn giáo ở Đồng Nai đóng góp cho sự phát triển xã hội.

Số hồ sơ lưu: DNI-2023-07

89311. 11-2023 **Xây dựng Đề án phát triển mô hình du lịch cộng đồng tại vùng Công viên Địa chất toàn cầu Non nước Cao Bằng./** PGS.TS Trần Chí Thiện., TS. Vũ Quỳnh Nam; TS Nguyễn Thị Nga; . PGS.TS Trần Nhuận Kiên; TS. Nguyễn Quang Hợp ; TS. Nguyễn Thị Lan Anh TS. Đỗ Đình Long; TS. Trần Thị Tuyết; PGS.TS Hoàng Thị Thu; TS Đàm Thanh Thủy; ThS. Vũ Khắc Quang; ThS. Đỗ Trọng Hưng; ThS. Phạm Thăng Long - Trường Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh. - Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh., 2022; 06/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, phân tích thực trạng du lịch cộng đồng trong vùng Công viên địa chất Non nước Cao Bằng và khu vực lân cận. Xây dựng 3 tour du lịch dựa trên 3 “tuyến đường trải nghiệm” trong vùng Công viên Địa chất Non nước Cao Bằng và khả năng hình thành tour liên kết giữa CVĐCNN Cao Bằng và CVĐC Cao nguyên đá Đồng Văn. Xây dựng mô hình liên kết giữa cộng đồng và các bên liên quan trong phát triển du lịch cộng đồng bền vững tại vùng Công viên Địa chất Non nước Cao Bằng. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tham gia du lịch

cộng đồng của người dân địa phương. Xây dựng Đề án phát triển mô hình du lịch cộng đồng tại vùng Công viên Địa chất Non nước Cao Bằng. Thực hiện một số hoạt động hỗ trợ cho việc xây dựng và thực hiện Đề án phát triển mô hình du lịch cộng đồng trong vùng CVĐCNN Cao Bằng. Tổng kết quá trình nghiên cứu và kết quả xây dựng Đề án phát triển mô hình DLCĐ tại vùng CVĐCNN Cao Bằng

Số hồ sơ lưu: 16

### **60102. Lịch sử thế giới; Lịch sử từng nước, từng vùng; từng khu vực**

89084. 11-2023 **Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu số về di tích lịch sử cấp Quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972, góp phần hỗ trợ phát triển du lịch Quảng Trị/** Phan Tuấn Anh, CN. Nguyễn Nhật; TS. Nguyễn Xuân An; CN. Nguyễn Thiện Phúc; CN. Nguyễn Quang Chúc; ThS. Nguyễn Thị Mai Anh - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị - Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị, 2021; 08/2020 - 03/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Bước đầu xây dựng bộ cơ sở dữ liệu Di sản văn hóa Quảng Trị trong đó với các thông tin du lịch thuộc phạm vi về Di tích lịch sử đặc biệt cấp Quốc gia Thành Cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972, các di tích lịch sử, văn hóa tại Thị xã Quảng Trị và một số di tích lịch sử văn hóa lân cận (Gọi tắt là Di tích lịch sử Thành

Cổ Quảng Trị và vùng lân cận); Tạo ra một sản phẩm du lịch độc đáo mang bản sắc riêng của Di tích Thành Cổ Quảng Trị và những địa điểm lưu niệm sự kiện 81 ngày đêm năm 1972 cũng như cho tỉnh Quảng Trị giúp khai thác hiệu quả cho xúc tiến và phát triển du lịch trong giai đoạn mới. Góp phần là một trong các công cụ giá trị hỗ trợ cho quá trình xây dựng và phát triển Thị xã Quảng Trị trở thành một không gian văn hóa vì hòa bình (Festival Hòa bình), biểu tượng cho sức sống của nhân loại trên mảnh đất từng bị bom đạn hủy diệt

Số hồ sơ lưu: QT<sub>i</sub>\_94.2022

#### **60206. Nghiên cứu văn học từng dân tộc, từng nước, khu vực khác**

88126. 11-2023 **Nghiên cứu văn học Trung Quốc hai thập niên đầu thế kỷ XXI/** TS. Nguyễn Thị Hiền, ThS. Nguyễn Thị Tâm; ThS. Phạm Quỳnh An; ThS. Nguyễn Thanh Diên; TS. Nguyễn Mạnh Hoàng; TS. Nguyễn Thị Thuý Hạnh; ThS. Vũ Thị Mỹ Hạnh - Hà Nội - Viện Thông tin Khoa học Xã hội, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số khái niệm và thuật ngữ liên quan trong nghiên cứu văn học cổ đại, hiện đại, đương đại Trung Quốc; Thông tin nghiên cứu về văn học cổ đại Trung Quốc bao gồm: nghiên cứu chung về văn học cổ đại; nghiên cứu văn học thời Đường, Tống; nghiên cứu văn học thời Nguyên, Minh, Thanh. Thông tin nghiên cứu về văn học hiện đại Trung Quốc gồm: nghiên cứu lịch sử phát triển của văn học hiện đại

Trung Quốc; nghiên cứu văn học hiện đại Trung Quốc theo hướng liên ngành; nghiên cứu về một số nhà văn và tác phẩm văn học hiện đại Trung Quốc. Thông tin nghiên cứu về văn học đương đại Trung Quốc gồm: thông tin nghiên cứu chung về văn học đương đại Trung Quốc; thông tin nghiên cứu về thành tựu và đặc điểm sáng tác của một số nhà văn đương đại Trung Quốc. Thông tin nghiên cứu về tình hình nghiên cứu văn học Trung Quốc tại Việt Nam trong hai thập niên đầu thế kỷ XXI.

Số hồ sơ lưu: 22269

#### **60301. Triết học**

88335. 11-2023 **Nghiên cứu quan niệm về giá trị của thanh niên thế hệ Z/** TS. Nguyễn Tuấn Anh, ThS. Nguyễn Văn Quý; TS. Bùi Phương Thanh; TS. Đỗ Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Hoàng Sơn; TS. Đỗ Thị Lệ Hằng; ThS. Nguyễn Tuấn Dũng; TS. Đặng Thị Thanh Thảo; TS. Đỗ Thị Thanh Hương; ThS. Phạm Quốc Dân; TS. Phạm Đình Khuê; TS. Hồ Ngọc Châm; TS. Doãn Hồng Hà - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Thanh niên, 2023; 03/2022 - 02/2023. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận diện và cung cấp các thông tin về thực trạng quan niệm về giá trị của thanh niên thế hệ Z; trên cơ sở đó cung cấp thông tin mang tính khoa học cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Bí thư Trung ương Đoàn trong việc định hướng, giáo dục giá trị, tư tưởng, lối sống cho thanh niên cũng như làm cơ sở cho việc triển khai, xây dựng các chương

trình phong trào, hoạt động phù hợp với đặc điểm, nhu cầu, định hướng giá trị của thanh niên thế hệ Z, hướng đến hình thành thế hệ Gen Z hoàn thiện về nhân cách và nâng cao chất lượng phong trào công tác Đoàn, phong trào thanh thiếu nhi thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 22573

### **60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ**

88475. 11-2023 **Nghiên cứu nhận dạng mô hình Trung tâm đổi mới sáng tạo của một số quốc gia và đề xuất giải pháp cho Việt Nam/** ThS. Trần Vũ Tuấn Phan, ThS. Nguyễn Quốc Đạt; TS. Phạm Đức Quang; ThS. Nguyễn Lê Diệu Trang; ThS. Nguyễn Trà My; CN. Nguyễn Hữu Thăng; CN. Phương Hoàng Tú Lam; CN. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; Thân Thị Huệ; Nguyễn Thanh Hùng - Hà Nội - Trung tâm Dịch vụ khoa học và công nghệ, 2022; 06/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nhận dạng các mô hình trung tâm đổi mới sáng tạo (tổ chức, vận hành và phương thức nhà nước quản lý) của một số quốc gia trên thế giới. Phân tích thực trạng các mô hình trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Đề xuất giải pháp để phát triển và quản lý được hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Tìm kiếm, tổng hợp, thu thập và khảo sát thông tin về các mô hình trung tâm đổi mới sáng tạo của một số quốc gia trên thế giới về các nội dung (tổ chức, mô hình vận hành, phương thức nhà nước quản lý các trung tâm

đổi mới sáng tạo. Tổng hợp thông tin, khảo sát mô hình các trung tâm đổi mới sáng tạo và tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Đề xuất một số giải pháp để phát triển và quản lý hệ thống các tổ chức hỗ trợ đổi mới sáng tạo tại Việt Nam. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Việt Nam (Innovation Ecosystem).

Số hồ sơ lưu: 22284

88494. 11-2023 **Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng danh mục tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) phục vụ nền kinh tế tuần hoàn và đề xuất lộ trình thực hiện/** ThS. Đoàn Thị Thanh Vân, ThS. Đặng Thanh Huyền; CN. Trần Duy Tài; ThS. Đoàn Kim Oanh; KS. Ngô Minh Dương; ThS. Hà Thị Thu Trà; KS. Lương Hoàng Anh - Hà Nội - Viện Tiêu chuẩn Chất lượng Việt Nam, 2022; 01/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn để đề xuất, xây dựng danh mục và lộ trình thực hiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia phục vụ nền kinh tế tuần hoàn nhằm đáp ứng yêu cầu của quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội. Nâng cao vai trò, tính hiệu quả quản lý nhà nước của Bộ Khoa học công nghệ đối với hoạt động tiêu chuẩn hóa phục vụ nền kinh tế tuần hoàn, tập trung vào ba lĩnh vực: công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Đề xuất, xây dựng danh mục TCVN tập trung vào ba lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động áp dụng



tiêu chuẩn phục vụ nền kinh tế tuần hoàn.

Số hồ sơ lưu: 22206

88496. 11-2023 **Nghiên cứu xu thế chuyển dịch mô hình khu công nghệ cao của một số quốc gia và đề xuất hướng điều chỉnh mô hình khu công nghệ cao Hòa Lạc/ ThS. Nguyễn Quốc Đạt, ThS. Nguyễn Xuân Hòa ; CN. Nguyễn Hữu Thăng; TS. Phạm Đức Quang; ThS. Nguyễn Lê Diệu Trang; ThS. Trần Xuân Bách; Nguyễn Vũ Thao; Nguyễn Quốc Hùng; Nguyễn Thị Hồng Hạnh; Nguyễn Tiến Đạt - Hà Nội - Trung tâm Dịch vụ khoa học và công nghệ, 2022; 06/2021 - 05/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng hợp kinh nghiệm phát triển các Khu CNC trong nước (khu CNC thành phố HCM và khu CNC Đà Nẵng) và quốc tế (các khu CNC châu Á, châu Âu và châu Mỹ) nhằm cung cấp cơ sở lý luận và các bài học tham khảo cho phát triển Khu CNC Hòa Lạc Làm rõ thực trạng và điều kiện phát triển Khu CNC Hòa Lạc trên cơ sở các xu hướng phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ trong nước và quốc tế; thực trạng và chiến lược (quy hoạch) phát triển kinh tế-xã hội, khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Làm rõ những ưu điểm và những còn hạn chế của Khu CNC Hòa Lạc hiện nay (mô hình tổ chức, định hướng phát triển, phát triển hạ tầng...) trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng phát triển của Khu CNC Hòa Lạc. Đề xuất điều chỉnh mô hình hoạt động của Khu công nghệ cao Hòa Lạc

(bao gồm mô hình tổ chức và quản trị, phát triển cơ sở hạ tầng, định hướng phát triển và chính sách thu hút đầu tư) tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy nhanh hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư, vận hành có hiệu quả khu CNC Hòa Lạc nói riêng và các khu CNC trên cả nước.

Số hồ sơ lưu: 22199

### **60305. Nghiên cứu tôn giáo**

88396. 11-2023 **Tôn giáo, tín ngưỡng ở khu vực miền núi phía Bắc hiện nay/ TS. Hoàng Văn Chung, ThS. Trần Anh Châu; TS. Nguyễn Xuân Hùng; ThS. Trương Thúy Trinh; ThS. Nguyễn Văn Quý; PGS.TS. Nguyễn Thị Yên - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2022; 06/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)**

Khái quát về tôn giáo, tín ngưỡng khu vực miền núi phía bắc ở Việt Nam hiện nay. Tìm hiểu tôn giáo và tín ngưỡng trong đời sống xã hội ở khu vực miền núi phía Bắc của Việt Nam hiện nay. Qua đó nêu lên các vấn đề đang đặt ra hiện nay của tôn giáo, tín ngưỡng ở khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam và khuyến nghị với truyền thông.

Số hồ sơ lưu: 22607

88398. 11-2023 **Tôn giáo, tín ngưỡng ở khu vực Tây Nam bộ hiện nay/ TS. Nguyễn Thị Quế Hương, ThS. Phạm Thị Phương Anh; ThS. Hoàng Thị Thu Hường; ThS. Mai Thùy Anh; TS. Nguyễn Ngọc Mai; ThS. Vũ Thanh Bằng; TS. Phạm Thị Thủy Chung; ThS. Phạm Minh Phương; CN. Kim**

Thanh Sản - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2023; 06/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu một số vấn đề cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng ở khu vực Tây Nam Bộ thời gian qua. Chỉ ra đặc điểm của tôn giáo, tín ngưỡng ở Tây Nam Bộ. Nêu vai trò của tôn giáo, tín ngưỡng trong đời sống văn hóa - xã hội người dân vùng Tây Nam Bộ hiện nay. Đồng thời, nêu một số vấn đề đặt ra về tôn giáo, tín ngưỡng ở vùng này. Qua đó, đưa ra một số vấn đề cần lưu ý và khuyến nghị các nguyên tắc cần tuân thủ khi thông tin về tôn giáo, tín ngưỡng ở khu vực Tây Nam Bộ hiện nay

Số hồ sơ lưu: 22609

88399. 11-2023 **Người Công giáo Việt Nam giai đoạn 1954-1975/** TS. Ngô Quốc Đông, ThS. Phạm Thị Phương Anh; ThS. Nguyễn Thế Nam; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngoan; ThS. Đỗ Mai Phương; ThS. Phạm Quang Tùng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát tình hình Công giáo miền Bắc và miền Nam giai đoạn 1954-1975. Nghiên cứu đời sống tôn giáo của người Công giáo Việt Nam giai đoạn 1954- 1975. Tìm hiểu, phân tích ứng xử của người Công giáo Việt Nam với các vấn đề chính trị giai đoạn 1954-1975. Đồng thời phân tích những hoạt động của người Công giáo Việt Nam trên khía cạnh văn hóa, xã hội

Số hồ sơ lưu: 22602

88410. 11-2023 **Tinh thần yêu nước, gắn bó đồng hành cùng dân tộc của các tôn giáo ở Việt Nam/** TS. Ngô Quốc Đông, ThS. Nguyễn Thế Nam; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngoan; ThS. Chử Thị Kim Phương; TS. Nguyễn Xuân Hùng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2022; 06/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu biên soạn những vấn đề chung về tinh thần yêu nước, gắn bó đồng hành của các tôn giáo ở Việt Nam. Biên soạn những biểu hiện tiêu biểu của tinh thần yêu nước, gắn bó đồng hành cùng dân tộc của các tôn giáo ở Việt Nam trong lịch sử và hiện nay. Đồng thời, biên soạn quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về tôn giáo gắn bó đồng hành cùng dân tộc và đề xuất chủ trương phát huy tinh thần yêu nước, gắn bó đồng hành cùng dân tộc của tôn giáo ở Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 22608

88412. 11-2023 **Tôn giáo, tín ngưỡng ở khu vực Tây Nguyên hiện nay/** PGS. TS. Chu Văn Tuấn, ThS. Phạm Quang Tùng; ThS. Đỗ Duy Hưng; ThS. Nguyễn Văn Quý; ThS. Nguyễn Thị Trang; ThS. Trần Anh Châu; TS. Phạm Thị Thủy Chung; ThS. Phạm Minh Phương; ThS. Nguyễn Hữu Sử; ThS. Hoàng Thị Tuyết Thanh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2023; 06/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tình hình, đặc điểm của các tôn giáo, tín ngưỡng ở Tây Nguyên, cung cấp những kiến thức cơ bản về các tôn giáo, tín ngưỡng ở Tây Nguyên hiện nay. Đồng thời,

nghiên cứu vai trò, đóng góp của tôn giáo, tín ngưỡng trong đời sống văn hoá, xã hội ở Tây Nguyên hiện nay. Qua đó đưa ra một số vấn đề đặt ra đối với tôn giáo, tín ngưỡng ở Tây Nguyên hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22606

88414. 11-2023 **Tôn giáo ở Nam Bộ (Tịnh độ Cư sỹ Phật hội Việt Nam, Minh Lý đạo -Tam tông miếu và Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo)/** TS. Nguyễn Thị Quế Hương, ThS. Hoàng Thị Thu Hường; ThS. Mai Thùy Anh; TS. Nguyễn Ngọc Mai; TS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; ThS. Vũ Thanh Bằng; ThS. Nguyễn Văn Quý; ThS. Nguyễn Đăng Bản; ThS. Phạm Quang Tùng - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2022; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu làm rõ bối cảnh ra đời, lịch sử hình thành, quá trình phát triển của Tịnh độ cư sỹ Phật hội Việt Nam, Minh Lý đạo-Tam tông miếu và Giáo hội Phật đường Nam tông Minh sư đạo. Đồng thời, nghiên cứu làm rõ các hoạt động tôn giáo của ba tôn giáo này (hoạt động thuần túy tôn giáo và hoạt động hướng đến xã hội). Qua đó, nêu đặc điểm, vai trò của ba tôn giáo ở Nam Bộ đối với đời sống cá nhân, gia đình, cộng đồng người dân vùng Nam Bộ.

Số hồ sơ lưu: 22611

88416. 11-2023 **Đạo Bà La Môn trong cộng đồng người Chăm ở Việt Nam/** TS. Vũ Thị Thu Hà, ThS. Phạm Quang Tùng; PGS.TS. Chu Văn Tuấn; TS. Hoàng Văn

Chung; ThS. Hoàng Thị Thu Hường; ThS. Trần Thị Phương Anh; ThS. Mai Thùy Anh; Lê Xuân Lợi; ThS. Phạm Thị Phương Anh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu quá trình hình thành và phát triển của đạo bà la môn trong cộng đồng Chăm ở Việt Nam. Tìm hiểu những phương diện cơ bản của đạo Bà la môn trong cộng đồng Chăm ở Việt Nam. Phân tích và đánh giá các tương tác của cộng đồng Chăm theo đạo Bà la môn với các cộng đồng Chăm theo tôn giáo khác và với cộng đồng dân tộc khác; tìm hiểu quan hệ Việt Nam- Ấn Độ qua trường hợp đạo Bà la môn. Đồng thời nghiên cứu xu hướng biến đổi của đạo Bà la môn và tác động đối với cộng đồng Chăm hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 22610

88440. 11-2023 **Đạo Bà ni trong cộng đồng người Chăm ở Việt Nam: Hiện trạng và những vấn đề đặt ra/** TS. Nguyễn Bình, ThS. Đỗ Duy Hưng; ThS. Phạm Minh Phương; Đồng Thành Danh; TS. Trần Thị Minh Thu; ThS. Hoàng Thị Bích Ngọc; ThS. Nguyễn Thị Thanh Vân - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2023; 01/2021 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Tìm hiểu hiện trạng tôn giáo, tín ngưỡng trong cộng đồng người Chăm Bà ni ở Việt Nam qua các khía cạnh: lịch sử hình thành và phát triển; hiện trạng về cộng đồng, thực hành tôn giáo và thực hành tín ngưỡng; và những vấn đề đặt ra. Sử dụng phương pháp tổng hợp, phân

tích tài liệu thứ cấp để tập hợp các nguồn tài liệu liên quan đến đề tài; phân tích nội dung để phân loại theo các nhóm chủ đề về lịch sử hình thành, thực hành tôn giáo, giả thuyết về bản chất tôn giáo, v.v

Số hồ sơ lưu: 22620

### **60399. Các vấn đề của triết học và tôn giáo khác**

88443. 11-2023 **Phát huy giá trị của tôn giáo với việc xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay/** TS. Vũ Thị Thu Hà, ThS. Trần Thị Phương Anh; ThS. Nguyễn Văn Quý; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngoan; ThS. Phạm Thị Phương Anh; ThS. Chử Thị Kim Phương - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2023; 06/2022 - 12/2022. (Đề tài cấp Bộ)

Trình bày cơ sở để phát huy giá trị của tôn giáo nhằm xây dựng gia đình bền vững ở Việt Nam hiện nay. Trình bày một số giá trị cơ bản của tôn giáo góp phần nâng cao chất lượng gia đình ở Việt Nam. Phân tích vai trò của tôn giáo đối với việc xây dựng gia đình bền vững ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 22619

### **699. Khoa học nhân văn khác**

88345. 11-2023 **Nghiên cứu, biên soạn tài liệu bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ cho Trưởng khu dân cư ở tỉnh Phú Thọ trong tình hình mới./** ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương, ThS. Nguyễn Văn Nhạ; ThS.

Hà Thị Như Huế; ThS. Đặng Tân Lập; ThS. Nguyễn Việt Hòa; ThS. Nguyễn Thị Hoa Mỹ; ThS. Lê Thị Lệ Huyền; ThS. Ngô Thị Lan Hương; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; ThS. Trần Kiên Cường - Phú Thọ - Trường Chính Trị tỉnh Phú Thọ, 2022; 03/2021 - 02/2023. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng công tác bồi dưỡng Trưởng khu dân cư và chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trưởng khu dân cư trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015 – 2021. Tổ chức thực nghiệm, đánh giá hiệu quả và hoàn thiện Bộ tài liệu bồi dưỡng lý luận và nghiệp vụ cho Trưởng khu dân cư ở tỉnh Phú Thọ: Tập huấn cho các đối tượng tham gia thực nghiệm, tổ chức thực nghiệm: Đánh giá kết quả giảng thực nghiệm, hoàn thiện Bộ tài liệu bồi dưỡng lý luận, nghiệp vụ cho Trưởng khu dân cư ở tỉnh Phú Thọ trong tình hình mới. Tổ chức thực nghiệm, đánh giá hiệu quả và hoàn thiện Bộ tài liệu bồi dưỡng lý luận cho Trưởng khu dân cư ở tỉnh Phú Thọ: Tổ chức hội nghị đánh giá kết quả giảng thực nghiệm (Kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân). Thực hiện chỉnh sửa, hoàn thiện Bộ Tài liệu.

Số hồ sơ lưu: PTO - 2023 - 05

**Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**1. Tên thủ tục hành chính:** Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

**2. Trình tự thực hiện:**

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục

Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

### **3. Cách thức thực hiện:**

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

### **4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ**

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

**5. Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

**8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**9. Lệ phí:** Không.

**10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.
- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

**13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:**

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ - Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024-3934-9116; Fax: 024-3934-9127.

Email: [quanly@vista.gov.vn](mailto:quanly@vista.gov.vn)

*\* Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 024-3934-9119*